

Hội tập Kinh: Đại lão Cư sĩ Hạ Liên Cư
Chủ giảng: **Lão pháp sư TỊNH KHÔNG**
(Lần giảng thứ 10 - Năm 1998)

THUYẾT GIẢNG
PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA
VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

TẬP 1
(VCD 001-VCD 010)



Cẩn dịch: **Vọng Tây Cư sĩ**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Phật Lịch 2559-Dương Lịch 2015

MỤC LỤC

TIỂU SỬ LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG	11
TIỂU SỬ LÃO CƯ SĨ HẠ LIÊN CƯ	23
LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG VÀ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ	32
LỜI MỞ ĐẦU	35
PHẦN I: MỞ ĐẦU	39
(VCD 001)	39
PHẦN II: ĐỀ KINH	43
“Phật, Thuyết, Đại Thừa, Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác Kinh”	43
Thứ nhất là chữ: “Phật”	43
Tự giác	44
Giác tha	46
Giác hạnh viên mãn.	48
Thứ hai là chữ: “Thuyết”	48
“Thành Phật” và “Không thành Phật” thì không như nhau hay sao?	50
Cái gì gọi là duyên?	54
Thứ ba là chữ: “Đại thừa”	61
Pháp Nhất Thừa là gì?	62
Ba thừa, hai thừa là gì?	62

(VCD 002)	65
Thứ tư là chữ: “ <i>Vô Lượng Thọ</i> ”	66
Cái gì là <i>Vô Lượng</i> ?	66
“ <i>Quang</i> ” là gì?	68
“ <i>Thọ</i> ” là gì?	68
Thứ năm là chữ: “ <i>Trang Nghiêm</i> ”	69
Diệu Độ là chỉ gì vậy?	70
Mục đích học Phật là gì?	75
Thế nào là <i>Vô Lượng Thọ</i> ?	76
Nghịệp chương là gì?	76
Thứ sáu là chữ: “ <i>Thanh Tịnh</i> ”	77
“Không luận gia tri” là cái ý như vậy?	81
Hoa khai kiến Phật là địa vị thế nào?	81
Bồ Tát A Duy Việt Chí là gì?	82
Thứ bảy là chữ: “ <i>Bình Đẳng Giác</i> ”	87
Sau cùng là chữ “ <i>Kinh</i> ”	90
PHẦN THỨ III: CHÁNH KINH	91
(VCD 003)	91
PHẨM THỨ NHẤT: PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG	91
CHÁNH KINH: “Nhu thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu”	91

Thứ nhất: “Nhu thị ngũ văn”	91
Vì sao “Tâm” và “Tánh” đều là Phật?.....	95
Tâm tánh rốt cuộc là như thế nào vậy?	96
“Thị tâm tác Phật” :	98
Thứ hai: “Nhất thời”	99
Ba thời này là gì vậy?	100
Cái gì gọi là ba tâm?	100
Vì sao có hai ý?.....	101
“Nhất thời” là gì?	101
Thứ ba: “Phật”	103
Thứ tư: “Tại Vương Xá Thành, Kỳ Xà Quật sơn trung”	103
Thứ năm: “Dữ đại tỳ kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu”	104
CHÁNH KINH: “Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt”	105
Cách nói Đại thánh cùng Tiểu thánh.	105
“Tiểu thánh”	105
“Đại thánh”	106
CHÁNH KINH: “Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan đấng, nhi vi thượng thủ”	109
Thứ nhất: Tôn giả Kiều Trần Như	110
Thứ hai: Tôn giả Xá lợi Phất	112
Thứ ba: Tôn giả Mục Kiền Liên	112
Thứ tư: Tôn Giả Ca Diếp	113
Thứ năm: Tôn Giả A Nan	114

CHÁNH KINH: “Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát”	115
Thứ nhất: <i>Bồ Tát Phổ Hiền</i>	115
Thứ hai: <i>Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi</i>	116
Thứ ba: <i>Bồ Tát Di Lặc</i>	116
CHÁNH KINH: “ Cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội ”	118
(VCD 004)	119
Vậy Đại thiên thế giới là gì?	119
Núi Tu Di rốt cuộc là cái gì?.....	120
PHẨM THỨ HAI: ĐỨC TUÂN PHỔ HIỀN.....	123
CHÁNH KINH: “Hựu Hiền Hộ đấng thập lục Chánh Sĩ, sở vị: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyệt Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, nhi vi Thượng Thủ”	123
Thứ nhất: “ <i>Hiền Hộ Bồ Tát</i> ”	127
“ <i>Hiền Hộ</i> ” là gì?.....	132
Mời pháp sư như thế nào vậy?.....	138
(VCD 005)	144

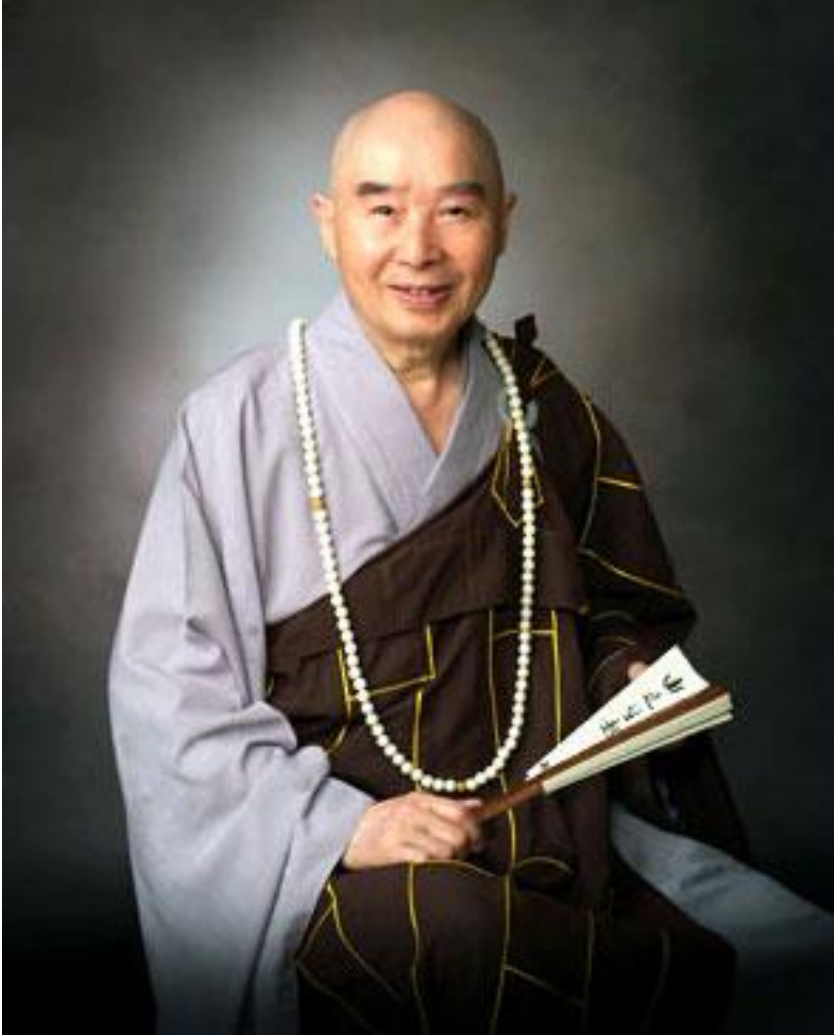
Hiền Hộ đặc biệt đối với chính chúng ta.	152
Những gì là “ <i>Tà sư</i> ” vậy?	158
Tứ Hoằng Thệ Nguyện.	162
Nguyện thứ nhất: “ <i>Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ</i> ”.162	
Nguyện thứ hai: “ <i>Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn</i> ”.163	
Nguyện thứ ba, thứ tư:	
“ <i>Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.</i>	
“ <i>Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành</i> ”.	165
Bồ Tát Di Lặc.	173
Tứ Đại thiên Vương.	175
Thứ nhất, Đông Phương Thiên Vương.	175
(VCD 006)	177
Thứ hai, Nam Phương Thiên Vương.	177
Thứ ba, Tây Phương Thiên Vương.	180
Thứ tư, Bắc Phương Thiên Vương.	181
Hộ Pháp Thiên Vương.	184
Thứ hai: “ <i>Thiện Tư Duy Bồ Tát</i> ”	193
Một là: “ <i>Thiện Tư Duy</i> ” chính là biết ân, báo ân.	194
Hai là: Nhất định phải nhớ nghĩ chúng sanh khổ.	195
Ba là: Thường nghĩ chính mình nghiệp chướng sâu nặng.	204
(VCD 007)	205
Cái gì gọi là “ <i>Thiện</i> ”?	209

Cái gì là chân như pháp tánh?	209
“Đốn luân tận phận, nhàn tà tồn thành”	209
Sao gọi là “Đốn Luân”?	210
“Tận phận” là gì?	210
Ai là thầy giáo tốt của bạn?	212
Thiện tri thức ở đâu?	213
“Nhàn tà, tồn thành” là gì?	215
Thứ ba: “Huệ Biện Tài Bồ Tát”	220
Thứ tư: “Quán Vô Trụ Bồ Tát”	226
“Quán” là gì?	227
Thế nào gọi là không dùng tâm ý thức nào?	228
Vì sao nhất định phải “Vô trụ” vậy?	229
Huệ là gì vậy?	231
Sinh tâm gì vậy?	233
Trải sự luyện tâm là gì vậy?	235
(VCD 008)	237
Thứ năm: Thần Thông Hoa Bồ tát	240
Một là: “Thông”	242
Hai là: “Thần”	242
Ba là: “Hoa”	242
Thứ sáu: Quang Anh Bồ Tát	244
Thế nào là đạo tràng chân thật đúng pháp?	250
Làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng?	257

Thứ bảy: <i>Bảo Tràng Bồ Tát</i>	259
(VCD 009)	262
Thứ tám: <i>“Trí Thượng Bồ Tát”</i>	264
Duyên phận gì vậy?	264
Vậy cái gì gọi là “Thiện căn”?	265
Cái gì gọi là “Phước đức”?	265
“Thánh” ý nghĩa là gì vậy?	268
Thứ chín: <i>“Tịch Căn Bồ Tát”</i>	273
Thứ 10, 11, 12: <i>“Tín Huệ Bồ tát, Nguyện Huệ Bồ tát, Hương Tượng Bồ tát”</i>	281
Làm thế nào để lập tức thành Phật?	282
Một là <i>“Tín”</i>	282
Hai là <i>“Nguyện”</i>	290
Ba đường ác là tội nghiệp gì?	291
Ai không đọa ba đường?	292
(VCD 010)	293
Ba là: <i>“Hạnh”</i>	293
Bốn là: <i>“Hương Tượng”</i>	296
Thứ 13: <i>“Bảo Anh Bồ Tát”</i>	297
Thứ 14: <i>“Trung Trụ Bồ Tát”</i>	298
“Tịnh niệm” là gì?	299
“Tức Niệm Ly Niệm”	302

“Vô duyên đại từ”	304
“Đồng Thể Đại Bi”	304
Thứ 15: “ Chế Hành Bồ Tát ”	304
Một là chữ: “Hành.	304
Hai là chữ: “Chế”?	304
Thứ 16: Sau cùng “ Giải Thoát Bồ Tát ”	305
“Giải Thoát”	305
Ba là chữ: “Giải”	305
Bốn là chữ: “Thoát”.	306
Câu cuối là: “ Nhi Vi Thượng Thủ ”	312
CHÁNH KINH: “Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức”	313
Nguyên thứ nhất: “ <i>Lễ kính chư Phật</i> ”	315
Chư Phật là ai?	316
Chú giải:	321

TIỂU SỬ
LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG
(Chủ giảng: Kinh Vô Lượng Thọ)



Lão Pháp Sư thượng Tịnh hạ Không, thế danh là Từ Nghiệp Hồng, Ngài sanh tháng 2 năm 1927, tại huyện Lu Giang tỉnh An Huy Trung Quốc.

Thời thiếu niên Ngài học ở trường trung học Quốc Lập thứ ba và trường trung học Nam Kinh Thị Lập thứ nhất.



Năm 1949 Ngài đến Đài Loan, phục vụ ở Thất Tiến Học Xã, lúc có thì giờ Ngài nghiên cứu học tập kinh sử triết học. Năm 26 tuổi bắt đầu học Phật ăn trường chay, đầu tiên cầu học với nhà triết học giáo sư Phương Đông Mỹ.

Kế đến theo học với cao tăng Mật Tông Đại Sư Chương Gia 3 năm. Sau cùng đến Đài Trung cầu pháp với nhà Phật học Lão Cư Sĩ Lý Bình Nam 10 năm, tổng cộng học tập Phật Pháp 13 năm. Ngài tinh thông kinh luận của các tông phái Phật Giáo và học

thuyết của những tôn giáo khác như Nho, Đạo, Cơ Đốc, Islam v.v., đặc biệt là đối với Tịnh Độ Tông Phật Giáo tận tâm tận lực chuyên tu chuyên hoằng, được thành tựu rất là huy hoàng.

Năm 1959, vào năm 33 tuổi, Ngài được thế độ ở chùa Lâm Tế vùng Viên Sơn thành phố Đài Bắc, pháp danh là Tịnh Giác, pháp tự là Tịnh Không. Sau khi thọ giới cụ túc Ngài đi khắp nơi giảng kinh thuyết pháp ở Đài Loan và các nước trên thế giới. Trước sau đã giảng giải như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Tịnh Độ Ngũ Kinh (Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện), Kinh Kim Cang, Kinh Địa Tạng, Kinh Phạm Võng, Kinh Nhân Vương, Kinh Đại Bát Nhã Cương Yếu, Bát Nhã Tâm Kinh, Kinh Bát Đại Nhân Giác, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Thù Thắng Chí Lạc, Kinh Đương Lai Biến, Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Kinh Kiết Hung, Lục Tổ Đàn Kinh, Sa Di Luật Nghi Yếu Lược, Đại Thừa Khởi Tín Luận, Vãng Sanh Luận, Đại Trí Độ Luận, Bách Pháp



Minh Môn Luận, Duy Thức Nghiên Cứu, Bát Thức Quy Củ Tụng, Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, Phật Giáo Tam Tạng kinh điển mấy mươi bộ. Ngoài ra, Ngài còn giảng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Liễu Phàm Tứ Huấn, còn có chương trình Nhân Ái Hòa Bình Giảng Đường, giảng kinh thuyết pháp 40 mấy năm chưa từng gián đoạn, hiện nay có phát hành nhiều loại băng giảng cassette, băng giảng video, đĩa CD - MP3, đĩa VCD - DVD, có đến mấy ngàn tập. Cho đến nay mỗi ngày 4 tiếng đồng hồ ở trong phòng ghi hình giảng Kinh Hoa Nghiêm, vui với kinh pháp, chưa hề mỏi mệt.

Năm 1960, Ngài được mời làm giảng sư ở Tam Tạng Học Viện chùa Thập Phổ thành phố Đài Bắc.



Năm 1961, nhận lời đảm nhiệm ủy viên hoằng pháp và ủy viên văn hiến của Hội Phật Giáo Trung Quốc.

Năm 1965, đảm nhiệm ủy viên thiết kế của Hội Phật Giáo Trung Quốc.

Năm 1972, đảm nhiệm tổng chủ giảng Đại Chuyên Phật Học Giảng Tọa của Hội Phật Giáo Trung Quốc.

Năm 1973, đảm nhiệm Viện Nghiên Cứu Phật Học Viện Học Thuật Trung Hoa, giáo thọ ủy viên biên dịch Hội Chủ Thích Kinh Phật Ngữ Dịch Đài Loan.

Năm 1975, đảm nhiệm làm giáo thọ Văn Hóa Đại Học Triết Học Hệ Trung Quốc, và giáo thọ Thiên Chúa Giáo Đông Á Tinh Thần Sinh Hoạt Nghiên Cứu Tập Sở.



Năm 1977, đảm nhiệm viện trưởng Viện Nội Học Trung Quốc.

Năm 1979, đảm nhiệm viện trưởng Viện Tịnh Độ Thật Tiển Trung Quốc. Ngài trước sau sáng lập Hội Hoa Tạng Pháp Thí, Thư Viện Thị Thính Phật Giáo Hoa Tạng, Hội Gây Quỹ Phật Đà Giáo Dục, Tịnh Tông Học Hội Hoa Tạng v.v..., tổ chức Phật Giáo Giáo



Dục và mấy chục ngôi đạo tràng chuyên tu chuyên hoằng pháp môn tịnh độ. Ngài là người tiên phong trong việc sử dụng hệ thống truyền thanh, đài truyền hình, truyền hình vệ tinh, mạng lưới thông tin toàn cầu, dùng phương tiện truyền thông hiện đại để truyền bá chánh pháp, đẩy mạnh nền giáo dục của Phật Đà.

In Đại Tạng Kinh miễn phí biểu tặng, ấn tống những loại sách thiện của nhà Nho, như Tứ Thư Ngũ Kinh, An Sĩ Toàn Thư, Liễu Phàm Tứ Huán v.v... Những loại sách này khuyên người đoạn ác tu thiện, nâng cao phẩm chất lương thiện, khôi phục lại tâm tánh, đề xướng đạo đức, cải thiện phong hóa xã hội, hoằng dương kinh sách và tạo ra âm tượng có liên quan văn hóa truyền thống của Trung Quốc.

Mấy
chục năm nay
đã ấn tống các
loại kinh luận
sách thiện lên
đến hơn 10
triệu cuốn, còn
in rất nhiều
hình chư Phật
Bồ Tát và lịch



đại Tổ Sư Đại Đức mấy triệu tấm, các loại máy niệm Phật, băng niệm Phật, biểu tặng lưu thông trên toàn

thế giới.

Năm 1977, Ngài bắt đầu nhận lời mời thuyết giảng ở hải ngoại đầy mạnh mẽ nền giáo dục của Phật Đà. Chỉ rõ phương châm nền giáo học của Đại Thừa chủ yếu là phá trừ mê tín, phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, khai phát chân trí huệ, khiến cho xã hội đại chúng hiểu rõ chân vọng, chánh tà, đúng sai, thiện ác, lợi hại, để xây dựng lý trí, đại giác, phán phát, tiến thủ, lạc quan, tạo một lý tưởng nhân sanh quan vũ trụ quan, thì mới có thể giải quyết được tất cả khổ nạn của chúng sanh, đạt được mục tiêu giáo dục hạnh phúc chân thật vĩnh hằng, cứu cánh viên mãn.

Vì muốn để cho cái lý tưởng này thực hiện được, nên Ngài trước sau ở Đài Loan, Hồng Kông, Tân Gia Ba, Mã Lai Á, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Úc Đại Lợi, Tây Ban Nha, Anh Quốc v.v... đề xướng chỉ đạo thành lập có hơn 50 mấy ngôi đạo tràng Tịnh Tông Học Hội, đảm nhiệm chức vụ cố vấn hoặc đạo sư của mấy chục đoàn thể Phật Giáo và đoàn thể xã hội. Cùng năm, Ngài còn đề xướng chỉ đạo cho con cháu người Trung Hoa khắp trên thế giới nên xây dựng Trung Hoa Dân Tộc Bá Tánh Tông Từ (đền thờ tổ tông), hy



vọng cách giáo hóa này, khiến cho mọi người đều biết Thành, Tín, Trung, Kính, Hiếu Đạo, Luân Thường Đạo Lý, Thuần Phong Mỹ Tục, Hưng Long Quốc Vận, Thực Hiện Thái Bình. Ngài cũng nghĩ rằng Văn Ngôn Văn (cổ văn), là quá khứ, hiện tại, vị lai, ba đời cùng chung thông dụng ngôn ngữ văn tự, văn hóa Trung Hoa rất độc đáo khác thường, là một nền văn hóa trên thế giới phát minh vĩ đại nhất cũng là mấy ngàn năm bảo tàng trí huệ của nhân loại, cùng với người hiện đại kết tinh thành một thể. Mỗi một người là con cháu của Viêm Hoàng (tổ tiên của người trung hoa), đều phải có trách nhiệm nghĩa vụ đem nền văn hóa này tiếp tục truyền thừa, phát dương quang đại.

Năm 1985, Ngài di cư sang Hoa Kỳ, thời gian Ngài hoằng pháp trên đất Mỹ, do bởi Ngài có sự liên hệ đoàn kết với các chủng tộc, xã hội được an hòa, nâng cao phương diện đạo đức, có sự cống hiến rất nổi bật, tháng 8 năm 1995, Ngài được tiểu bang Texas nước Mỹ phong tặng Công Dân Danh Dự của tiểu bang, và thành phố Dallas cũng phong tặng Công Dân Danh Dự của thành phố. Thời gian hoằng pháp ở đây, đã từng được mời đi giảng ở trường Đại Học Lý Công Tân Gia Ba, trường Đại Học tiểu bang Maine nước Mỹ, trường Đại Học Deanza-College tiểu bang Texas, trường Đại Học Hawaii, và các trường Đại Học ở Úc Châu như Melbourne, Sydney, Queensland

v.v... Ở các nước á châu như trường Đại Học Phụ Nhân Đài Loan, trường Đại Học Văn Hóa Trung Quốc, trường Đại Học Thành Công, trường Đại Học Trung Sơn v.v... và đài truyền thanh, trên đài truyền hình thì có chương trình thuyết giảng Phật học chuyên giảng đề tài. Ngài đi đến nơi nào thuyết giảng thì có rất nhiều thính chúng lắng nghe pháp âm, pháp duyên của Ngài rất thù thắng, được tứ chúng đệ tử hết lòng ủng hộ.

Tháng 5 năm 1995, được sự chỉ đạo của Ngài, Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Tân Gia Ba và Tịnh Tông Học Hội liên kết sáng lập Lớp Bồi Huấn Nhân Tài Hoàng Pháp, và chỉ dạy công việc giáo học hằng ngày.

Tháng 5 năm 1998, ở Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Tân Gia Ba bắt đầu tuyên giảng Kinh Hoa Nghiêm, cũng đồng thời tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ.

Từ năm 1998, ở Úc Châu và Tân Gia Ba hai nơi này tích cực đẩy mạnh lý niệm văn hóa đa nguyên, xúc tiến hòa bình, xã hội an định. Ngoại trừ ra ở Tân Gia Ba chủ động đi thăm viếng các đoàn thể Tôn giáo và trợ giúp sự nghiệp từ thiện xã hội, ở Úc Châu tham gia diễn đàn tôn giáo, trợ giúp trường Đại Học Griffith thành lập Trung Tâm Văn Hóa Đa Nguyên, và trường Đại Học Queensland thành lập Học Viện Nghiên Cứu Giải Quyết Xung Đột và Hòa Bình.

Tháng 5 năm 2000, nhận lời mời của Cục Tôn Giáo Trung Quốc, Ngài cùng với những vị lãnh tụ của 9 đại tôn giáo Tân Gia Ba, đi thăm viếng các đại đoàn thể tôn giáo Trung Quốc, xây dựng mối quan hệ thân thiện.

Tháng 1 năm 2001, bắt đầu ở Úc Châu dự bị xây dựng Tịnh Tông Học Viện, để bồi dưỡng trau dồi càng nhiều nhân tài Phật Giáo cho hàng hậu học. Ngài hiện cư ngụ tại Úc Châu, ngoại trừ mỗi ngày 4 tiếng đồng hồ ở trong phòng ghi hình tuyên giảng Kinh Hoa Nghiêm, cũng thường đi Hồng Kông và Tân Gia Ba hoằng pháp.

Tháng 5 năm 2002, được trường Đại Học Griffith mời làm Giáo Sư Danh Dự, tháng 6 được trường Đại Học Queensland mời làm Giáo Sư Khách Tọa, và được thành phố Toowoomba phong tặng Công Dân Danh Dự của thành phố.

Giữa tháng 8 năm 2002, được trường Đại Học Griffith phong tặng Tiến Sĩ Danh Dự.



Tháng 7 năm 2003, với chức phận Giáo Sư đại biểu trường Đại Học Griffith đến Thái Lan tham gia Hội Nghị Thế Giới Hòa Bình Liên Hiệp Quốc.

Tháng 4 năm 2004 được trường Đại Học Queensland Úc Châu phong tặng Tiến Sĩ Danh Dự.

Tháng 6 năm 2004, bộ tôn giáo Indonesia tổ chức thành đoàn phỏng vấn lãnh tụ tôn giáo, thỉnh mời Ngài làm Cố Vấn Danh Dự, đi thăm viếng Ai Cập, Ý Đại Lợi và Vatican, nhờ vào thông qua tôn giáo giao lưu tiến đến tìm hiểu với nhau, cùng xây dựng ý thức chung.

Tháng 8 năm 2004, được trường Đại Học Châu Lập Islam Giáo Indonesia phong tặng Tiến Sĩ Danh Dự.

Tháng 8 năm 2004, được mời tham gia Hội Nghị Quốc Tế do Liên Hiệp Quốc Giáo Khoa Văn tổ chức cử hành tại Okayama Nhật Bản, và phát biểu chuyên giảng đề tài.

Tháng 6 năm 2005, do bởi Ngài tích cực đẩy mạnh nền văn hóa đa nguyên, tôn giáo hòa hài, liên hệ đoàn kết chủng tộc và nỗ lực công việc giáo dục thế giới, được Nữ Hoàng Anh Quốc ban tặng Huân Chương AM.



Việt dịch: Pháp Sư Minh Nhân
Ban biên tập: www.thondida.com

TIỂU SỬ
ĐẠI LÃO CƯ SĨ HẠ LIÊN CƯ
(1884 - 1965)



Đại lão cư sĩ Hạ Liên Cư
(Người hội tập Kinh Vô Lượng Thọ
đứng tự tại Niệm Phật vãng sanh.)

Lão cư sĩ Hạ Kế Tuyên, tự Phổ Trai, hiệu Cừ Viên; khi ty nạn tại Nhật Bản, lấy tên là Hạ Tuyên, khi về nước đổi thành Liên Cư, biệt hiệu là Nhất Ổng.

Hạ lão cư sĩ là người Vận Thành, tỉnh Sơn Đông, là con trưởng của quan đề đốc hai tỉnh Vân Nam – Quý Châu triều Thanh là cụ Hạ Tân Dậu, thụy hiệu Tráng Vũ Công. Hạ lão cư sĩ sinh ngày 20 tháng Ba năm 1884 (tức ngày 23 tháng Hai năm Giáp Thân) tại Vu Điền, Tân Cương. Về già, cụ sống tại Bắc Kinh; đến ngày 14 tháng 12 năm 1965 (tức ngày 22 tháng 11 năm Ất Tỵ), cụ không bệnh mà mất, trụ thế 82 năm.

Sinh bình, cụ Hạ từng giữ các chức vụ tri châu tỉnh Trực Lệ, tri huyện Tịnh Hải, tri phủ Giang Tô, đoàn luyện phó đại thần tỉnh Sơn Đông. Sau cách mạng Tân Hợi (1911), cụ Hạ được cử giữ chức hội trưởng hội Liên Hiệp Các Giới tỉnh Sơn Đông để tuyên cáo tỉnh Sơn Đông độc lập. Khi chế độ Dân Quốc được thành lập, cụ được mời giữ chức cố vấn tối cao cho phủ Đề Đốc tỉnh Sơn Đông, kiêm nhiệm các chức bí thư trưởng, tham mưu trưởng v.v... Năm 1916, cụ được mời giữ chức bí thư trưởng phủ Tổng Thống. Năm 1918, được bầu làm nghị viên Quốc Hội, đảm nhiệm chức giám đốc viện bảo tàng Tề Lỗ Kim Thạch Họa Thư Quán, đồng thời làm lâm trưởng của Sơn Đông Phật Giáo Cư Sĩ Lâm. Năm 1920, cụ giữ chức Giám Vận Sứ tỉnh Sơn Đông, tận lực bài trừ những tệ đoan lâu đời trong việc đánh thuế muối, được dân chúng khen ngợi khôn cùng. Năm 1921, cụ từ chức để trừ bị kế hoạch lập đại học Điền Phụ và đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng trường Đông Lỗ.

Năm Ất Sửu (1925), đề đốc Trương Tông Xương, lãnh tụ quân phiệt ở Sơn Đông, vu khống cụ Hạ tội tuyên truyền tư tưởng Cộng Sản rồi ra lệnh tập nã nên cụ phải lánh qua qua Nhật. Trong thời gian ở Nhật, cụ giao du thân thiết với các nhân sĩ thuộc giới nghệ thuật, văn hóa hay tôn giáo như các ông Đăng Hồ (người tỉnh Hồ Nam), Thủ Dã Hỷ Trục v.v... Lại còn có các ông Cát Xuyên Hạnh Thứ Lang, Thương Thạch Vũ Tứ Lang và ông Kim Cửu Kinh người Triều Tiên đến cầu học với cụ Hạ. Hai năm sau, cụ Hạ trở về nước, dưỡng bệnh ở vùng Thiên Tân - Đại Cô. Năm 1932, chuyển đến sống ở Bắc Kinh, chuyên tâm nghiên cứu, hoằng dương Phật pháp. Trong thời gian này, ông Hà Tư Nguyên, cũng là người tỉnh Sơn Đông, được cử làm thị trưởng Bắc Bình, thường đến thảo luận, nghiên cứu Phật pháp với cụ Hạ. Các vị như Hoàng Niệm Tổ (chuyên viên thâm phát sóng thuộc cục phát thanh trung ương Bắc Bình – Thiên Tân, kiêm trưởng đài phát thanh Bắc Bình), Tề Xương Đỉnh (phó trưởng đài) v.v... đều đến học Phật với cụ.

Năm 1939, cùng với Hiện Minh trưởng lão, phương trượng chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh, cư sĩ Cận Dục Thanh (Vân Bằng) sáng lập Tịnh Tông Học Hội, lấy ngày khánh đản Đại Thế Chí Bồ Tát làm ngày kỷ niệm sáng lập hội, với tông chỉ: “Nghiên cứu kinh điển Đại Thừa, phát dương tinh thần Phật giáo. Lấy

tín nguyện trì danh để nhập Di Đà Nguyện Hải”. Tổ chức này không có một cơ cấu quản trị trung ương mà chỉ hoạt động dựa trên tinh thần tự giác cộng tu của các đoàn viên, lấy việc hoằng dương Tịnh Độ làm sự nghiệp chính. Hiện thời cố vấn giáo đạo là Hòa Thượng Tịnh Không.

Thoạt đầu, Tịnh Tông Học Hội chỉ tổ chức các khóa Phật thất mỗi năm vài lượt tại các chùa Quảng Tế, Hiền Lương, Niêm Hoa, Cực Lạc Am và trường tiểu học Từ Đức cũng như cung thỉnh các vị cao tăng đại đức, cư sĩ hữu danh luân phiên diễn giảng. Năm 1945, cụ Hạ cùng các nhân sĩ thuộc Bắc Hải Đoàn tổ chức pháp hội tiêu tai cầu nguyện hòa bình vào đúng ngày thánh đàn Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, kéo dài suốt bảy ngày, quy tụ cả vạn người tham dự.

Sau khi Trung Hoa rơi vào tay Mao Trạch Đông, các tự miếu bị đàn áp, kiểm soát nặng nề, nhưng Tịnh Tông Học Hội vẫn kiên trì duy trì những pháp hội “bỏ túi” dù không còn có cơ hội tổ chức các Phật thất cộng tu như trước năm 1949 nữa. Chính nhờ sự hoằng pháp liên tục âm thầm của Tịnh Tông Học Hội tại Hoa Lục, Phật giáo Trung Hoa vẫn bảo tồn được nguyên khí và có dịp phục hưng sau khi cơn đại họa Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt.

Cụ Hạ là người rất ham học, tính tình nghiêm cẩn, thông tuệ hơn người, thường hay quên ăn bỏ

ngủ đọc sách. Có những lúc dù chính sự bề bộn, cụ vẫn không hề xao nhãng việc học. Lúc trẻ, cụ chú trọng từ chương, thông đạt các học thuyết Tống Nho, Lão Trang, nhưng càng lớn tuổi, cụ càng chuyên tâm nghiên cứu nội điển nhà Phật. Do vậy, sự hiểu biết của cụ về thế học lẫn Phật học rất quảng bác. Trước tác của cụ gồm đủ thể loại, các bài thơ của cụ được các văn đàn khen ngợi nồng nhiệt. Nhà xuất bản Nhân Dân từng dự định ấn hành di thảo Cừ Viên Ngoại Biên Thập Chung của cụ, nhưng Cách Mạng Văn Hóa nổ ra khiến cho dự án này bị bỏ phế. Cụ Hạ cũng là một nhà nghiên cứu có tiếng về văn hóa, nhất là thư họa, cổ vật, khả năng giám định các cổ vật của cụ được giới nghiên cứu đánh giá rất cao.

Về mặt Phật học, cụ Hạ được đại chúng khâm ngưỡng sâu xa vì trình độ Phật học uyên thâm, đức hạnh nghiêm cẩn, điềm đạm, chuyên chí hoàng dương Phật pháp thật mạnh mẽ, sâu rộng. Phật giáo đồ Hoa Lục thường lưu truyền câu: “Nam Mai, Bắc Hạ”; nghĩa là: trong giới cư sĩ hoàng truyền Phật pháp nổi tiếng nhất thì ở miền Nam là cụ Mai Quang Hy (cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ), miền Bắc là cụ Hạ Liên Cư. Sau khi quy y thọ giới nơi Huệ Minh Pháp Sư ở An Khánh, cụ Hạ không những cầu học với Huệ Minh Trưởng Lão, tự học nội điển, mà còn tham học rộng rãi với các bậc kỳ túc thạc đức trong các tông phái, kể cả những bậc thạc đức Phật giáo

Nhật Bản. Cụ Hạ thông hiểu thông suốt ba tông Thiên, Tịnh, Mật, nhưng vẫn quy hướng Tịnh Độ, lấy việc hoằng dương Tịnh Tông làm lẽ sống. Dù từng bao lượt thăng pháp tòa dạy pháp cho cả Tăng lẫn tục, bao Tăng Ni nhờ Hạ lão cư sĩ khai ngộ bỏ tục xuất gia, suốt đời cụ Hạ luôn khiêm cung, giữ lễ độ tử tế gia đối với các bậc tôn túc trong Phật Môn. Những người theo học với cụ thường suốt đời kính mộ, coi cụ Hạ như một bậc Đại Sĩ tại gia Bồ Tát. Đề tài diễn giảng của cụ rất rộng, bao gồm phần lớn những kinh luận chủ yếu của Phật Giáo Đại Thừa, nhưng mỗi bài diễn giảng đều quy dẫn về Tịnh Nghiệp. Rất tiếc, phần lớn những biên thuật, trứ tác của Hạ lão cư sĩ bị hủy mất dưới tay những Hồng Vệ Binh điên cuồng hô hào “bài trừ văn hóa phản động, triệt để đập tan những tư tưởng xét lại, phong kiến, bợ đỡ Tây Phương” trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa tại Hoa Lục.

Cụ Hạ được Phật giáo đồ Trung Hoa ở hải ngoại biết đến nhiều nhất nhờ công trình hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Trong thời gian yểm quan tuyệt khách tại Thiên Tân khi từ Nhật Bản trở về nước, cụ Hạ chuyên tâm hội tập năm bản dịch Vô Lượng Thọ của các đời Ngô, Ngụy, Hán, Đường, Tống, trong suốt ba năm chẳng nghỉ, thiên tâm vạn chúc, soạn thành bản hội tập hoàn chỉnh của kinh Vô Lượng Thọ mang tên Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm

Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, được tứ chúng hải nội, hải ngoại tán dương là bản hội tập công phu xuất sắc nhất. Hiện thời, đa phần các hành giả Tịnh Độ Trung Hoa dùng bản hội tập này làm khóa tụng. Tịnh Tông Học Hội của pháp sư Tịnh Không chỉ dùng bản này để tụng niệm mỗi khi cung tụng Vô Lượng Thọ kinh.

Ngoài việc hội tập kinh Vô Lượng Thọ, cụ cũng hội tập hai bản Phật thuyết A Di Đà Kinh (bản Tần dịch của ngài Cưu Ma La Thập) và kinh Phật Thuyết Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (bản Đường dịch của Ngài Huyền Trang) với tựa đề A Di Đà Kinh. Ngoài bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, những tác phẩm Tịnh Tu Tiệp Yếu và Bảo Vương Tam Muội Sám của cụ Hạ cũng được ấn hành, lưu thông rất rộng rãi trong và ngoài nước, được tứ chúng hoan hỷ thọ trì, đánh giá rất cao.

Sau khi hội tập Đại Kinh xong, theo lời thỉnh của Hiện Minh trưởng lão, phương trượng chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh, cụ Hạ chuyên giảng kinh Di Đà. Mỗi buổi giảng, Hiện Minh trưởng lão cùng phương trượng các chùa tại Bắc Kinh thường đến dự thính để làm ảnh hưởng chúng cho pháp tòa. Trong suốt mấy mươi năm ở Bắc Kinh, cụ Hạ tích cực hoằng dương Tịnh Tông, đào tạo được nhiều học trò lỗi lạc về hoằng pháp lẫn biên thuật. Người nổi tiếng nhất trong số này là cụ Hoàng Niệm Tổ. Các vị tôn

túc pháp sư đương đại như Đế Nhân, Huệ Minh, Tĩnh Minh cũng đều hâm mộ, tán thán nồng nhiệt công hạnh hoàng dương Tịnh Nghiệp, hoàng pháp độ sanh của Hạ đại sĩ.

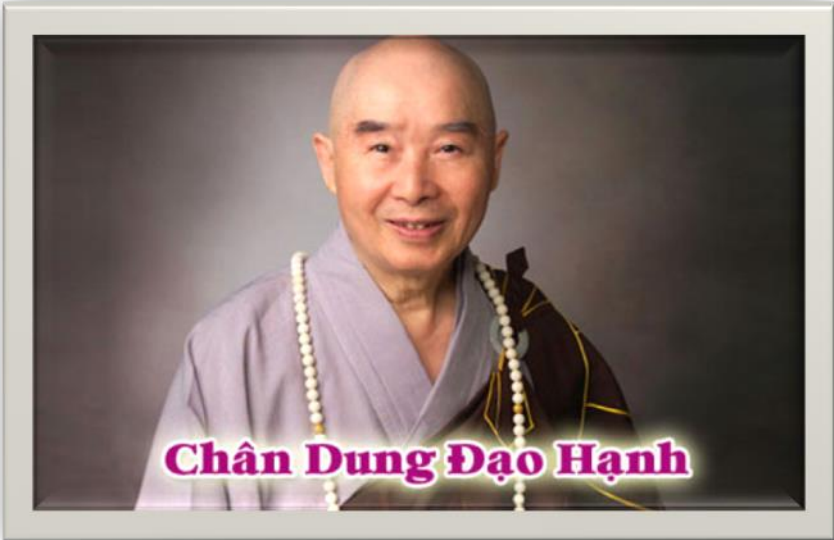
Công hạnh, kiến giải của cụ Hạ Liên Cư quảng bác, hoàng thâm đến nỗi pháp vương Cống Cát Hoát Phật của Hồng Bạch Giáo Tây Tạng phải thốt lên: “Người xứng đáng làm kim cương A xà lê trong thế gian này chỉ có cụ Hạ mà thôi!” Ngay đến bậc Thái Sơn Bắc Đẩu của nhà Thiền là Hư Vân Đại Lão Hòa Thượng cũng ngậm ngùi bảo: “Chẳng biết bao giờ ta mới có dịp gặp được vị đại thiện tri thức ở phương Bắc này!” Tiếc thay vô thường chợt đến, duyên thị hiện hóa độ của bậc Đại Sĩ đã tận. Một ngày mùa Đông năm 1965, cụ Hạ chợt cảm thấy không khỏe. Ngay trong đêm ấy, cụ an tường quy Tây giữa tiếng niệm Phật, trụ thế 82 năm, để lại sự thương tiếc muôn đời cho các môn nhân.

Sau khi Hạ lão cư sĩ quy Tây, Tịnh Tông Học Hội do cụ Hạ đồng sáng lập được đề từ tâm đắc là cụ Hoàng Niệm Tổ tích cực duy trì, củng cố nên phát dương rộng rãi. Tiếc là sau khi cụ Hoàng quy Tây, ảnh hưởng và hoạt động của học hội này tại Hoa Lục yếu hẳn đi; chỉ còn mạnh mẽ tại Đài Loan. Nay được hỗ trợ của Tịnh Tông Học Hội Đài Loan, Tịnh Tông Học Hội Hoa Lục đang có triển vọng phục hưng. Điềm lại sự nghiệp của cụ Hạ, ta có thể thấy là sau

khi tổ Ấn Quang viên tịch, công cuộc duy trì, hoằng dương Tịnh Độ cũng như giữ cho pháp âm của Phật vẫn còn được vang vọng tại Hoa Lục luôn có sự đóng góp rất lớn lao của cụ Hạ Liên Cư. Tuy thị hiện thân tục gia cư sĩ, cụ Hạ đã góp phần đào tạo nên những bậc cư sĩ hữu danh, hữu đức có khả năng biên thuật, diễn giảng lưu loát, góp phần huấn dưỡng đại chúng sống theo chánh tín, tin tưởng sâu xa vào chánh pháp của Phật dưới bao hoàn cảnh khắc nghiệt của xã hội. Những thành viên Tịnh Tông Học Hội tại Đài Loan đã đem kế thừa chí hướng của cụ, nhân rộng mô thức tổ chức tu tập này trong khắp các cộng đồng người Hoa tại hải ngoại. Nhờ đó, những Phật tử Việt Nam tại hải ngoại cũng có cơ duyên được ân triêm pháp nhũ của các bậc cao tăng, thạc đức trong Tịnh Tông Học Hội như Hòa Thượng Tịnh Không, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ... Ngưỡng mong Hạ Đại Sĩ lại hồi nhập Sa Bà, phân thân tiếp độ tứ chúng cùng viên nhập Di Đà Nguyên Hải.

*Theo: Tịnh Tông Học Hội Lục Thập Chu Niên Kỷ
niệm ấn hành năm 1999 (Liên Hải kính ghi)*

LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG VÀ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ



Lão pháp sư Thượng Tịnh Hạ Không, một vị cao tăng đương đại của Phật giáo Trung Quốc. Ngài sanh tháng 2 năm 1927 tại huyện Lư Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc. 26 tuổi Ngài bắt đầu học Phật và ăn trường chay. Đầu tiên cầu học với nhà triết học giáo sư Phương Đông Mỹ, kế đến theo học với Cao tăng Mật tông Đại sư Chương Gia 3 năm. Sau cùng đến Đài Trung cầu pháp với Lão Cư sĩ Lý Bình Nam 10 năm. Tổng cộng học Phật pháp 13 năm.

Đối với pháp môn Tịnh độ, Pháp sư Tịnh Không có được lòng tín ngưỡng là do từ Kinh Hoa Nghiêm mà có. Ngài bắt đầu giảng kinh thuyết pháp từ những năm đầu của thập kỷ 60, cho đến nay là hơn năm mươi năm giảng kinh thuyết pháp chưa từng gián đoạn. Tuy nhiên, mãi đến năm Dân Quốc sáu mươi (1971), Ngài mới bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm và giảng suốt mười bảy năm.

Như vậy là trong gần 30 năm giảng kinh thuyết pháp, đột nhiên có một ngày, Ngài nghĩ đến một vấn đề: Trong hội Hoa Nghiêm, Phổ Hiền là trưởng tử, Văn Thù là con trai thứ, hai vị Đẳng Giác Bồ Tát là trợ thủ của Đức Tỳ Lô Giá Na, các Ngài tu pháp môn gì? Nguyên lai các vị Bồ Tát này niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhận ra như vậy, Ngài vô cùng kinh ngạc; hơn nữa, Thiện Tài đồng tử cũng tu pháp môn Niệm Phật. Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy về Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát cũng dẫn về Cực Lạc. Hiểu rõ điều này trong hội Hoa Nghiêm rồi Ngài mới phát sanh tín tâm chân chánh đối với Tịnh Độ tông. Đối với Ngài, Kinh Hoa Nghiêm có ân sâu rất lớn.

Ngài có công rất lớn trong việc truyền bá giáo lý Tịnh Độ qua giáo dục cũng như hoằng dương pháp môn niệm Phật tại Đài Loan, Trung Quốc và nhiều nước trên thế giới.

Cho đến hiện nay hàng triệu băng, đĩa, sách giảng rất nhiều bộ kinh luận của Ngài đã được phát hành. Tuy nhiên trong các bài giảng kinh, Ngài đặc biệt chú trọng vào bộ Kinh Vô Lượng Thọ, nội dung nói về công năng tu tập thành Phật và 48 lời Đại nguyện của Pháp Tạng từ kheo (tức Phật A DI ĐÀ); Ý chánh trang nghiêm của cảnh giới Cực Lạc và phương pháp hành trì đối với hành giả.

Đến nay Pháp sư đã giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ tổng cộng mười lần. Chín lần giảng trước, Pháp sư chú trọng đến phương diện “Tín, Giải”, tức là giúp hành giả tin sâu và hiểu rõ những lời giáo huấn của Phật trong kinh. Tuy nhiên ở lần giảng thứ mười, Pháp sư lại chú trọng đến phương diện “Hành, Chứng”, giúp hành giả thực “hành” theo những lý luận phương pháp và đích thân “chứng” được cảnh giới của chư Phật. Lần giảng thứ mười có thể nói là lần giảng kỳ công, tỉ mỉ từng chữ và dài nhất, với tổng cộng trên 300 đĩa VCD, khởi giảng từ năm 1998 tại Cư sĩ Lâm Phật giáo, Singapore.

LỜI MỞ ĐẦU

Do nhận thấy ý nghĩa thâm sâu qua từng lời giảng có thể giúp các hành giả chân chính chuyên tâm trì tụng đạt được lợi ích giải thoát tuyệt vời nên chúng tôi mạo muội hiệu đính những lời giảng được ghi âm lại trong trên 300 (chưa có con số chính xác) đĩa VCD thu được trong lần giảng thứ 10 này thành bộ sách **“Thuyết Giảng Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác Kinh”**.

Đề giúp cho các quý vị liên hữu tiên theo dõi chúng tôi phân chia bố cục cuốn sách như sau:

1. Bộ sách sẽ bao gồm nhiều tập, mỗi tập gồm **10** đĩa VCD tổng hợp theo đúng trình tự giảng.
2. Trong mỗi phần giảng giải, chúng tôi đều có đưa song song 3 phần: Phần chánh kinh âm Hán Việt¹, Phần chánh kinh được dịch sang tiếng Việt Nam² và Phần giảng giải của Pháp sư Tịnh Không.
3. Không kể các tiêu đề mục trong sách, các kiểu chữ trong nội dung phần giảng giải được quy định như sau: Chữ in đậm là nội dung Kinh Vô lượng Thọ; Chữ nghiêng là nội dung các kinh

khác và là lời của các tổ sư đại đức, cao tăng hoặc là một số hội thoại quan trọng, một số từ cần lưu ý;

4. Những chữ trong ngoặc vuông ([]) là dịch nghĩa sang tiếng Việt của phần chánh kinh Hán văn.

Trong quá trình chuyên ngữ và hiệu đính do trình độ thấp kém, công phu tu tập nông cạn không thể tránh khỏi nhiều lỗi lầm và khuyết điểm, kính mong các liên hữu gần xa lượng thứ và chỉ bảo cho chúng tôi để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn nữa. Chúng tôi xin chân thành tri ân sự đóng góp của tất cả các quý Phật tử đồng tu để xây dựng nên bộ sách này.

Kính chúc các liên hữu lấy tín sâu, nguyện thiết trì danh niệm Phật, ngay đời này nhất định vãng sanh thành Phật.

Kính lạy Tam bảo gia trì cho chúng con hoàn thành bộ sách được viên mãn.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT tát đại chứng minh.

Ban biên tập hiệu đính

KHAI KINH KỆ

Phật pháp cao siêu rất thẳm sâu,

Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.

Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,

Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT! (3 lần)

PHẦN I: MỞ ĐẦU

(VCD 001)

Xin chào các vị pháp sư! Các vị đồng tu! Hôm nay chúng ta ở khu vực này là lần thứ ba khởi giảng “**Kinh Vô Lượng Thọ**”.

Trong vòng mười năm về trước, chúng ta đã ở rất nhiều quốc gia, khu vực trên toàn thế giới đem bộ kinh này giảng qua rất nhiều lần, tính sơ qua lần giảng này cũng là lần thứ mười. Mỗi lần giảng giải, nếu như các bạn đã nghe qua từ băng ghi âm, so sánh thử xem, bạn sẽ phát hiện ra đều không giống nhau.

Lần này vì sao tôi lại nghĩ đến phải giảng lại bộ kinh này? Do gần đây mở quyển kinh này ra có rất nhiều khái thị mới lạ. Đúng như đại đức xưa thường nói “Cảnh giới tu tập mỗi năm không như nhau”, nên tôi phải đem những chỗ ngộ mới này, những tâm đắc này, nêu ra để cùng chia sẻ với các đồng tu.

Khởi giảng lần này, chúng ta đem trọng điểm đặt ở nơi “*Hành*”, “*Chứng*”. Các đồng tu hôm nay đến tham gia nghe giảng có thể nói đều là lão tu, đều không phải là sơ học, đều biết mỗi một bộ kinh đều có bốn bộ phận là “*Giáo, Lý, Hành, Quả*”. Trong nhà Phật cũng

gọi là “*Giáo Kinh, Lý Kinh, Hành Kinh, Quả Kinh*”.

Văn tự của bộ kinh thuộc về “*Giáo kinh*”; Lý luận đạo lý trong văn tự đã miêu thuật, đó là “*Lý kinh*”; Ngoài ra còn dạy chúng ta làm thế nào để tu học, làm thế nào đem kinh luận, lý luận của nó, phương pháp của nó, ứng dụng ngay trong thực tiễn đời sống của chúng ta, đây gọi là “*Hành kinh*”; Chúng ta tu hành có được cảnh giới rồi, đem cảnh giới của chính mình đối chiếu lại với kinh này xem, ấn chúng lại xem chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày cách nhìn, cách nghĩ đối với vũ trụ nhân sanh, cho đến rất nhiều cách làm bình thường đối với người, với vật, với việc, xem thử xem những gì trong Kinh Điền đã dạy chúng ta có giống hay không? Đó gọi là “*Chứng*”. Cho nên trong kinh có “*Giáo, Lý, Hành, Quả*”, chúng ta học tập có “*Tín, Giải, Hành, Chứng*”.

Năm xưa khi chúng ta giới thiệu bộ kinh này, mục tiêu nghiêng nặng về “*Tín, Giải*” với hy vọng các vị đồng tu sau khi nghe rồi có thể sanh khởi tín tâm, lý giải nghĩa thú trong Kinh Điền. Còn lần này chúng ta đem trung tâm đời qua “*Hành, Chứng*”, chúng ta học bộ kinh này, mỗi một chữ, mỗi một câu, làm thế nào áp dụng ngay trong đời sống, ngay trong thực tiễn công việc thường ngày của chúng ta, trong qua lại đối nhân xử thế tiếp xúc mọi việc, mọi vật, học tập như vậy sẽ rất có ý nghĩa, rất là có lợi ích. Cho nên lần này giảng so với ngày trước có một vài

chỗ không giống nhau, bộ phận thuộc về “*Giáo, Lý*” chúng ta có thể tỉnh lược đi, chuyên môn nghiên cứu về “*Hành pháp*”.

“*Giáo, Lý*” trước đây đã nói qua rất nhiều lần, có băng thu âm, có đĩa ghi hình, cũng có giảng nghĩa lưu thông, các vị đều có thể lấy làm tham khảo. Cho nên lần này chúng ta sẽ tỉnh lược đi phần huyền nghĩa, bạn xem trong giảng nghĩa có bốn cuốn lớn thì huyền nghĩa đã chiếm hết một quyển, hết một phần tư. Hôm nay chúng ta trực tiếp đi vào kinh văn, khởi giảng từ kinh văn.

Tuy nhiên, giảng kinh văn thì Đề mục không thể tỉnh lược, vẫn phải xem Đề mục trước. Đề mục của quyển kinh này là bốn hội tập của Hạ lão Cư Sĩ đem bốn dịch đời Tống cùng bốn dịch đời Hán hợp lại, chân thật là không chê vào đâu được, hội tập được rất là hoàn mỹ, đem ý nghĩa của 12 loại bản dịch “**Kinh Vô Lượng Thọ**” đầy đủ viên mãn hàm nhiếp ở trong đó. Không chỉ riêng 12 loại bản dịch của “**Kinh Vô Lượng Thọ**” mà còn tất cả pháp Thế Tôn đã nói trong 49 năm đều không rời khỏi Đề kinh này (đề kinh chẳng khác gì cương lĩnh), đều bao hàm ở trong cương lĩnh này.

Thế Tôn nói pháp là như vậy, mười phương, ba đời tất cả Chư Phật Như Lai vì tất cả chúng sanh nói ra vô lượng, vô biên pháp môn cũng không rời khỏi

Đề kinh này. Đề kinh chân thật là tổng cương lĩnh của Phật pháp đại viên mãn. Chúng ta từ trong đề kinh này xây dựng tín tâm, từ trong tựa đề này mà thể hội “*Tín, Giải, Hành, Chứng*” viên mãn.

PHẦN II: ĐỀ KINH

“Phật, Thuyết, Đại Thừa, Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác Kinh”

Để dễ dàng giới thiệu chúng ta đem nó phân làm tám đoạn nhỏ.

Thứ nhất là chữ: “**Phật**”

“*Phật*” là dịch âm từ tiếng Phạn Ấn Độ. Phật giáo truyền đến Trung quốc vào triều nhà Hán thông qua tiếp đãi của quốc gia làm cuộc phiên dịch quy mô lớn. Công tác phiên dịch thực tế mà nói là rất gian nan. Văn tự của Trung Quốc vào thời đó có thể nói là không nhiều, trong khi đó lại có rất nhiều ý nghĩa trong Kinh Điển mà trong văn tự Trung Quốc chúng ta không có, thế là bắt buộc phải tạo chữ. Vì để phiên dịch kinh Phật nên đã tạo ra rất nhiều chữ mới, chữ “Phật” này chính là tạo ra ngay lúc đó vì vào thời xưa không có chữ này.

“Phật” là người, cho nên bên cạnh chữ này thêm vào một nhân đứng, âm là Phật, cho nên liền dùng chữ “Phật” này tạo thành một chữ mới. Phật giáo về trước khi chưa đến Trung Quốc không có cái chữ này, mà đó là văn tự mới tạo. Chúng ta đọc cái

chữ này thành chữ Phật, thực tế mà nói là lược xung của chữ “Phật Đà Da”, người Trung Quốc thích đơn giản cho nên đem cái âm đuôi của nó tỉnh lược đi. Chỉ riêng gọi một chữ Phật, ý nghĩa của nó là “Giác ngộ”, mọi người đều biết bên trong bao hàm cả “Tự Giác”, “Giác Tha”, “Giác Hạnh viên mãn”, ba cái ý này rất là sâu, rất là rộng. Chúng ta học Phật chính là phải học “Giác ngộ”.

Tự giác

“Giác” thì không mê, giác mà không mê con người này liền thành Phật.

Chúng ta học Phật cũng đã học được không ít năm. Tôi bắt đầu học Phật từ năm 26 tuổi cho đến hiện tại, năm nay hơn 70 tuổi rồi, tiếp xúc được với Phật pháp, có giác ngộ hay không vậy? Không thể nói không có, có! chỉ là chút ít thôi, hay nói cách khác đối với thế gian cùng xuất thế gian pháp không quá mê hoặc. Không mê chính là không bị nó xoay chuyển.

Lời nói này giảng giải thế nào đây?

Người thông thường sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần sẽ khởi tâm động niệm, tất sẽ sanh “Tham, Sân, Si, Mạn”. Khi xem thấy đẹp, dễ nhìn, khi nghe thấy được, thích nghe. Vậy thì nhìn nhiều

một chút, nghe nhiều một chút, đó chính là mê, mê rồi.

Người giác ngộ thì đẹp hay không đẹp đều như nhau, tâm thanh tịnh là bình đẳng. Vì sao đều là giống như nhau? Vì thành thật mà nói: “*Phàm hễ có tướng, đều là hư vọng*”³. Đẹp mắt là hư vọng, không đẹp mắt vẫn là hư vọng, cho nên đẹp hay không đẹp đều là bình đẳng, tâm sẽ không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, đó chính là giác ngộ.

Cho nên người học Phật chúng ta mỗi giờ, mỗi phút phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, xem chính mình chân thật có giác ngộ hay không? Giác ngộ đến mức độ nào? Xem chính ở ngay trong cuộc sống thường ngày, khi sáu căn tiếp xúc trong cảnh giới sáu trần đề trách nghiệm chính mình rốt cuộc xem có công phu hay không? Nếu như nghe người khác tán thán thì sanh tâm hoan hỉ, còn nghe người khác hủy báng trong lòng liền khó chịu, thì không thể được, vẫn là một phàm phu thôi, vẫn phải sanh tử luân hồi trong sáu cõi, như vậy sao được chứ? Công phu chính ở chỗ tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, không luận là “Thế pháp” hay là “Phật pháp”, đều có thể giữ được rõ ràng, tường tận, thông suốt, thấu đáo, như như bất động, vậy mới gọi là học Phật.

Đồng tu học Phật chúng ta vào cửa Phật, bài khóa đầu tiên chính là tiếp xúc “Tam Quy Y”. Tam

quy y chúng ta giảng rất rõ ràng, rất tường tận. Vậy bạn rốt cuộc có “quy” hay không? “*Quy*” chính là quay về, quay đầu, “*Y*” chính là nương tựa. Bạn rốt cuộc có quay đầu hay không? Bạn có nương tựa hay không? Nếu chỉ quy y trên hình thức làm một nghi thức, còn trên thực tế không có quay đầu, không có nương tựa thì

quy y như vậy là giả, không phải là thật, hữu danh vô thực. Quy y Phật chính là “Giác” mà không “Mê”, quy y Pháp là “Chánh” mà không “Tà”, quy y Tăng là “Tịnh” mà không “Nhiễm”. Ba điều này chúng ta có làm được hay không? Ba điều này đều là ở trên Đề kinh, như vậy có thể thấy được sự viên mãn của Đề kinh này.

Giác tha.

Sau khi “Tự giác” mới có thể “Giác tha”.

Giác tha thực tế mà nói cũng là việc tương đối không dễ dàng gì. Vì sao phải “Giác tha”? Giác tha chính là giáo hóa chúng sanh, là độ người. Còn như bạn cho rằng “Chính tôi chăm chỉ tu hành, tôi độ chính mình thì tốt rồi, tôi không đi Giác tha, tôi hà tất phải đi độ người chứ, đợi khi tôi thành Phật rồi mới đi độ chúng sanh có được không?”.

Xin nói với các vị, nếu như bạn có ý niệm này

thì tôi xin thành thật nói với bạn rằng bạn không thể thành được Phật. Vì sao không thể thành được Phật? Vì Tự giác phá “*Phiền não chướng*”⁴, Giác tha phá “*Sở tri chướng*”⁵. Nếu bạn phá phiền não chướng rồi, bạn thành được Chánh giác. Cái cảnh giới đó chính là địa vị của A La Hán, Bích Chi Phật ở trong Viên Giáo gọi là Bồ Tát Thất Tín vị. Đối với Viên Giáo chính là Bồ Tát Thất Tín trở xuống, còn trong Biệt Giáo gọi là “Bồ Tát Tam Hiền”⁶, chưa đăng địa, cho nên đây chính là nói nếu bạn không phát tâm giúp đỡ người khác thì bạn không thể phá được “*Sở tri chướng*”.

Cho nên nếu muốn thành Phật nhất định phải phát tâm “tự độ” và “độ người”. Toàn tâm, toàn lực giúp đỡ người khác học Phật. Chúng ta biết được bao nhiêu thì giúp người khác bấy nhiêu, quyết định không “bỏn” pháp, công đức lợi ích này liền được thù thắng.

Gọi là “Công đức lợi ích” chính là vừa rồi đã nói là phá hai chướng. Sau khi phá hai chướng rồi, bạn là Bồ Tát thật, không phải là Bồ Tát giả, là Bồ Tát thật, là Pháp Thân Đại Sĩ mà trên Kinh Hoa Nghiêm đã nói. Vì sao vậy? Bạn không những siêu việt sáu cõi mà còn siêu việt cả mười pháp giới. Bạn đã chứng được Pháp Giới Nhất Chân hay nói cách khác bạn trải qua đời sống của Pháp Thân Đại Sĩ

Pháp Giới Nhất Chân. Vậy nếu chỉ “tự giác” mà không “giác tha” làm sao lại giống nhau được?

Giác hạnh viên mãn.

Tuy nhiên sau khi giác tha, bạn vẫn chưa đạt đến được cảnh giới cao nhất, cần phải đem vô minh phá hết, cho nên vẫn phải không ngừng “tự độ, độ người”. Vô minh chính là vọng tưởng, vọng tưởng đoạn được trong sạch vắng lặng, vậy bạn liền “Giác mãn” rồi. Cái mãn này chính là ý nghĩa của viên mãn, là vô minh vọng tưởng đoạn được trong sạch vắng lặng, đó gọi là mãn, thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn.

Chữ “*Phật*” ở chỗ này cũng chính là chỉ Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, đích thực đã chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Vậy thì kinh này là do Ngài nói (chỉ có quả Phật cứu cánh viên mãn mới có năng lực tuyên dương đại pháp cứu cánh viên mãn cho chúng ta), chúng ta đọc bộ kinh này thì liền có thể lý giải sâu sắc.

Thứ hai là chữ: “**Thuyết**”

Bộ kinh này không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật nói, mà còn là mười phương ba đời tất cả Chư Phật Như Lai, không một vị Phật nào mà không nói pháp môn này, không một vị Phật nào không tán thán Tịnh

Độ.

Cho nên chữ “Phật thuyết” này cùng chữ “Phật thuyết” thông thường trong Kinh Điển là không như nhau. Trong các kinh khác đề “Phật thuyết” chính là Thích Ca Mâu Ni Phật nói, chỗ này đề “Phật thuyết” là tất cả Chư Phật Như Lai thấy đều nói bộ kinh này. Cảnh giới này thì không thể nghĩ bàn, cho nên ý nghĩa của chữ Phật này thì đặc biệt vô cùng sâu rộng.

“Thuyết” chính là thuyết pháp. Thời xưa chữ “Thuyết” cùng chữ “Duyệt” của “Hỉ duyệt” là một chữ, thế nhưng khi đọc thì là hai âm.

Bạn xem chúng ta đọc “Luận ngữ” (Luận ngữ là sách xưa), trong Luận ngữ thì học là thứ nhất, nhưng khi vừa mở đầu: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*”⁷. Bạn xem cái chữ “duyet” này trên thực tế nó là “thuyết”, nhưng ở chỗ này phải đọc là “duyet”. Ý nghĩa của nó là “duyet” của “hỉ duyệt”. Hay nói cách khác, người ưa thích thì Ngài mới nói, không thích thì không nói, ưa thích mới nói.

Phật là vì lấy độ chúng sanh làm bản nguyện, xem thấy chúng sanh căn cơ chín muồi có thể tiếp nhận pháp môn này, rất là hoan hỷ, hoan hỷ không gì bằng. Tình hình này chúng ta bình lặng mà suy nghĩ thì có thể lý giải: Phật muốn giúp đỡ tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật cứu cánh viên mãn vì trên

thực tế tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật. “Thành phật”, ý nghĩa hai chữ này chúng ta nhất định phải tường tận, phải thông suốt. Cái gì gọi là “thành Phật”? Thành Phật có cái gì tốt?

“Thành Phật” và “Không thành Phật” thì không như nhau hay sao?

Xin nói với các vị, không thành Phật cùng thành Phật khác biệt nhau rất lớn.

Không thành Phật, bạn có phiền não, bạn có vọng tưởng, bạn có tai nạn, bạn có cái khổ. Trên kinh Phật thường nói “Sanh, Lão, Bệnh, Tử”, bốn khổ, ba khổ, tám khổ, bạn không cách gì rời khỏi. Sau khi học Phật rồi, chính là sau khi thành Phật rồi cái khổ này vĩnh viễn thoát ly, hết thảy tất cả khổ thế xuất thế gian đều xả bỏ. Đây chính là chỗ tốt của học Phật.

Ngoài ra một cái tốt nữa, đó là nếu chúng ta không thành Phật thì vũ trụ nhân sanh đối với chúng ta là một mảng mù tịt, không biết được gì, đó là khổ. Sau khi thành Phật rồi tận hư không khắp pháp giới, kết quả hiện tại, vị lai, quá khứ không cùng, vị lai không tận, không có thứ nào là không tường tận, không có thứ nào mà không thông suốt mà cái thông suốt đó không phải là tưởng tượng, không phải là suy đoán.

Thế gian hiện tại mấy năm gần đây tai nạn rất nhiều. Trong nước, ngoài nước, có rất nhiều sách dự ngôn. Lần này tôi từ Úc Châu trở lại gặp thầy Ngô Hạnh, khi đi dạo nhà sách thầy nói với tôi rằng thầy xem thấy mười mấy loại sách người nước ngoài viết đều dự đoán tương lai có những tai nạn gì. Những dự đoán này có chuẩn hay không? Chưa hề thấy, vì sao chưa hề thấy? Bởi vì dự ngôn của họ đều là từ trong số học mà suy đoán ra nên có lúc thì tính sai, chỉ cần một cái chữ số rất nhỏ tính sai thì không chuẩn. Nhưng Phật nói cho chúng ta nghe thì rất chuẩn. Vì sao Ngài chuẩn được như vậy? Ngài chính mình thấy được, mắt thấy tai nghe, làm gì có lý nào không chuẩn chứ? Phật ra đời vào khoảng 3000 năm trước, vậy mà xã hội ba ngàn năm sau, Phật biết rõ như trong bàn tay, giảng được rất rõ ràng, rất tường tận.

Các vị đồng tu cũng đã đọc qua “Kinh Lăng Nghiêm”. Trong “Kinh Lăng Nghiêm” Phật nói tình hình xã hội hiện tại của chúng ta rất tỉ mỉ, nói được không sai: “*Thời kỳ Mạt pháp⁸ sau năm trăm năm là thời đại “Đấu tranh kiên cố”*”. Quốc gia cùng quốc gia đấu tranh, trong xã hội này đoàn thể cùng đoàn thể đấu tranh, cá nhân cùng cá nhân đấu tranh, vợ chồng hai người còn cãi lộn, đều vẫn không thể tránh khỏi đấu tranh. Cho nên đấu tranh ngày nay có kỳ lạ gì, nếu như không có đấu tranh vậy thì lời của Phật nói chẳng phải sai rồi sao? Chúng ta xem thấy xã hội

này đi đến đâu cũng gặp hiện tượng đầu tranh.

Phật thật là cừ khôi, Ngài xem thấy được rõ ràng như vậy, tường tận như vậy, lại nói với chúng ta hiện tại xã hội này: “*Tà sư nói pháp như cát sông Hằng*”. Những tà sư này là người thế nào vậy? Ma con, ma cháu chuyên môn đến phá hoại chánh pháp. Số này rất nhiều, Phật dùng cát sông Hằng để thí dụ, cũng chính là nói loại tà sư nói pháp đầy rẫy trong xã hội này, trong thời đại này.

Chúng ta tiếp xúc được chánh pháp, chân thật như trên kinh đã nói là vô lượng kiếp đến nay nhân duyên, phước đức, thiện căn chín muồi bạn mới có thể gặp được chánh pháp. Gặp được chánh pháp có thể tinh tấn, không thoái chuyển thì ngay trong đời này nhất định thành tựu.

Thế nhưng người gặp được chánh pháp, chúng ta xem thấy người thoái tâm quá nhiều, vì sao họ có thể thoái tâm? Thiện căn, phước đức, nhân duyên không đầy đủ. Ba điều kiện này, có một điều kiện không đầy đủ, họ liền thoái tâm, còn như ba điều kiện đều không đầy đủ, thì nhất định bị thoái chuyển. Cho nên chính chúng ta nếu muốn ở trên đạo nghiệp giữ được không thoái chuyển thì bạn phải đặc biệt đề cao cảnh giác. Nếu như thiện căn, phước đức của chúng ta kém một chút, nhưng bù lại có duyên thù thắng thì được, vẫn không nên lo.

Chúng ta xem thấy ở trong “Tứ Thiệp Sớ” là chú giải của “Kinh Quán Vô Lượng Thọ” của Ngài Đại sư Thiện Đạo, lưu thông cũng rất rộng, “Chương: Thượng phẩm thượng sanh” Ngài giảng được rất hay. Ngài nói với chúng ta: *“Người niệm Phật chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, đều là do gặp duyên không như nhau”*.

Câu nói này chúng ta quyết không nên khinh xuất xem lướt qua nó. Duyên là quan trọng, nếu như duyên của chúng ta thù thắng thì dù thiện căn, phước đức có mỏng một chút vẫn có thể đạt đến được thượng phẩm thượng sanh. Cách nói của Ngài cùng với cách nói của người trước Ngài không giống nhau.

Về trước thông thường các Đại đức phần nhiều cho rằng thượng thượng phẩm vãng sanh đại khái đều là Bồ Tát, thượng tam phẩm trung phẩm vãng sanh phải đều là A La Hán, Bích Chi Phật, phàm phu vãng sanh chỉ ở hạ phẩm, cách nói của người xưa là như vậy.

Ngài Thiện Đạo không nói như vậy, Ngài Thiện Đạo đã nói phàm phu chúng ta cùng với bậc đại tiểu thánh (đại thánh chính là Bồ Tát, tiểu thánh chính là Thanh Văn, Duyên Giác) có thể vãng sanh thượng thượng phẩm mà không liên quan tới phẩm vị “đại tiểu thánh”, tất cả đều là do duyên không như nhau.

Cái gì gọi là duyên?

Đọc kinh mỗi ngày không gián đoạn, niệm Phật mỗi ngày không gián đoạn.

Vào đầu năm dân quốc, Trung Quốc có một đạo tràng niệm Phật tên là Linh Nham Sơn ở Tô Châu là đạo tràng của Ấn Tổ. Đạo tràng này làm Phật thất suốt năm, mỗi ngày đều trì Phật thất, một năm 360 ngày không gián đoạn, đây gọi là duyên. Bạn thấy một người bước vào niệm Phật đường niệm Phật, một năm 360 ngày, mỗi ngày đều là Phật thất không gián đoạn, trong lòng nghĩ đến Phật, trong miệng niệm danh hiệu Phật, thì sao họ không thành Phật chứ, đương nhiên thành Phật, đó chính là duyên thù thắng.

Giả như họ sau khi niệm được hai ba năm danh hiệu Phật, lại rời khỏi Niệm Phật Đường đi đến nơi khác, lại chuyển đổi, thoái tâm rồi, nghe qua người này có cách nói của người này, người kia có cách nói của người kia, họ liền thay đổi chủ ý. Bạn thấy như vậy chẳng phải là duyên không đồng nhau hay sao?

Niệm Phật thì như vậy, tham thiền học giáo, cũng không ngoại lệ. Cho nên pháp sư nghiên giáo là duyên rất thù thắng. Tôi cũng là đã nghĩ rất nhiều năm rồi (nhưng đến hiện tại cũng không thể thành sự thật), nếu thật có chí đồng đạo hợp, chúng ta hướng

đến toàn thế giới tuyên dương Phật pháp Đại thừa. Phải nên thành lập một đoàn hoằng pháp, pháp sư giảng kinh đều tham gia tổ chức này, bình thường ban ngày mỗi ngày thì nghiên cứu thảo luận ở trong nhà, còn buổi tối mỗi ngày đều giảng kinh cả năm 360 ngày.

Vào thời xưa có Giảng Tự chuyên môn giảng kinh. Thiên Thai, Hiền Thủ đều là Giảng Tự một năm 360 ngày, mỗi ngày không gián đoạn, miệt mài một bộ kinh không xả bỏ, từng thiên từng thiên lập lại giảng giải, không ngừng thâm nhập vào thì có lý nào không thành công chứ? Từ trong giải môn được định, ắt khai trí tuệ, họ liền thành công.

Như thời xưa, Đại sư Thanh Lương ở Ngũ Đài Sơn chuyên giảng “Kinh Hoa Nghiêm”, Ngài cả đời đã giảng qua 50 bộ. Người sau chúng ta xem thấy truyện ký này ngưỡng mộ thật không nói ra lời. Bạn thử nghĩ xem nếu như một người muôn học Kinh Hoa Nghiêm đến dưới tòa của Ngài Thanh Lương để nghe Kinh Hoa Nghiêm, nghe 50 bộ thì làm sao họ không có thành tựu chứ? Nhất định thành tựu. Số lượng của Kinh Hoa Nghiêm nhiều đến như vậy, một ngày giảng tám giờ đồng hồ.

Thế Tôn năm xưa khi còn ở đời đã nói “Nhị thời giảng kinh”, tức là giảng kinh hai thời. Chúng ta thường hay xem thấy ở trên kinh nói “hai thời”, là hai

thời của Ấn Độ thời xưa. Ngày đêm của Ấn Độ có sáu thời: Ngày ba thời, đêm ba thời. Ban ngày ba thời là: Sơ Nhật phân, Trung Nhật phân, Hậu Nhật phân; Ban đêm ba thời là: Sơ Dạ phân, Trung Dạ phân, Hậu Dạ phân. Một ngày là sáu thời, một thời của nó chính là bốn giờ đồng hồ hiện tại của chúng ta, nên hai thời chính là tám giờ đồng hồ hiện tại. Như vậy Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa khi còn ở đời một ngày giảng tám giờ đồng hồ. Mỗi ngày lên lớp tám giờ đồng hồ, vậy thì trong lòng họ làm gì có vọng tưởng chứ, không còn vọng tưởng, đây chính là nói duyên thù thắng.

Cư Sĩ Lâm, tuy chúng ta xem cũng không tệ, buổi tối mỗi ngày giảng hai giờ đồng hồ. Vậy thì trong một ngày 24 giờ đồng hồ có được hai giờ đồng hồ tâm địa thanh tịnh nghe kinh nghe pháp, vẫn còn đến 22 giờ khởi vọng tưởng, bạn nói xem làm sao được chứ? Duyên như vậy thì không được, 22 giờ khởi vọng tưởng thì kém xa.

Cho nên bạn muốn hỏi vì sao ngày nay chúng ta tu hành mà không thể có thành tựu, vì tâm của chúng ta dễ dàng bị dao động? Đạo lý chính ngay chỗ này.

Năm xưa, khoảng 30 năm trước tôi nói lời nói này khi tôi ở Đài Trung, thân cận với lão cư sĩ Lý Bình Nam, vào lúc đó thư viện Từ Quang thành lập

một Giảng Tòa Phật Học Đại Chuyên, Cư sĩ Thái Dinh Hoa của Malaysia là học sinh tốt đầu tiên của giảng tòa đó. Giảng Tòa Phật Học Đại Chuyên khóa thứ nhất có bốn học sinh cho nên tôi rất quen thuộc với họ. Thế gian vô thường, cư sĩ Thái Dinh Hoa năm trước hay là năm kia đã qua đời rồi. Tôi thấy ông học ở trường học, xem thấy ông học Phật, xem thấy ông tốt nghiệp, xem thấy ông về hưu, xem thấy ông qua đời, vô thường... Đây đều là đáng để cho chúng ta cảnh tỉnh.

Phật giáo dạy chúng ta phải thành tựu quả Phật cứu cánh viên mãn, không dạy chúng ta làm A La Hán, cũng không dạy chúng ta làm Bồ Tát. Vậy căn tánh như vậy đi đâu mà tìm cho được? Nhưng trên thực tế mà nói căn tánh như vậy không phải không có, mà chính là duyên không có.

Cho nên tôi đã nghĩ rất nhiều năm hy vọng có được một Thôn Di Đà là cái duyên để chúng ta cùng tu. Mỗi ngày ở Thôn Di Đà này niệm Phật không gián đoạn, giống như lão pháp sư Đệ Nhàn dạy cho người thợ vá nồi cái phương pháp đó. Phương pháp đó tốt, rất thích hợp với chúng ta ngày nay, niệm mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe rồi thì bạn đi niệm tiếp, ngày đêm không gián đoạn.

Tôi ở Úc Châu có một cái đạo tràng nhỏ, gần đây đang mở Phật thất, nơi đó có mười mấy đồng tu

tham gia. Bên cạnh niệm Phật đường đó hiện tại là nơi đi lại, tương lai tôi sẽ dời lối đi lại này sang chỗ khác. Sau khi dời đi rồi khoảng đất này tôi dự định sẽ làm giường ghép liền, một cái cho chúng nam, một cái cho chúng nữ, ngay bên cạnh Niệm Phật Đường để niệm mệt rồi thì đến nơi đó nằm nghỉ, nghỉ ngơi khỏe rồi thì mau trở lại Niệm Phật Đường niệm tiếp. Chỗ của chúng ta nhỏ đại khái có thể dung nạp được 48 người. Chúng ta cung cấp cái nhân duyên này cho 48 người này. Chúng ta chọn lấy phương pháp của Viễn Công ở Lô Sơn ghi danh nhận vào. Khi đến báo danh không phải đến nơi đó để chỉ dự một kỳ Phật thất hay hai kỳ Phật thất mà khi ghi danh thì là trọn đời ở trong Niệm Phật Đường. Viễn Công ở Lô Sơn ngày trước cũng là như vậy, Viễn Công Ngài chính mình cũng không xuống núi. Chúng ta ở trong cái Niệm Phật Đường này một lòng một dạ cầu vãng sanh thượng thượng phẩm. Cho nên tương lai sau khi tôi làm xong Niệm Phật Đường này, tôi phải đề là “Niệm Phật Đường Thượng Thượng Phẩm”, không cầu thượng trung phẩm, chúng ta nhất định phải là Niệm Phật Đường Thượng Thượng Phẩm. Chỉ có 48 người chân thật chí đồng đạo hợp, để kiên định Tín - Nguyện. Niệm Phật Đường buổi tối sẽ giảng kinh. Tôi nghĩ việc giảng kinh này có thể liên tục giảng 3 đến 5 năm, sau thì không cần giảng nữa vì mọi người thấy đều lý giải, thấy đều tường tận, tất cả gốc nghi đều được nhổ hết. Bạn phải nên biết 48 người đều

thành Phật thì còn gì bằng, 48 vị Phật, không gì sánh được, đây chính là duyên thù thắng. Nếu bạn không có được cái duyên này thì làm sao được.

Hiện tại tôi già rồi, phải vào Niệm Phật Đường rồi, tương lai đoàn hoàng pháp thì sao? Để cho pháp sư trẻ tuổi. Tôi khuyến khích họ phát tâm đi làm công việc hoàng pháp lợi sanh, tận tâm tận lực mà làm, 60 tuổi hoặc là 70 tuổi về hưu (70 tuổi về hưu là chế độ thời xưa của Trung Quốc). Chúng ta đọc sách xưa có câu “*Thất thập nhi chí sự*”. “Chí sự” chính là thoái hưu, quan viên của Trung Quốc thời xưa 70 tuổi là thoái hưu. Vậy thì khi bạn đến 70 tuổi, bạn có thể thoái hưu, bước vào Niệm Phật Đường niệm Phật làm việc cho chính mình. Có cái đạo tràng như vậy, Giải - Hành đều trọng thì có thể làm cho Phật pháp hưng vượng lên.

Cho nên giảng đến chỗ này xem thấy Phật độ chúng sanh bằng cách xem thấy chúng sanh duyên đã chín muồi, sanh khởi vô lượng tâm hoan hỷ, Phật làm tăng thượng duyên cho chúng ta, chúng ta phải phát ra cái tâm này.

Nếu các vị muốn hỏi “Chúng tôi làm công đức như thế nào là to lớn nhất”? Công đức có ý nghĩa thù thắng nhất không gì hơn là tổ chức đoàn hoàng pháp, xây Niệm Phật Đường vãng sanh thượng thượng phẩm, công đức này là đệ nhất, vô lượng vô biên.

Đại sư Ngẫu Ích ở trong “Di Đà Yêu Giải” nói với chúng ta, (cũng chính là giảng chữ “Phật Thuyết”), Ngài nói: “*Phật dĩ độ sanh vi hoài*”⁹ – “Cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi”¹⁰. Cách nói này của Ngài người xưa không hề nói qua, Ngài nói ra kiên quyết như vậy, khẳng định như vậy, cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi rồi. Pháp môn Tịnh Độ gọi là pháp khó tin “*Vi thuyết nan tín chi pháp*”¹¹ giúp đỡ những chúng sanh cơ duyên thành Phật đã chín muồi thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn. Loại hoan hỷ này không cách gì hình dung ra được, cho nên Phật mới nói. Đại sư Ngẫu Ích nói lời nói này rất là chuẩn xác. Chúng ta sau khi đọc được rồi vui mừng bội phục, cho nên đây là mười phương ba đời tất cả Chư Phật Bồ Tát xem thấy người căn tánh chín muồi, không ai không tuyên nói pháp môn này.

Do đây có thể biết nếu căn tánh chưa chín muồi, hay nói cách khác, vẫn chưa đủ tư cách làm Phật mà mới chỉ có thể có tư cách làm Bồ Tát, Phật liền tuyên nói các pháp môn đại thừa khác; còn xem thấy chúng sanh này có tư cách làm A La Hán, Bích Chi Phật, Phật liền nói pháp môn Thanh Văn, Duyên giác cho họ nghe; nếu thấp hơn nữa xem thấy chúng sanh tình chấp còn quá nặng, tà kiến rất sâu, vẫn không thể thoát khỏi sáu cõi luân hồi, Phật liền giảng tiểu pháp Nhân Thiên cho họ nghe, khuyên họ tu theo

đề đời sau còn có thể được thân người, không đến nỗi đọa vào ba đường ác. Cho nên Phật đối với tất cả chúng sanh hết lời khuyên bảo, ứng cơ nói pháp, đó là “Phật thuyết”. Phía sau là hai chữ “Đại Thừa”.

Thứ ba là chữ: **“Đại thừa”**

“Đại thừa” là tỷ dụ giống như xe lớn. Vào thời xưa khoa học chưa phát triển, xe của thời xưa lớn nhất là xe ngựa. Thông thường là xe có bốn con ngựa kéo là xe lớn nhất, loại xe lớn này có thể ngồi được mười người. Xe nhỏ là xe dê kéo, xe nai kéo thì chỉ ngồi được một người. Phật dùng cái này để thí dụ Đại Thừa, Tiểu Thừa, để tỷ dụ giáo học, giúp đỡ bạn thành tựu đạt đến một giai đoạn nào đó: Đạt đến mục tiêu gần nhất chính là Tiểu thừa, đó là giúp đỡ bạn thoát khỏi sáu cõi luân hồi; Hành trình xa là Đại Thừa, giúp đỡ bạn siêu việt mười pháp giới, đó gọi là pháp Đại Thừa. Phương tiện giao thông hiện tại không như trước, ngồi phi cơ thì có thể ngồi được mấy trăm người, còn thuyền thì càng không cần phải nói. “Đại thừa”, dụng ý của nó là thí dụ sự vận chuyển, giúp đỡ chúng sanh từ nơi cảnh giới “Phiền não, Sanh tử” này siêu việt đến bờ bên kia “Bồ Đề Niết Bàn”, dùng việc này để thí dụ.

Vậy thì quyển kinh này là pháp Đại thừa, không chỉ là Đại thừa mà trong chú giải của đại đức xưa còn nói với chúng ta bộ kinh này là Đại thừa

ngay trong Đại thừa. Không chỉ là Đại thừa ngay trong pháp Đại thừa, mà còn là Nhất Thừa ngay trong pháp Nhất Thừa.

Pháp Nhất Thừa là gì?

“Pháp Nhất Thừa” là pháp thành Phật. Thế Tôn vào những năm cuối giảng kinh “Pháp Hoa”, trong hội Pháp Hoa Ngài tuyên bố đến mọi người: “*Chỉ có pháp nhất thừa, không hai cũng không ba, ngoài ra là Phật phương tiện nói*”.

Đó là Thích Ca Mâu Ni Phật chân thật nói rõ bản hoài của Ngài, Ngài giáo hóa chúng sanh tâm lòng chân thật là bình đẳng chỉ có pháp “Nhất thừa”. Pháp nhất thừa chính là dạy bạn làm Phật, còn như dạy bạn làm Bồ Tát, làm A La Hán là có lỗi với bạn. Nhất định phải dạy bạn làm Phật cứu cánh viên mãn, đều là ở ngay trong một đời này thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn. Vậy còn ba thừa, hai thừa là gì?

Ba thừa, hai thừa là gì?

“Ba thừa” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát; “Hai thừa” là Tiểu thừa, Đại thừa. Tất cả đều là Phật phương tiện nói không phải chân thật muốn nói. Muốn hiểu ta hãy xem chỗ cảm ngộ của Đại sư Thanh Lương khi nghe cách nói này của Phật trong “Hoa Nghiêm Sớ Sao”. Đại sư nói: “Người học ba

thừa, có nhân không quả”. Đây cùng một ý nghĩa trên kinh Pháp Hoa đã nói. Vì sao vậy? Thành Phật mới là quả, không thành Phật thì không có quả, cái quả đó là giả, không phải thật, cho nên người học ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, có nhân không có quả.

Thế nhưng các vị phải nên biết, quyển kinh này là có cả Nhân và Quả, không gì bằng. Kinh có Nhân có Quả có mấy loại vậy? Ngoài bộ kinh Vô Lượng Thọ này của chúng ta ra còn Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa có Nhân có Quả, còn trong các kinh khác đều không có. Cho nên từ xưa đến nay các tổ sư đại đức dường như đều công nhận “Hoa Nghiêm” “Pháp Hoa” là Nhất Thừa giáo. Pháp Nhất Thừa trên cả Đại Thừa. Ngoài ra còn có một bộ kinh “Kinh Phạm Võng” cũng là thuộc về kinh Nhất Thừa. Cho nên các tổ sư đại đức thời xưa công nhận kinh Nhất Thừa ở Trung Quốc chỉ có ba loại trên.

Tuy nhiên, riêng quyển “Kinh Vô Lượng Thọ” này lại là Nhất Thừa ngay trong Nhất Thừa. Vì sao vậy? “Hoa Nghiêm” đến sau cùng “Mười đại nguyện vương cầu về Cực Lạc” mới viên mãn thành Phật. Còn quyển kinh này mỗi câu, mỗi chữ đều là nói Phật quả cứu cánh nên “Hoa Nghiêm” cũng quy về “Vô Lượng Thọ” cho nên Ngài mới nói bộ kinh này là Nhất Thừa ngay trong Nhất Thừa, Vô Thượng Thừa.

Ngày nay chúng ta có may mắn gặp được Kinh này, cũng có thể nói thiện căn phước đức nhân duyên trong vô lượng kiếp đã chín muồi. Tuy nhiên, có một số người gặp được kinh này vẫn không tin tưởng. Đúng! Họ không tin tưởng là phải. Vì sao là phải vậy? Pháp khó tin đó mà. Nếu họ vừa tiếp xúc thì liền tin tưởng, vậy Thích Ca Mâu Ni Phật nói là pháp khó tin thì lời nói không thông rồi vì thông thường mọi người đều tin tưởng mà, vậy có cái gì là khó tin đâu. Nhưng trên thực tế người thông thường khó tin. Người thông thường sau khi học rồi thì thoái tâm, chúng ta gạt đầu nói “không sai”. Đích thực là y như Phật đã nói, khởi tín niệm Phật là nhân, mỗi niệm làm Phật chính là quả: “*Nhân trùn biến quả, quả tận nguồn nhân*”¹². Cách dạy này chân thật là không thể nghĩ bàn, đó là ý nghĩa của Đại Thừa.

Phật lại ở trong kinh thường hay nhắc nhở chúng ta, như kinh “Hoa Nghiêm” đã nói: “*Tất cả các pháp thế xuất thế gian do tâm biến hiện, do thức hiện ra*”¹³.

“Thức” chính là tâm tưởng nên lại nói “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Cho nên mỗi ngày chúng ta tưởng Phật, quả báo của Phật liền hiện tiền.

(VCD 002)

Ở trong lịch sử Trung Quốc có ghi chép. Cuối đời Tống, đầu nhà Nguyên có Triệu Mạnh Phủ là một nhà văn học, chữ viết cũng rất đẹp. Hiện tại thiệp chữ của ông đến đâu cũng có thể xem thấy. Ông giỏi về vẽ ngựa, ưa thích vẽ ngựa. Vẽ ngựa thì nhất định phải thường đi quan sát hình thái động tác của ngựa nên trong lòng mỗi ngày đều nghĩ đến ngựa. Có một hôm ông ngủ buổi trưa, nằm mộng cũng nghĩ đến ngựa, đó thật là tập trung toàn bộ tinh thần. Thời gian ngủ tương đối dài, vợ ông đến gọi ông dậy, lúc đó đều có ngủ mừng. Khi vừa kéo mừng ra, trên giường là một con ngựa, bà vợ thất kinh hồn vía la lên, ông liền tỉnh dậy hỏi:

- Vì sao bà la vậy?

Bà đáp:

- Vừa rồi tôi nhìn thấy một con ngựa nằm trên giường.

Trong lòng nghĩ đến ngựa nên biến thành ngựa, vậy nghĩ đến Phật thì không biến thành Phật được hay sao? Chân thật có đạo lý. Cho nên các vị đồng tu phải nên ghi nhớ, nghĩ đến Bồ Tát thì bạn liền biến

thành Bồ Tát, nghĩ đến quý thì biến thành quý, nghĩ đến địa ngục thì biến thành địa ngục, nghĩ thứ gì thì biến thành thứ đó. Phật quá rõ ràng đối với chân tướng sự thật và đạo lý này, nên dạy chúng ta tưởng Phật: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, quyết định thấy Phật*”¹⁴. Một ngày từ sớm đến tối vì sao không nghĩ đến Phật mà lại khởi vọng tưởng khác, vậy thì sai rồi.

Từ ngay chỗ này, chúng ta liền chân thật cảm nhận, một Niệm Phật Đường chân chính, đúng pháp là rất cần thiết, quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Niệm Phật Đường chính là trường tuyên Phật, đến nơi đó chính là để làm Phật, đây là nói “Đại thừa” ý nghĩa của Nhất Phật Thừa.

Thứ tư là chữ: “**Vô Lượng Thọ**”

“Vô Lượng Thọ” tiếng Phạn gọi là A Di Đà. A Di Đà dịch ra là Vô Lượng Thọ. Cái ý nghĩa này cũng là trên “Kinh Di Đà” Phật đã nói. Dem A Di Đà dịch thành Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ. Kỳ thật bản ý của tiếng Phạn chữ “A” chính là Vô, dịch thành ý của Trung Quốc là Vô; chữ “Di Đà” dịch là Lượng, bản ý chính là Vô Lượng.

Cái gì là Vô Lượng?

Tất cả đều Vô Lượng, không có thứ nào không Vô Lượng. Trí Tuệ Vô Lượng, Đức Năng Vô Lượng, Tài Nghệ Vô Lượng, Phước Báo cũng Vô Lượng, Tài Bảo cũng Vô Lượng, không có thứ nào không Vô Lượng. Nói thô thì một lỗ chân lông Vô lượng, một bụi trần cũng Vô lượng, tất cả chư Phật Như Lai ở trên đầu sợi tóc giảng kinh nói pháp đoạn tóc không có phình to, Chư Phật Bồ Tát cũng không có thu nhỏ.

Đây hoàn toàn là cảnh giới “*Sự lý vô ngại, sự sự vô ngại*”¹⁵ của Kinh Hoa Nghiêm, không một pháp nào không là Vô Lượng. Bất cứ một pháp nào cũng đều là toàn thể tận hư không khắp pháp giới, ý nghĩa này đều đã ở trên “Hoa Nghiêm”. Cho nên quyển kinh này là thu nhỏ của “Hoa Nghiêm”, là tinh hoa của “Hoa Nghiêm” ở ngay trong đó. Kinh “Hoa Nghiêm” đã nói “*Lục tướng Thập Huyền*”¹⁶, quyển kinh này cũng là “Lục tướng Thập Huyền”. Hơn nữa mỗi câu, mỗi chữ trong đó đều là viên mãn đầy đủ “Lục tướng Thập Huyền”. Người xưa gọi kinh này là “Hoa Nghiêm” quyển trung không phải không có đạo lý.

Nhưng vì Vô Lượng của Vô Lượng thì không dễ nói nên Thế Tôn chỉ nêu ra hai loại, Vô Lượng Thọ cùng Vô Lượng Quang để đại biểu tất cả đều Vô Lượng.

“Quang” là gì?

“Quang” là ánh sáng chiếu tận hư không khắp pháp giới. Ánh sáng của Phật chiếu khắp, thế nên hiện tại chúng ta gọi là không gian. Quang Minh đại biểu không gian.

“Thọ” là gì?

“Thọ” mạng đại biểu thời gian, quá khứ, hiện tại, vị lai.

Khi hợp “thời gian, không gian” lại chính là toàn thể vũ trụ, vạn sự vạn vật trong đó, không có thứ nào sót lọt.

Phật dùng hai ý Quang, Thọ này để giải thích Vô Lượng, lược nói cũng nói được rất viên mãn. Vậy chúng ta tỉ mỉ nghĩ lại thử xem. Người hiện tại nói “Thời Không”, Phật nói “Quang Thọ”. Ý nghĩa Quang Thọ tốt hơn Thời Không vì trong Quang Thọ có linh khí, Thời Không hoàn toàn biến thành vật chất không có linh tánh. “Quang Thọ” có linh tánh trong đó còn viên mãn hơn rất nhiều so với hai chữ “Thời Không”.

Người xưa nhắc nhở chúng ta ở ngay trong Đức năng Vô lượng, ngay trong tất cả Vô lượng thì “Thọ”

là chiếm địa vị thứ nhất. Việc này chúng ta có thể lý giải, nếu như tất cả Vô lượng bạn đều có được mà không có thọ mạng thì vẫn không phải là một mảng không hay sao? Nếu không có thọ mạng thì thọ dụng gì bạn cũng không có được. Cho nên trong tất cả Vô lượng thì thọ mạng là thứ nhất. Do đó, liền dùng Vô Lượng Thọ để giải thích A Di Đà.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc có một vị đạo sư vĩ đại, đức hiệu của Ngài được gọi là “A Di Đà Phật”, vị Phật này nguyện hạnh từ nhân địa mãi đến thành tựu được quả vị. Sau khi thành tựu sự nghiệp, Ngài đã triển khai mở rộng, giúp đỡ tất cả chúng sanh tận hư không khắp pháp giới đều ở ngay trong một đời viên mãn thành Phật. Việc này không thể nghĩ bàn, đó là hiện rõ ra chân thật Vô lượng của Vô lượng. Chúng ta phải tỉ mỉ thể hội mới có thể được một hai phần. Thọ dụng của chúng ta là vô cùng vô tận, thọ dụng biểu hiện ở chỗ nào vậy? Biểu hiện ở ngay “Tin - Nguyện - Hạnh” của bạn: Tin sâu không nghi tuyệt đối không bị dao động; Thiết nguyện, nguyện lực kiên cường không có bất cứ thứ gì có thể mê hoặc. “Tin - Nguyện - Hạnh” của bạn thành tựu rồi.

Thứ năm là chữ: **“Trang Nghiêm”**

“Trang Nghiêm” dùng lời hiện tại của chúng ta mà nói là tốt đẹp, tốt đẹp đến cùng tột. Bỏ kinh

chúng ta đọc đến “Nhất Hướng Chuyên Chí, Trang Nghiêm Diệu Độ”.

Diệu Độ là chỉ gì vậy?

Người thông thường nghe rồi cho rằng đây nhất định là chỉ thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bạn chỉ nói đúng một nửa, còn một nửa ở đâu vậy? Khi vừa chuyển đổi cảnh giới của bạn thì hoàn cảnh cư trú hiện tại của chúng ta chính là Diệu Độ, nơi này chính là Diệu độ. Tuy không phải là Diệu độ chân thật, nhưng gần giống Diệu độ.

Như Đại sư Thiên Thai nói Lục tức, Tương tợ tức, Phần chứng tức, còn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là “Diệu độ cứu cánh”.

“*Nhất hướng chuyên chí*”, câu này là có thể “Trang nghiêm”. Chỉ cần bạn có thể làm đến được “Nhất hướng chuyên chí” thì cõi này hiện tại của chúng ta liền biến thành “tương tợ” Tịnh Độ, liền biến thành Diệu độ. “Cảnh tùy tâm chuyển”, cái ý này nếu bạn có thể thể hội thì bạn liền có thể tượng ra được.

Vào thời đại Đông Tấn, Đại sư Viễn Công ở Lô Sơn - Giang Tây xây dựng Niệm Phật đường Đông Lâm và ngay lúc đó, họ ở nơi đó niệm Phật tu hành,

vậy thì nơi đó của họ chính là Diệu độ. Vì sao vậy? Vì mỗi một người bước vào đều là “Nhất hương chuyên chí”.

Quyển kinh này của chúng ta giảng phương pháp tu hành. Cương lĩnh tu hành là “Một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật”, “*Phát tâm Bồ Đề, một lòng chuyên niệm*” thì hoàn cảnh của họ ở đó chính là Diệu độ, chính là Tịnh Độ như Đại đức xưa đã nói “*Tâm tịnh thời cõi nước tịnh*”.

Ở đạo tràng của Đại sư Viên Công này, người người đều là tâm thanh tịnh, người người đều là nhớ Phật, niệm Phật thì cái đạo tràng đó của họ làm sao mà không biến thành Tịnh Độ chứ? Trang nghiêm thù thắng trùng trùng, nghìn trùng tương lạ tự nhiên hiện tiền, cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Lại nói đến “Cõi Cực Lạc kia, công đức vô lượng, đầy đủ trang nghiêm”. Câu nói này hiển nhiên là tán thán thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vì sao vậy? Mười phương bao gồm tất cả cõi nước, những chúng sanh ở đó người niệm Phật vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là người tâm thanh tịnh, mỗi người đều là nhớ Phật niệm Phật. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là một cái đạo tràng lớn, chúng ta cũng liền có thể nghĩ đến. Vì sao tất cả Chư Phật đều tán thán? Ở trong kinh này Thích Ca Mâu Ni Phật tán

thán A Di Đà Phật “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”¹⁷. Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán là đại biểu hết thảy tất cả chư Phật đều tán thán như vậy, không có một vị Phật nào mà không tán thán A Di Đà Phật là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”. Dựa vào cái gì? Dựa vào thế giới của Ngài. Tất cả những người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc không có một người nào là tâm địa ô nhiễm, mỗi mỗi đều là thanh tịnh.

Việc này trong mười phương tất cả cõi nước chư Phật không tìm ra được. Mười phương cõi Phật đương nhiên rất là trang nghiêm, rất là thanh tịnh nhưng trong đó ít nhiều vẫn còn có mấy người khởi vọng tưởng, nhưng chiếm số ít thôi. Còn thế giới Ta Bà này của chúng ta, chúng sanh phiền não chiếm đa số, có thể nói là ngay trong một vạn người chúng ta thì có đến chín ngàn chín trăm chín mươi chín người đều đang khởi vọng tưởng. Sai biệt lớn đến như vậy nên cõi Ta Bà là uế độ. Cũng có những thế giới những chúng sanh ở đó có được phân nửa tâm địa thanh tịnh, còn một nửa là không thanh tịnh. Như vậy chúng ta xem ra chính là Tịnh Độ vẫn có thế giới có số ít tâm địa không thanh tịnh, nhưng chỉ chiếm 10 – 20%, còn tâm địa thanh tịnh chiếm 80% - 90%. Không thể giống thế giới Tây Phương Cực Lạc không có người nào là không thanh tịnh, 100% thanh tịnh.

Vì sao vậy? Tâm không thanh tịnh không thể sanh Tịnh Độ. Việc này các vị đồng tu phải ghi nhớ, chứ không thể nói “Tôi niệm Phật thì quyết định sanh Tịnh Độ”. Không thể có việc đó, bạn một ngày niệm mười vạn danh Phật hiệu, nhưng trong lòng vọng tưởng không ngừng thì như người xưa nói “*Đau mồm rát họng chỉ uống công*”. Quả nhiên nếu tâm địa thanh tịnh thì một ngày chỉ cần niệm mười danh hiệu, hai mươi danh hiệu cũng được.

Bạn thấy người xưa đề xướng “*Pháp mười niệm*”, nhưng tôi dạy cho các vị đồng tu “Pháp mười niệm” còn đơn giản hơn. Một lần là mười câu “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật...”, liên tục niệm mười danh hiệu. Mười danh hiệu thời gian rất ngắn nên ngay trong thời gian ngắn ngủi này một vọng niệm cũng không thể xen lọt được vào, cái niệm này gọi là “*Tịnh niệm không xen tạp*”, khi niệm nhiều thì sẽ khởi vọng tưởng. Trong mười câu niệm không khởi vọng tưởng, đó chính là “Tịnh niệm”. Mỗi ngày niệm chín lần, không thiếu một lần nào, ngày nào. Đó gọi là “Liên tục”, phù hợp với trên kinh đã nói “*Tịnh niệm tương tục*”.

Có rất nhiều đồng tu dùng phương pháp tôi dạy đến nói với tôi rất có hiệu quả. Hy vọng một ngày chín lần là ít nhất, số lần càng nhiều đương nhiên sẽ càng tốt. Dùng phương pháp này dễ dàng nhiếp tâm.

Cho nên điềm thù thắng của Tây Phương Cực Lạc ở ngay chỗ này và cũng chính là A Di Đà Phật tiếp dẫn người.

Thực tế dùng lời hiện tại này của chúng ta mà nói, thế giới của A Di Đà Phật hoan nghênh mọi người di dân đến bên đó định cư, rất là hoan nghênh. Thế nhưng điều kiện để di dân là “*Tâm thanh tịnh*”. Dùng phương pháp gì đạt đến tâm thanh tịnh đều được cả, niệm Phật cũng được, tham thiền cũng được, học giáo cũng được, trì chú cũng được. Bạn xem trong kinh văn phần ba bậc vãng sanh của chúng ta: Thượng, Trung, Hạ là nói cho người niệm Phật, phía sau còn có một đoạn nói về người tu học các pháp môn Đại thừa khác, chỉ cần tu đến tâm địa thanh tịnh phát nguyện vãng sanh thì tất cả đều có thể đi đến thế giới của A Di Đà Phật. Cái cửa này mở rộng, tuyệt nhiên không có nói “*Người không niệm A Di Đà Phật thì ta không có rước người*”, không hề có đạo lý này, chỉ cần tâm địa thanh tịnh, tùy tiện tu một pháp môn nào thấy đều được cả, đều có thể vãng sanh.

Tôi từng ở Úc Châu trong một buổi luận đàm mời tôi diễn giảng. Tôi xem đại chúng trong luận đàm tổng cộng có 14 đoàn thể tôn giáo: Phật giáo, Đạo giáo, Ki Tô giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo, tất cả đều có. Tôi liền nói với họ, không luận các vị tu học một tôn giáo nào, chỉ cần tu đến

tâm thanh tịnh và phát nguyện vãng sanh, A Di Đà Phật thầy đều tiếp dẫn bạn.

Pháp chúng ta là pháp bình đẳng, không có kỳ thị chủng tộc, do đó không thể nói là bạn tin theo Giê Su giáo thì A Di Đà Phật không hoan nghênh, không có đạo lý này. Không luận là bạn tu pháp môn nào, không luận bạn tín ngưỡng tôn giáo nào, chỉ cần tu được tâm địa thanh tịnh, phát nguyện cầu vãng sanh thì A Di Đà Phật đều rất là hoan nghênh bạn, A Di Đà Phật đều sẽ đến tiếp dẫn bạn. Pháp môn này rất tuyệt vời, không có bài xích dù rằng chúng ta tu học các tông phái khác nhau. Vậy mới gọi là “thật trang nghiêm”. Cho nên thế giới Tây Phương Cực Lạc trang nghiêm thù thắng không gì bằng.

“Đại Thừa”, “Vô Lượng Thọ”, “Trang Nghiêm” mà bên trên đã nói đều là “tánh đức” của chúng ta. Đức năng tự tánh vốn đủ là quả báo mà chúng ta mong cầu. Vậy mục đích chúng ta học Phật ở đâu?

Mục đích học Phật là gì?

Mục đích chính là phải đạt được “Đại Thừa, Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm”.

Hiện tại nếu bạn muốn hỏi, phải làm thế nào

mới có thể đạt được? Đề Kinh phía sau là đưa ra phương pháp cho chúng ta nếu chúng ta thật muốn, thật muốn ở ngay trong một đời này đạt được “Đại Thừa, Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm”. Vậy chúng ta muốn hỏi “Vô Lượng Thọ” có thể được hay không? Có thể được, ngay một đời này của chúng ta là Vô Lượng Thọ.

Thế nào là Vô Lượng Thọ?

Ngay một đời này quyết định không chết? Chết rồi còn có thể gọi là trường thọ hay sao? Quyết định không chết. Các vị phải biết thù thắng nhất của Tịnh Tông là không chết. Nếu như bạn tu được tốt ở ngay trong cuộc sống thường ngày thì phải ghi nhớ phải chân thật sám hối tiêu nghiệp chướng. Nếu không tiêu trừ nghiệp chướng thì đó chính là chướng ngại.

Nghiệp chướng là gì?

Là chướng ngại. Cái gì là chướng ngại? Bạn có phiền não là chướng ngại, bạn có lo lắng là chướng ngại, bạn có vướng bận là chướng ngại, bạn có bệnh khổ là chướng ngại. Tiêu trừ chướng ngại chính là tiêu nghiệp chướng. Phải đem tất cả những thứ này (phiền não, lo lắng, vướng bận, bệnh khổ) thả đều buông bỏ. Trong hai thời, sáu thời, mỗi giờ mỗi phút giữ gìn tâm thanh tịnh của chính mình.

Thứ sáu là chữ: “**Thanh tịnh**”

Giữ gìn thanh tịnh. “Thanh tịnh” chính là không có ô nhiễm, “Bình đẳng” chính là không có phân biệt. Có phân biệt thì không có bình đẳng; Có tốt xấu thì bị ô nhiễm, không thanh tịnh. Cái này thì ưa thích, cái kia thì chán ghét, bạn đã bị ô nhiễm rồi, thì bạn nhất định có chương ngại.

Chúng ta xem thấy có một số người niệm Phật vãng sanh không bị bệnh, biết được lúc nào thì đi, dường như đã có hẹn rồi với Phật vậy, ngày hôm nào, mấy giờ chúng ta gặp mặt, Ngài đến đón ta, đã hẹn xong rồi, không bị bệnh, đứng mà đi, ngồi mà đi, rất tự tại.

Ngày trước tôi ở Đài Loan, lão Hòa thượng Đạo Nguyên nói cho chúng tôi nghe một câu chuyện vãng sanh đều là thật, tên của họ tôi không còn nhớ được. Có một người niệm Phật trước khi vãng sanh ông nói với mọi người:

- Các vị đã từng thấy qua hoặc là nghe nói qua ngồi mà vãng sanh, có nghe nói qua chưa?

Mọi người nói:

- Có!

Ông tiếp:

- Có nghe nói mà cũng có thấy qua đứng mà vắng sanh chưa?

- Cũng có nghe nói qua, cũng có thấy qua.

Ông liền búng người một cái, đầu trúc xuống chân hướng lên trên rồi nói:

- Như vậy vắng sanh các vị có nghe nói qua chưa?

- Chưa có.

Thì ông liền vắng sanh. Bạn xem thấy đẹp làm sao, rất tự tại. Vì sao ông có thể làm được? Vì tâm của ông thanh tịnh, không có chút ô nhiễm, ông được tự tại, ngay trong cuộc sống thường ngày được tự tại, vắng sanh cũng tự tại, không có thứ nào không tự tại. Các vị phải nên biết ông ấy sống mà ra đi, đi đến bên đó không chết, ông ấy không chết, cái thân này không cần nữa, thì đổi cái thân của Phật, làm gì có chuyện chết? Một chút đau khổ cũng không có, an vui tự tại, rõ ràng tường tận, đổi một thân thể thù thắng hơn rất nhiều so với thân thể hiện tại này.

Trên kinh nói rất rõ ràng, người thế giới Tây Phương Cực Lạc “*Thân thanh khiết, thể không*

hoại”¹⁸. Cái thân thể đó là tùy tâm sở cầu, biến hóa không cùng tận như Thế Tôn đã nói ở trên kinh “Ngàn trăm ức hóa thân”. Thích Ca Mâu Ni Phật có ngàn trăm ức hóa thân, người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù là Phạm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sanh đều có năng lực như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy. Ngàn trăm ức hóa thân thì bạn mới có thể đồng thời cúng dường vô lượng vô biên chư Phật, đồng thời nghe được vô lượng vô biên Chư Phật giảng kinh nói pháp, bạn nói xem tự tại biết bao.

Ngày nay chúng ta học rất khổ cực, học cả đời một hai bộ kinh cũng không cách gì học thông, nhưng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, một giờ ở nơi đó học được, trong khi chúng ta ở nơi đây học mười vạn năm cũng không học được. Đó là thật, không phải là giả. Ở nơi đó, một giờ đồng hồ bạn nghe mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai giảng kinh nói pháp, vậy còn gì bằng.

Cho nên muốn khai đại trí tuệ cứu cánh viên mãn, bạn nói xem không vãng sanh làm sao được? Không cầu vãng sanh thì không thể được vì không vãng sanh mà muốn dựa vào tu hành của chính mình thì bạn phải tu đến đoạn Kiến Tư phiền não ra khỏi ba cõi, lại phải phá tiếp Trần Sa, Vô minh vượt mười pháp giới, rất gian nan, rất khổ sở, rất không dễ dàng. Ở trên thời gian mà nói chân thật là phải vô lượng

kiếp còn chưa chắc có thể thành tựu. Cho dù siêu việt mười pháp giới chứng được Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Rồi từ Viên Giáo Sơ Trụ lại phải chứng được Phật quả viên mãn mà việc này ở trên kinh Phật nói còn phải trải qua ba Đại A Tăng Kỳ kiếp, làm gì mà bằng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, vì đến nơi đó thì liền chứng được, đó là chân thật không phải là giả.

Có một số đồng tu nghe đến lời nói này của tôi hoài nghi, họ nói:

- “Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh” không có cách nói này, hạ hạ phẩm vãng sanh, phải 12 kiếp mới hoa khai kiến Phật.

Không sai! trên “Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh” là có cách nói này. Thế nhưng bạn phải nên biết vì sao Phật phải nói lời nói này? Chúng ta học Phật phải nương vào một bộ kinh nào? Chỗ chúng ta nương vào nhất định là “Kinh Vô Lượng Thọ”. Hơn nữa trong “Kinh Vô Lượng Thọ” có Phẩm Thứ Sáu nói về 48 nguyện. 48 nguyện là chính A Di Đà Phật nói, còn Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Tịnh Độ cho chúng ta. Trong Tịnh Độ ba kinh nếu như có một câu trái với 48 nguyện thì chúng ta không thể tin tưởng. Bạn xem, mở quyển kinh ra mỗi câu, mỗi chữ đều tương ứng với 48 nguyện. Thế nên Thế Tôn vì sao nói ra cái pháp này? Cách nói này, ý nghĩa của nó

chúng ta phải hiểu rõ rằng vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc nếu như “không luận gia trì” bốn nguyện Di Đà thì bạn hạ hạ phẩm vãng sanh phải tu mười hai kiếp bạn mới hoa khai kiến Phật.

“Không luận gia trì” là cái ý như vậy?

Trong cái ý này có mật nghĩa, mật nghĩa là nói rõ cái gì? Nói rõ thế giới Tây Phương thù thắng không gì bằng, bạn ở thế giới phương khác là lấy cảnh giới này mà nói, hạ hạ phẩm vãng sanh, đó là phạm phu một phẩm phiền não cũng chưa đoạn. Cho nên “Đới nghiệp vãng sanh”¹⁹, phiền não chưa đoạn nên 12 kiếp hoa khai kiến Phật.

Hoa khai kiến Phật là địa vị thế nào?

Trong thiên tông nói “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” là địa vị Viên giáo sơ trụ.

Việc này chúng ta liền hiểu rõ, nếu như không phải ở thế giới Tây Phương thì một phạm phu muốn thoát khỏi sáu cõi, siêu việt mười pháp giới chứng được Viên giáo Sơ trụ thì như trên Kinh Hoa Nghiêm đã nói phải trải qua vô lượng kiếp.

Vì sao thời gian dài đến như vậy? Vì thời gian thoái chuyển qua nhiều, tiến thì ít, lùi thì nhiều, vì nó

có thoái duyên. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có thoái duyên, chỉ có tiến bộ cho nên 12 kiếp liền thành công. 12 kiếp so với vô lượng kiếp thời gian đã rút ngắn được rất nhiều, quá nhiều. Đây là nói rõ sự thù thắng của thế giới Tây Phương. Phật nói lời nói này là cái ý như vậy.

Tình hình thực tế không phải như vậy. Bạn xem 48 nguyện đã nói (vì đó là căn cứ bậc nhất của Tịnh tông, không phải thứ hai mà là căn cứ bậc nhất) tức A Di Đà Phật nói với chúng ta người sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Chí Bồ Tát. Vậy còn gì bằng.

Bồ Tát A Duy Việt Chí là gì?

Trong chú giải của cổ đức nói với chúng ta địa vị thấp nhất là Thất Địa Viên giáo còn địa vị cao nhất là Đẳng giác Bồ Tát. Hay nói cách khác vừa sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc ngôi vị của bạn chính là vị thứ từ Thất Địa trở lên đến Đẳng giác. Thật là khiếp người. Cho nên gọi là pháp khó tin.

Ai khó tin vậy? Mười phương Thanh Văn, Duyên giác, Bồ Tát nghe rồi đều không tin tưởng. Vì sao? Bạn xem thấy họ tu hành khổ cực đến như vậy, quả báo có được nhỏ xíu, trong khi việc của bạn làm không đáng để nêu ra, thật gọi là một bước lên trời,

lập tức liền lên đến Thất Địa. Họ nghe rồi không thể tin phục, không tin phục thì cũng không được gì. Vì sao bạn có thể lên đến được quả vị cao như vậy? Vì “Gia trì” bốn nguyện của A Di Đà Phật. Cho nên pháp môn này gọi là pháp môn nhị lực: Chúng ta chính mình chỉ cần đầy đủ “Tín - Nguyện - Hạnh”, thâm tín thiết nguyện, lão thật niệm Phật, chúng ta chuẩn bị điều kiện này là tự lực; còn 48 nguyện A Di Đà Phật gia trì chúng ta là tha lực giúp chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, có phẩm vị cao như vậy, thành tựu thù thắng không thể nghĩ bàn như vậy, đến nơi đâu mà tìm chứ? Bạn đi tra khắp Đại Tạng kinh cũng không có cách nói này, chỉ có “Kinh Vô Lượng Thọ”, “Kinh A Di Đà” mới có cách nói này, chúng ta phải tin tưởng.

Thời xưa chưa tu học pháp môn này, người vãng sanh chúng ta không có dịp thấy qua vì vậy không cần nói. Từ lúc chúng ta học Phật tiếp xúc với pháp môn này, chúng ta xem thấy người y theo pháp môn này mà tu hành, chân thật có người đứng mà ra đi, có người ngồi mà đi, chính mắt chúng ta xem thấy chính tai nghe được, vậy có thể giả được hay sao?

Khi tôi ở Đài Loan, dường như là vào năm dân quốc thứ 58, tôi giảng kinh ở miền Nam Đài Loan, có một vị cư sĩ nói với tôi về một câu chuyện: Tướng quân Lương Đài Nam có một bà vợ già niệm Phật,

niệm được ba năm thì đứng vãng sanh. Khi bà ra đi là đứng mà đi, không hề có bệnh. Bà cụ này tâm địa rất hiền lương, bình thường ngay trong cuộc sống thường ngày đích thực là không tranh với người, không mong cầu với đời. Hoàn cảnh gia đình cũng có thể tạm qua ngày, con cháu rất hiếu thuận, cho nên bà buông bỏ vạn duyên để học Phật. Lúc đầu cũng không hiểu được gì gọi là Phật? Trái lại khi nhìn thấy tượng Thần thì cũng xem như Phật để bái lạy, Bồ Tát Thổ Địa, Thành Hoàng cũng là Bồ Tát, không phân biệt Thần và Phật, bái lạy khắp nơi. Ba năm trước, con trai bà cưới vợ, cô dâu hiểu được chút ít Phật pháp, khuyên mẹ chồng không nên đi bái lạy nhiều nơi mà chuyên ở nhà lạy A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Bà mẹ chồng này rất có thiện căn, liền tiếp nhận lời khuyên bảo của con dâu, không đi lạy thần nữa mà chuyên niệm A Di Đà Phật. Niệm được ba năm, hôm vãng sanh là buổi tối, khi ăn cơm tối, bà nói với người trong nhà của bà:

- Các con cứ ăn cơm trước đi, không nên đợi mẹ, mẹ phải đi tắm rửa.

Con trai và dâu rất hiếu thuận, vẫn ở đó đợi. Bà thật đã có đi tắm, đi tắm rất lâu mà không thấy ra. Người nhà mới vào trong xem thử, thấy bà có tắm qua. Ở trong nhà có một Phật đường nhỏ, bà mặc áo tràng rất chỉnh tề, trên tay đang cầm xâu chuỗi niệm

Phật, gọi không thấy bà trả lời, bước lại gần xem thì bà đã vãng sanh rồi, đứng mà vãng sanh. Đây là việc cách nay không lâu, bây giờ đến miền Nam Đài Loan khi nhắc đến chuyện này, có rất nhiều người biết, việc này sao là giả được.

Còn có một trường hợp khác, khi tôi ở Cựu Kim Sơn nước Mỹ, có một cụ bà ngồi mà vãng sanh. Ở Mỹ đời sống rất vất vả, cả hai vợ chồng đều phải đi làm vì chỉ dựa vào một người kiếm tiền thì không nuôi được cả nhà. Nếu như có con nhỏ, phần nhiều là mời mẹ của mình đến để trông nom trẻ. Họ không mời ba của họ mà mời mẹ của họ đến để vừa nấu cơm vừa trông con cho họ, cho nên người già ở Mỹ cũng tương đối vất vả. Bà cụ này là một người niệm Phật, cho nên khi con trai con dâu đi làm, cháu nội đi học, bà một mình ở nhà niệm Phật, nên rất thanh tịnh, không ai quấy nhiễu bà, cũng không biết đã niệm được bao nhiêu năm, không hề biết, không rõ lắm. Ngày mà bà ra đi (không biết cụ thể là bà đã ra đi vào lúc nào) là vào buổi tối, sáng sớm người trong nhà phát hiện bà cụ sáng hôm nay sao chưa thức dậy, vì bình thường bà đều thức dậy sớm nấu cơm sáng nhưng sáng sớm hôm nay không thức dậy nấu cơm. Khi mọi người thức dậy, thấy nhà bếp không có người dậy nấu cơm, thế là liền cho rằng bà cụ hôm nay ngủ trễ. Vì sao mà ngủ trưa đến như vậy? Đến

mở cửa phòng của bà, sau khi mở cửa ra, bà cụ đang xếp chân ngồi kiết già ở trên giường, khi xem kỹ thì đã vắng sanh rồi, không biết được đã đi vào lúc nào. Một việc hiếm thấy khác đó là bà cụ này vẫn còn di chúc để ngay trước mặt, không chỉ có di chúc, hiếu phục của con trai, con dâu, cháu nội, không biết bà đã may nó từ lúc nào, đều là chính mình bà làm, từng phần từng phần để ở ngay trước giường. Biết trước giờ đi nên bà đã chuẩn bị từ sớm, bạn xem hiếu phục của con cháu, bà đều đã may xong.

Người niệm Phật ngồi mà đi đều là những việc gần đây nhất, không phải là quá xa xôi, chúng ta chính mắt nhìn thấy, chính tai nghe được. Cho nên chỉ cần tâm thanh tịnh thì chúng ta có thể làm được. Tại sao lại đem những việc thế gian không liên quan, những việc vụn vặt xen tạp để ở trong lòng chứ? Nhất định phải học thanh tịnh. Thanh tịnh có cái tốt đến như vậy, chân thật biết được quá khứ, hiện tại, vị lai, tiền đồ là một mảng sáng lạng.

Cho nên thế gian cho dù là việc gì nghe được cũng tốt, thấy được cũng tốt, tất cả đều không nên để ở trong lòng. Thấy như không thấy, nghe như không nghe, mỗi giờ mỗi phút gìn giữ tâm thanh tịnh của bạn. Người ta có thể làm được chúng ta cũng có thể làm được. Nếu làm không được thì tâm vẫn là không thanh tịnh, khi sắp ra đi, vẫn còn việc chưa giao phó

xong, bạn nói xem có đáng lo hay không? Vậy thì sao được? Tất cả phải buông bỏ, không dính mắc một thứ gì. Như vậy mới được, lúc nào thì buông bỏ? Buông bỏ ngay bây giờ, then chốt là không nên để tâm.

Thứ bảy là chữ: **“Bình Đẳng Giác”**

Tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. “Bình đẳng” chính là chân tâm, bình đẳng chính là chân tánh, bình đẳng chính là chân như, bình đẳng chính là pháp môn không hai, còn “hai” là không bình đẳng.

Hiện tại chúng ta phải nỗ lực học tập. Cách học tập thế nào? Đem quan niệm của chúng ta chuyên đổi lại, biết được vạn pháp quy về một. Một chính là bình đẳng, hai thì là không bình đẳng. “Vạn pháp nhất như”, như trong kinh văn “Như thị ngã văn”. Vì sao kinh Phật chữ đầu tiên thì dùng “Như”? Vạn pháp như một, đó là nói chân thật. Khi đến kinh văn thì chúng ta sẽ giảng kỹ hơn.

Cho nên phải tu tâm bình đẳng, luyện tập không phân biệt, trong lòng nhất định không có phân biệt. Vậy thì ở ngay trong cuộc sống thường ngày có nên phân biệt hay không? Phải phân biệt, cái phân biệt này là bởi vì họ phân biệt, ta đối phó với họ, họ chấp trước chúng ta đối phó với họ. Họ nói “Đây là Phật đường”, chúng ta cũng gọi là “Phật đường”. Là họ

phân biệt không phải ta phân biệt, trong lòng chúng ta không có cái tâm phân biệt “Phật đường” này, không có cái ý niệm này, họ nói cái tướng như thế này gọi là người, ta liền gọi là người. Tùy chúng sanh phân biệt mà phân biệt, tùy chúng sanh chấp trước mà chấp trước, còn trong tâm chính mình đích thực ra là không có phân biệt, không có chấp trước. Đây là phương pháp chúng ta tu Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác.

Các vị phải nên biết, có phân biệt, có chấp trước là phạm phu, không còn có cách nào, ngay trong một đời này không thể giải quyết vấn đề sanh tử.

Sáu cõi từ đâu mà ra? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra. Nếu như không có chấp trước thì không có sáu đường, tuy rằng bạn vẫn còn có vọng tưởng, phân biệt. Không có chấp trước, phân biệt cũng không có, thì bạn siêu việt mười pháp giới vì mười pháp giới, những thứ này đều là vọng tưởng, phân biệt biến hiện ra, bạn liền siêu việt mười pháp giới.

Siêu việt mười pháp giới bạn liền bước vào pháp giới Nhất Chân, trong pháp giới Nhất Chân vẫn còn vọng tưởng tuy rằng cái vọng tưởng đó rất mỏng, đã không còn chướng ngại, thế nhưng vẫn phải đoạn dứt. Vọng tưởng chính là vô minh. Trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói “41 phẩm vô minh”, tất cả đoạn tận

rồi, thì viên mãn thành Phật.

Đó là Phật nói rõ cho chúng ta sáu cõi, mười pháp giới là do đâu mà ra, là giả. Năng biến vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã là giả, thì cảnh giới sở biến làm gì là thật được. Sáu cõi, mười pháp giới đều là không thật “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”²⁰, “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*”²¹. Nếu bạn đem những thứ này để ở trong lòng là sai rồi. Chúng ta muốn khi vãng sanh tự tại, đẹp mắt, thì bạn phải buông bỏ những thứ này, chân thật làm đến được Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác.

Quyển kinh này thù thắng nhất là Bình đẳng phổ biến giác ngộ tất cả chúng sanh. Hay nói cách khác chính là dạy tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Pháp môn này còn gì hơn được sao? Bao gồm trong tất cả pháp môn đều không có cách nói này, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, Trời, Người, làm sao có thể bình đẳng thành Phật? “*Kinh Vô Lượng Thọ*” là dạy chúng ta bình đẳng thành Phật, kinh này gọi là Kinh Bình Đẳng, pháp này gọi là Pháp Bình đẳng, cái học này gọi là học Bình đẳng, còn gì bằng chứ.

“*Bình đẳng giác*” cũng là biệt hiệu của A Di Đà Phật, cũng là chánh giác của tất cả chư Phật, chỉ cần thành Phật đều gọi là Bình Đẳng Giác. Phật và Phật bình đẳng, Bồ Tát cùng Bồ Tát không bình đẳng,

Phật cùng Phật mới bình đẳng, Phật Phật đạo đồng.
Vì sao vậy? Thấy đều đoạn hết vọng tưởng, phân
biệt, chấp trước, hiện ra là tướng bình đẳng.

Sau cùng là chữ “**Kinh**”

Chỗ này đã thường nói nên chúng ta ngay chỗ
này cũng tỉnh lược đi. Hôm nay giảng Đề Kinh này,
giảng nói với các vị chỉ đến chỗ này thôi.

Thời gian đã hết rồi, chúng ta niệm Phật hồi
hướng. A Di Đà Phật!

PHẦN THỨ III: CHÁNH KINH

(VCD 003)

PHẨM THỨ NHẤT PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG

CHÁNH KINH: “**Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu.**”

[Dịch nghĩa: Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Phật ở tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, với các đại tỳ-kheo chúng một vạn hai ngàn người câu hội.]

Kinh Phật khi vừa mở đầu, luôn có bốn chữ:

Thứ nhất: “**Như thị ngã văn**” [Tôi nghe như thế này]

Bốn chữ này hàm nghĩa rất là sâu, rất là rộng, thực tế nếu nói sẽ nói không cùng tận. Cái gì gọi là “Như Thị”?

“*Như thị*”: Đại đức xưa thuyết minh cho chúng ta cách nói đơn giản nhất “Như thị chi kinh”, ý nói là “Tôi đích thân nghe được Phật nói”. Đây là cách giảng nói đơn giản nhất.

“Tôi” là ai vậy? Là Tôn Giả A Nan tự xưng. Năm xưa khi Thế Tôn còn tại thế, giảng kinh nói pháp tuyệt nhiên không có ghi chép, giống như Không Lão Phu Tử năm xưa ở đời dạy học cũng là như vậy.

Sau khi Phật diệt độ, các học trò đệ tử của Ngài cảm thấy những điều lão sư cả đời nói ra đối với tất cả chúng sanh thực tế là rất quan trọng, nếu không thể truyền tiếp nữa thì thật là đáng tiếc. Cho nên không thể để cho những gì lão sư đã nói ở ngay trong một đời đại này bị chìm mất. Do đó các học trò mở hội để thảo luận xem làm thế nào đem tất cả kinh mà Phật đã nói lưu truyền được dài lâu, thế là mới có cuộc kết tập này.

Trong lúc kết tập kinh tạng, hoàn toàn phải nhờ vào sức nhớ của người ngay lúc đó. Các vị nên biết Phật nói pháp 49 năm, liệu hiện tại có một người nào những kinh Phật đã giảng trong 49 năm đều có thể ghi nhớ được, nhất là kinh đã giảng 49 năm trước. Liệu bạn còn có thể nhớ được hay không? E rằng ở thế gian này của chúng ta không tìm ra được một người, đừng nói 49 năm, những thứ đã giảng 9 năm trước, cũng e rằng bạn đã quên hết sạch trơn, đều không thể ghi nhớ.

May mà ở ngay trong hàng đệ tử Phật, năng lực ghi nhớ của Tôn giả A Nan đặc biệt mạnh, đích thực

cái năng lực này của ngài A Nan rất thù thắng, sau khi nghe qua một lần, vĩnh viễn sẽ không hề quên đi. Cho nên kết tập kinh tạng mọi người liền tuyên cử A Nan đem kinh mà Thế Tôn cả đời đã giảng trùng tuyên giảng lại một lần nữa. Cũng giống như hiện tại chúng ta tập giảng lại vậy. Thính chúng đều là những bậc Đại A La Hán, đều là đệ tử lớn của Phật, những vị này đều đến nghe Ngài A Nan thuyết, làm chứng cho A Nan.

Kết tập lần thứ nhất có 500 A La Hán, 500 người đến nghe A Nan giảng lại. Ngay trong 500 người nếu có một người nêu ra ý kiến nói : “*A Nan! Câu nói này dường như không phải Phật nói như vậy*”. Vậy thì câu đó cần phải bỏ đi, cần phải sửa đổi. Hoàn toàn không phải là cứ nhiều người tán thành thì thông qua, không phải vậy, phải toàn thể 500 người thấy đều thông qua, có một người phản đối cũng không được. Như vậy mới có thể ghi chép lại trở thành Kinh điển truyền lại cho đời sau. Đó là để lấy chữ tín đối với đời sau. Có như vậy người đời sau có được Kinh Điển sẽ khởi lòng tôn kính. A Nan giảng lại như Phật đã nói không hề khác nhau, cho nên khi vừa mở đầu kinh “*Như thị ngã văn*”. Ở trong đây còn có rất nhiều ý nghĩa, các vị có thể tham khảo chú giải của Đại đức xưa.

Ngày nay chúng ta phải học tập lấy ngay bốn tông mà nói mật nghĩa của “*Như thị*”:

“*Như*” chính là “Chân như bốn tánh”. Cả đời Thế Tôn đã nói, chính là nói rõ Thể - Tướng - Tác dụng của Tự tánh. Đó chính là “Thật tướng các pháp” mà trên Kinh Bát Nhã đã nói. Phật chính là nói việc này, dùng cái chữ “*Như*” này để đại biểu “tánh như tướng này, tướng như tánh này, tánh tướng không hai”. Tánh từ trên lý mà nói, tướng là từ nơi sự mà nói, “*Lý như sự này, sự như lý này, lý sự không hai*”. Phật nói rõ cho chúng ta nghe đại đạo lý này, chân tướng sự thật này. Cho nên khi vừa mở kinh ra liền dùng hai chữ “*Như thị*”, chân thật là đã đem tổng cương lĩnh nói ra.

Nếu như có người hỏi “*Kinh Điền Phật giáo của các người nhiều như vậy, rốt cuộc thì Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói ra những gì?*” Bạn liền chỉ cần nói cho họ “*Như thị*” mà thôi. Nếu bạn muốn hỏi hai chữ “*Như thị*” này, muốn giải thích một cách tỉ mỉ thì một bộ Đại Tạng Kinh chính là giảng hai chữ này, đích thực ra là không có một câu, không có một chữ nào siêu việt hơn hai chữ “*Như thị*”, cho nên ý nghĩa của hai chữ này sâu rộng vô tận.

Theo bốn tông “*Như*” là nói “*Thị tâm thị Phật*”²², “*Thị*” là “*Thị tâm tác Phật*”²³ (cổ đức cũng có cách nói như vậy). Cách nói này cũng nói được rất hay, hoàn toàn là theo “*Kinh Quán Vô Lượng Thọ*” đã nói rõ nguyên lý y cứ của Tịnh Tông. Đích thực là

nguyên lý cơ bản của Tịnh Tông chính là hai câu này “Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”. Hay nói cách khác, tâm chính là Phật, Phật chính là tâm.

Người nào mà không có tâm chứ? Bạn đã có tâm, cho nên Phật nói “Tất cả chúng sanh, vốn dĩ là Phật”. Lời nói này chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ. Tại vì sao nói “Vốn dĩ là Phật”? “Thị tâm thị Phật” đó mà.

Lời nói của tông môn “Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Minh tâm là chân tâm, chân tâm chính là bản tánh. Minh tâm chính là kiến tánh, tâm tánh chính là Phật, tâm chính là Phật, tánh chính là Phật.

*Vì sao “**Tâm**” và “**Tánh**” đều là Phật?*

“Tâm tánh” đều là Phật thì hà tất phải nói hai chữ? Hai chữ này đương nhiên có hai cách nói. Thông thường nếu nói “tánh” là “bản thể” của tâm, còn nếu nói “tâm” là “tác dụng” của tánh. Hay nói cách khác, tâm chúng ta có “thể” có “dụng”. Từ trên “thể” thì gọi nó là “tánh”, từ trên “dụng” thì gọi nó là “tâm”. Cho nên có lúc cái Thể - Dụng này dùng một chữ để nói, nói tâm cũng được, nói tánh cũng được, hai chữ này hợp lại với nhau, một cái gọi là Thể, một cái gọi là Dụng. Việc này chúng ta cần phải hiểu cho rõ ràng tường tận.

Nếu như chúng ta vốn dĩ đã là Phật, vì sao hiện tại không phải là Phật? Chúng ta làm cho tâm tánh mê mất đi rồi. Việc này trên kinh nói mê mất, không phải thật đã mất đi, quyết định không thể nào thật bị mất đi, cho dù bạn biến thành ngạ quỷ, súc sanh, đọa A Tỳ Địa ngục, tâm tánh của bạn vẫn không hề bị mất đi, vẫn tồn tại, chỉ mê mất thôi. Chính mình có chân tâm, có bản tánh, mà không thể giác ngộ, không thể nào phát hiện ra là do sự việc như vậy. Sau khi mê rồi thì chúng ta không gọi là “tâm” nữa, cũng không gọi là “tánh”. Vậy gọi là gì vậy? Ở trong Phật pháp gọi là “thức”, gọi là “tỉnh thức”. “Tỉnh thức” chính là “tâm tánh” mê rồi nên đổi một danh từ gọi nó là “tỉnh thức”, giác ngộ rồi thì gọi nó là “tâm tánh”.

Tâm tánh rốt cuộc là như thế nào vậy?

Chúng ta làm thế nào mới có thể nhận biết nó? Phật nói với chúng ta “thể” của tâm tánh là không tịch, nó không phải là một vật chất, thể nhưng nó đích thực là đang tồn tại. Tất cả hiện tượng vật chất đều là từ nó biến hiện ra, nó là cội gốc của vũ trụ nhân sanh.

Vũ trụ nhân sanh từ do đâu mà ra? Từ tâm tánh biến hiện ra. Cho nên ở trong Kinh Hoa Nghiêm Phật nói “Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, do tâm hiện ra”, đó là do chân tâm chúng ta biến hiện ra, cảnh giới hiện ra.

Vì sao phức tạp đến như vậy? Có biến hóa nhiều đến như vậy? Cái biến hóa đó là do “thức” biến ra, mê rồi mới có biến hóa nhiều như vậy. Trong mười pháp giới từ trên xuống mà nói “Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác”, bên dưới là sáu đường (Trời, Người, Atula, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục), càng hướng xuống mê càng sâu, càng hướng lên trên thì mê sẽ càng ít đi, đều là mê mất đi tâm tánh. Nếu như không mê họ chính là Phật, không phải là phàm phu. Trong mười pháp giới đều gọi là phàm phu, pháp giới bốn thánh trong Phật kinh gọi là “Ngoại phàm”, còn trong sáu cõi là “Nội phàm”. Phàm phu trong sáu cõi thông thường gọi là phàm phu. Ngoài sáu cõi pháp giới thì bốn thánh của mười pháp giới chúng ta gọi là ngoại phàm, cũng vẫn là phàm phu, chưa kiến tánh, chưa hồi phục bản tâm. Cho nên “*Thị tâm thị Phật*” là sự thật ngàn vạn lần chính xác. Tịnh Tông chúng ta tu hành thành Phật, lý luận ngay trong một đời này thành Phật là căn cứ chính ngay chỗ này. Bởi vì chúng ta vốn dĩ là Phật, nhưng hiện tại chúng ta bị mê rồi.

Vậy phải làm thế nào “Phá mê, khai ngộ” để hồi phục lại “*Bản lai diện mục*”²⁴ của chúng ta, vì bản lai diện mục là Phật đó mà. Phương pháp tu học của Tịnh Tông tuyệt diệu, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, lấy pháp môn này là cứu cánh nhất, viên mãn nhất, rất đặc thù, rất trực

tiếp, rất ổn định, cũng rất là mau chóng, phương pháp này là gì vậy?

“Thị tâm tác Phật”:

Làm thế nào vậy? Niệm Phật chính là làm Phật. Bồ Tát Đại Thế Chí đã dạy cho chúng ta “Nhớ Phật niệm Phật”. Trong miệng niệm Phật, trong tâm tưởng Phật, chính là bạn đang làm Phật.

Tưởng Phật cách tưởng như thế nào vậy? Tưởng tướng hảo của Phật, tưởng trang nghiêm của Phật, tưởng công đức của Phật, tưởng Phật tu hành ngay lúc còn phàm phu, tưởng Phật thành tựu ngay trên quả địa, tưởng Phật độ hóa tất cả chúng sanh, vô lượng vô biên công đức thù thắng. Thường nghĩ đến cái tốt này, tâm của bạn chính là làm Phật. Do đó Kinh Vô Lượng Thọ nhất định phải thuộc.

Tôi dạy cho các bạn phương pháp, khi vừa bắt đầu chúng ta liền đem kinh này tụng 3 ngàn biến trong thời gian một năm. Nếu như thời gian một năm không đủ, hai năm ba năm thì đủ rồi, thời gian của ba năm là đủ tụng ba ngàn biến, tụng thuộc lòng. Sau khi tụng thuộc, bạn liền có thể làm đến ức Phật, bạn mới chân thật có thể làm Phật. Một ngày từ sớm đến tối 24 giờ đồng hồ không nên nghĩ thứ khác, hoàn toàn nghĩ đến y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cách nghĩ thế nào vậy? Trong kinh

điền đã nói thường hay ghi nhớ ở trong tâm nghĩ đến cảnh giới trong kinh điền, thì nghĩa là chính bạn đang chân thật tu hành. Bạn liền đem “*Lý, Sự, Tánh, Tướng, Nhân, Quả, Ý, Chánh*” của bộ kinh này, công đức trùng trùng, toàn bộ áp dụng vào thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày của bạn. Nếu tất cả mọi điều trong kinh bạn đều làm được, vậy thì làm sao mà bạn không phải là Phật? Đó là “Thị”, hoàn toàn tương ứng với “Nhu”, cũng chính là hoàn toàn tương ứng với “Thị tâm tác Phật”. Cái nguyên lý này, bạn xem pháp môn này thù thắng biết bao, niệm Phật thành Phật là có căn cứ lý luận, không phải tùy tiện nói. Tôn giả A Nan đích thân nghe được Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói Pháp môn thù thắng như vậy.

“Nhu thị” hai chữ này chúng ta phải học tập như vậy, phải đem đạo lý phương pháp cảnh giới của toàn kinh, đều thực tiễn ngay trong tâm tưởng của chúng ta. Đây chính là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của Tín - Giải - Hành - Chứng trong thiên kinh vạn luận. Phía tiếp sau là hai chữ “Nhất thời”

Thứ hai: “**Nhất thời**” [Một thời]

“Nhất thời” là nói thời gian, không hề viết lên ngày tháng năm, chỉ viết “nhất thời”. Nhất thời có đạo vị, nếu bạn có thể bước vào nhất thời, xin nói với các vị quá khứ, hiện tại, vị lai, bạn thấy đều tường tận.

Người đời chúng ta thông thường hay nói “thần thông quảng đại”, biết được quá khứ, vị lai. Vì sao họ biết được quá khứ, vị lai? Vì họ sống ở ngay trong nhất thời. Vì sao chúng ta không biết được quá khứ, vị lai? Vì chúng ta sống ở trong ba thời. Bạn nói xem có đáng lo hay không?

Ba thời này là gì vậy?

Là quá khứ, hiện tại, vị lai. Việc quá khứ thì quên mất, việc vị lai thì không biết tí gì, hiện tại cũng mơ mơ hồ hồ, cũng không rõ ràng.

Chúng ta muốn học Phật thì làm sao? Học Phật phải qua “Nhất thời”. Làm thế nào để qua được “Nhất thời”? Chúng ta phải hiểu được, phải thông suốt, tuy là chưa làm được, nhưng chân tướng của “Sự” và “Lý” không thể không biết, phải nên biết.

“Nhất” chính là như như bất động. Trong Phật pháp đã nói “Pháp môn bất nhị”, bất nhị chính là “Nhất”. Nếu “Nhị” thì không “Nhất” rồi. Nhất là thật, Nhị là giả. Bạn xem “Nhất chân pháp giới” trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói đó là thật, còn nhị thì biến thành mười pháp giới rồi. “Nhất” là “giác”, “Nhất” chính là “Nhu”. “Nhị” thì không “như”, “nhị” thì mê rồi, “ba tâm hai ý”, ba tâm hai ý là lời nói nhà Phật.

Cái gì gọi là ba tâm?

Dem một biến thành ba, một tâm biến thành ba tâm, một tâm là chân tâm, là chân như. Ba tâm là gì vậy? Tâm, Ý, Thức, A Lại Da Thức là Tâm, Mạt Na là Ý. Sáu cái phía trước là Thức. Vốn dĩ là một Tâm, hiện tại biến thành tám thức, tám thức cũng gọi là ba tâm.

Vì sao có hai ý?

Tác dụng của hai ý rất lớn, trong tám thức, tám cái tâm, hai ý tác dụng rất lớn. Trong hai ý thì “Ý căn” chính là Mạt Na, Mạt Na là chấp trước, chấp trước kiên cố; còn căn thứ sáu là “Ý thức”, ý thức là phân biệt. Hiện tại chúng ta khởi tâm động niệm là phân biệt, chấp trước, chính là do hai ý này làm chủ đạo, đó là mê. Làm thế nào mới có thể hồi phục lại “Nhất”? Bạn xem thấy thiền tông “Minh tâm kiến tánh”, đó là xem thấy “Nhất”.

Ở trong tông môn thường nói “*Thức đặc nhất, vạn sự tất*”²⁵. Bạn hôm nào vào được cảnh giới “Nhất” rồi, bất cứ việc gì cũng xong cả, những việc trong sáu cõi không còn, việc trong mười pháp giới cũng không còn. Chỉ cần bạn có thể chứng được “nhất” bạn liền đến được pháp giới nhất chân, khi vào được pháp giới nhất chân rồi xin nói với các vị thời gian chính là “Nhất thời”.

“Nhất thời” là gì?

Thời gian hiện tại của chúng ta cũng là “Nhất thời”. Nhà khoa học gia thời cận đại Iten đã nói qua trong trước tác của ông “*Quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại*”. Cách nói này của ông thật hơn người. Làm sao ông có thể biết quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại? Chúng ta không biết được ông từ chỗ nào mà phát hiện ra, đương nhiên ông chưa hề thấy được, có thể là ông từ nơi lý luận mà suy đoán ra. Lý luận cơ bản nhất của khoa học là căn cứ vào số học cho nên gọi “Số học là mẹ của khoa học”. Trên lý số cao thâm khi suy đoán ra có thể biết được quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại. Do đó phương đông, phương tây, bất cứ một quốc gia nào, một khu vực nào, đều có một số dự ngôn suy đoán ra tương lai. Dự ngôn do đâu mà có ra vậy? Dự ngôn là suy lý, phân nhiều từ trong số học mà suy đoán ra, suy ra thì chưa chắc hoàn toàn chính xác.

Thế nhưng nếu như con người bạn có thể “Nhập định”, chân thật có được “định”, ở trong cảnh giới thiền định đột phá được thời không, cũng chính là vượt qua quá khứ, hiện tại, vị lai. Quá khứ, hiện tại, vị lai thấy đều xem thấy, chứng minh được điều Iten đã nói “*Quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại*”. Những việc vị lai bạn có thể xem thấy được rõ ràng tường tận thông suốt thấu đáo nên cứ như vậy mà nói ra thì một chút sai lầm cũng không có, đó là dự ngôn rất chính xác.

“Nhất thời”, cái ý nghĩa này rất là sâu rộng. “Nhất thời” mới là thật, nói cho bạn nghe ngày tháng năm là giả, đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của tất cả chúng sanh.

Phật pháp nói lời thật cho bạn nghe, tuy là kinh điển Phật y theo “Nhị đế” mà nói. Trong pháp Nhị Đế chính có Chân Đế, Chân Đế là cảnh giới mà Phật đã thân chứng đó là Chân Đế, còn tùy theo tri kiến của chúng sanh mà nói đó gọi là Tục đế. Trong một bộ kinh hai loại ý nghĩa này thấy đều có. Đại khái ở trong kinh Tiểu Thừa, giảng nói rất nhiều Tục đế, Chân đế thì giảng ít hơn, còn trong kinh Đại thừa thì giảng Chân đế nhiều, Tục đế thì giảng ít. Càng về giai đoạn sau Phật hoàn toàn giảng lời chân thật, cho nên chữ “Nhất thời” này là lời chân thật, là “chân đế” lấy cảnh giới của Phật mà nói, chúng ta nhất định không được hoài nghi.

Thứ ba: **“Phật”**

“Phật” là người chủ giảng giảng kinh nói pháp lần đó - Thích Ca Mâu Ni Phật

Thứ tư: **“Tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung”** [Ở tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật]

Đó là nơi chốn giảng kinh năm xưa, trên kinh

điển cũng đều có ghi chép chứng minh cho chúng ta sự thù thắng của pháp hội này, có thời gian, có địa điểm, còn có cả thính chúng.

Thứ năm: **“Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu”** [Với các đại tỳ-kheo chúng một vạn hai ngàn người câu hội]

“Cùng với một vạn hai ngàn vị Tỳ Kheo có mặt”. Pháp hội này rất là trang nghiêm, có nhiều thính chúng đến như vậy. Các vị phải nên biết, thông thường chúng ta đọc kinh, xem thấy được ở trong kinh điển, thính chúng trong pháp hội của Phật phần nhiều là nói “Cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo”, còn pháp hội này tăng gấp mười lần so với chúng hội thông thường, một vạn hai ngàn người.

Lại thêm vào phía sau nói với chúng ta, có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, có Nam Cư Sĩ, Nữ Cư Sĩ tại gia, tổng cộng lại có hai ngàn người. Pháp hội trang nghiêm thù thắng như vậy, chứng minh pháp hội này không thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem trong Kinh Pháp Hoa khi vừa mở đầu cũng ở trong hội Pháp Hoa, cũng là một vạn hai ngàn người. Việc này âm thầm nói lên (đó là cổ đức đã nói) *“Mật nghĩa hàm chứa trong kinh”*. Quyển kinh này giống như kinh “Pháp Hoa”, đồng với Pháp Hoa, nói rõ nó là nhất thừa giáo không thể nghĩ bàn.

Chúng ta từ ngay chỗ này, phải nhận biết giá trị của bộ kinh điển này không phải Kinh Điển phổ thông mà là bộ kinh thù thắng không gì bằng.

Kinh văn phía sau đó là tán đức, tán thán cùng đại chúng hội đều không phải người thông thường “Nhất thiết đại thánh thần thông dĩ đạt”.

CHÁNH KINH: “Nhất thiết đại thánh thần thông dĩ đạt”

[Dịch nghĩa: Hết thấy các vị đại thánh đã đạt thần thông.]

Đó là nói ngay trong thính chúng đều không phải người phổ thông. Câu này chuyên môn tán thán, một vạn hai ngàn vị đại Tỳ Kheo trong chúng hội. Một vạn hai trăm ngàn người này là “Đại thánh”, không phải “Tiểu thánh”.

Cách nói Đại thánh cùng Tiểu thánh.

“Tiểu thánh”

“Tiểu thánh” là chỉ Tiểu Thừa A La Hán, bốn quả A La Hán là Thánh nhân của Tiểu thừa.

“Thánh nhân” của Đại thừa địa vị đó thì sao? Thông thường chúng ta hay gọi “Thập hiền, Thập Thánh”.

Lúc nào thì mới có thể xưng Thánh? Đó là quả vị của “Bồ Tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng” gọi là Tam Hiền vị. Từ Sơ địa trở lên trong Thập địa bồ tát mới gọi là Thánh nhân. Thập thánh chính là Thập địa Bồ Tát, từ Sơ địa đến Thập địa, quả vị này gọi là Thánh nhân.

“Đại thánh”

Ngay trong Thánh nhân lại thêm Đại thánh, đó lại không phải là Thánh nhân thông thường, Đại thánh là chỉ ai vậy? Bồ Tát Pháp Vân địa cùng Bồ Tát Đẳng giác, ở hai vị thứ này có thể gọi là Đại thánh.

Do đây có thể biết một vạn hai ngàn người đến dự hội, không phải là người thông thường, chí ít cũng đều là Bồ Tát Pháp Vân Địa, Bồ Tát Đẳng giác, thừa nguyện trở lại để ủng hộ Thích Ca Mâu Ni Phật, nên gọi là *“Một Phật xuất thế, vạn Phật ủng hộ”*. Như diễn kịch Thích Ca Mâu Ni Phật là diễn chính, các vị khác đến phối hợp phụ diễn. Những người diễn phụ này không phải là người thông thường, có những tư cách còn lão luyện hơn so với người diễn chính, thậm chí còn là thầy của diễn chính, đóng vai phụ cho Ngài, phối hợp diễn xướng với Ngài, việc này chúng ta thường xem thấy ở trên sân khấu. Cái thế gian này là một sân khấu lớn, Thích Ca Mâu Ni Phật là vai chủ diễn của kịch trường này, cho nên có rất nhiều cổ Phật, Bồ Tát Đẳng Giác tái lai hiệp trợ với Thích Ca

Mâu Ni Phật, đem cái kịch trường này diễn cho tốt, xướng cho hay. Mọi người chỉ có một mục đích giống như nhau, cái mục đích này là gì vậy? Khiến cho tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, khiến tất cả chúng sanh ở ngay trong một đời viên mãn thành Phật. Đó là bản nguyện của chư Phật.

Ở trong Đề kinh phía trước chúng ta đã nói qua, hiện tại Phật cùng với những Đại thánh này xem thấy thế giới Ta Bà có một loại chúng sanh cơ duyên thành Phật đã chín muồi rồi, Thế Tôn vui mừng không gì bằng, những vị Đại thánh này cũng là hoan hỷ vui mừng không gì bằng, cùng đến phối hợp với Thích Ca Mâu Ni Phật tiếp dẫn chúng sanh căn tánh chín muồi này ngay trong một đời bình đẳng thành Phật. Cho nên những người này không phải là người thông thường. Bạn xem ở chỗ này không hề đem Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thanh tín nam, Thanh tín nữ liệt kê trong đó. Vì sao vậy? Vì những người đó là phàm phu không phải là Đại thánh, còn những vị đại Tỳ Kheo một vạn hai ngàn người này là Đại thánh. Thế nên Thế Tôn ở hội này tự nhiên thù thắng trang nghiêm không gì bằng.

Theo thường lệ khi mở đầu kinh văn thì cần phải liệt kê mấy nhân vật làm đại biểu, cổ đức gọi các vị đó là “Thượng thủ”, liệt kê ra mấy tên.

Quyển kinh này, từ triều nhà Hán mãi đến triều

nhà Tống, tổng cộng có 12 lần phiên dịch, nêu tên nhiều ít không như nhau. Có quyền nêu tên hơn 30 vị, có quyền nêu ra ít thì có 10 vị, 20 vị. Những vị này vì sao phải đem tên của họ nêu ra ở đây? Xin nói với các vị đó là biểu pháp.

Thê Tôn giảng kinh nói pháp bất cứ hội nào họ cũng đều đến tham gia. Tại vì sao ở trong cái hội này, kết tập bộ kinh này nêu tên những người này, kết tập một bộ kinh khác lại nêu lên số người khác? Phải hiểu được ý nghĩa của nó ở chỗ nào? Những người trong số này, từ danh hiệu đến đức hạnh của họ, đủ có thể đại biểu ý nghĩa của bộ kinh này. Xem thấy những người này, liền biết được nội dung của bộ kinh này, biết được trọng điểm của pháp hội lần này là ở đâu. Cho nên nêu ra tên thì đã có ý nghĩa rồi, cho nên tên không phải tùy tiện mà nêu lên.

Cũng giống như thông thường hiện tại trong xã hội chúng ta mở hội nghị vậy, xem thấy đến tham dự hội nghị là những nhân vật nào thì bạn liền biết được tính chất của hội nghị này là như thế nào, họ nói đến những vấn đề gì? Phật pháp trong pháp hội này nêu ra tên bậc thượng thủ cũng là cái ý này.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư khi hội tập bộ Kinh Điền này, ông ở trong chỗ “Thượng thủ” tỉnh lược bớt rất nhiều người, chỉ đem bậc quan trọng nhất nêu ra, mấy vị này cũng đủ để đem nghĩa thú của toàn kinh

thầy đều có thể biểu đạt ra hết. Đó là thủ pháp cao minh của người hội tập làm cho hậu học chúng ta giảm bớt được rất nhiều thời gian và tinh thần mà chúng ta lại nhận được tinh hoa của “Kinh Vô Lượng Thọ”.

Trong 12 loại bản dịch nhiều năm đến nay đã có 7 loại thất truyền, hiện tại trong “Đại Tạng Kinh” còn có 5 loại nguyên bản dịch. Hội tập này của Hạ lão có thể nói là bản tổng hợp của 5 loại nguyên bản dịch. Bạn đọc quyển này cũng như đã đọc qua hết 5 loại nguyên bản dịch kia, văn tự nghĩa lý hoàn chỉnh đầy đủ, không hề kém khuyết chút nào. Năm xưa khi Hạ lão còn ở đời, pháp sư Huệ Minh, pháp sư Từ Chu tán thán, lão cư sĩ Mai Quang Hy thì càng không cần phải nói. Trong lời tựa, trong bạt văn, chúng ta đều xem thấy hội tập được rất tốt, được quá viên mãn, thù thắng hơn rất nhiều so với ba loại hội giáo bản ngày trước, đó là giản lược giới thiệu với các vị. Bây giờ chúng ta xem đức hiệu đại biểu của mấy vị này.

CHÁNH KINH: “Kỳ danh viết: Tôn Giả Kiều Trần Như, Tôn Giả Xá Lợi Phất, Tôn Giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn Giả Ca Diếp, Tôn Giả A Nan đấng, nhi vi thượng thủ”

[Dịch nghĩa: Tên các Ngài là: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan v.v... làm

thượng thủ.]

Bạn xem đây đều là Đại A La Hán, chỉ nêu ra cho chúng ta 5 vị, thật là giản lược thấu đáo.

Thứ nhất: “Tôn giả Kiều Trần Như”

Chúng ta ở trong rất nhiều Kinh Điển “Thượng thủ” đại biểu rất ít xem thấy có Ngài, mà là chúng ta rất quen thuộc với Ngài “Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên” thường thấy, thường nghe. Kiều Trần Như thì trái lại, rất lạ, rất ít nghe đến tên của Ngài. Thực tế mà nói, bất cứ hội nào cũng không thiếu vắng Ngài nhưng vì sao không nêu tên Ngài lên? Ngài ở trong số đệ tử Phật đại biểu cho ý gì vậy? Đại biểu “*Chúng quả đệ nhất, khai ngộ đệ nhất*”. Vì sao thế?

Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở dưới cội bồ đề thị hiện thành đạo. Sau khi thành Phật đến Vườn Nai độ 5 người này, năm vị Tỳ Kheo. Đó là lần đầu tiên giảng kinh nói pháp, thính chúng chỉ có 5 người.

Hiện tại các vị đến học giảng kinh, thính chúng có được 5 người thì rất đầy đủ rồi, ta không hề khác gì với Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật lần đầu giảng kinh có 5 thính chúng, còn hiện tại ta mới bắt đầu học giảng kinh không phải chỉ có 5 người, thù thắng hơn rất nhiều so với Thích Ca Mâu

Ni Phật.

Trong 5 vị Tỳ Kheo này khai ngộ thứ nhất, chứng quả thứ nhất là Kiều Trần Như. Kiều Trần Như có rất nhiều tích truyện, ở đây chúng ta sẽ không giảng, chỗ này chúng ta cần phải tin tưởng Ngài đại biểu cho cái gì? Đại biểu bộ kinh này là “Kinh khai ngộ bậc nhất”, pháp môn này là “Pháp môn chứng quả đệ nhất”, Ngài biểu đạt cái ý này. Với bốn kinh này phía sau có phẩm “Không phải là Tiểu Thừa”, ở trong quyển kinh này của chúng ta, đoạn đầu phần lưu thông, khuyên tín lưu thông, bạn xem phần phán khoa đoạn thứ 2, mục 2 “Đệ tử thứ nhất” (Phẩm 43 – Chẳng phải là tiểu thừa), chúng ta đọc qua kinh văn một lần:

“Tâm vô hạ liệt, diệc bất cống cao, thành tựu thiện căn, tất giai tăng thượng, đương tri thử nhân, phi thị Tiểu thừa, ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử” [Tâm chẳng hèn kém, cũng chẳng ngạo nghệ, thành tựu căn lành thấy đều tăng thượng. Nên biết là người này chẳng phải là Tiểu thừa; ở trong pháp ta, {người ấy} đáng gọi là đệ tử bậc nhất].

Chúng ta xem thấy đoạn kinh văn này trước sau tương ưng với nhau. Kiều Trần Như là khai ngộ đệ nhất, chứng quả đệ nhất, nên xếp Ngài ở thứ nhất. Chính là nói rõ bộ kinh này là pháp môn khiến cho tất

cả chúng sanh bình đẳng thành Phật đệ nhất.

Nếu bạn hỏi là tất cả kinh Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói ra trong 49 năm kinh nào là đệ nhất? Đây chẳng phải đã nói rõ ràng rồi sao, đây là Đệ Nhất Kinh, trong thiên kinh vạn luận ngày nay chúng ta có thể chọn được Đệ Nhất Kinh. Việc này nếu không phải là đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên, thì làm sao bạn có thể gặp được? Ngày nay chúng ta gặp được đó là Đệ Nhất kinh trong tất cả kinh. Kiền Trần Như đại biểu Đệ Nhất, thế nên xếp Ngài ở thứ nhất. Phía sau đều là thứ nhất, từ ngay chỗ này về sau mãi đến bộ kinh này viên mãn, mỗi câu mỗi chữ đều là đệ nhất, không có đệ nhị.

Thứ hai: **Tôn giả Xá Lợi Phất**

Chúng ta xem thấy ở trong tất cả các kinh, Xá Lợi Phất đại biểu cho trí tuệ, Mục Kiền Liên đại biểu thần thông. Kiền Trần Như xếp ở phía trước, vậy thì ý nghĩa biểu thị của Xá Lợi Phất được nâng cao hơn. Xá Lợi Phất ở ngay đây đại biểu trí tuệ đệ nhất.

Thứ ba: **Tôn giả Mục Kiền Liên**

Mục Kiền Liên ở chỗ này đại biểu thần thông đệ nhất. Thần thông chính là năng lực mà ngày nay chúng ta thường gọi. “Thông” là ý nghĩa thông đạt, không có thứ nào không thông đạt, không hề chướng

ngai. “Thần” là thần kỳ, siêu việt thường thức của chúng ta, siêu việt tưởng tượng của chúng ta.

Họ có năng lực thù thắng như vậy, năng lực đệ nhất ở trong tất cả kinh đều có hai vị tôn giả này, đó chính là nói tất cả các kinh mà Phật đã nói đều là trí tuệ, đức năng. Từ trong trí tuệ chân thật, đức năng chân thật mà lưu xuất ra. Ở chỗ này chúng ta phải đem nó thêm vào đệ nhất. Trí tuệ là đệ nhất, thần thông năng lực là đệ nhất, tuyệt đối không phải các kinh khác có thể so sánh. Vì sao vậy? Bất cứ kinh nào cũng đều không thể khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật, chỉ có bộ kinh này, một pháp môn này, có thể khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật.

Các vị phải ghi nhớ, chúng ta ở ngay nơi đây xây dựng tín tâm, học cái đoạn kinh văn này chính là kiến lập tín tâm kiên định không gì bằng của chúng ta, tin tưởng chính mình “Thị tâm thị Phật”, tin tưởng chính mình “Thị tâm tác Phật”, quyết định thành Phật. Chúng ta ở trong đoạn kinh văn này, then chốt là phải học chỗ này. Phía sau cũng là giúp chúng ta xây dựng tín tâm, nhất định không dao động.

Thứ tư: **Tôn Giả Ca Diếp**

Tôn giả Ca Diếp đại biểu Thiên tông, sơ tổ của Thiên tông.

Thứ năm: **Tôn Giả A Nan**

Tôn Giả A Nan đại biểu Giáo hạ. Tông môn cùng Giáo hạ hợp lại, chính là bao gồm tất cả Phật pháp, không hề sót lọt thứ nào. Ngoài Thiền tông ra thấy đều gọi là Giáo hạ. Ý nghĩa mà hai vị này đại biểu chính là nói với chúng ta Tông môn, Giáo hạ cuối cùng cũng sẽ quy về Tịnh Độ. Bạn nói xem Tịnh Độ thù thắng dường nào?

Thế nhưng Tông môn có phải thật quy về Tịnh Độ hay không? Chân thật quy về. Thí dụ rõ ràng nhất, Mã Tô, Bá Trượng hai vị đại sư này xây dựng Tông Lâm, lập Thanh Qui, đề xướng cùng tu. Bạn thấy “Thiền môn nhật tụng” Thanh Qui mà Đại sư Bá Trượng đã lập ra, đó là bản khóa tụng của Thiền tông, trong đó khóa tối đều niệm A Di Đà Phật, còn buổi tụng kinh tối thì tụng “Kinh Di Đà”, há chẳng phải quy Tịnh Độ đó sao? Không hề xem nhẹ Tịnh Độ, rõ ràng là ngàn kinh vạn luận và mọi tông phái đều quy về “Vô Lượng Thọ”, quy về bộ kinh này, quy về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hiểu rõ đạo lý này thì chúng ta lựa chọn pháp môn Tịnh Độ, chuyên tu, chuyên hoằng, nhất quyết không bị các pháp môn khác làm lay động ý nguyện của chúng ta, cái ý nghĩa này là ở chỗ đó.

Trong pháp hội còn có chúng Bồ Tát. Ở trong chúng Bồ Tát đề cử cho chúng ta 3 vị Bồ Tát:

CHÁNH KINH: “**Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát**”

[Dịch nghĩa: Lại có Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát]

Vị thứ nhất là Bồ Tát Phổ Hiền (lại có Bồ Tát Phổ Hiền), vị thứ hai là Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, vị thứ ba là Bồ Tát Di Lặc và tất cả Bồ Tát trong Hiền Kiếp đều đến hội họp. Ý nghĩa này rất hay.

Thứ nhất: **Bồ Tát Phổ Hiền**

“Bồ Tát Phổ Hiền” đại biểu điều gì? Đại biểu Tịnh, Mật không hai. Chúng ta hiểu được trong 10 tông phái trong Phật pháp có Mật tông. Vào thời cận đại Mật tông hoàng truyền rất rộng. Tổ sư của Mật Tông là ai vậy? Là Bồ Tát Phổ Hiền, vị truyền thừa của Mật tông là Bồ Tát Long Thọ. Sau khi Phật diệt độ 600 năm, Bồ Tát Long Thọ xuất hiện ở thế gian này, Ngài là Bồ Tát Sơ địa, Ngài ở Nam Thiên mở Tháp Sắt, sau khi tháp sắt mở ra, thì thấy Kim Cang Tát Đỏa (cũng gọi là Kim Cang Thủ Bồ Tát) truyền cho Ngài mật pháp này, sau này Ngài truyền lại. Kim Cang Thủ Bồ Tát cũng chính là Kim Cang Tát Đỏa là hóa thân của Bồ Tát Phổ Hiền. Cho nên Bồ Tát Phổ Hiền ở Mật tông xưng là Kim Cang Tát Đỏa, Ngài ở đây đại biểu Mật tông, nhưng đến cuối cùng cũng quy về Tịnh Độ.

Ý nghĩa này hiển thị đặc biệt rõ ràng ở trong bản kinh, ở trong Phẩm thứ 2 “Đức Tôn Phổ Hiền”, còn trong “Kinh Hoa Nghiêm” “Thập đại nguyện vương” đạo quy Cực Lạc, Mật tông đâu có lý nào mà không quy về Tịnh Độ chứ? Ý nghĩa này phải hiểu.

Thứ hai: **Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi**

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đại biểu Thiên tông không hai. Thiên tông do tổ sư Đạt Ma truyền xuống, không phải là thiên định trong Lục độ mà là Bát Nhã Ba La Mật trong Lục độ. Bạn thấy trong “Lục Tổ Đàn Kinh”, Lục Tổ khi mở lời thì dạy mọi người, cứ niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Cho nên chư vị phải hiểu rằng Thiên tông là tu Bát Nhã Ba La Mật Đa. Cho nên Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đại biểu đây là bản tôn trong Tông môn, còn Bồ Tát Phổ Hiền là bản tôn trong Mật tông tất cả đều hướng về Tịnh Độ.

Chúng ta tu Tịnh Độ, tâm đã định rồi, thì nhìn thấy Thiên, nhìn thấy Mật rất hay, ta là “Mật trong Mật, Thiên trong Thiên” không hề bị họ làm lay động, thì tín tâm, nguyện tâm của bạn mới kiên định. Bồ Tát liệt kê vào ở ngay chỗ này, bạn phải nên hiểu cái nghĩa thú sâu rộng này. Ngay chỗ này chân thật giúp đỡ chúng ta xây dựng tín tâm không gì bằng, nguyện tâm không gì bằng.

Thứ ba: **Bồ Tát Di Lạc**

Bồ Tát Di Lặc ở ngay chỗ này là đại biểu truyền thừa tương lai. Thời đại này của chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật, là một thời đại lớn, cái thời đại lớn này một vạn hai ngàn năm. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật có Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp, thời đại lớn này một vạn hai ngàn năm. Sau một vạn hai ngàn năm, các chư Phật khác đến hoằng dương pháp môn gì vậy? Có phải giống như Thích Ca Mâu Ni Phật hay không? Cũng là hoằng dương pháp môn này ư? Không sai! Bồ Tát Di Lặc chính là kế thừa Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Hiền kiếp, Di Lặc là vị Phật thứ năm, cho nên tiếp nối tương lai cũng là tiếp nối pháp môn này. Vì sao vậy? Pháp môn này là pháp môn đệ nhất vì mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo chính là nhờ pháp môn đệ nhất này, chính là “Kinh Vô Lượng Thọ”. Đối tượng “Kinh Vô Lượng Thọ” có thể tiếp dẫn chính là chúng sanh căn tánh chín muồi ở thế gian.

Cái gì gọi là “chín muồi”? Ngay trong một đời này quyết định có thể thành Phật, đó chính là đối tượng của “Kinh Vô Lượng Thọ”.

Chúng ta ở ngay trong một đời này tiếp xúc được pháp môn này, nhưng vạn nhất không thể vãng sanh. Vậy thì phải nói thế nào đây? Tại sao không thể vãng sanh? Không phải kinh có kém khuyết, mà là

chính chúng ta chưa y giáo phụng hành. Bạn phải cố gắng ghi nhớ và có thể y giáo phụng hành, thì bạn ở ngay trong một đời này quyết định làm Phật, không hề khác biệt với A Di Đà Phật. Đó là thật, không phải là giả.

Cho nên tất cả chư Phật Như Lai gặp được chúng sanh căn tánh chín muồi đều phải nói pháp môn này, đều phải nên khuyên bảo tất cả chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do đây có thể biết pháp môn này, pháp hội này, rất là thù thắng, xác thực ra là không tiền tuyệt hậu.

CHÁNH KINH: “Cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội ”

[Dịch nghĩa: Và hết thủy Bồ Tát trong Hiền kiếp đều đến nhóm hội.]

Cái đoạn sau cùng này “Cập Hiền kiếp trung, nhất thiết Bồ Tát”. Tất cả Bồ Tát này chuyên chỉ Hiền Kiếp Thiên Phật, cái thời đại đó thì càng to lớn hơn, ở ngay trong một Đại kiếp, nhà Phật gọi một Đại kiếp, đó là nói đơn vị thời gian rất lớn, một Đại kiếp. Ở trong Đại kiếp này có một ngàn vị Phật xuất hiện ở thế giới Ta Bà này.

(VCD 004)

Nhà Phật gọi một Đại kiếp là nói đơn vị thời gian rất lớn. Trong một Đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời ở thế giới Ta Bà. Thế giới Ta Bà chúng ta hiện tại là một Đại thiên thế giới, quả địa cầu này của chúng ta là một tinh cầu nhỏ trong Đại thiên thế giới.

Vậy Đại thiên thế giới là gì?

Vào lúc trước người thông thường đa phần cho rằng Đại thiên thế giới mà nhà Phật đã nói đại khái là Hệ Ngân Hà mà các nhà thiên văn học hiện tại chúng ta phát hiện ra. Thế nhưng cách nhìn của Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ không như vậy. Ở phía sau ông chú giải “Kinh Vô Lượng Thọ” có một đoạn văn chương. Đoạn văn chương này là lần sau cùng ông từ Bắc Kinh gửi đến cho tôi ở Đài Loan. Ông nói với tôi, hy vọng tôi đem thiên văn chương này để vào phía sau phần chú giải, bởi vì lúc ông giảng kinh đã đề sót đoạn này. Ông là một nhà khoa học, ông dạy vô tuyến điện ở trường Đại học Thiên Tân, ông là giáo thọ khoa học của Đại học Thiên Tân. Căn cứ cách nhìn của ông thì hiện tại chúng ta gọi là “Hệ ngân hà” trên thực tế chỉ là một “đơn vị thế giới” mà trong Phật pháp thường gọi. Cái đơn vị thế giới này ở trên kinh Phật nói là lấy núi Tu Di làm trung tâm, Thái dương

cũng là xoay vòng theo núi Tu Di.

Núi Tu Di rốt cuộc là cái gì?

Từ xưa đến giờ chưa có người nào có thể đem việc này nói cho rõ ràng, còn Hoàng Lão cư sĩ nói “Núi Tu Di chắc là lỗ đen mà thiên văn đã phát hiện”, ông nói cũng có đạo lý. “Lỗ đen” ngày nay chúng ta gọi là trung tâm của vũ trụ, trung tâm của hệ Ngân hà, thái dương đích thực là đang xoay quanh chỗ này.

Giả như lời nói này của ông có thể chứng thực, vậy thì một Đại thiên thể giới có bao nhiêu hệ ngân hà? Mười vạn ức hệ Ngân hà. Một Đại thiên thể giới, đó là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Các vị phải rõ ràng, phải tường tận, vậy Thích Ca Mâu Ni Phật có diệt độ hay không? Không hề! Thích Ca Mâu Ni Phật ở thế giới này của chúng ta thị hiện diệt độ rồi, nhưng ở một tinh cầu khác, Ngài lại thị hiện ra ở nơi đó, không hề có diệt độ. Phật thấy nơi nào duyên đã chín muồi rồi thì liền ở ngay nơi đó hiện thân. Như trong “Phẩm Phổ Môn” đã nói “*Thiên xứ sở cầu thiên xứ ứng*”²⁶, còn trên Kinh Lăng Nghiêm đã nói “*Tùy loại hóa thân, tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng*”²⁷, nên Phật không có thân tướng nhất định, nơi nào có duyên thì hiện thân đến nơi đó, nơi nào không còn duyên nữa thân cũng sẽ không còn. Cho nên không có sanh tử, tùy loại hóa thân, đó là thật, không phải là giả.

Thế nên Hiền kiếp ở trong thời đại lớn này, có một ngàn vị Phật ở thế giới Ta Bà (chính là một Đại thiên thế giới này). Chúng ta phải lấy lời của Hoàng Lão cư sĩ đã nói, mười vạn ức cái Hệ Ngân hà, trong một phạm vi lớn đến như vậy, có một ngàn vị Phật đến thị hiện thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ 4, Phật Di Lạc là vị thứ 5, về sau còn có 995 vị Phật, hiện tại địa vị các Ngài là Bồ Tát ở trong Hiền kiếp này, tương lai liên tục thay đều thay nhau thành Phật, những người này đều đến dự hội.

Cái ý này rõ ràng nói với chúng ta vạn Phật không một vị Phật nào mà không nói Kinh này, không một vị Phật nào mà không tuyên dương pháp môn này, không một vị Phật nào không khuyên tất cả chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta phải giác ngộ ở ngay chỗ này, phải chân thật nắm được. Nếu như hiện tại chúng ta được vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì tương lai chúng ta ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là nguyên lão, tư cách tiên bối, bởi vì trên kinh đã nói rất rõ ràng “*A Di Đà Phật thành Phật đến nay mới có mười kiếp*”, mười kiếp ở trong “thời không” không bờ mé mà nói là rất ngắn ngủi. Nếu như hôm nay chúng ta đến thế giới Cực Lạc là rất sớm, sau này vạn Phật ra đời rồi mới đi, vậy đều là hậu bối của chúng ta. Cho nên hiện tại nếu bạn được vãng sanh, tương lai đều là huynh trưởng của những người đó. Do đó phải đi sớm hơn

một chút, không nên phải luân hồi nữa, vừa luân hồi, vừa đọa lạc. Về sau người hiện tại đi đều thành Phật, thành Đại Bồ Tát rồi, chúng ta thì lạc hậu quá xa. Tôi nghĩ đây là việc mà chúng ta không hề muốn nhìn thấy. Thật nếu không muốn nhìn thấy thì phải chăm chỉ nỗ lực học tập tinh tấn.

Do đây có thể biết chân thật là mười phương tất cả chư Phật Như Lai, không chỉ là Hiền kiếp thiên Phật, mà không một vị nào mà không lấy Kinh này làm đệ nhất, không một vị nào mà không lấy pháp môn niệm Phật làm đệ nhất. Đó là những điều mà chúng ta phải nên học tập ở trong phẩm thứ nhất. Chúng ta lại tiếp tục xem đến phẩm thứ hai.

PHẨM THỨ HAI ĐỨC TUÂN PHỔ HIỀN

CHÁNH KINH: “Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ, sở vị: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyện Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, nhi vi Thượng Thủ.”

[Dịch nghĩa: Lại có nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ, tức là: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyện Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát làm Thượng Thủ.]

Phẩm thứ hai là tiếp nối phẩm thứ nhất. Vì sao Hạ Lão cư sĩ không đem hai phẩm này hợp lại thành một? Thực tế mà nói trong hội tập lần đầu, hai phẩm này đích thực là hợp chung trong một phẩm, chúng ta có thể xem phán khoa của lão pháp sư Từ Chu thì liền

thấy được điều này. Hạ Lão ban đầu hội tập ra, pháp sư Từ Chu đã làm phán khoa cho ông. Hơn nữa pháp sư Từ Chu còn đem bốn hội tập này giảng qua một lần đầu ở Tế Nam, vào lúc đó quyển kinh này tổng cộng phân thành 37 phẩm, không phải 48 phẩm như hiện tại. Ở ngay trong tưởng tượng của chúng ta, đại khái Hạ Lão là theo 37 phẩm trợ đạo mà phân, ông phân thành 37 phẩm. Sau đó ông lại phải không ngừng tu đính, lại phải sửa đổi, sửa đổi đến mười lần, mới thành bản gốc, sau cùng đem toàn kinh này phân thành 48 phẩm. 48 phẩm ngay trong tưởng tượng của chúng ta nhất định là căn cứ vào 48 nguyện của Phật A Di Đà. Dùng 48 để phân, thế là đem phẩm thứ nhất phân làm hai phẩm. Thế nhưng hai phẩm này vì sao không đem Bồ Tát tại gia phân vào phẩm thứ nhất? Khi chúng ta xem thì rất là hợp lý, bởi vì họ đều là biểu pháp. Vậy thì tại vì sao ông lại phân đoạn ở ngay chỗ này? Nhất định có dụng ý của ông. Không sai! Đích thực là có ý nghĩa rất sâu, ý nghĩa ở chỗ nào vậy? Đặc biệt đem cái đoạn người tại gia này phân thành một đoạn riêng biệt chính là nhắc nhở chúng ta, pháp môn này, bộ kinh này, chủ yếu chính là độ đồng tu tại gia.

Không nên cho rằng tu hành ngay đời này thành Phật đại khái chỉ có người xuất gia mới có phần, còn người tại gia chúng ta nghiệp chướng sâu nặng nên không có phần. Ông phân ra ngay chỗ này chính là cái ý này, bảo bạn không nên hoài nghi,

người tại gia có thể ở ngay trong một đời bình đẳng thành Phật. Cùng với giáo nghĩa của quyển kinh, cùng với bốn nguyện của Phật A Di Đà, xác thực là rất tương ưng nhau. Đó là huệ nhãn đặc thù của Hạ Lão cư sĩ, để cho chúng ta vừa xem đến đoạn này liền cảnh giác, liền thể hội được cái ý nghĩa này.

Kinh này đích thực là lấy người tại gia làm chủ. Vì sao vậy? Bồ Tát tại gia có hơn 16 vị. Hơn nữa 16 vị cư sĩ tại gia này là thân phận gì vậy? Thấy đều là Bồ Tát Đẳng Giác hiện ra thân tại gia, địa vị của họ cùng Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí không hề khác nhau.

Ở trong nhà Phật chúng ta, Phật thì phần nhiều thị hiện hình tướng của người xuất gia, còn Bồ Tát thì thị hiện phần lớn là hình tướng tại gia. Bạn thấy ở Trung Quốc chúng ta Tứ Đại Danh Sơn là bốn Đại Bồ Tát, đó là trụ cột trong pháp Đại thừa, là trung tâm trong pháp Đại thừa. Trong bốn vị Bồ Tát đó chỉ có Bồ Tát Địa Tạng là thị hiện tướng xuất gia. Vì sao? Vào thời nhà Đường, vương tử của Cao Ly xuất gia đến núi Cửu Hoa của Trung Quốc, về sau chúng ta biết được Ngài là hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng, cho nên tạo tượng Bồ Tát Địa Tạng nên tạo thành hình tướng xuất gia. Còn Bồ Tát Quán Âm Nam Hải là hình tướng tại gia, Bồ Tát Văn Thù ở Ngũ Đài cũng là hình tướng tại gia, Bồ Tát Phổ Hiền ở Nga Mi

Tứ Xuyên cũng là hình tướng tại gia. Ngay đến Bồ Tát Di Lặc, nếu các vị đến Bắc Kinh đi xem qua Cung Ung Hòa, Bồ Tát Di Lặc cũng là tướng tại gia, thế nhưng tập quán ở Trung Quốc đắp tượng Bồ Tát Di Lặc là đắp Hòa Thượng Bồ Đại hình tướng xuất gia. Hòa Thượng Bồ Đại xuất hiện ở triều Tống, thời đại Cao Tông Nam Tống, cùng thời đại với Nhạc Phi. Khi Bồ Đại Hòa Thượng viên tịch có nói với mọi người Ngài là hóa thân của Bồ Tát Di Lặc đến đây, nói xong Ngài liền đi, liền viên tịch.

Trong nhà Phật có một qui củ như sau: Phật, Bồ Tát hóa thân tái lai tuyệt đối không bộc lộ thân phận, còn như thân phận vừa bị lộ thì nhất định đi ngay, nếu như thân phận bị lộ mà vẫn chưa đi thì đó là giả không phải là thật. Hiện tại chúng ta nghe ở rất nhiều nơi nói vị pháp sư nào đó là Phật gì đó tái lai, vị cư sĩ nào đó là Bồ Tát gì đó tái lai. Nói rồi lại không chịu đi, việc này không đáng tin, nói rồi thì phải đi thì là thật không phải là giả, còn nói rồi mà không đi là giả, tuyệt đối không phải là thật.

Mười sáu vị Bồ Tát tại gia này là biểu pháp, trên thực tế số Bồ Tát đến tham dự vượt qua một vạn hai ngàn người, Bồ Tát đến tham dự số lượng rất nhiều. Có các Bồ tát ở cõi này nhưng phương khác, không ở địa cầu chúng ta (cõi này là thế giới Ta Bà) mà là Bồ Tát các tinh cầu khác đến tham dự pháp hội

này, có các Bồ tát ở thế giới phương khác không phải thế giới Ta Bà, vô lượng vô biên Bồ Tát trong cõi nước chư Phật đều đến tham gia. Chúng Bồ Tát tham dự pháp hội quá nhiều quá đông, nhưng đặc biệt nêu ra 16 vị, 16 vị là biểu pháp, 16 đại biểu viên mãn.

Trong Phật pháp chúng ta có “hiển” có “mật”, hai hệ thống này. Biểu pháp trong “hiển” giáo trong Kinh Di Đà là bảy, bảy là đại biểu viên mãn, không phải chữ số, bảy là chỉ cái gì vậy? Đông, Nam, Tây, Bắc là bốn, Thượng, Hạ nữa là sáu, Trung gian nữa thì chính là bảy, nó biểu thị viên mãn, không phải chữ số. Còn trong Kinh Hoa Nghiêm dùng mười đại biểu viên mãn, cũng không phải chữ số mười là đại biểu viên mãn. Ở trong Mật tông thường dùng mười sáu, mười sáu là đại biểu viên mãn ở trong Mật tông, nó cũng không phải là chữ số, nơi nơi hiển thị đại viên mãn của Phật pháp.

Danh hiệu của mười sáu vị này cũng là biểu pháp, chúng ta phải học tập ở ngay chỗ này, không nên để lỡ qua. Mười sáu vị này là Bồ Tát Đẳng giác tại gia.

Thứ nhất: **“Hiển Hộ Bồ Tát”**

Chỗ này gọi là “Chánh sĩ”, “Chánh Sĩ” là tôn xưng của Bồ Tát. Bồ Tát thông thường cũng còn gọi

là Đại sĩ, chúng ta thường gọi Quán Âm Đại Sĩ, Phổ Hiền Đại Sĩ, gọi Đại Sĩ cũng như gọi là Chánh Sĩ. Chánh là Chánh giác, Chánh Đẳng Chánh Giác là cái ý như vậy. Ngoài ra cũng gọi là Khai Sĩ, Khai sĩ chính là Đại Triệt Đại Ngộ Minh Tâm Kiến Tánh, chúng ta cũng gọi họ là Khai sĩ. Khai Sĩ, Chánh Sĩ, Đại Sĩ đều là tôn xưng của Bồ Tát.

Ngay chỗ này các vị đồng tu phải ghi nhớ, không được gọi là Đại Sư. Vì sao? Chữ “Sư” của “Lão sư” thì gọi là “Đại Sư”, không được gọi như vậy. Đại Sư là tôn xưng đối với người nào vậy? Là tôn xưng đối với Phật. Bồ Tát Đẳng giác chỉ có thể gọi là Đại sĩ, không được gọi là Đại sư. Hiện tại chúng ta xem thấy có rất nhiều người xuất gia đều xưng Đại sư, xưng hô như vậy không tốt, người xưa gọi là qua mặt. Bạn thành Phật rồi hay chưa? Bạn chưa thành Phật không thể xưng Đại sư. Phật là Đại Sư của trời, người, bạn tự xưng Đại Sư thật quá đáng. Bồ Tát Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền đều không dám xưng Đại sư, nhìn thấy Đại sư phải đánh lễ ba lạy đi nhiều phía hữu ba vòng. Bạn có phước báo lớn như vậy chưa? Bạn có thể gánh vác nổi hay không? Đây là thường thức phổ thông chúng ta phải nên hiểu. Chúng ta tôn xưng người là tôn kính đối với họ, thế nhưng nếu vượt quá thì biến thành không tôn kính.

Thí dụ chúng ta tôn xưng người, nhìn thấy

người thì gọi tiên sinh, vậy thì rất tôn kính rồi, còn nêu như nhìn thấy người mà gọi Tổng Thống tiên sinh, đó chẳng phải là mắng bạn hay sao? Có phải vậy không? Bạn không phải là tổng thống, tôi nhìn thấy bạn liền chào “Tổng Thống tiên sinh, chào ông”. Vậy vượt quá mức rồi, việc này các vị nhất định phải hiểu. Bạn xem thấy người xuất gia liền gọi là Đại Sư, vậy là quá đáng, thì cũng giống như chúng ta gọi mọi người là Tổng Thống tiên sinh vậy. Danh phận không phù hợp, thường thức này chúng ta nên hiểu. Người hiện tại không biết, ngay đến một chút Phật học thường thức này cũng không biết cho rằng gọi Đại Sư là tôn kính, làm gì biết được ý nghĩa chân thật, việc này là không nên.

Bạn xem Ấn Quang, sau khi Ngài viên tịch rồi không còn ở đời, chúng ta gọi Ấn Quang Đại sư, chúng ta tôn kính Ngài như vậy thì được. Bạn xem thấy năm xưa khi còn ở đời Pháp sư Ấn Quang Ngài lưu truyền cái gì? “Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao”, không phải Đại Sư, sau khi Ngài viên tịch, chúng ta mới gọi “Ấn Quang Đại Sư Văn Sao”. Những năm đầu khi mới đưa ra là “Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao”, Ấn tổ chính mình cũng không hề xưng là Đại sư, mọi người ở trước mặt Ngài cũng nhất định không dám gọi Ngài là Đại sư, nếu gọi Đại sư Ngài liền mắng người đó ngay.

Cho nên ở trong nhà Phật chúng ta có một số xưng hô quen thuộc, ví như ngày trước nhiều đời ở các tông phái xưng “Tổ Sư”, đó là tổ sư của một tông phái nào đó; gọi “pháp sư” phiên dịch Kinh Điển; gọi Tam Tạng pháp sư (không hề xưng Đại Sư) là gồm thông đạt kinh giáo “Kinh Sư pháp sư”, thông đạt Luật Tạng xưng “Luật sư”, thông đạt Luận Tạng xưng “Luận Sư”. Những xưng hô này thường nghe thấy, làm gì nghe nói có Đại sư, ai cũng không dám dùng cách xưng hô này. Vào thời trước làm thầy giáo của Hoàng Đế thì gọi là “Quốc sư”. Hiện tại chúng ta đọc Hoa Nghiêm, Đại Sư Thanh Lương là thầy của Hoàng Đế, xưng là Quốc sư, cũng không dám xưng Đại sư.

Thế nhưng các vị phải nên biết chỉ có tổ sư của Tịnh Độ tông có thể xưng Đại sư, đó là trải qua nhiều đời công nhận, tổ sư của các tông phái khác đều không thể xưng Đại sư, chỉ có Tịnh Độ tông. Vì sao vậy? Tịnh Độ tông là dạy người một đời bình đẳng thành Phật, tất cả chư Phật dùng pháp môn này, bạn ngày nay cũng dùng phương pháp này khuyên người niệm Phật cũng bình đẳng thành Phật, không hề khác biệt với Phật, cho nên chỉ có tổ sư của Tịnh Độ tông có thể xưng Đại sư.

Mười sáu vị tôn giả này, mười sáu vị Chánh sĩ là Bồ Tát Đẳng Giác tại gia, các ngài là cùng thời đại

với Thích Ca Mâu Ni Phật. Hiền Hộ Bồ tát là người chủ, chúng ta là chủ nhân của thế giới Ta Bà này, là chủ phương Đông, ngoài ra mười lăm vị Bồ Tát Đẳng Giác tại gia còn lại đều là thế giới phương khác đến, đều là khách thị hiện ra. Việc này rất có ý nghĩa.

Phật nói pháp môn này đã chấn động tận hư không khắp pháp giới tất cả cõi nước chư Phật. Bạn giảng các kinh khác không có sức mạnh này, chỉ riêng giảng bộ kinh này, chấn động tận hư không khắp pháp giới, cho nên Bồ Tát mười phương thế giới tự nhiên liền sẽ đi đến phương này ủng hộ đạo tràng, trang nghiêm đạo tràng, Bồ Tát đến đạo tràng là vô lượng vô biên.

Bồ Tát Hiền Hộ là chủ phương Đông, kỳ thật chủ phương Đông không chỉ là một mình Ngài Hiền Hộ, Bồ Tát thế giới Ta Bà cũng rất nhiều, vì sao lại dùng Ngài? Dùng danh hiệu của Ngài để biểu pháp cho người tại gia sứ mạng thứ nhất là “hộ pháp”, còn Bồ Tát xuất gia sứ mạng thứ nhất là “hoằng pháp”.

Hoằng pháp đương nhiên cũng phải hộ pháp, hoằng và hộ, hai trách nhiệm này người xuất gia là lấy hoằng pháp làm chủ, hộ pháp là phụ trợ, Bồ Tát tại gia là lấy hộ pháp làm chủ, hoằng pháp là phụ trợ. Hoằng và hộ đều phải gánh vác, trong gánh vác có phân ra chủ khách, bốn chúng đồng tu phải hợp tác

mật thiết Phật pháp mới có thể trụ thế gian lợi ích chúng sanh. Bốn chúng phải hợp tác mật thiết, không thể phân ra.

Ngày nay trong Phật pháp không đoàn kết, nhân lực tài lực của chúng ta thấy đều bị phân tán nên đối với chính mình có tổn thất vô cùng to lớn, còn đối với tất cả chúng sanh càng không cần phải nói. Nếu như chân thật có tâm muốn đem Phật pháp phổ biến khắp thế giới để có thể phổ độ tất cả chúng sanh hữu tình trên thế giới thì có thể làm được hay không? Có thể làm được! Dùng phương pháp gì để làm được vậy? Đoàn kết thì có thể làm được, nhân lực, tài lực của chúng ta tập trung thì có thể làm được. Nếu mọi người hiện tại đều phân tán làm cho sức mạnh bị chia nhỏ thì rất là đáng tiếc, vì làm bất cứ việc gì cũng đều bị hạn chế rất lớn, nhân lực không đủ, tài lực không đủ, chân thật là “tâm có thừa mà sức không đủ”. Cho nên ở ngay chỗ này Phật dùng Bồ Tát Hiền Hộ để Ngài ngay vị trí thứ nhất, chính là nhắc nhở chúng ta cái sự việc này.

“Hiền Hộ” là gì?

“Hiền” là nói về Đức, có trí tuệ có Đức năng, “Hộ” là hộ pháp, hộ trì chánh pháp.

Công đức của hộ pháp cùng hoằng pháp là như

nhau, hoặc là chúng ta còn có thể nói công việc của hộ pháp còn vượt hơn hoàng pháp. Bạn tử mĩ mà nghĩ thử xem, bạn liền biết được. Nhân tài hoàng pháp không phải không có, tại gia, xuất gia, bốn chúng đệ tử nếu muốn phát tâm hoàng dương Phật pháp đều không khó, khó là ở chỗ nào vậy? Khó ở chỗ bạn có được một hộ pháp đắc lực hay không? Có được một vị thì liền có thể làm ra một số việc, nếu như có được rất nhiều vị hộ pháp, vậy thì sự nghiệp hoàng pháp của bạn có thể làm được rất nhiều việc, quyết không phải ở Chư Phật, không phải ở nơi các Ngài mà ở những đại Bồ Tát này thị hiện làm ra những việc làm đó. Cho nên công đức của hộ pháp không thể nghĩ bàn.

Tôi đã đích thân trải qua. Ngay trong một đời này tôi cũng đã ở nơi đây giảng qua mấy lần. Khi còn trẻ, tôi ở trong hội của lão cư sĩ Lý Bình Nam học kinh giáo, học giảng kinh. Sau khi học xong, nếu như không gặp được Hàn Quán Trưởng (người đã vãng sanh hồi năm trước, ngay trong các vị đồng tu đây cũng có người đã từng gặp qua bà, bà đã đến nơi đây rất nhiều lần), không có sự hộ trì của bà thì tôi một chút năng lực cũng không có. Đó chính là nói nếu không có người hộ pháp này thì cuối cùng chỉ có hai con đường để đi, một là đi theo con đường kinh sám, còn nếu không chịu cam tâm làm kinh sám thì hoàn tục, chỉ có hai con đường này, không có đường nào

khác đề đi. Tôi đã gặp được một vị hộ pháp như vậy, bà phát đại tâm, tìm đủ mọi cách, không có đạo tràng bà thuê nhà mượn chỗ để cho tôi mỗi một tuần đều giảng kinh. Ba mươi năm không hề gián đoạn, mỗi một tuần tôi chỉ ít giảng năm ngày, khi nhiều thì giảng hết bảy ngày, cho nên tôi trong ba mươi năm này không hề gián đoạn trên giảng đài, đó là công lao của bà. Không phải vì tôi giảng kinh được hay, người khác không bằng tôi, không hề có cái lý này. Người giảng hay hơn tôi nhiều hơn rất nhiều, nhưng không có người hộ trì. Hay nói cách khác, họ không có cơ hội để luyện tập ở trên giảng đài thì tài cán của họ cũng bị mai một không thể triển khai. Bạn nói xem đáng tiếc biết bao!

Chúng ta hoằng pháp ở quốc tế đều là duyên phận. Khi tôi giảng kinh ở Đài Bắc, có mấy vị cư sĩ ở Hồng Kông, một vị pháp sư, hai vị cư sĩ, gặp được tôi ở Đài Loan, nghe tôi giảng kinh ở Chùa Thiện Đạo giảng “*Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm*”, tổng cộng giảng hết tám ngày. Sau khi họ nghe rồi, rất là hoan hỉ, yêu cầu tôi đến Hồng Kông, tôi đã kết được pháp duyên với Hồng Kông. Ở Hồng Kông có bà Lô, nghe kinh được rất hoan hỉ, mỗi năm đều mời tôi, cho nên từ năm 1977 đến năm 1987, đại khái khoảng thời gian gần mười năm, mỗi năm tôi đều đến Hồng Kông một đến hai lần. Thời gian dài nhất ở Hồng Kông đến bốn tháng, ngắn nhất cũng không ít hơn một tháng,

mỗi năm đều đi giảng. Sau khi bà Lôi vãng sanh, thì không có người mời nữa, cái duyên này đã bị đứt đoạn vì chỉ có một người. Không có một người hộ pháp này, chúng ta muốn hoằng pháp, cũng không có cơ hội, không có người mời, bạn mới biết được công đức hộ pháp lớn biết bao. Không có hộ pháp, người ở phương đó không có cơ duyên nghe pháp. Có một hộ pháp như vậy, mời một vị pháp sư đến giảng kinh, người ở địa phương đó được lợi ích của Phật pháp. Ai có công đức vậy? Đó là công đức của hộ pháp. Cho nên tôi thường nói công đức của hộ pháp vượt hơn công đức của pháp sư giảng kinh hoằng pháp rất nhiều lần.

Năm 1987 khi tôi giảng kinh ở Hồng Kông, có ba cư sĩ ở Singapore, sau khi nghe rồi cũng rất hoan hỉ, nhất định muốn kéo tôi đến Singapore, “cũng tốt! Singapore cũng chưa đi lần nào thì qua tham quan với các vị”. Đó là lần đầu tiên tôi đến Singapore. Khi đến thì ở hết mười ngày, tôi nhớ là khi tôi đến thì ở Chùa Song Lâm, dường như qua giảng ba lần ở chùa Song Lâm, qua giảng một lần ở Cư Sĩ Lâm, qua giảng hai lần ở Đoàn Thanh Niên Hoằng Pháp. Đoàn Hoằng pháp lúc đó là đạo tràng cũ, không phải chỗ mới xây dựng sau này, nơi đó rất hẹp. Có rất nhiều nơi tôi qua giảng mấy lần, kết duyên với các đồng tu bên đây, rồi quen biết với cư sĩ Lý Mộc Nguyên. Cư sĩ Lý tìm tôi mỗi năm, đến năm thứ hai, thì ông đã làm đoàn

trưởng của Đoàn Hoằng Pháp. Đoàn quán của đoàn mới đã xây xong mời tôi, tôi liền giảng cho họ bộ “Kinh Vô Lượng Thọ”. Về sau cư sỹ Lý Mộc Nguyên đến đạo tràng Cư Sĩ Lâm làm Tư Lý, tôi lại đến đạo tràng Cư Sĩ Lâm, mỗi năm đều đến giảng, chỉ có một mình ông mời, nếu không có ông, các vị thử nghĩ xem, ai mời tôi đến giảng? Không có người.

Bạn mới biết được bất cứ nơi giảng kinh nào trên toàn thế giới, Phật pháp có thể được mở mang rộng lớn, được đắc lực bởi một, hai hộ pháp, họ đã làm được công đức chân thật. Cũng giống như họ ở nơi đây xây trường học làm hiệu trưởng, hoặc mở tiệm làm ông chủ, còn chúng ta là người làm công do họ mời đến giúp họ làm việc thôi. Cho nên hộ pháp là ông chủ, hộ pháp là chủ nhân, chủ giáo hóa một phương này, công đức vô lượng vô biên. Vào thời xưa công việc hộ pháp là do ai làm vậy? Do trụ trì của các Tự Viện. Trụ trì là giáo chủ một phương, Tự Viện chính là trường học, trụ trì là hiệu trưởng, hiệu trưởng thì có thể không giảng kinh, có thể không nói pháp, nhưng có thể mời thỉnh pháp sư đến nơi đây để giảng kinh. Cũng giống như làm hiệu trưởng vậy, hiệu trưởng thì có thể không lên lớp mà làm hành chính, nhưng họ có thể mời thỉnh thầy giáo giỏi để giúp cho họ giáo dục học sinh, cho nên trụ trì là cả hoằng và hộ. Trong cái trách nhiệm đó thì trách nhiệm của hộ pháp vượt hơn trách nhiệm của hoằng

pháp, họ sau cùng làm hoằng pháp, họ chú trọng nhất là làm hộ pháp, không có sự hộ trì của họ, thì Phật pháp không thể thường trụ được ở thế gian.

Cho nên hôm nay chúng ta từ ở trong danh hiệu của Bồ Tát Hiền Hộ, chúng ta hiểu được hộ pháp là công đức không thể nghĩ bàn, phải học hộ pháp, toàn tâm toàn lực. Đặc biệt là pháp sư trẻ tuổi, nếu không có hộ trì đặc lực, thì họ làm sao có thể trưởng thành, làm sao có thể trở thành pháp sư hoằng dương Phật pháp kiệt sức một đời. Pháp sư giảng kinh quan trọng nhất là rèn luyện ở trên bục giảng, phải giúp cho họ lên bục giảng mỗi ngày, đó chính là đốc thúc họ. Mọi người chúng ta nhiều người đến thích nghe kinh, ưa thích nghe bạn giảng kinh, vậy thì bạn đành phải giảng mỗi ngày thôi. Nếu bạn giảng mỗi ngày, mỗi ngày đều không thể ngủ nghỉ, cố gắng mà chuẩn bị, ép bạn phải thành công. Nếu như mọi người chúng ta không mời họ giảng kinh, họ học có được tốt hơn, nhưng sau ba tháng thì quên hết sạch, sau sáu tháng thì họ sẽ không thể lên bục giảng, bạn mới biết được hộ pháp là quan trọng. Hộ pháp thành tựu pháp sư, hộ pháp có thể khiến cho chánh pháp thường trụ dài lâu. Cho nên các vị pháp sư xuất gia, tương lai có cơ hội làm trụ trì, thì bạn phải hiểu tường tận rằng trụ trì phải làm công việc của Hiền Hộ, phải biết lễ thỉnh pháp sư.

Mời pháp sư như thế nào vậy?

Pháp sư phải tương ứng với bốn tông tu học của chúng ta, đối với đại chúng đồng tu chúng ta, mới có thể đạt được lợi ích chân thật. Nếu như cái tu, cái học của vị pháp sư này khác với pháp môn của chúng ta, kinh luận nương theo cũng khác nhau, vậy thì chúng ta không nên mời. Việc này tuyệt nhiên không phải nguyên nhân gì khác mà như người xưa thường nói “*Thà làm động nước ngàn sông, không dám động tâm người tu niệm*”. Ở nơi đây đã chọn pháp môn niệm Phật, chuyên tu, chuyên hoằng và các vị đã có thành tựu nhất định, nếu như ở đây tôi lại giảng Thiền, giảng Mật, thì làm loạn tâm thanh tịnh của các vị, nhiều loạn công phu của các vị, phá hoại công phu tu hành của các vị. Vậy thì có lỗi, không những không có công đức mà còn có lỗi, nhất định không nên làm. Thế nhưng đối với các pháp sư đều phải cung kính cúng dường, nhất định là như nhau.

Khi tôi còn trẻ, ở cùng với lão cư sĩ Lý Bình Nam mười năm, ngay trong mười năm tôi quan sát Lão cư sĩ ở Đài Trung hoằng hộ Tịnh Tông. Các pháp sư nơi khác đi ngang qua Đài Trung, Lý Bình Nam lão lễ mọo cung kính, rất là chu đáo, đến ga xe nghinh tiếp hoan nghênh, khi đón tiếp ông nhất định đích thân dẫn dắt mọi người, rước đến đạo tràng, hướng đến pháp sư lễ lạy cúng dường, cũng có lúc

mở tiệc tiếp đãi, mời pháp sư dùng cơm. Thế nhưng từ đầu đến cuối không hề mời pháp sư giảng khai thị. Tôi quan sát rất lâu liền cảm thấy kỳ lạ, nên hỏi:

- Thưa thầy vì sao không thấy thầy mời họ giảng khai thị? Giảng kinh thì đương nhiên càng không thể, bởi vì không có thời gian dài đến như vậy, phải nên giảng khai thị cho mọi người.

Ông mỉm cười nói:

- Con không hiểu.

Rồi ông nói rõ cái đạo lý này:

- Vị pháp sư này tham thiền, vị pháp sư kia là nghiên cứu, lý tưởng của họ không như chúng ta, chúng ta ở nơi đây rất không dễ gì dẫn dắt mọi người tin vào pháp môn Tịnh Độ, trung thực niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Khi đến, họ vừa nói tham Thiền hay vừa nói học Mật tốt, tức thân thành Phật diệu, những người ở đây lập tức liền bị dao động, liền sẽ bị họ sở mũi kéo đi.

Ngạn ngữ nói rất hay “*Hòa thượng từ bên ngoài đến giới tụng kinh*”. Vì sao? mỗi ngày ở chung với nhau thì không có gì lạ, chỗ khác đến sẽ hiếm lạ, mỗi ngày dạy dỗ cho bạn, dạy bạn hết mười năm, người bên ngoài đến chỉ mấy giờ đồng hồ thì kéo bạn

đi mất. Do nguyên nhân gì vậy? Chính chúng ta không có định, không có huệ, không có năng lực phân biệt, khi vừa nghe nói cái đó hay thì ngay lúc đó tâm liền bị dao động, kết quả là chính chúng ta bị thiệt thòi.

Cho nên lão sư Lý phải hộ pháp, gìn giữ đại chúng của đạo tràng này. Chánh tri chánh kiến, gìn giữ tâm thanh tịnh của đại chúng, cho nên quyết định không thể mời người khác đến giảng khai thị.

Vậy những người nào có thể giảng khai thị? Đó là những pháp sư tu Tịnh Độ, thành thật niệm Phật, niệm được rất tốt. Nếu pháp sư như vậy khi đến Đài Trung ông nhất định phải thỉnh họ giảng khai thị, còn nếu như không phải cùng học một pháp môn với chúng ta, cùng nhau y theo Tịnh Độ ba kinh, nhất định không mời.

Trong đây không phải có tâm phân biệt, nhưng những chỗ này chúng ta đều phải học, đó là một người chuyên gia chân thật có trí tuệ, hộ trì chánh pháp của đại chúng, Hiền Hộ Ngài chân thật đã làm được rồi, cái đạo lý này chúng ta không thể không hiểu.

Cho nên trụ trì một cái đạo tràng, đó là con mắt của đại chúng. Trong cái đạo tràng đó, bạn dẫn đầu,

bạn là người dẫn đường, những người phía sau đi theo bạn, bạn đi sai rồi những người này thấy đều đi sai hết, bạn phải chịu trách nhiệm. Cho nên con đường của bạn đi nhất định phải thuận chánh, quyết định không thể có sai lầm, còn phải phòng hộ người nơi khác đến làm rối. Cái đạo tràng này của chúng ta, chân thật có tín tâm, có nguyện lực cũng không ít. Thế nhưng cái “Tín, Nguyện” này có kiên cố hay không? Chưa thấy được, có lẽ gặp được vài người nói cho bạn nghe một tràng lời ngon lời ngọt, tâm của bạn liền dao động, bạn liền đi với họ.

Hôm nay tôi vừa nói việc này với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, ông nêu ra một thí dụ, ông nói “Những người đó đến để câu cá, câu hết cá của chúng ta đem đi”. Cái thí dụ này rất có ý nghĩa. Cái đạo tràng này của chúng ta giống như cái ao cá vậy, đồng tu chúng ta đều như cá nhỏ, những người đó đến câu cá, người hộ pháp này phải ngăn cấm, cho nên nhất định phải nhận biết rõ ràng.

Các đồng tu, các vị phải có một quan niệm, Tịnh Tông chúng ta không những cùng nhau tu học, đồng tâm, đồng đức cùng tu pháp môn này, chúng ta hy vọng tương lai đồng sanh Tịnh Độ, mọi người cùng nhau ở Hải Hội Liên Trì. Tín tâm, nguyện tâm của chúng ta nhất định không thể dao động, nhân lực tài lực của chúng ta, tất cả sức mạnh đều phải tập

trung đến đạo tràng Cư Sĩ Lâm. Đạo tràng Cư Sĩ Lâm là một đạo tràng xưa có hơn 60 năm lịch sử. Không phải tôi tán thán Cư sĩ Lý Mộc Nguyên mà ngày nay nói ra mọi người đều công nhận ông là Bồ Tát tái lai, không phải người thông thường, không hề có chút tâm riêng tư, danh vọng, lợi dưỡng, năm dục, sáu trần thảy đều buông bỏ, khởi tâm động niệm hành vi việc làm, vì Phật pháp, vì chúng sanh. Một người lãnh đạo như vậy, một thiện tri thức như vậy, tôi đi qua rất nhiều khu vực quốc gia khác, cũng xem thấy rất nhiều đạo tràng, cũng chưa hề thấy qua. Vì vậy khi ông đến tìm tôi, tôi không thể không đến. Như đầu tư mua bán, đây là ông chủ tốt, có đạo nghĩa, không đến thì là có lỗi với ông. Nếu như ông có lòng riêng tư, nếu như ông có mục đích, có mưu đồ, tôi nhất định không đến. Nhưng ông là thuần túy vì Phật pháp, vì chúng sanh, vì an định xã hội, vì mong cầu hòa bình thế giới, tâm nguyện thuần tịnh vĩ đại như vậy, nếu chúng ta không dốc hết chút sức mọn đến giúp đỡ ông, chúng ta có lỗi với ông, cũng có lỗi với đạo tràng này, có lỗi với đại chúng xã hội. Ông là một người lãnh đạo, đặc biệt là ba năm gần đây ông phát ra cái nguyện thành lập lớp bồi dưỡng, do đó ông đến tìm tôi. Tôi không đến không được nên tôi đem công việc hoằng pháp của các đạo tràng khác, toàn bộ đều buông xuống, tất cả đều dừng lại, toàn tâm toàn lực vào nơi này, giúp cho pháp sư trẻ tuổi, đó là nghĩa vụ

mà tôi phải dốc sức. Thế nhưng phải có hiệu trưởng mới được, có ông chủ mới được, chúng ta đến là để làm công, làm giáo viên.

Tuổi tác tôi lớn rồi, Phật pháp nhất định phải có người sau kế tiếp, Phật pháp mới có tiền đồ, chúng sanh mới có phước báo. Tuổi tác tôi lớn như vậy rồi, phải giao ban rồi, công việc hoằng pháp lợi sanh phải giao cho pháp sư trẻ tuổi, họ có thể tiếp ban thì tôi liền có thể thoái hưu. Tôi đến nơi nào để thoái hưu vậy? Đương nhiên các vị đều biết, đó là đến thế giới Cực Lạc để nghỉ hưu, sự việc nơi đây đã làm xong, việc làm đã làm xong không nhận thù lao. Cho nên ngày nay những năm cuối đời của chúng ta, chỉ có một sự việc là dạy học viết sách, giúp đỡ hậu học, đó là một trách nhiệm sau cùng cũng là lớn nhất của chúng ta thì Hiền Hộ hai chữ này mới có thể làm được viên mãn, chân thật thực tiễn.

Bồ Tát Hiền Hộ hàm nghĩa của danh hiệu rất sâu rất rộng, tôi nói sơ qua một chút, thứ bảy tuần sau sẽ nói tiếp, vẫn chưa nói hết. Vì sao vậy? Vì nó rất quan trọng. Chúng ta phải học tập làm thế nào? Học Bồ Tát Hiền Hộ, từ trong danh hiệu của Ngài, làm thế nào học Hiền Hộ? Dem Hiền Hộ áp dụng ở trên vai của chính mình, vậy chúng ta chính mình chính là Hiền Hộ Chánh Sĩ rồi.

Tốt rồi, hôm nay thời gian đã hết chỉ giảng đến đây thôi.

A Di Đà Phật!



(VCD 005)

Ngay chỗ này, tổng cộng chúng ta liệt kê ra mười sáu vị Bồ Tát “Thượng Thủ” ở tại gia.

“Thượng thủ” cái ý nghĩa này cũng giống như vị thủ tọa trong đoàn thể của đại chúng, nếu như chúng ta gọi phân ban mà nói thì đó là lớp trưởng của một lớp, đó chính là Thượng Thủ. Số chúng Bồ Tát dự hội quá nhiều, phía trước chúng ta đã xem thấy có chúng Thanh Văn chính là chúng Tỳ Kheo xuất gia, phía sau lại nói cho chúng ta nghe có chúng Tỳ Kheo Ni, có hai chúng tại gia là Cư Sĩ Nam và Cư Sĩ Nữ, những người này đều có số lượng, tổng cộng có đến hai ngàn người. Số lượng của chúng Bồ Tát thì quá nhiều, quá đông, đặc biệt là Bồ Tát đến từ thế giới phương khác. Hiền Hộ là vị Bồ Tát ở cõi này của chúng ta, sanh vào cùng một thời đại với Thích Ca Mâu Ni Phật, vị này là một vị Bồ Tát tại gia đã chúng được Đẳng Giác. Bồ Tát tại gia, địa vị của các Ngài hoàn toàn bình đẳng với Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền. Cái điểm này các đồng tu phải ghi nhớ.

Cũng như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật là tướng xuất gia, đồng thời cùng một thời đại với Phật còn có một vị thị hiện thành Phật là hình tướng tại gia. Tôi nghĩ rất nhiều đồng tu đều biết, đó

là Tôn Giả Duy Ma Cật. Tôn Giả Duy Ma Cật là thị hiện Phật tại gia, Thích Ca Mâu Ni Phật là thị hiện Phật xuất gia. Chúng ta xem thấy đệ tử của Phật, đó là Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, dường như tất cả kinh Đại Tiểu thừa, khi vừa mở đầu đều có hai vị này và Tôn Giả A Nan, ba vị này gần như là chúng ta thường hay xem thấy.

Ba vị này là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, khi thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đều “Đánh lễ ba lạy, đi nhiễu phía hữu ba vòng”, bạn thấy cái lễ phép đó, hướng đến Thích Ca Mâu Ni Phật thưa hỏi, “Chấp tay, cung kính, thưa hỏi”. Cũng vậy, ở trong “Kinh Duy Ma Cật”, khi các Ngài này đến chỗ của cư sĩ Duy Ma, cũng là như vậy. Cư sĩ Duy Ma thăng tòa giảng kinh, đó là cư sĩ giảng kinh, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan đều là hình tượng người xuất gia, A La Hán xuất gia, nhìn thấy cư sĩ Duy Ma, cũng là “Đánh lễ ba lạy đi nhiễu ba vòng, cũng là cung kính chấp tay mà thưa hỏi”, không hề khác nhau.

Cái điểm này các vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ, đặc biệt là người xuất gia. Vì sao vậy? Chỉ sợ là khi chúng ta vừa xuất gia, khi vừa mặc trên người áo rộng đầu tròn, thì biến thành cống cao ngã mạn, thì liền tỏ vẻ ta đây.

Cho nên thời kỳ Mạt pháp, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giảng rất hay “Điên đảo rồi”, điên đảo chỗ

nào vậy? Ngày xưa, người tu hành chứng quả nhiều nhất, thù thắng nhất là Tỳ Kheo xuất gia, thành tựu thứ nhất, số lượng rất nhiều; thứ hai là Tỳ Kheo Ni xuất gia; thứ ba là cư sĩ nam tại gia; cư sĩ nữ tại gia thì ít nhất, đó là thời trước. Nhưng hiện tại tu hành chứng quả thời đại này (ngày nay chúng ta gọi chứng quả, chính là chân thật vãng sanh thế giới Tây Phương), thì chúng nữ tại gia đứng thứ nhất, số lượng rất đông, thật có thành tựu; thứ hai là chúng nam tại gia, thứ ba là chúng nữ xuất gia, sau cùng là chúng nam xuất gia, bạn nói xem có đáng lo hay không?

Vì sao có thể biến thành ra như vậy? Chính là khi vừa mặc bộ đồ tu lên người thì không hề biết trời cao, đất rộng, công cao ngã mạn, cầu người cung kính. Khi người vừa cung kính cúng dường đối với bạn, có được chút ít phước báo đều đã sài hết, vậy còn có thể được hay sao?

Cho nên tổ sư đại đức từ xưa đến nay luôn luôn khuyên bảo chúng ta phải khiêm tốn, phải cung kính, đặc biệt bạn xem tổ sư đại đức ở trong “Sám nghi khóa tụng”, chúng ta thường hay đọc đến “Tất cả cung kính, một lòng kính lễ”.

Bồ Tát Phổ Hiền dạy cho chúng ta “Lễ Kính Chư Phật”, bạn xem cái ý nghĩa này bao sâu? Làm sao có thể công cao ngã mạn? Làm sao có thể xem thường người khác? Bản kinh này chúng Tỳ Kheo

xuất gia chỉ nêu ra 5 vị, Bồ Tát xuất gia cũng chỉ nêu ra 3 vị, Bồ Tát tại gia nêu ra đến 16 vị, ý nghĩa của nó không phải đã quá rõ ràng rồi hay sao?

Cái pháp môn này, bộ kinh này, chính là độ đồng tu tại gia, pháp bảo vô thượng một đời viên mãn thành Phật. Tôi thường khuyên đồng tu:

“Chúng ta ngày nay phải nương vào ai vậy? Chúng ta phải học với người nào? Chúng ta phải học với A Di Đà Phật”.

Vì sao vậy? Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta đã khuyên bảo chúng ta như vậy. Thế Tôn, Ngài tán thán A Di Đà Phật là *“Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”*. Vậy chúng ta phải học theo vua trong các Phật. A Di Đà Phật là vua trong các Phật, *“Kinh Vô Lượng Thọ”* là vua trong các Kinh, vậy còn có lời gì để nói không?

Ngày nay chúng ta y theo một bộ kinh này thì đủ rồi. Nếu như bạn nói bộ kinh này quá ít, e rằng không đủ, thì trong bộ kinh này mỗi câu, mỗi chữ đều là pháp luân viên mãn, không những là tất cả pháp mà Thế Tôn đã nói trong 49 năm đều nằm ở ngay trong mỗi câu, mỗi chữ của bộ kinh này, mỗi chữ là viên mãn, cho dù là mười phương ba đời, tất cả chư Phật Như Lai nói ra pháp tạng vô tận cũng không vượt ra khỏi *“Kinh Vô Lượng Thọ”*. Cái đạo lý này,

chân tướng sự thật này, chúng ta phải tường tận phải thông đạt, sau đó bạn mới có thể hết lòng hết dạ một môn thâm nhập, chúng ta mới có thành tựu, thật gọi là “*Một kinh thông, tất cả kinh thông*”.

Cũng giống như chúng ta đào giếng lấy nước, bạn ở ngay một chỗ này cứ đào thẳng xuống, cái giếng của bạn đào được càng sâu, thì nguồn nước sẽ càng phong phú, nước trong bốn biển lớn bạn cũng đều có được. Xem độ sâu của bạn thôi, viên dung tất cả pháp, bạn đào cạn thì không được, mùi vị của giếng cạn sẽ không giống như mùi vị của cái giếng sâu, cứ hướng xuống sâu mà đào, nếu mỗi miệng giếng đều đào được sâu đến như vậy thì mùi vị sẽ hoàn toàn khác. “Phật Phật đạo đồng”, chỉ sợ là bạn “đào” không đủ sâu. Nhất định phải hiểu được “Một môn thâm nhập, huân tu dài lâu” chúng ta mới có thành tựu chân thật.

Có thể nói ngay chỗ này, hiển thị rõ ràng bộ kinh này là độ đồng tu tại gia. Đồng tu tại gia ở trong một hoàn cảnh rất phức tạp mà đều có thể một đời viên mãn thành Phật, huống hồ là người xuất gia? Xuất gia thì chẳng phải càng dễ dàng hơn sao? Đây gọi là “phổ độ”, có nghĩa là không một chúng sanh nào là không được độ. Cái điển tích này thực tế ra mà nói vi diệu đến cùng tột, thù thắng đến cùng tột, cứu cánh viên mãn đến cùng tột.

Mười sáu vị Bồ Tát tại gia chỉ có Ngài Hiền Hộ là bản địa, ngoài ra các vị còn lại trong chú giải của tổ sư đại đức nói với chúng ta đều là Bồ Tát phương khác đến. Điều này nói rõ mười phương thế giới chư Phật tất cả đều giảng Tịnh Độ. Nếu như một vị Phật nào giảng Tịnh Độ, giảng bộ kinh này, thì tất cả Bồ Tát ở mười phương thế giới đều sẽ đến tham dự pháp hội này, trang nghiêm đạo tràng, đến làm chúng ủng hộ. Cái ý này rất sâu rất rộng.

Nếu bạn muốn hỏi bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” này rốt cuộc là giảng những thứ gì? Danh hiệu của 16 vị Bồ Tát chính là cương lĩnh của toàn kinh, bộ kinh này chính là giảng những thứ này. Nếu như danh hiệu của 16 vị Bồ Tát bạn thấy đều tương tận thì đại ý của bộ kinh này đại khái liền có thể thể hội được. Chúng ta ở ngay đây giới thiệu từng vị, từng vị, mục đích của việc giới thiệu là làm thế nào chúng ta học tập với các Ngài?

Trước tiên chúng ta phải học với Ngài Hiền Hộ. Lần trước Ngài Hiền Hộ đại khái đã giảng hết nửa giờ đồng hồ nhưng chưa giảng hết ý nghĩa. Tôi đã nói với các vị rồi, hôm nay chúng ta còn phải bắt đầu lại từ Ngài.

“Hộ” chính là hộ pháp, hộ pháp phải “hiền”. Ở trong pháp thế gian chúng ta, nhà Nho Trung Quốc được gọi Thánh nhân, Hiền nhân, Quân tử, đó là ba

học vị giáo học của nhà Nho, giống như Đại học hiện tại của chúng ta có Tiến sĩ, Thạc sĩ, Học sĩ. Thánh nhân là Tiến sĩ, Hiền nhân là Thạc sĩ, Quân tử là Học sĩ. Như vậy, có thể biết để có thể hộ trì Phật pháp, hộ trì đại chúng trong xã hội, người “hộ pháp” này phải có một tiêu chuẩn, đó là người “hiền chân thật”, nên chỉ có Hiền nhân, Quân tử mới có thể làm được.

Ở trong Phật pháp gọi Hiền là Bồ Tát Tam Hiền Vị. Các vị nên biết “Kinh Vô Lượng Thọ” là Đại thừa, không chỉ là Đại thừa mà Đại thừa ngay trong Đại thừa, Nhất thừa ngay trong Nhất thừa. Vậy cái chữ Hiền này tiêu chuẩn rất cao, Bồ Tát Tam Hiền vị của Viên Giáo chính là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng ở trên Kinh Hoa Nghiêm. Viên giáo Sơ trụ thì đã phá được Nhất phẩm vô minh, chứng được một phần pháp thân, là pháp thân Đại sĩ, họ mới có năng lực hộ trì đại pháp. Đại pháp nào vậy? Hộ trì đại pháp “Vô Lượng Thọ”, cũng chính là hộ trì pháp môn Tịnh Độ. Cái pháp môn này không phải pháp môn thông thường, cái pháp môn này là pháp môn khiến cho tất cả chúng sanh chín pháp giới đều có thể bình đẳng thành Phật. Tất cả pháp môn đều không thể so sánh được với pháp môn này, chân thật là không thể nào so sánh được. Pháp môn chí cao vô thượng cứu cánh viên mãn. Ai có thể ủng hộ? Pháp thân Đại sĩ, Hiền Hộ là Bồ Tát Đẳng Giác, vậy thì càng không cần phải nói. Nếu dùng thân phận của

Bồ Tát Đẳng giác, chữ thánh đó chính là Phật, Phật chính là Thánh, Phật là Đại thánh, dưới Phật đều là bậc Đại hiền.

Cho nên cái ý này không phải ảnh hưởng thông thường, mới không đến nỗi hộ trì sai đi Phật pháp. Dẫn sai phương hướng thì vô cùng đáng tiếc, đó không những không phải là hộ pháp mà là cản trở Phật pháp, chướng ngại Phật pháp, vậy thì sai rồi.

Hiện Hộ đặc biệt đối với chính chúng ta.

Chúng ta chính mình học Phật pháp làm thế nào giữ gìn chính mình? Cái điểm này các vị đồng tu phải đặc biệt chú ý.

Hiện tại không giống như thời xưa, thời xưa là thời đại quân chủ chuyên chế, tất cả lão bá tánh đều phải nghe lệnh của Quốc vương. Quốc vương bảo bạn làm thế nào thì bạn phải làm như thế đó, nếu bạn trái lại thì là phạm pháp, phạm vương pháp. Cho nên con người không dám vượt qua, mỗi mỗi đều biết giữ quy củ, biết giữ gìn phép tắc cho nên vào lúc đó dạy học thì dễ dạy.

Thí dụ vào thời nhà Thanh (việc này không chỉ vào triều nhà Thanh mà vào đầu năm Dân quốc vẫn còn), trạc tuổi tác như tôi đây vẫn còn có thể ghi nhớ: Đầu năm Dân quốc, đại khái khoảng năm mươi mấy

đến hai mươi của năm Dân quốc, vào lúc đó tôi rất nhỏ khoảng 6 đến 7, 8 tuổi, trong luật pháp có một điều gọi là “*Thân quyền xử phân*”. Điều pháp luật này là gì vậy? “*Thân quyền*” chính là cha mẹ của bạn, cha mẹ của bạn có quyền phân xử bạn, con cái này của tôi bất hiếu, tôi thỉnh cầu chính phủ đem đứa con này của tôi xử trảm đi. Chính phủ lập tức liền chấp hành, không cần thẩm phán. Cha mẹ của bạn, cha mẹ nào mà không yêu thương con cái, nhưng cha mẹ của bạn cũng không cần bạn nữa thì bạn ở trong xã hội còn có thể làm người hay sao? Bạn không còn tư cách làm người, cho nên quốc gia lập tức chấp hành mệnh lệnh gọi là “*Thân quyền xử phân*”. Dường như sau năm Dân quốc thứ 20 đã phế bỏ đi điều này nên không còn nữa. Không còn nữa thì con người liền bất hiếu với cha mẹ, không sợ nữa. Thời trước có cái điều này thì không ai dám đắc tội với cha mẹ, cha mẹ vừa cáo trạng, thì sẽ bị toi mạng, làm sao họ không sợ chứ. Hiện tại không còn điều luật này, con cái bất hiếu làm càn, làm quấy.

Cho nên ngày trước lão sư Lý khi dạy học nói đến việc này rất cảm thán, ông hỏi tôi (tôi vẫn còn có ấn tượng này), tôi nói: “Đầu năm Dân quốc đích thực là còn có điều pháp luật như vậy vì đó là thời đại chuyên chế thì được, còn thời đại dân chủ thì không được”.

Dân chủ, bạn thấy rất nhiều quốc gia, phạm các trọng tội đều không tử hình cho nên mọi người phạm

tội làm gian làm trá, họ không sợ. Lần này tôi ở Âu Châu, pháp luật của Âu Châu cũng không có việc tử hình này, tuy nhiên họ nói đó là “Tù bi”. “*Từ bi đa họa hại, phương tiện xuất hạ lưu*”²⁸, chính là điều này đã mang đến cho đại chúng xã hội rất nhiều khổ nạn.

Hiện tại nếu muốn hộ pháp, cha mẹ không thể dạy bạn, vì bạn không nghe, thầy giáo cũng không thể giúp bạn, vì bạn cũng không nghe lời, chỉ làm ra vẻ phục tùng. Cho nên ngày nay một thầy giáo giỏi muốn tìm một học sinh, đến nơi nào để tìm, tìm khắp thiên hạ cũng không tìm ra được một người.

Tôi chính mình cầu học, tôi theo lão sư Phương, theo đại sư Chương Gia, theo lão cư sĩ Lý Bình Nam, không dễ dàng. Các Ngài có thể dùng tâm chân thành tâm từ bi để dạy bảo chúng tôi. Còn tôi dựa vào cái gì? Bạn hỏi học lực của tôi, tôi đã nói rất rõ ràng với mọi người, tôi tốt nghiệp sơ trung, không đọc bất cứ sách gì, thời kỳ kháng chiến đều là chạy nạn, nên khi gặp được những vị này đều là hào kiệt đương thời, người đại đức, đại trí tuệ. Họ dựa vào cái gì để dạy tôi? Chăm sóc tôi đến như vậy, quan tâm tôi. Tôi không có năng lực gì khác ngoài việc tôi *chân thành* với lão sư và tôi *biết nghe lời*. Chỉ có hai điều kiện như vậy, thì họ đã chọn trúng rồi. Thái độ của ba vị lão sư dạy tôi gần như đều giống nhau, đặc biệt dành ra thời gian để dạy riêng mình tôi, không cho tôi đến trường học nghe giảng.

Nếu tôi đến trường học nghe giảng thì Phương tiên sinh chẳng phải tiết kiệm được rất nhiều thời gian, hà tất chủ nhật mỗi tuần dạy cho tôi hai giờ đồng hồ, chỉ dạy riêng cho một mình tôi. Đến sau này tôi vô vàn cảm kích ông, là ông hộ pháp, ông bảo hộ tôi, sợ tôi ở trong trường học, quen biết rất nhiều lão sư, quen biết rất nhiều bạn học, nghe được rất nhiều những học thuyết xen tạp không cần thiết thì sẽ làm cho đầu óc rối tung, thì liền bị xen tạp rồi, thì họ sẽ không cách gì dạy được. Cho nên họ không cho phép tôi tiếp cận những giáo thọ khác, không cho phép tôi quen biết với các bạn học, chỉ dạy một người.

Tôi tiếp xúc Phật pháp gặp được Đại sư Chương Gia cũng như vậy. Đại sư Chương Gia cũng dạy một mình tôi, chủ nhật mỗi tuần dạy cho tôi hai giờ đồng hồ ở trong phòng khách nhỏ của ông, cũng là một người dạy một người. Ba năm đều như vậy, nền tảng Phật pháp của tôi là do Đại sư Ngài định đặt.

Về sau thân cận lão cư sĩ Lý Bình Nam, thì càng nghiêm khắc hơn. Ngoài ông giảng kinh thuyết pháp ra, bất cứ người nào giảng kinh thuyết pháp cũng không cho phép nghe. Xem kinh Phật, xem sách vở khác, không được sự đồng ý của ông thì không được xem. Không chỉ như vậy, ngày trước tôi cùng với Phương tiên sinh học triết học, cùng với Đại sư Chương Gia học Phật học ba năm, ông nói: “*Tôi cả thầy đều không thừa nhận, ông bước vào cửa của tôi*

thì phải bắt đầu lại từ đầu”. Ông hạn chế tôi 5 năm, quyết định phải tuân thủ.

Con người của tôi không có thứ gì giỏi cả, chỉ thành thật, nghe lời. Tôi nỗ lực học 5 năm, thực tế ra mà nói tôi tuân thủ phương pháp này của ông nửa năm thì có lợi ích, chính mình liền có cảm xúc rất sâu, vọng niệm ít đi. Bạn không nghe bất cứ thứ gì, bạn không thể thấy bất cứ thứ gì, vọng niệm ít. Sau khi vọng niệm ít đi rồi thì trí tuệ phát triển, cũng chính là thông minh hơn lúc trước, nghe thứ gì thì nghe được thông suốt hơn, nghe được sâu sắc hơn, nhìn thứ gì cùng với cách nhìn trước đây cũng đều không như nhau, có một chút trí tuệ nhỏ. Tôi rất cảm kích lão sư Lý, ông yêu cầu tôi 5 năm, tôi tăng thêm một lần, tôi tuân thủ luôn 10 năm. Cho nên tôi giảng kinh trên giảng đài, 10 năm trước hoàn toàn chiếu theo quy củ, sau mười năm thì mới có thể muốn sao thì làm được vậy, tất cả đều trôi chảy.

Mọi người hỏi tôi *“Trí tuệ của ông từ đâu mà có vậy?”*. Là do nền tảng xây được tốt, bạn không có cái nền tảng này thì làm sao được? Lão sư khéo bảo hộ, chân thật gặp được Hiền Hộ, họ bảo hộ tôi còn chính tôi thì chịu tuân thủ.

Nhiều năm đến nay tôi hoảng pháp trên thế giới rất là khổ cực, chỉ một mình không có một trợ thủ. Cho nên mỗi lần trở về Đài Loan tôi đều trở về Đài

Trung đề thăm lão sư. Mỗi lần đi gặp ông, tôi đều nhắc ông bồi dưỡng thêm vài học trò nữa để chúng tôi ở bên ngoài hoằng pháp mới có trợ thủ. Lão sư đều gật đầu nói “*Đúng rồi! là cần thiết*”. Tôi đại khái đã nói tổng cộng mười mấy lần với ông. Sau cùng lão sư nói với tôi “*Ông tìm học trò giùm tôi đi*”. Sau khi nghe câu trả lời này, về sau tôi không dám nhắc đến nữa. Vì sao vậy? Không tìm ra học trò này, vì tôi biết được tìm được người biết nghe lời và thành thật như tôi, phục tùng 100% thì tìm không ra. Về sau không dám nói đến nữa, thật là không thể tìm ra, tôi đến nơi đâu đề mà tìm?

Cho nên về sau ở Washington D.C, tôi gặp được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Chân thật là gặp được tri âm, cả đời của cụ ấy hoằng dương bộ kinh này, tôi cũng hoằng dương bộ kinh này, khi vừa gặp mặt là vô lượng hoan hỉ, chân thật là như bạn quen cũ. Chúng tôi thảo luận sự gian nan hội tập của Hạ Lão, hoằng truyền rất khổ cực. Tôi đem đoạn lịch sử của bộ kinh này ở Đài Loan nói cho lão Hoàng Niệm Tổ nghe, Hoàng Niệm lão liền khích lệ tôi “*Học Hội Tịnh Tông là do Hạ Liên công đề xướng, thế nhưng không thể gây dựng ở Trung Quốc*”, ông hy vọng tôi ở nước ngoài phát khởi Học Hội Tịnh Tông. Cho nên Học Hội Tịnh Tông chúng ta là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đề xướng, khuyên bảo tôi. Chúng ta ở nước ngoài có cái duyên này, đến khắp nơi thành lập Học

Hội Tịnh Tông, ông rất là hoan hỉ. Cho nên việc hộ pháp này, chân thật không dễ dàng.

Chính chúng ta ở vào thời đại này nhất định phải khéo giữ chính mình, bảo hộ chính mình. Biết bảo hộ chính mình thì nhất định mỗi ngày đọc tụng Kinh Điển, tư duy nghĩa kinh, y giáo phụng hành thì thân khẩu ý ba nghiệp của chúng ta mới có thể không phạm phải lỗi lầm, chính mình có “định” có “huệ” thì không thể bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Thế Tôn ở trên “Kinh Lăng Nghiêm” nói với chúng ta “*Thời kỳ Mạt pháp²⁹ tà sư nói pháp nhiều như cát sông Hằng*”.

Những gì là “Tà sư” vậy?

Các vị có thể nhận biết hay không? Sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, hề có thể cảm dỗ được chúng ta, mê hoặc chúng ta, khiến cho chúng ta rời khỏi chánh pháp thì đều là “Tà sư”.

Bạn đi ra chợ đi qua một vòng, xem qua một số sản phẩm mới, vừa nhìn thì liền động tâm, lòng tham liền nổi lên, cái tâm “được, mất” liền nổi lên, đó là tà sư. Không phải một người nói chuyện mới là tà sư, mà những thứ bày ra trước mắt thấy đều là tà sư. Phim ảnh, truyền hình, tất cả quảng cáo, thậm chí đến hiện tại chúng ta đi trên đường, bạn xem thấy một số thanh niên thời trang mặc trên người những bức vẽ

trên áo đều là yêu ma quỷ quái, đó đều là tà sư làm cho bạn xem thấy động tâm.

Bạn nên biết tà sư lớn nhất, ma vương lớn nhất là thứ gì vậy? Là truyền hình, trong truyền hình những tiết mục biểu diễn trong đó đều là bạo lực, sắc tình, yêu ma, quỷ quái, làm cho những trẻ thơ nhỏ tuổi, mỗi ngày xem thấy nó, thế là tất thấy đều bị ma vương thả một lưới gom gọn, đó chính là tà sư nói pháp. Vậy có phương pháp gì phòng bị không? Không cách gì phòng bị, đặc biệt là ở ngoại quốc ngày nay, nhất là ở nước Mỹ, nơi này thì tôi tương đối tương tận hơn. Học sinh tiểu học nước Mỹ đã dùng máy vi tính, làm bài tập đều dùng vi tính, mỗi một học sinh đều có vi tính, trong vi tính thì có đủ thứ trong đó, bất cứ tiết mục gì nó cũng đều có thể truy cập được. Cho nên trong đầu của nó những thứ kỳ quái thấy đều có. Xem nhiều rồi, nghe nhiều rồi, tiếp xúc nhiều rồi, cha mẹ không cách gì dạy, thầy giáo cũng không cách gì dạy, nó hiểu được nhiều hơn so với bạn, cho nên có thứ gì thì bắt chước theo thứ đó, vậy còn có thể dạy được không?

Mấy mươi năm trước, tôi đã từng nghe tiên sinh Đông Phương Mỹ nói qua một câu rằng, có người hỏi ông:

- Nước Mỹ ngày nay là nước mạnh nhất trên thế giới, tương lai có thể bị diệt vong hay không?

Ông trả lời:

- Nhất định sẽ bị diệt vong, trên thế giới không có nước nào là vĩnh viễn dài lâu, La Mã cũng đã bị diệt vong.

Cái nhân tố đầu tiên bị diệt vong là gì vậy? Phương tiên sinh không hề do dự mà nói “*truyền hình*”, vì vào lúc đó máy vi tính còn chưa có. Là vi tính, truyền hình, những thứ này khi vừa mở ra thì là “tà sư nói pháp”, bạn nói xem còn có thể được hay sao?

Cho nên tôi khuyên bảo các đồng tu, nếu bạn chân thật muốn bảo hộ chính mình thì không xem báo chí, không nghe phát thanh, không xem truyền hình, nơi không cần thiết thì không nên đi. Đại đức xưa thường hay dạy bảo chúng ta “*Biết ít việc phiền não ít*”, những việc không cần thiết để biết thì không nên đến nghe, không cần phải biết, tâm địa thanh tịnh. Người biết nhiều nơi, thị phi nhiều, bạn quen biết nhiều người, thì thị phi sẽ nhiều. Cho nên vào thời xưa, hoàn cảnh tu học là ở trong núi sâu.

Bạn đến Trung Quốc xem, đạo tràng đều là xây dựng ở trong núi lớn. Nếu bạn muốn đi đến đạo tràng, bạn đi đường phải đi mấy ngày, nên nếu bạn không có thành ý đó thì bạn sẽ không đi. Cho nên đạo tràng tu học gọi là “Lan Nhã”. Lan Nhã tiếng Ấn Độ gọi

là “A Lan Nhã”, dịch thành ý nghĩa Trung Quốc là “Chôn thanh tịnh”, chính là một hoàn cảnh rất thanh tịnh. Thế nhưng hiện tại giao thông thuận tiện, đạo tràng lớn ở Trung Quốc đều mở lộ để đi, du khách đến tập nập không ngừng, đạo tràng đó làm sao có thể tu hành, không cách gì tu hành, đều biến thành thắng địa tham quan du lịch. Chúng ta dùng ánh mắt kinh tế hiện đại mà nói thì rất tốt, tôi cũng rất tán thành, khi tôi gặp mặt Bộc Lão tôi liền nói với ông “*Tốt lắm thay quốc gia kiếm ngoại tệ*”. Có gì không tốt đâu? Là việc tốt. Nhưng đạo tràng chân thật tu hành thì phải xây mới, tìm một nơi mà không có người đi, chúng ta tìm một nơi khác để xây đạo tràng, xây trường học hiện đại hóa, xây thôn về hưu cho người già hiện đại hóa. Dùng phương pháp này, tôi từ lâu đã đề xướng “Thôn Di Đà” chính là đạo tràng mô hình mới của thế kỷ 21. Đạo tràng từ xưa trước thì phải nên để nó làm nơi tham quan du lịch, làm thành nơi giáo dục phổ độ chúng sanh, vậy thì vô lượng công đức.

Cho nên phải hiểu nên làm thế nào để hộ trì. Hộ trì phải có định, phải có huệ, không có định huệ thì không thể nói đến hộ pháp. Trên thực tế, Phật là người đại trí tuệ, đại từ bi, phương pháp dạy bảo cho chúng ta thì quá nhiều, chúng ta hãy nỗ lực để có thể hội được tâm ý của Phật, một mảnh khổ tâm của Phật.

Chúng ta mỗi ngày cần phải đọc tụng thời khóa sớm tối, trong thời khóa chúng ta đọc đến Tứ Hoằng Thệ Nguyện.

Tứ Hoằng Thệ Nguyện.

Tứ hoằng thệ nguyện dạy cho chúng ta phải làm như thế nào để bảo vệ chính mình, làm thế nào khế nhập đại đạo Bồ Đề? Nguyện thứ nhất là dạy bạn phát tâm Bồ Đề:

*Nguyện thứ nhất: “**Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ**”.*

Bạn phải phát ra tâm này. Cái tâm này vừa phát ra, không vì chính mình, cái thân thể này của ta sống ở thế gian này vì ai mà sống vậy? Tôi nghe rất nhiều người nói “*Cả đời này vì ai mà khổ, vì ai mà bận rộn*”. Lời nói này nghe ra rất bi ai, cả đời của bạn rốt cuộc là vì ai? Khổ cực cả đời cuối cùng cũng chỉ là một mảng không, đều cho người khác. Ai có thể mang đi được cơ chứ? Mỗi ngày khổ cực khó nhọc buôn bán, sau cùng rơi vào tay người khác, cảm khái vô hạn.

Người học Phật như chúng ta thì không hề gì, chúng ta vì Phật pháp, vì chúng sanh, như vậy thật nhiều ý nghĩa, có nhiều giá trị, chúng ta là vì tất cả chúng sanh mà sống ở thế gian này, vì Phật pháp, vì

chánh pháp trường tồn thế gian, chúng ta làm công tác tiếp nối huệ mạng của Phật.

Còn nếu như vì chính mình thì sao? Chính mình sớm vãng sanh thì tốt hơn, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn xem thấy y chánh trang nghiêm trên kinh đã nói, hà tất phải ở thế gian này chịu khổ, thì đã đi từ sớm rồi. Còn như cái thân thể này còn có thể dùng thay thế chúng sanh phục vụ thêm một ngày, giúp đỡ họ nhiều hơn. Tuy là phục vụ, tuy là giúp đỡ, nhưng làm mà không làm, tuyệt đối không tính công, tuyệt đối không hề nói tôi đã làm rất nhiều sự việc, không hề nói vậy, vì sao? Vì *“Phàm hễ có tướng đều là hư vọng”*. Tâm địa trong sạch thanh tịnh không nhiễm một trần, trong ngoài thông suốt, đó chính là trải qua đời sống của Phật, Bồ Tát, chúng ta phải phát ra cái tâm này. Sau khi đã phát tâm, đức hạnh thứ nhất là đoạn phiền não.

Nguyện thứ hai: “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”.

Thứ rõ ràng nhất là “Danh vọng, lợi dưỡng”, chúng ta phải buông bỏ. “Năm dục, sáu trần”, Phật gọi là năm gốc rễ của địa ngục. Còn có một điều thì bạn không thể ra khỏi ba cõi, chứ đừng nói đến năm điều thấy đều đầy đủ, vậy thì còn gì để nói nữa hay không? Mười phương chư Phật có kéo cũng kéo không nổi. Cho nên bạn nhất định phải nên hiểu, phải

đoạn phiền não trước, phải đoạn trừ “tập khí”. Cho nên phương pháp thầy giáo dạy cho chúng ta đều là một loại phương tiện khéo léo đoạn trừ phiền não, tập khí. Thầy giáo dạy chúng ta, chúng ta phải vâng giữ, chúng ta phải làm theo.

Có lẽ có đồng tu sẽ nói:

- Vận may của Ngài rất tốt nên gặp được mấy vị lão sư giỏi, chúng tôi không gặp được, vậy ai dạy chúng tôi đây?

- Trên Kinh Vô Lượng Thọ dạy bạn thì đủ rồi, còn chu đáo còn viên mãn hơn so với ba thầy giáo dạy tôi. Bạn tử mĩ mà đọc tụng, tử mĩ mà tìm hiểu, y dạy mà làm theo, bạn có thể thành Đại thánh, Đại hiền, làm sao có thể nói chúng ta không gặp được thiện tri thức?

Ngày nay chúng ta gặp được là A Di Đà Phật, “Kinh Vô Lượng Thọ” chính là A Di Đà Phật, “Kinh Vô Lượng Thọ” có mặt ở nơi đây chính là Phật A Di Đà ở ngay nơi đây, bạn có thể đọc tụng, y theo lời dạy mà làm thì bạn là đệ tử thứ nhất của Phật A Di Đà.

Việc này trên kinh giảng nói rất rõ ràng, đệ tử thứ nhất của A Di Đà Phật thì rất siêu tuyệt, tất cả chư Phật xem thấy bạn đều tôn kính ba phần đối với

bạn. Vì sao vậy? Bạn là học trò của Phật A Di Đà nên được đãi ngộ đặc biệt, bởi vì mỗi một vị Phật đều tôn kính A Di Đà Phật, mà đã tôn kính A Di Đà Phật thì cũng tôn kính học trò của A Di Đà Phật, đó gọi là thật tôn kính. Còn nếu như tôn kính A Di Đà Phật mà xem thường học trò của A Di Đà Phật, đó chính là đại bất kính đối với A Di Đà Phật, sự tôn kính đó là giả. Chúng ta yêu thương một người, món đồ mà người đó thích thì chúng ta cũng phải giữ gìn nó, đó là tôn kính người đó, chân thật tôn kính họ. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này mới biết được phải nên làm như thế nào, tu học ra sao. Phiền não đoạn, trí tuệ thêm lớn, sau khi trí tuệ thêm lớn rồi thì mới học pháp môn.

Nguyện thứ ba, thứ tư:

***“Pháp môn vô lượng thế nguyện học.
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”.***

Hay nói cách khác, việc này rất là tường tận, chúng ta nương theo một bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” là phải đem phiền não của chính mình đoạn hẳn, khi phiền não chính mình vẫn chưa đào thải hết thì ta chỉ tuân thủ một môn này, chỉ một bộ kinh này. Ở trên kinh này Phật dạy bảo chúng ta việc phải nên làm thì chúng ta phải chăm chỉ nỗ lực mà làm, việc không nên làm thì chúng ta nhất định không nên làm, đó là biết nghe lời, đó chính là học trò tốt của A Di Đà

Phật. Đến lúc nào phiền não giảm thì trí tuệ thêm lớn rồi, sau đó mới học rộng nghe nhiều.

Thực tế ra mà nói hoàn cảnh mà ngày nay chúng ta đang ở không tốt, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài không có thứ nào là không mê hoặc, sức cảm dỗ rất là to lớn. Bạn ở trong hoàn cảnh này mà không bị mê hoặc thì bạn là người tái sanh, bạn nhất định không phải là người thông thường. Cho nên ở ngay trong hoàn cảnh lớn này, người bị mê hoặc, chúng ta phải biết đó là người bình thường, nếu như họ không bị mê hoặc con người này là không bình thường.

Người không bình thường có hai loại người: Một loại người chính là không còn cảm giác, đần độn, nên không bị mê hoặc; Một loại người là Phật, Bồ Tát tái sanh, chỉ hai loại người này. Ngoài hai loại người này ra, bạn nói không bị mê hoặc bởi danh vọng lợi dưỡng tài sắc danh thực thùỳ bên ngoài, làm gì có thể làm được chứ? Không thể làm được. Cho nên chúng ta xem thấy những người mê hoặc này, chúng ta phải sanh tâm thương xót, nhất định không nên trách cứ họ, vì họ là một người bình thường, họ không phải là người phi thường, họ là người bình thường, nếu họ chân thật giác ngộ thì họ sẽ hồi đầu. Họ không giác ngộ thì sao? Thì sẽ tiếp tục mê, càng mê càng sâu, trong kinh Phật thường gọi “kẻ đáng thương”.

Do đó, tôi thường hay khuyên một số đồng tu chúng ta, một đời một kiếp này của chúng ta, phải ôm chặt lấy một bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” thì ta một môn thâm nhập. Lúc nào thì ta mới học rộng nghe nhiều? Đến thế giới Cực Lạc, chưa đến thế giới Cực Lạc, thì ta chỉ một môn thâm nhập, còn khi đã đến thế giới Cực Lạc thì ta sẽ học rộng nghe nhiều. Ta cái gì cũng muốn học, vô lượng vô biên pháp môn, tất cả ta đều muốn học, nhưng hiện tại ta không thể học, vì nếu hiện tại muốn học sẽ học tạp, học loạn cả, thì không thể đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Hiện nay điều quan trọng hàng đầu của chúng ta là phải nắm chắc phần đên được thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định vãng sanh. Cho nên hai nguyện đầu của Tứ Hoằng Thệ Nguyện bây giờ chúng ta phải nỗ lực làm, còn hai nguyện sau đến thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ hoàn thành, phải chia nó làm hai phần, mà phần đầu chính là “Học pháp môn thành Phật đạo”, là việc học pháp môn để đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên hiện tại ngay trong đời này ta chỉ làm hai nguyện đầu: Một là phát đại tâm; Hai là đoạn phiền não, đó là khéo giữ chính mình, chân thật hộ trì.

Phật ở trong kinh này, khi vừa mở đầu đã đề ra cương lĩnh cho chúng ta, cương lĩnh này vô cùng là quan trọng, nói tỉ mỉ thì ở phần sau kinh văn, cương lĩnh này là khéo giữ gìn ba nghiệp.

Câu thứ nhất: *“Khéo giữ khẩu nghiệp, không nói lỗi người”*, chúng ta nhất định phải tuân thủ. Người khác nói lỗi lầm của chúng ta, làm nhục chúng ta, phỉ báng chúng ta, hãm hại chúng ta, thậm chí đến giết hại chúng ta, chúng ta dứt khoát không được oán hận. Nhất định phải biết, không oán trời, không trách người, không một chút ý niệm oán hận. Luôn luôn giữ cho tâm thanh tịnh bình đẳng, bạn mới có thể giác ngộ.

Giống như Ấn Quang Đại Sư dạy chúng ta, *“Trong mạng của ta phải chịu cái nạn này, phải nên tiếp nhận, thì bạn có điều gì đáng để oán trời trách người chứ. Cam tâm tình nguyện tiếp nhận để tiêu tai, tiêu bớt tai ách của mình, tiêu bớt nghiệp chướng của chính mình”*.

Ý niệm này của chúng ta phải chuyển được như vậy: *“Người hãm hại ta, làm nhục ta, phỉ báng ta, thì họ không có tội. Không những không có tội mà còn có công đức, vì sao vậy? Họ thành tựu hạnh nhẫn nhục Ba La Mật cho ta, đó chính là công; Họ lại tiêu tai thay ta là đại ơn đại đức”*.

Nếu như chúng ta có cái tâm niệm như thế gian, hận họ, trả thù họ thì thật là đáng sợ, “Oan oan tương báo” không bao giờ dứt, vậy thì sai rồi.

Cho nên Phật và Bồ Tát dạy tâm luân hồi và

tâm đạo, chỉ trong khoảng một niệm, bạn vừa chuyển qua, thì tất cả thế gian này thấy đều là thiện tri thức, nếu bạn không chuyển được thì ngay cả Phật Bồ Tát cũng không phải là tri thức. Người khác mắng ta, ta phải xem người mắng Phật nhiều hay ít vậy? A Di Đà Phật là “*Phật trung chi vương*”, bạn xem người hủy báng A Di Đà Phật nhiều hay ít? A Di Đà Phật cũng bị hủy báng, hưởng hồ chúng ta chỉ là một đệ tử nhỏ của Phật A Di Đà, thì có đáng gì chứ, nhất định phải hiểu được cái đạo lý này.

Cho nên chúng ta quyết định phải lấy đức báo oán, thành tựu đức hạnh của chính mình, thành tựu đạo nghiệp của chính mình, đó là bạn chân thật hộ trì chính mình. Cho dù người ta có nói ta thế nào, thì chúng ta cũng vẫn tán thán đối với người, chúng ta luôn báo ân đối với người, cho nên bạn nhất định là tri ân thì bạn mới biết được mà báo ân. Người mà hủy báng hãm hại bạn thì có ân gì với bạn vậy? Họ tiêu nghiệp chướng thay ta, đó chính là ân. Bạn không biết thì bạn làm sao biết báo ân, bạn biết được rồi, mới biết được nghiệp chướng từ vô thì kiếp đến nay.

Phiền não, nghiệp chướng này là chướng ngại tương lai chúng ta vãng sanh. Sau khi tiêu trừ hết rồi thì vãng sanh không chướng ngại, tương lai chúng ta đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh. Việc này đối với người giảng kinh, lúc trước tôi đã có nói qua, người giảng kinh chúng ta vãng sanh, sau khi vừa

giảng xong bộ kinh, chấp tay xá chào mọi người “*Tôi phải đi đến thế giới Cực Lạc rồi*”. Vừa ngồi xuống thì đi, bạn xem vậy tự tại dường bao, ai có thể làm được? Nghiệp chướng tiêu hết thì có thể làm được.

Cho nên nhiều người như vậy tiêu nghiệp chướng thay ta, ta cảm kích còn không hết, báo ân còn không kịp, không luận họ dùng bất cứ thủ đoạn nào đối với ta, đều là đại ân nhân của ta, đều là đại ân đại đức. Việc này là Phật dạy cho chúng ta, nếu Phật không dạy cho chúng ta, chúng ta làm gì biết được những việc này chứ? Đó chính là thọ dụng mà ta học Phật, là công đức lợi ích mà ta học Phật. Ta có được một chút lợi ích thì ta phải chung hưởng cùng với mọi người, các vị đều phải giác ngộ.

Bạn xem như vậy cả đời này của bạn tâm địa坦然 nhiên, không có lo buồn, không có vương bận, không có phiền não, trải qua ngày tháng rất tự tại. Bạn xem thấy người thế gian, xem thấy mặt mỗi người đều rất khổ.

Tôi thì không có bị thứ khổ nào, an vui không gì bằng. Vì sao bạn khổ đến như vậy? Vì cái ý niệm của bạn không có chuyển đổi cho nên bạn có khổ, khi chuyển đổi ý niệm rồi thì an vui. Cảnh giới của tôi mỗi năm một tốt hơn, mỗi năm xả được càng thanh tịnh hơn. Khi năm trước ở bên đây, thỉnh chúng các vị cúng dường đối với tôi, mỗi ngày mang đem về cả

đồng bao thư cúng dường, dần dần từng cái lấy ra, còn phải đếm, còn phải làm việc này hết nửa ngày, phiền não chết người. Cho nên bắt đầu từ năm ngoái tôi đã không nhận nữa, tất cả sự cúng dường đều quy về cho thường trụ, một phân tiền cũng không lấy. Bạn xem đây, tôi rất tự tại, không còn việc gì, không cần phải đếm tiền nữa. Không tiền có chỗ rất hay, chỗ hay rất lớn, bất cứ người nào cũng không thể hỏi tiền tôi, không thể hỏi tôi để quyên tiền đối với chỗ nào đó muốn xây chùa, muốn đắp tượng Phật? Không tiền, bạn nói xem, tôi tự tại dường bao. Pháp cũng không có, nếu hiện tại có người nói:

- Pháp sư kinh sách, băng thu âm, băng ghi hình của ông?

- Không có! tôi một cuốn cũng không có.

Không tiền thì không có tiền làm, bạn cần thì đến nơi nào để lấy? Đến Cư Sĩ Lâm lấy, đến Học Hội Tịnh Tông lấy, họ thì có. Bạn nói xem tôi rất tự tại, rất an vui, vạn duyên buông bỏ, không nhiễm một trần, thật là trải qua đời sống đại tự tại.

Hiểu được hộ pháp, biết được làm thế nào để hộ pháp, thì bạn liền biết được hộ trì chính bạn. Vậy bạn chính là hiền nhân, bạn đã vào được Bồ Tát vị. Ở trong Phật pháp những biểu pháp thông thường, cái thông thường nhất mà nói về việc hộ trì này.

Phật pháp Trung Quốc đích thực ra là vượt xa hơn Ấn Độ. Chúng ta phải tường tận, sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc không những khai hoa kết trái ở Trung Quốc mà còn vượt qua hơn rất nhiều so với Ấn Độ. Thực tế ra mà nói ở ngay trong tổ sư đại đức nhiều đời Trung Quốc có rất nhiều vị là Bồ Tát cổ Phật tái sanh, ứng hóa đến. Gần đây nhất các bạn và mọi người đều biết, Đại sư Ấn Quang là Bồ Tát Đại Thế Chí thế giới Tây Phương Cực Lạc tái sanh, rất rõ ràng. Trong lịch sử ghi chép Đại sư Trí Giả là Thích Ca Mâu Ni Phật tái sanh, Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật tái sanh, Bác Đại Sĩ là Bồ Tát Di Lặc tái sanh, Hòa Thượng Bồ Đại cũng là Bồ Tát Di Lặc tái sanh. Phật Bồ Tát ứng hóa ở khu vực Trung Quốc này, đời đời đều có xuất hiện. Phật Bồ Tát đối với người của khu vực này đặc biệt ái hộ. Việc ái hộ này cũng có đạo lý, người ở khu vực này dễ dàng giác ngộ, hơn nửa người giác ngộ, lại rất nhiều, cho nên mới có cảm ứng tương thông với Phật Bồ Tát.

Ở đạo tràng của Trung Quốc chúng ta không giống như người ở đạo tràng Ấn Độ. Các vị đi đến Trung Quốc, bước vào điện Phật giáo được xây dựng chính qui. Khi bạn vừa bước vào, cái kiến trúc đầu tiên là điện Thiên Vương. Trong điện Thiên Vương thờ Thần Hộ Pháp, thờ là ý gì vậy? Dạy bạn giữ gìn chính bạn, dạy cho bạn cách làm thế nào để giữ gìn

chính mình, bạn phải hiểu rõ đạo lý này.

Trong Phật giáo không có một chút gì mê tín, giáo dục trăm ngàn năm trước của Phật giáo đã đi đến nghệ thuật hóa cao độ. Nghệ thuật cao độ là đem nghệ thuật cùng giáo học tập hợp thành một thể. Giáo dục hiện tại vẫn còn chưa có thể làm đến được tròn đầy, nhưng Phật pháp chúng ta ở mấy ngàn năm trước đã làm đến được rồi. Việc này không phải là trí tuệ cao đẳng thì không thể làm được. Nếu chúng ta có thể lý giải, nếu có thể thông đạt, không những không cô phụ khổ tâm của tổ sư đại đức, hơn nữa còn phải đem nó mở mang rộng lớn, phổ độ tất cả chúng sanh trên toàn thế giới.

Cho nên giáo học của Phật pháp không nhất định phải dùng lời nói. Bạn xem trong điện Thiên Vương thờ cúng năm hình tượng của Phật Bồ Tát. Bạn vừa bước vào cửa chùa vị đầu tiên đối diện với bạn là Bồ Tát Di Lặc.

Bồ Tát Di Lặc.

Bồ Tát Di Lặc không làm ra hình tượng của Bồ Tát Di Lặc là người Ấn Độ mà tạo ra hình tượng Hòa Thượng Bồ Đại. Cái ý này càng rõ ràng tường tận, càng viên mãn.

Tượng Bồ Tát Di Lặc Ấn Độ cùng với tượng

Bồ Tát Quán Âm, đầu đội mào Tỳ Lư, nếu như các vị đến Cung Doanh Hòa của Bắc Kinh, đi xem tượng của Bồ Tát Di Lặc bạn sẽ không nhận ra Ngài là Bồ Tát Di Lặc, bạn thấy tượng đó của Ngài giống như Văn Thù, cũng lại giống như Phổ Hiền, bạn không biết được đó là Bồ Tát Di Lặc.

Chúng ta đều quen cho là Hòa Thượng Bồ Đại là Bồ Tát Di Lặc, nếu Ngài biến ra một thân khác thì chúng ta không nhận ra. Ý nghĩa mà Hòa Thượng Bồ Đại biểu thị rất rõ ràng, bạn thấy cái bụng rất to, cái bụng rất to dạy bạn cái gì vậy? Độ lượng phải lớn, phải có thể bao dung. Nhà Phật chúng ta thường giảng “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”³⁰. Bồ Tát Di Lặc hiện ra cái ý này, chính là “*Tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới*”, bất cứ thứ gì cũng đều có thể bao dung, chính là dạy bạn việc này.

Nếu bạn muốn học Phật:

Thứ nhất bạn phải mở rộng tâm lượng, tâm lượng nhỏ không có tư cách học Phật, tâm lượng phải lớn.

Thứ hai là miệng thường nở nụ cười, mặt cười đón người, đó là biểu thị từ bi. Cho nên trong Phật pháp gọi là “*Từ bi là gốc, phương tiện là cửa*”³¹. Di Lặc hòa thượng Bồ Đại để ở ngay tâm, chính là dạy cho bạn, bước vào cửa Phật là lấy từ bi làm gốc,

phương tiện làm cửa, chính là dạy bạn thứ này. Dạy bạn sanh tâm bình đẳng, thành tựu tướng an vui, không luận đến nơi đâu, một mảng hoan hỷ, hiển lộ ra đại từ đại bi, dạy chúng ta những thứ này.

Sau đó xem hai bên Tứ Đại Thiên Vương, Tứ Đại Thiên Vương cũng là dạy chúng ta:

Tứ Đại thiên Vương.

Thứ nhất, Đông Phương Thiên Vương (Còn gọi là Trì Quốc Thiên Vương).

Bạn xem qua danh hiệu đó, danh hiệu là biểu pháp, bạn phải hiểu được cái ý này. “Trì” là giữ gìn, “Quốc” là quốc gia, bạn liền nghĩ đến cái ý này. Hai chữ Trì Quốc, hàm nghĩa trong hai chữ Trì Quốc là làm thế nào bạn có thể bảo trì cả đời này của chính mình, thành tựu đạo đức học vấn của chính mình mà không bị hư hại, chính là bạn giữ gìn chính bạn. Làm thế nào giữ gìn cả nhà bạn hạnh phúc mỹ mãn, không đến nỗi làm cho gia đình hư hại? Làm thế nào giữ cho sự nghiệp của bạn được thành công thuận lợi? Làm thế nào gìn giữ xã hội an định phồn vinh? Làm thế nào giúp cho quốc gia giàu mạnh? Làm thế nào thúc đẩy thế giới hòa bình. Thấy đều là ý nghĩa bao hàm ở trong Trì Quốc Thiên Vương. Bạn thấy ý nghĩa đó viên mãn dường nào.

Bạn vừa nhìn thấy Ngài thì liền nghĩ ngay đến những việc này, Ngài dạy cho chúng ta then chốt nguyên tắc tu hành, biểu thị ở chỗ nào vậy? Trên tay cầm cây đàn Tỳ Bà, đó chính là sự biểu thị. Biểu thị gì? Nếu bạn muốn đạt đến mục tiêu ở trên thì bạn nhất định phải học “trung đạo”, tỳ Bà biểu thị trung đạo. Bạn thấy sợi dây đàn đó, nếu chùng thì không kêu, căng thì bị đứt, nhất định phải chỉnh đến vừa thích hợp, âm luật mới có thể phát ra, biểu thị cái ý này chứ không phải Trì Quốc Thiên Vương mỗi ngày thích chơi đàn Tỳ Bà, hiểu vậy thì sai rồi, làm gì có việc đó.

(VCD 006)

Ngài dùng phương pháp này để biểu thị nhắc nhở bạn phải hành “Trung đạo”.

Nhà Nho gọi là “Trung dung”, nhà Phật gọi “Trung đạo”. Đối nhân xử thế tiếp vật, nhất định phải làm đến được vừa vặn thích hợp, không được quá đáng, cũng không được bất cập, bạn xem đều là biểu thị trên cây đàn Tỳ Bà. Nếu bạn hiểu được ý nghĩa này, bạn vừa nhìn thấy Ngài thì chẳng phải học qua một bài rồi sao? Vôì vàng phải đánh lễ Ngài, cảm tạ Ngài, Ngài đã dạy bảo cho ta, cần gì phải nói chứ?

Thứ hai, Nam Phương Thiên Vương (Còn gọi là Tăng Trưởng Thiên Vương).

Bạn tưởng tượng xem cái ý nghĩa của Tăng Trưởng, tăng trưởng chính là tiến bộ. Đức hạnh của bạn mỗi năm phải tiến bộ, trí tuệ cũng mỗi năm thêm lớn. Mỗi năm thì quá dài, phải mỗi tháng thêm lớn, mỗi ngày thêm lớn năng lực của bạn, thậm chí đến phẩm chất, đời sống của bạn đều phải nâng cao mỗi ngày.

Phật pháp không lạc hậu, Phật pháp luôn cầu tiến cho nên Ngài đại biểu tinh tấn. Nhà Nho chúng ta

nói là “*Một ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới*”. Ngày ngày mới là tiến bộ, trong Phật pháp gọi là “*Dũng mãnh tinh tấn*”.

Hiện tại có người nói:

- Ấy da! Phật pháp chúng ta phải đi kịp thời đại.

Tôi nghe qua rất đau lòng. Vì sao Phật pháp phải đi kịp thời đại? Phật pháp là lãnh đạo thời đại, nếu cho rằng Phật pháp đi theo sau thời đại thì chúng ta sai rồi, bạn là dẫn đầu thì làm sao bạn có thể đi theo sau người chứ? Nếu còn lạc hậu nữa thì thật không còn gì để nói, làm gì có đạo lý này? Phật pháp là trí tuệ cứu cánh viên mãn, chỉ đạo thế giới này, mãi mãi đứng ở đoạn đầu của thời đại, không phải là ở sau.

Ngày nay Phật pháp chúng ta hư hại đến như thế này, bốn chúng đệ tử chúng ta phải chịu trách nhiệm, rất là hổ thẹn, chúng ta chưa dốc hết trách nhiệm, không đem Phật pháp chân chánh nói với mọi người trong xã hội làm cho xã hội đại chúng sanh ra hiểu lầm nghiêm trọng. Đó là chúng ta chưa dốc hết bốn phận của một người học trò. Vì sao mỗi ngày chúng ta phải cực lực đề xướng? Vì lý do gì vậy? Phật pháp phải có người tiếp nối.

Một người, nhất là người hiện tại tuổi tác đã cao như tôi, cho dù là như thế nào đi nữa, các vị xem tôi đều cho rằng không tệ, nhưng thực tế là thể lực luôn là không thể như trước. Đây là đạo lý đương nhiên. Bây giờ tôi một ngày giảng hai giờ đồng hồ, vẫn không vấn đề gì, nếu nhiều hơn nữa thì sẽ cảm thấy có chút mệt. Tôi vào 10 năm trước một ngày giảng 8 giờ đến 9 giờ không mệt, nhưng hiện tại nếu như một ngày giảng 4 giờ đồng hồ thì cảm thấy có chút mệt, nếu 3 giờ thì vẫn còn được.

Cho nên Phật pháp quan trọng nhất phải có người tiếp nối, chúng ta phải toàn tâm toàn lực bồi dưỡng nhân tài, đem mấy mươi năm kinh nghiệm đã học của chính chúng ta cung cấp cho các vị đồng tu làm tham khảo. Hy vọng các vị người đi sau vượt hơn người đi trước mới có thể dẫn dắt thế giới này, khiến cho thế giới này chân thật có thể đạt đến bình đẳng, an định, cùng tồn tại.

Phật pháp là một môn học mà học vẫn chân thật hữu dụng, là giáo dục chí thiện viên mãn, không phải mê tín, một chút mê tín cũng không có. Cho nên trên tay của Tăng Trưởng Thiên Vương cầm cây kiếm, cầm một cây bảo kiếm. Kiếm là biểu thị cái gì? Biểu thị trí tuệ.

Trên tay Bồ Tát Văn Thù cũng là cầm một cây bảo kiếm, kiếm là biểu thị trí tuệ, kiếm huệ đoạn

phiền não. Lấy cái ý nghĩa này, Nam Phương Thiên Vương đã dạy bảo cho chúng ta biểu thị cái ý này. Chúng ta biết được chỉ có trí tuệ mỗi ngày thêm lớn, mới có thể đem Trì Quốc thực tiễn, đem lời dạy của Trì Quốc Thiên Vương dạy cho chúng ta dần dần nâng cao.

Giáo học của hai vị Thiên Vương này tương đối viên mãn. Thế nhưng nếu chúng ta muốn hỏi, chúng ta phải bắt tay vào từ đâu? Tây Phương Thiên Vương cùng Bắc Phương Thiên Vương, chính là dạy cho chúng ta phương pháp hạ thủ.

Thứ ba, Tây Phương Thiên Vương (Còn gọi là Quảng Mục Thiên Vương).

Các vị thử nghĩ xem Quảng Mục là ý gì vậy? Hiện nay gọi là quan sát khảo sát. Bạn phải xem nhiều, xem người khác nhiều hơn, rút lấy kinh nghiệm của người khác, rút lấy sở trường của người khác, cải chính khuyết điểm của người khác, thì bạn tiến bộ rồi. Là cải tiến, đem khuyết điểm của người khác thay đổi lại, thì bạn tiến bộ rồi.

Cho nên Tây Phương Thiên Vương bảo chúng ta xem nhiều, phải có trí tuệ nhìn qua xã hội này. Xã hội vô cùng là phức tạp, biến hóa phức tạp, nhân tình biến hóa, sự lý biến hóa, chân thật gọi là biến hóa không thể lường.

Cho nên đạo cụ trên tay Quảng Mục Thiên Vương cầm là rỗng hoặc là rắn. Rỗng rắn biểu thị nhiều biến hóa, đó là biểu thị thay đổi. Biểu thị này nói với bạn rằng xã hội này thay đổi quá phức tạp nên một tay này cầm con rỗng.

Còn tay kia thì cầm hạt châu, hạt châu là gì vậy? Trong biến hóa bạn giữ vững không biến hóa. Hạt châu bất biến, hơn nữa còn bảo rỗng tùy theo hạt châu mà biến đổi. Đó chính là bạn phải chuyển cảnh giới, không thể bị cảnh giới xoay chuyển, vậy là cao minh, bạn không thể tùy theo nó chuyển, phải bảo nó chuyển theo bạn, thì giáo học của bạn liền thành tựu. Ở ngay trong biến hóa, nắm vững nguyên lý nguyên tắc, đó chính là một hạt châu kia.

Thứ tư, Bắc Phương Thiên Vương (Còn gọi là Đa Văn Thiên Vương).

Rất rõ ràng rồi, phải nghe nhiều, không hề bảo bạn nói nhiều, không hề có đa mồm Thiên vương. Cho nên nếu chúng ta muốn thành tựu trí tuệ, phải đạt đến được mục tiêu như đã nói trên, thấy nhiều, nghe nhiều.

Thực tế ra mà nói hai vị Thiên Vương này đã biểu thị ra cái ý này, chính là nhà Nho Trung Quốc chúng ta thường nói: “*Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường*”. “*Đi vạn dặm đường*” là để tham quan

khảo sát, thành tựu học vấn chân thật chính mình.

Năm xưa khi tôi học tập với Ngài Tiên sinh Đông Phương Mỹ. Tiên sinh Ngài thường hay nói: *“Ngươi học triết học (lúc đó tôi đang học triết học với Ngài) nhất định phải ngồi phi cơ một lần, bay lên được rất cao, sau đó xem lại thế giới rất nhỏ, giúp cho bạn lĩnh ngộ”*.

Hiện tại cơ hội chúng ta ngồi phi cơ thì quá nhiều, từ phi cơ nhìn xuống, đích thực là quá nhỏ, sâu sắc thế hội cái đạo lý này. Cho nên nhất định phải đọc nhiều sách, đọc nhiều kinh sách, đọc nhiều sách sử, đọc lịch sử là để rút lấy kinh nghiệm thành công và thất bại của nó. Bạn thấy một quốc gia hưng vượng, quyết định có đạo lý của sự hưng vượng, quốc gia diệt vong nhất định có nhân tố của nó, bạn phải nắm được cái nguyên tắc này. Thịnh hay suy của một gia đình cũng có đạo lý nhất định, thành tựu hay thất bại của một cá nhân vẫn là có một nguyên lý nguyên tắc. Đọc lịch sử phải hấp thu được sự thật, có tầm nhìn của lịch sử, thì bạn thấy được sâu, thấy được xa. Đọc kinh sách thì thành tựu học vấn trí tuệ, bạn có thể giải quyết vấn đề, có năng lực ứng phó vấn đề, đó là học vấn chân thật. Còn đọc lịch sử bạn có thể nắm được vấn đề.

Bác Phương Thiên Vương trên tay cầm là một cây dù. Dù là dùng để làm gì vậy? Phòng ngự ô

nhiễm. Hiện tại không khí Singapore lại ô nhiễm rồi, che dù là phòng ngự ô nhiễm, đặc biệt là phòng ngự tâm địa ô nhiễm. Tâm của chúng ta vốn dĩ là thanh tịnh, trong lòng khởi lên Tham, Sân, Si, Mạn, trong lòng khởi lên mê hoặc, tâm địa của bạn bị ô nhiễm, tinh thần bị ô nhiễm, tư tưởng bị ô nhiễm, kiến giải bị ô nhiễm. Vậy thì hư rồi, ý nghĩa của cây dù là phòng ngự ô nhiễm.

Do đó bạn phải tường tận những tượng được thờ cúng trong nhà Phật, như tượng Phật, tượng Bồ Tát, tượng A La Hán, tượng Thiên Thần, tất cả đều là hàm nghĩa của giáo dục.

Nghĩa thú giáo dục rất sâu. Không phải họ cúng Thần, không phải bảo bạn đến đó bái thần rồi sau khi nhìn thấy các Ngài thì bạn liền khai mở trí tuệ, bạn liền biết được bạn phải nên làm như thế nào. Nhiều tượng Thần, tượng Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp, Chư Thiên bày ra ở trước mắt bạn, đang dạy cho bạn mỗi ngày mà không cần nói một câu nào, bạn ở ngay trong đó liền được Phật pháp viên mãn tròn đầy.

Cho nên khi kinh vừa mở ra nhất định là liệt kê ra danh hiệu các đại đức, chính là cái ý này. Nếu như bạn là một người thông minh lanh lợi thì vừa xem thấy tên của các vị này, thì kinh đó không cần phải xem nữa. Vì sao vậy? Những gì đã nói trong kinh chính là sự biểu hiện của các vị này rồi. Còn nếu bạn

xem không hiểu, ây da! Vậy thì phải từ từ mà giảng cho bạn, mới giới thiệu cho bạn, nếu hiểu được rồi, thì cần gì phải nói câu nào, một câu cũng không cần phải nói. Hơn nữa còn thể hội được vô cùng sâu sắc, đó gọi là Hộ Pháp Thiên Vương.

Hộ Pháp Thiên Vương.

Hộ là hộ vệ chính mình, không phải hộ người khác. Nhất định phải hiểu được cái ý này. Cho nên tôi cũng thường hay nói, bạn thấy mỗi ngày nhiều du khách đến Tự Viện của Trung Quốc Đại Lục như vậy, nào là người Trung Quốc, người ngoại quốc, nếu như có hướng dẫn tốt, hoặc giả là những pháp sư trong đạo tràng đó đều có thể thông suốt, tường tận thì những người hướng dẫn này giảng giải cho họ nghe mỗi ngày. Họ đến chỗ này của chúng ta tham quan du lịch, chúng ta lên lớp dạy họ, đó là cơ hội giáo dục. Bình thường bạn tìm họ hoặc đến để giảng Phật pháp cho họ nghe, nhưng họ đều không chịu nghe, cho nên đây là cơ hội đưa đến cửa, cố gắng mà giáo huấn họ một loạt để khi họ quay về họ xuất tiền cúng dường chúng ta. Không phải là cúng ủng phí, chúng ta cũng xứng đáng với họ. Họ cúng dường tài vật cho chúng ta, chúng ta cúng dường pháp cho họ. Cho nên những Am Đường, Tự Viện cổ xưa đều có thể giáo hóa. Chúng ta trên toàn thế giới hãy từ những nơi cơ hội này mà giáo dục.

Việc này tôi nghĩ tương lai ở Phật Học Viện, đây là giáo trình phải nên xem trọng, Phật pháp có thể lợi dụng cơ duyên này để mở mang rộng lớn, để cho những người ngoại quốc đến Trung Quốc tham quan biết được Trung Quốc đích thực có văn hóa, đích thực có học vấn, đích thực có trí tuệ, không thể không bội phục giáo dục này. Việc này người ngoại quốc có năm mộng cũng nghĩ không ra, đó là hộ pháp. Thế cho nên cái ý nghĩa này nói hoài cũng không hết, nói mười ngày cũng không xong, chỗ này đơn giản nên nói cho các vị nghe đến đây.

Tháng 5 năm trước tôi đến Bắc Kinh, thăm viếng Đại học Bắc kinh, Đại Học Sư Phạm Bắc Kinh (tôi cũng đã nhắc qua với các vị đồng tu vài lần). Trong Đại Học Bắc Kinh có một tấm biển dựng ngay ở cửa ra vào của một phòng khác của trường học, bên trên viết là: “*Học vi nhân sư, thân vi thế phạm*”³². Hiệu trưởng nói với tôi, tám chữ này là tập thể giáo viên của trường cùng đồng tán thành.

Tôi xem thấy rất là hoan hỉ, tôi nói với hiệu trưởng, tám chữ này chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”. Họ nghe rồi đều rất kinh ngạc, một bộ “Kinh Hoa Nghiêm” chính là giảng nói tám chữ này, dạy người làm thầy, làm mô phạm. Thầy là gì vậy? Thầy là gương mẫu, mô phạm là tấm gương.

Đệ tử Phật, Phật là Đại đạo sư, đệ tử Phật là mô phạm cho trời người. Hay nói cách khác khởi tâm động niệm lời nói việc làm của chúng ta phải dẫn đi xem có thể làm gương cho đại chúng trong xã hội hay không? Có thể làm mô phạm cho đại chúng trong xã hội hay không? Mỗi niệm đều phải nghĩ đến đại chúng xã hội xem ta có thể làm ra tấm gương tốt cho họ hay không? Thì chúng ta sẽ không thể nào làm sai.

Ngay khi tôi xem thấy mấy chữ này rồi, tôi bước vào trong trường học, trường học họ tiếp đãi tôi, ngoài hiệu trưởng, “giáo thọ”³³, còn có đại biểu của học sinh, ở nơi đó họ muốn tôi giảng mấy lời. Tôi liền dùng cái đề mục này, vừa xem được cái đề mục này, liền nghĩ ngay đến giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc. Cho nên ngay lúc đó tôi nêu ra vấn đề xã hội hiện tại tương đối nghiêm trọng, đó là: Ở Trung Quốc, ngoại quốc, các khu vực khác, gần như đều không ngoại lệ, người lớn thường hay oán thán làm cha mẹ thì con cái không nghe lời, làm thầy giáo thì học trò không nghe lời, ở công ty xí nghiệp thì công nhân không nghe lời, hiện tại làm việc khó khăn rất nhiều. Làm ông chủ phải thương lượng với công nhân, phải nói điều khoản với họ, nếu không thì họ bãi công, không chịu làm. Vậy thì còn cách nào?

Cái nguyên nhân này là do đâu vậy? Ngay lúc đó tôi phân tách cho họ nghe: Khổng Lão Phu Tử dạy

học, trong đó có một câu nói rất là quan trọng “*Tác Quân, Tác Thân, Tác Sư*”³⁴.

Khi tôi còn nhỏ, tuổi thơ của tôi ở Phước Kiến, tôi ở Kiến Âu, học tiểu học ở Kiến Âu. Vào lúc đó mỗi một gia đình ở Phước Kiến đều có cúng bài vị tổ tiên, trên bài vị tổ tiên gần như đều là viết “Thiên, Địa, Quân, Thân, Sư”³⁵, đều là cúng bài vị này, ấn tượng của tôi rất là sâu sắc. Cho nên nhà Nho dạy cho chúng ta “*Tác Quân, Tác Thân, Tác Sư*”, giáo học này không phải là đặt định lấy đối tượng mà là phổ biến tất cả. Phật pháp càng là như vậy, Phật pháp phổ biến dạy tất cả chúng sanh làm Phật, không phải là đặt định bạn phải làm Phật, bạn đi làm Bồ Tát, không phải vậy, đó không phải là bình đẳng mà là phổ biến dạy người làm Phật làm Bồ Tát.

Nhà Nho dạy mỗi người đều phải “*Tác quân, Tác thân, Tác sư*”. Bạn có thể thông đạt hiểu rõ ý nghĩa này, bạn đã làm rồi, vấn đề của bạn được giải quyết. Con cái của bạn sẽ biết nghe lời, học trò của bạn sẽ biết nghe lời quản giáo của thầy giáo, công nhân của bạn nhất định biết phục tùng ông chủ, lúc này thì vấn đề được giải quyết rồi.

Ngày nay vấn đề xảy ra là do đâu? Trong ba chữ này, bạn chỉ làm được một chữ, hai chữ khác không làm được, cho nên xảy ra vấn đề thôi.

Con cái vì sao không nghe lời? Bạn chỉ làm được chữ “Thân”, vì bạn là cha mẹ ruột của con cái nên bạn làm được chữ “thân”; còn trách nhiệm của “Su” thì bạn chưa làm hết, sư là dạy bảo chúng, bạn chưa làm được; trách nhiệm của chữ “Quân” thì chưa làm xong, “Quân” là lãnh đạo chúng. Nếu như bạn làm cha mẹ ruột, bạn phải dạy bảo con cái của bạn, lấy mình làm gương, (trẻ nhỏ đều là học cha mẹ, học tấm gương của chúng ta), cha mẹ tâm chánh việc làm chánh, chúng từ nhỏ đã nhìn thấy gương tốt này, lớn lên thì chúng làm sao có thể làm càn làm quấy chứ? Không thể nào, chúng đã học tốt rồi. Cho nên chúng ta làm bậc cha mẹ khi đối mặt với con cái làm người thân của chúng, cũng phải làm thầy giáo của chúng, cũng phải làm lãnh đạo của chúng. Ba chữ này nếu bạn làm được tròn đầy rồi thì gia đình của bạn liền được mỹ mãn, vấn đề liền được giải quyết.

Cũng đồng đạo lý như vậy, ở trường học làm thầy giáo, bạn chỉ làm được một chữ “Su”, bạn không làm được chữ “Thân”, bạn không làm đến được “Quân”, cho nên học trò xảy ra vấn đề. Nếu như bạn là một thầy giáo, thầy đều có thể làm được ba chữ này, vấn đề của bạn liền được giải quyết, học trò làm gì có chuyện không thương yêu thầy giáo chứ.

Chúng tôi là học trò lưu vong vào thời kỳ kháng chiến, đối với thầy giáo hiệu trưởng của chúng tôi, cả đời cảm ân đội đức. Rời khỏi thầy giáo vài

chục năm rồi, nhưng lời của thầy không dám trái phạm. Đạo lý gì vậy? Thầy giáo của chúng ta ba chữ này đều làm được, họ là thầy của chúng ta, nhưng họ thương yêu đối với học trò cũng giống như con cái không hề khác, quan tâm bạn, chăm sóc bạn, toàn tâm toàn lực giúp đỡ bạn, không luận là ở phương diện nào. Vậy thì bạn làm sao mà không cảm ân đội đức. Họ là lãnh đạo tốt nhất của học trò, họ đã làm được ba chữ này.

Lấy đây mà suy ra nếu bạn là ông chủ của một xí nghiệp, bạn đối với công nhân bạn là người lãnh đạo họ; nhưng bạn có thể xem công nhân như anh em chị em của chính mình, xem như con cái của chính bạn, bạn thương yêu chăm sóc họ như vậy, hiệp trợ họ, giúp họ giải quyết khó khăn, công nhân của bạn quyết định tận trung với bạn; bạn làm thầy của họ, mỗi cái đều dạy bảo họ, cho nên bạn đối với công nhân không chỉ riêng là lãnh đạo họ. Vậy nên ba chữ này không thể phân ra, ba chữ này là một thể, chính mình chân thật làm đến được “*Quân, Thân, Sư*”, bạn chính là tấm gương tốt cho xã hội, bạn chính là làm thầy làm mô phạm.

Cho nên tôi xem thấy tám chữ này liền nghĩ đến cái ý nghĩa này. Tôi đem một chút cách nhìn của tôi, một chút tâm đắc này cúng dường cho trường học, do đó trường học họ có ấn tượng rất tốt đối với tôi. Năm rồi là kỷ niệm trường 95 năm, cũng là ngày

chúc mừng “*Sư Phạm Trung Quốc*” 100 năm, ở trường tổ chức đại lễ rất long trọng, đặc biệt phát thiệp mời gọi đến, nhưng ngay khi đó chúng ta khai giảng lớp bồi dưỡng nên tôi không cách nào đi tham gia đại lễ này.

Thế nên đó đều là chân thật hộ trì chính mình, chân thật là thâm nghĩa bao hàm ở trong *Hiền Hộ*, chúng ta nhất định phải hiểu, nhất định phải thực tiễn, phải cố gắng mà làm.

Hiền Hộ Chánh Sĩ, *Chánh Sĩ* là tôn xưng *Bồ Tát*: “*Chánh*” là “*Chánh tri chánh kiến, Chánh Đăng Chánh Giác*” là cái ý nghĩa này; “*Sĩ*” dùng lời nói hiện đại chúng ta mà nói, chính là phần tử tri thức, tôn xưng với người có đạo đức, có học vấn. *Chánh Sĩ* là xưng hô riêng với *Bồ Tát*.

Ở trong nhà Phật quen gọi *Bồ Tát* là *Đại Sĩ*, như chúng ta gọi *Quán Âm Đại Sĩ*, *Văn Thù Đại Sĩ*, *Phổ Hiền Đại Sĩ*. Gọi *Bồ Tát* là *Đại Sĩ*, là *Chánh Sĩ*, còn gọi là *Khai Sĩ*, *Khai Sĩ* cũng là tôn xưng với *Bồ Tát*. *Khai Sĩ* chính là khai ngộ “*Minh Tâm Kiến Tánh*” gọi là *Khai Sĩ*, đều là tôn xưng với *Bồ Tát*.

Ở chỗ này kèm theo thuyết minh nói rõ với các vị, không thể gọi là “*Đại sư*” (*sư* của *lão sư*), *Đại sư* không được gọi. *Đại Sư* là tôn xưng đối với Phật, không được gọi hàng *Bồ Tát*. Nếu như chúng ta ngày

nay làm pháp sư mà mọi người gọi bạn là Đại Sư thì có nghĩa là địa vị của bạn ở trên cả Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, các Ngài này xem thấy bạn cũng phải đánh lễ ba lạy đi nhiều phía hữu ba vòng, vậy bạn có thể gánh vác nổi hay không? Không gánh vác nổi, vạn lần phải ghi nhớ, đó không phải là tôn kính, thực tế mà nói là mắng người, bạn hiểu được không? Nếu như người ta đi trên đường khi nhìn thấy bạn, xá chào bạn một cái, gọi bạn là “Tổng Thống tiên sinh”, trong khi bạn không phải là Tổng Thống mà gọi bạn là Tổng Thống tiên sinh, như vậy không phải mắng bạn hay sao? Cho nên cái danh xưng này, không thể quá trán, cũng không thể bắt cập, thông thường làm gì có thể mà được gọi Đại Sư chứ? Không được.

Tôn xưng là “Ấn Quang Đại sư” là người sau tôn xưng Ngài. Bạn xem thấy khi Ngài còn ở đời những năm đầu in Văn Sao, quyển sách đó đều chỉ ghi là “*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao*”. Bạn xem Tổ sư Đại đức các tông phái nhiều đời của Trung Quốc đều không hề xưng là Đại Sư, các tông các phái thì gọi là Tổ Sư, không hề xưng là Đại Sư. Thầy giáo của Hoàng Đế gọi là Quốc sư; thông đạt Tam Tạng thì gọi Tam Tạng pháp sư, không hề xưng Đại Sư. Chúng ta cần phải đem xưng hô này thay đổi lại, còn gọi là Đại sư như vậy thì thật là không nên. Mọi người xem thấy tôi gọi là “Tịnh Không Đại Sư”, đó là

mắng người, nhất định phải giải thích cho rõ ràng với họ. Vì sao vậy? Vì họ không hiểu, chúng ta phải nói rõ cho họ nghe, không nên xưng hô như vậy, cách xưng hô như vậy là sai lầm.

Đại Sư chỉ xưng hô đối với Phật, ngoài ra có một việc rất đặc thù, đó là có một người có thể gọi Đại Sư, đó là tổ sư của Tịnh Độ Tông. Chỗ này rất đặc biệt, đó là trong Phật môn chúng ta công nhận. Vì sao vậy? Pháp mà tổ sư Tịnh Độ tông truyền ra, cùng chư Phật Như Lai không hề khác nhau, khuyên người niệm A Di Đà Phật, vì niệm A Di Đà Phật thì quyết định vãng sanh bất thoái thành Phật. Việc này cùng với mười phương tất cả chư Phật Như Lai, thủ pháp độ chúng sanh không hề khác nhau nên chỉ có tổ sư Tịnh Độ tông mới có thể gọi là Đại Sư. Nhưng tổ sư của Tịnh Độ tông không phải khi người còn sống mà chọn ra, vậy thì không tính, nhất định là tổ sư ấy phải đã viên tịch rồi. Sau đó mọi người trong Phật môn chúng ta đều công nhận, thừa nhận Ngài rằng “*Con người này ở ngay trong một đời đối với việc tu học hoằng dương Tịnh Độ, có cống hiến vô cùng to lớn*”, thì gọi họ là tổ sư của Tịnh Độ tông.

Pháp sư Ấn Quang, khi còn ở đời không có người nào gọi Ngài là tổ sư của Tịnh Độ Tông, nhưng sau khi Ngài viên tịch nhà Phật chúng ta mọi người mới tôn xưng Ngài là tổ sư đời thứ 13 của Tịnh Tông. Cho nên gọi là “Đại sư” sau khi chết rồi thì mới

được, khi còn sống thì không được, nếu khi còn sống gọi Đại Sư là yêu ngôn hoặc chúng, thì không được, sau khi viên tịch do người thế gian công bình.

Tổ sư của Tịnh Tông khác với các tổ sư tông phái khác, tổ sư các tông khác là đời đời nối nhau, một đời truyền lại một đời. Tịnh Độ không phải vậy, Tịnh Độ Tông là toàn thiên hạ dân chủ chọn ra, cho nên họ không giống nhau, họ là dân chọn, họ không phải là một đời truyền lại một đời, các tông phái khác đều là đời đời truyền lại nhau, Tịnh Độ tông là dân chọn, phải mọi người công nhận mới được, đây đều là một ít thường thức, chúng ta phải biết.

Nói đến Chánh Sĩ các vị đồng tu nên biết, mười lăm vị Bồ Tát phía sau thầy đều là cư sĩ tại gia, đều là Bồ Tát tại gia. Danh hiệu của các Ngài chính là nội dung tròn đầy của quyền kinh.

Thứ hai: “Thiện Tư Duy Bồ Tát”

“Thiện Tư Duy” chú trọng ở chữ “Thiện”, ý nghĩa của chữ Thiện này quá sâu quá rộng. Nói đến ý nghĩa cao thâm chúng ta rất khó hiểu được, cũng không cách gì làm được nên chúng ta cần phải đem tiêu chuẩn này hạ thấp xuống, hạ xuống để có thể thực tiễn được ngay trong cuộc sống của chúng ta, để chúng ta làm thế nào để học được. Cho nên chúng ta hôm nay, trong cái hội “Kinh Vô Lượng Thọ” này,

chúng ta sẽ chú trọng ở giải, ở hành, ở chứng. Làm thế nào thực tiễn ngay trong cuộc sống của chúng ta? Làm thế nào thực tiễn ngay trong công việc đối nhân xử thế tiếp vật của chúng ta? Chúng ta học tập mà làm, thực tiễn được thì chúng ta mới làm được.

Một là “Thiện Tư Duy” chính là biết ân, báo ân.

Việc này chúng ta có thể làm được, thường nghĩ ân Tam Bảo, thường nghĩ ân chúng sanh, thường nghĩ ân cha mẹ, thường nghĩ ân quốc gia.

Trên kệ hồi hướng chúng ta tụng mỗi ngày “Thượng báo tứ trọng ân”, bạn có thể thường nghĩ báo ân, đức hạnh của bạn càng tích càng sâu, chúng ta thường gọi là tích công bồi đức, đó là tích đức. “Tri ân báo ân”, cái khóa mục này, nói ra thật không đơn giản.

Trong “Kinh Đại Bát Nhã”, Phật giảng vừa mở ra là Bồ Tát Nhị Địa, Bồ Tát Nhị Địa tu học có tám khóa mục, “tri ân báo ân” là một khóa mục trong đó. Việc này nói rõ “tri ân” là đáng quý, trí tuệ Bồ Tát Nhị Địa thì tương đối cao, cho nên họ mới chân thật “tri ân”.

Phàm phu không biết tri ân, không biết ân dưỡng dục của cha mẹ, không biết ân giáo hóa của thầy giáo, không biết ân hộ trì của quốc gia, việc này

phải nên hiểu.

Bạn thấy hiện tại người không có quốc tịch thật đáng thương, làm kẻ lưu lạc trên thế giới. Quốc gia bảo hộ bạn, quốc gia lớn mạnh, bạn cầm lấy hộ chiếu đi đến bất cứ quốc gia nào, mọi người đều tôn kính đối với bạn, còn nếu bạn không có quốc tịch thì ai cũng xem thường bạn. Bạn phải từ ngay chỗ này mà thể hội được quốc gia có ân đức bảo hộ chúng ta.

Tất cả chúng sanh có ân đức hỗ trợ chúng ta, quần áo mà chúng ta đang mặc đây, vải không phải chính mình dệt, bông vải không phải chính mình trồng, mỗi ngày ăn cơm gạo không phải chính mình gieo tía, bạn liền biết được trong xã hội có bao nhiêu người khổ cực cần lao cung cấp cho đời sống một ngày của ta, ta dùng cái gì để hồi báo? Cho nên chúng ta việc đầu tiên phải chân thật hiểu được bốn ân nặng.

Đặc biệt là nhớ nghĩ ân Tam Bảo, trong ân Tam Bảo chân thật đầy đủ bốn ân trọng, viên mãn tròn đầy. Cái ý này tôi không thể giảng tỉ mỉ vì giảng tỉ mỉ lại phải tốn một giờ nữa, dường như sau khi các vị nghe qua rồi, thì sẽ dần dần tỉnh ngộ ra.

Hai là: Nhất định phải nhớ nghĩ chúng sanh khổ.

Nhớ chúng sanh khổ, lòng đại bi của chính chúng ta mới có thể sanh khởi ra được. Bạn xem thấy

những chúng sanh khổ nạn này, nếu chúng ta muốn giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn đó, thì bạn không thể không chăm chỉ nỗ lực tu học. Nếu như không thể thành tựu đức hạnh của chính mình, không thể thành tựu học vấn của chính mình, không thể thành tựu năng lực của chính mình, thì bạn làm sao đi giúp người?

Cho nên hy vọng các vị đồng tu phải nhìn thấy chúng sanh khổ nạn trên toàn thế giới, vì những chúng sanh khổ nạn này chúng ta phải vùi đầu kham khổ mà làm, phải cố gắng nỗ lực tinh tấn, hy vọng chúng ta sớm một ngày thành tựu, những khổ nạn của họ sẽ sớm một ngày được tiêu trừ, chúng ta thành tựu trễ một ngày, thì họ sẽ thêm một ngày khổ nạn. Bạn phải thường có cái tâm này, thường có cái tâm này, thì nhất định không thể giải đãi, đó chân thật gọi là tâm Bồ Tát, chân thật là đại từ đại bi.

Hiện tại thế gian này có người đã giác ngộ được khổ nạn của chúng sanh, thế nhưng không cách gì giải quyết.

Năm trước, khi tôi ở khóa thứ hai, cũng là khoảng thời gian chúng ta lên lớp, tôi xin nghỉ phép ba ngày đến Úc Châu, để làm gì vậy? Cục Sự Vụ Dân Tộc Thiếu Số Úc Châu, là cơ cấu chính phủ của họ, Cục trưởng mời tôi đi đến đó giảng một lần, tôi nhận lời ông ấy. Ngày đầu tiên tôi đi, ngày thứ hai diễn

giảng, ngày thứ ba thì quay về.

Tính chất của diễn giảng này là gì vậy? Cục trưởng này là người Úc Châu gốc Do Thái, khi tôi ở Úc Châu gặp mặt ông, ông đã nói với tôi, vấn đề hiện tại Úc Châu đã mở ra chính sách phóng khoáng là hoan nghênh các nơi khác di dân đến Úc Châu. Những người di dân đến đây họ sống cùng với người Úc Châu địa phương, bối cảnh văn hóa không giống nhau, phương thức đời sống không giống nhau, chủng tộc không giống nhau, tôn giáo tín ngưỡng không giống nhau, nhưng khi vừa đến, đột nhiên cùng sống với nhau. Vậy làm thế nào mong cho xã hội được phần vinh an định? Làm thế nào có thể tiêu trừ được rất nhiều thành kiến ngăn cách, có thể hợp tác lẫn nhau làm cho xã hội Úc Châu được phần vinh? Họ đã nghĩ đến vấn đề này. Cho nên họ tổ chức một buổi luận đàm, mỗi một tháng là họ tổ chức hội nghị một lần, đến tham gia đều là lãnh đạo các tôn giáo. Hôm đó tôi đến tham gia, tổng cộng là 14 vị lãnh đạo tôn giáo khác nhau cùng chung một hội nghị.

Hôm đó là Cục trưởng mời tôi diễn giảng, cũng chính là nhằm vào vấn đề này. Tôi gọi 14 vị lãnh đạo tôn giáo này đều là Bồ Tát. Họ nghe rồi cảm thấy rất kỳ lạ, Mục Sư của KiTô Giáo là Mục Sư Bồ Tát, Thần Phụ Bồ Tát của Thiên Chúa Giáo, A Hông Bồ Tát của Ai-Xlam giáo, Do Thái giáo tôi không biết

gọi thế nào thì tôi gọi là trưởng lão Bồ Tát, đều là Bồ Tát. Họ nghe rồi cảm thấy rất kỳ lạ, tôi liền giải thích cho họ, ý nghĩa của Bồ Tát là người giác ngộ, là người có trí tuệ, có giác ngộ. Các vị có thừa nhận hay không? Bạn chính mình có trí tuệ có giác ngộ, đúng rồi! Vậy thì bạn chính là Bồ Tát, Bồ Tát thật, không phải Bồ Tát giả. Cho nên họ rất là hoan hỉ đối với tôi, không hề có chút bài xích nào đối với tôi. Tôi ở nơi đó đem Phật pháp giới thiệu cho họ, nói rõ Phật pháp không phải là tôn giáo, Phật pháp là học thuật, Phật pháp là giáo dục, bất cứ tôn giáo đồ nào đều phải học Phật pháp, vì sao vậy? Bạn phải học trí tuệ, bạn có trí tuệ là bạn có giác ngộ, thì gọi bạn là Bồ Tát.

Cho nên Phật pháp quyết định không phải bảo bạn phải bội phản tôn giáo của bạn thì mới đến học Phật giáo, đó là việc Phật giáo nhất định không chấp nhận, việc làm đó là trái với đạo đức của xã hội, Phật không nhận học trò này, bạn là tín đồ tôn giáo, bạn yêu thích tôn giáo của bạn, tôn kính Thượng Đế của bạn, Phật tán thán bạn, bạn là con cái tốt của Thượng Đế, là học trò tốt của Phật, bạn tín ngưỡng tôn giáo, có thể quy y Tam Bảo, làm học trò của Phật, bạn với Thượng Đế là quan hệ cha con, bạn cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò, làm gì có chuyện xung đột? Không hề có xung đột, rất là hòa hợp.

Sau khi tôi diễn giảng xong, mọi người đều rất hoan hỉ, nêu ra rất nhiều vấn đề để hỏi tôi, trong đó

có trưởng lão Do Thái giáo, thân thiện dễ gần nêu ra câu hỏi với tôi, ông hỏi:

- Ở trong thánh kinh nói nhân loại tạo ra những tội ác đến sau cùng đều có thẩm phán, thẩm phán sau cùng, Phật giáo các vị có nói thẩm phán sau cùng hay không? Thẩm phán sau cùng do ai đến chủ trì?

Tôi nghe qua câu hỏi này, tôi nói:

- Không sai! Phật giáo là giáo dục, không quan tâm thẩm phán, trường học dạy học, khuyên thiện ngừa lỗi, còn thẩm phán là sự việc của pháp quan, việc của Bộ tư pháp, Phật là Bộ Giáo Dục, không phải Bộ Tư Pháp, ai chủ trì thẩm phán này? Là Thượng Đế.

Họ nghe rồi rất phấn khởi. Chúng ta là giáo học, khuyên thiện ngừa lỗi, dung hợp. Tôi rất là tôn trọng họ, họ cũng rất tôn trọng tôi, ngay trong hội nghị lúc đó họ đều mời tôi làm hội viên dài lâu của họ. Tôi nói với họ rằng tôi không thường đi đến Úc Châu. Họ nói:

- Không hề gì, mỗi một tháng ông gửi cho chúng tôi một bài viết là được rồi.

Mỗi một tháng gửi một bài cho họ, trên thực tế tôi cũng không cần phải viết, trong “Vô Trụ Sanh

Tâm” của chúng ta rất nhiều. Tôi liền bảo đồng tu Úc Châu, mỗi một lần các vị ở nơi đó phiên dịch một chương, dùng Anh văn phiên dịch ra đưa cho họ, mỗi tháng đều đưa qua.

Cho nên tôi lần này thời gian tôi đến Úc Châu ở hơi dài, ở đến 26 ngày, đi thăm viếng Đại học Bang Đức ở bờ biển Hoàng Kim, tiếp kiến tôi là học sinh trong trường đó, Viện trưởng của Viện Khoa Học Xã Hội Nhân Văn, tôi nghe người khác nói Viện trưởng này tuổi tác không lớn, nghe nói ông là nhân viên làm hành chánh, tánh tình rất nóng vội, không có lòng nhẫn nại. Thế nhưng hôm đó ông gặp mặt với tôi, hòa ái, thân thiện, thái độ hoàn toàn khác đi, có rất nhiều người xem thấy đều cảm thấy rất kỳ lạ. Khi ông vừa gặp mặt tôi, nhìn thấy đây là Phật pháp, ông rất ưa thích, người có duyên phận. Ông nêu ra vấn đề hiện tại Úc Châu với tôi, lấy trường học của họ mà nói, trường học có hơn 2000 học sinh đến từ hơn 30 quốc gia, như một Liên Hiệp Quốc nhỏ vậy, thế là trong đó nảy sanh ra một vấn đề xã hội, đó là Viện Khoa Học Xã Hội. Cho nên ông liền nêu ra vấn đề với tôi làm thế nào để dạy cho những người không đồng quốc gia, không đồng chủng tộc, không đồng phương thức sinh hoạt, không đồng tín ngưỡng tôn giáo, hiện tại có thể cùng ở chung với nhau, có thể hòa thuận cùng sinh sống, có thể hợp tác lẫn nhau? Cũng cùng nêu ra vấn đề này, hiện tại Úc Châu người giai cấp cao ở

trong giới học thuật, ở trong giới chính trị, có rất nhiều người có quan niệm này, đó là một hiện tượng rất tốt. Ông nêu ra vấn đề này với tôi, tôi liền nói với ông:

- Phật pháp Đại Thừa có thể giải quyết vấn đề này.

Ông nghe rồi rất hoan hỉ. Tôi nói tiếp:

- Đặc biệt là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”, có lý luận viên mãn, có đầy đủ phương pháp, phía sau còn có biểu diễn. Biểu diễn đó là thật, Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham học, bạn thấy 53 vị Phật, thị hiện ra các ngành các nghề nam nữ già trẻ, cũng thị hiện ra tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, như Thắng Nhiệt Ba La Môn, Biến Hành Ngoại Đạo, đó đều là tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, bối cảnh văn hóa khác nhau, phương thức sinh hoạt khác nhau, họ làm thế nào ở trong một xã hội này, cùng tồn tại cùng phát triển, hợp tác lẫn nhau, há chẳng phải vấn đề mà hiện tại các vị đang mong cầu giải quyết đó sao?

Sau khi ông ấy nghe rồi vô cùng vui mừng, ngay lúc đó liền biểu đạt cái ý này với tôi rằng liệu có thể ở trong trường học của ông thành lập một Viện Nghiên Cứu Phật học? Việc này do ông chủ động đề xuất với tôi, nếu không thể mở được một Viện nghiên

cứu, thì có thể ở trong trường học của ông mở khóa trình Phật học. Khi ông nêu ra ý kiến này tôi liền hỏi ông, tôi nói:

- Học trò trường học hiện tại của các vị, một học sinh ở bên đây tu học, học phí, tạp phí, ăn ở, học trò đều ở trong ký túc xá của trường, một học trò một năm đại khái phải tốn bao nhiêu tiền?

Ông nói với tôi:

- Một năm cũng sắp gần 30 ngàn đô Úc.

Tôi vừa nghe liền nói:

- Trường học quý tộc.

Mọi người đều nói trường học đó là một trường học quý tộc, không có tiền thì không cách gì có thể vào đó để học, tố chất của thầy giáo rất tốt, trình độ giáo dục cũng tương đối cao.

Cho nên tôi liền nghĩ đến nếu như có thể đem Phật pháp kéo dấy trường học này, tương lai sẽ biến thành một môn giáo trình quan trọng nhất trong trường học này, Phật pháp chúng ta liền sẽ bước vào đại học của toàn thế giới, sẽ là giáo trình trung tâm trong đại học, người thế gian mới chân thật có phước.

Phật pháp là pháp của trí tuệ, Phật học là học trí

tuệ, chân thật có thể giải quyết tất cả vấn đề, có thể khiến cho tất cả chúng sanh, người người hạnh phúc, nhà nhà mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công, xã hội an lành, quốc gia giàu mạnh, thiên hạ thái bình. “Kinh Hoa Nghiêm” đích thực là có thể làm đến được, đáng tiếc không có người đề xướng.

Cho nên hiện tại chúng ta có được cơ hội tốt như vậy, hy vọng pháp sư trẻ tuổi như các vị, chăm chỉ nỗ lực. Sau khi các vị học xong rồi, tương lai đều là giáo thọ đại học, không nên lo. Tôi không có học vị, thậm chí chưa tốt nghiệp cao trung, thì làm sao có thể làm giáo thọ đại học được? Các vị phải nên biết, tôi chỉ tốt nghiệp sơ trung. Vậy mà hiện tại lại có thể có người mời tôi làm Viện trưởng Viện Nghiên Cứu. Cho nên bạn phải có đồ thật, chúng ta ở trong trường học giảng qua một lần, hiệu trưởng của trường học, một số lãnh đạo của trường học đó, giáo thọ của họ, đều đến nghe, nghe rồi họ đều hoan hỷ, họ đều bội phục, họ đều có thể khẳng định, vậy thì bạn dạy học trò còn vấn đề gì chứ?

Vấn đề là bạn phải chân thật y theo Phật pháp tu học, đoạn phiền não khai trí tuệ. Chỉ có trí tuệ mới có thể phục người, bạn làm cho người tâm phục khẩu phục, không cần phải có văn bằng, văn bằng là giả, không có tác dụng gì, đối chính mình phải có tín tâm, phải chăm chỉ nỗ lực, nhất định phải đoạn phiền não, danh vọng, lợi dưỡng, năm dục, sáu trần thế gian này

xả được sạch trơn, thường nghĩ đến chúng sanh khổ.

Ba là: *Thường nghĩ chính mình nghiệp chướng sâu nặng.*

Phải đoạn phiền não, tiêu nghiệp chướng, giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn là Thiện Tư Duy Bồ Tát, bạn chính là Thiện Tư Duy Bồ Tát. Hôm nay thời gian đã hết, A Di Đà Phật! Ngày mai chúng ta tiếp tục giới thiệu Bồ Tát kế tiếp, tối ngày mai chúng ta gặp lại.



(VCD 007)

Lần trước đã giảng đến chỗ này. Ý nghĩa của kinh văn rất sâu, chúng ta phải thể hội một cách thật tỉ mỉ mới có thể thu được lợi ích công đức của Phật pháp thù thắng.

Ở lần trước tôi cũng đã từng gợi ý qua với quý vị, lão cư sĩ Hạ Liên Cư mới đầu hội tập bản kinh đem toàn bộ kinh phân thành 37 phẩm, sau này khi đính chính lại, mới phân nó thành 48 phẩm, chúng ta hiện nay nhìn thấy phần này.

Ở hai phẩm trước chúng ta phát hiện ra rõ ràng 16 vị Bồ Tát tại gia này lẽ ra cần phải phân vào phẩm thứ nhất vì ở phẩm này là có “Chúng thành tựu”. Ở trong “Chúng thành tựu” có chúng Thanh Văn, có chúng Bồ Tát, ở trong chúng Bồ Tát có chúng Bồ Tát xuất gia, có chúng Bồ Tát tại gia, lẽ ra phải phân theo cách này. Tôi đã từng đặt ra nghi vấn này, vì sao Ngài phải phân 16 vị Bồ Tát tại gia vào phẩm “Hiền hộ” này vậy? Đây không phải đoạn nhỏ mà ở đây lại phân thành một phẩm riêng, tôi đã từng nêu ra ắt có đạo lý của nó. Cái đạo lý này các bạn hiểu được không? Có được mấy người có thể nhìn ra bí quyết này? Quả là có đạo lý, vì 16 vị tôn giả này là huyết mạch của toàn kinh.

Chúng ta tu học có nắm chắc được cương lĩnh, nắm chắc nguyên tắc không? Ở trong Phật pháp chúng ta nói “Tổng trì pháp môn”, vậy bạn làm sao có thể nắm vững đại tổng trì pháp môn, mấu chốt là ở chỗ này: Bất kể là tại gia hay xuất gia, tu hành chứng quả, có thành tựu hay không, hoàn toàn dựa vào bạn có khéo giữ mình hay không. Hôm qua đã nói hộ pháp, bạn có hiểu không? Nếu dùng cách nói hiện đại là bạn có biết yêu quý mình không? Nói cho thật rõ một chút là bạn có biết tự trọng không? “Hiền hộ” này chính là tự trọng, chính là yêu quý mình. Người thật sự biết yêu quý mình, thật sự biết tự trọng, gìn giữ mình thuận buồm xuôi gió trên con đường Bồ Đề, thì đâu có lí nào mà không thành tựu. Cho nên phân từ chỗ này, ý nghĩa thật là vô cùng sâu rộng.

Tiếp đó “Thiện tư duy Bồ Tát”, tôi đã nêu ra 3 điểm:

Thứ nhất, Chúng ta phải nhớ bốn ơn nặng, tư duy phải thường luôn tư duy “Tứ trọng ân”.

Thứ hai, Chúng ta phải tư duy nỗi khổ của chúng sanh. Chúng sanh trong lục đạo luân hồi vô cùng đau khổ, mê hoặc điên đảo, ngu muội vô tri, tạo nghiệp thọ báo, không có ngày ra khỏi. Cái khổ thế gian chúng ta đây thì tam đồ so với chúng ta không biết nghiêm trọng gấp bao nhiêu lần. Thường nghĩ

đến nỗi khổ của chúng sanh, nếu như bản thân chúng ta không có năng lực vượt qua tam giới, không có năng lực thoát khỏi luân hồi, thì quả báo tam đồ chúng ta nhất định phải chịu. Ai mà không tạo nghiệp tam đồ chứ? Người người đều tạo.

Bồ Tát Địa Tạng ở trong “Kinh Bốn Nguyện” nói rất hay “*Chúng sanh Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm, niệm nào cũng tội lỗi*”. Lời nói này là sự thật, hoàn toàn không quá đáng. Khởi tâm động niệm đều là tự tư tự lợi, những việc đã làm đều là tổn người mà cũng chẳng lợi cho mình.

Tuy nhiên, cái này người thế gian lại thường cho rằng, nói rằng “*Tổn người, lợi mình*”. Nói như thế là sai rồi, tổn người dứt khoát là không lợi cho mình. Nếu tổn người mà lợi mình thì việc này là việc tốt, tôi cũng muốn làm. Tổn người sẽ chẳng thể lợi mình, vì sao? Bản thân mình chỉ được một chút lợi nhỏ, nhưng quả báo về sau thật không thể tưởng tượng. Tạo ra loại nghiệp nhân ngu muội này, sau đó nhận chịu quả báo địa ngục. Cho nên nghĩ đến nỗi khổ của chúng sanh, thực tế mà nói chính là quay đầu lại sẽ nhìn thấy cái khổ của chính mình. Không nghĩ nỗi khổ của chúng sanh thì không biết chính mình khổ.

Người thế gian người biết chính mình rất ít,

phần lớn không thấy được chính mình, nhưng thấy người khác thì thấy rõ lắm, giống như hai con mắt chỉ nhìn thấy ở bên ngoài mà không thể thấy bên trong. Thế nhưng khi chúng ta nhìn thấy người khác, quay đầu lại liền nghĩ đến mình, họ là chúng sanh, ta cũng là chúng sanh, họ ngày nay tạo nghiệp thọ báo, nghĩ lại ngày nay ta cũng đang tạo nghiệp, tương lai làm sao có thể tránh khỏi khổ báo chứ?

Thứ 3, Chúng ta phải thường nghĩ đến nghiệp chướng sâu nặng của mình. Từ vô thủy kiếp đến nay tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Đời này có thể sống tại đất nước Singapore (khu vực này Singapore là đất phước của thế gian) là do đời trước bạn đã làm một chút việc tốt nên ngày nay ở đây hưởng phước, nhưng khi phước của bạn hưởng hết rồi làm sao đây? Trong khoảng thời gian bạn đang hưởng phước này, bạn có tu phước nữa hay không? Nếu như hưởng phước mà không tu phước, không những không tu phước mà còn tạo tội nghiệp, thì phước báo này của bạn sẽ tiêu hết rất nhanh, tội báo của bạn sẽ hiện ra rất mau, việc phiền phức này sẽ lớn rồi. Chúng ta tư duy phải thường nghĩ đến những việc này. Đây là 3 việc trước mắt có quan hệ thiết thân với chúng ta.

Trên danh hiệu của Bồ Tát có một chữ “*Thiện*”, chữ Thiện này quá hay, dạy chúng ta phải khéo tư duy.

Cái gì gọi là “Thiện”?

Phàm là những việc tương ưng với chân như pháp tánh, đó chính là thiện. Đi ngược lại với chân như pháp tánh, thì đó là bất thiện.

Cách nói này rất khó hiểu, rất khó thể hội, chúng ta nhất định phải hạ thấp mức này xuống thì mọi người sẽ dễ hiểu.

Cái gì là chân như pháp tánh?

Chúng ta nói một cách đơn giản nhất, chính là bộ kinh này. Chúng ta khởi tâm động niệm, ý nghĩ việc làm không vi phạm lời giáo huấn của bộ kinh này chính là thiện; những điều chúng ta nghĩ không ra khỏi phạm vi của bộ kinh này; những điều chúng ta nói cũng không vi phạm lời giáo huấn của bộ kinh này; những điều chúng ta làm hoàn toàn dựa vào phương pháp của kinh điển, đây gọi là thiện.

Khi cư sĩ Lý Mộc Nguyên muốn tôi viết cho ông mấy chữ xem thử, trên bục giảng của chúng ta đây có 4 cây trụ, ông muốn tôi viết, tôi liền nghĩ đến Đại sư Ấn Quang nói cho chúng ta 8 chữ rất hay.

“Đốn luân tận phận, nhàn tà tồn thành”³⁶

Tám chữ này rất hay, 8 chữ này ngày nay giảng

đó chân thật là có thể giải cứu kiếp nạn này.

Sao gọi là “Đốn Luân”?

“Luân” là một loại, đồng loại, đồng luân. Chúng ta là thuộc về loại nào? Bạn thuộc về loại nào thì bạn phải làm hết bổn phận của loại đó.

Giáo dục thời xưa của Trung Quốc, khái niệm trung tâm, chính là Luân thường. Luân thường bắt đầu từ vợ chồng, vợ chồng cùng ở trong một nhà, cùng một phòng, cái phòng này phòng chính là một gian. Bên ngoài gian buồng là nhà, ở trong nhà có cha con, anh em. Bên ngoài nhà là xã hội, trong xã hội có vua tôi, có bè bạn. Cho nên giáo dục của Trung Quốc từ xưa đến nay là giáo dục “*Ngũ luân*”³⁷, đây là ra phân từng loại, từng loại. Ở trong ngũ luân có một loại đặc biệt, chúng ta hôm nay học Phật rồi, loại của chúng ta là học Phật. Ở trong học Phật lại có thể phân làm rất nhiều loại, loại này của chúng ta là tu tông Tịnh Độ. Bạn thuộc về loại nào, thì bạn phải làm hết bổn phận của loại đó.

“Tận phận” là gì?

Ta ở trong thân phận này, ở địa vị này, thì khi ta làm những công việc gì, ta phải nên nhất định phải làm tốt công việc đó. Đối với xã hội, đối với đồng luân nhất định có cống hiến, đây gọi là “Tận Phận”,

dốc hết bốn phận của chúng ta. Chúng ta làm hết bốn phận: Tự mình làm, khuyên người làm.

Chính mình dựa vào kinh điển y giáo phụng hành, sau đó còn khuyên bảo người khác. Bạn thấy trong kinh Thế Tôn đã nói biết bao nhiêu lần với chúng ta, khuyến khích chúng ta “*Thọ trì, Đọc tụng, Vì người diễn nói*”, ý nghĩa này rất sâu.

“Thọ trì”: “Thọ” là chúng ta hoàn toàn tiếp nhận những gì trong kinh đã nói, những lời dạy của Phật, những lí luận mà Phật đã nói, những phương pháp mà Phật đã nói, những cảnh giới mà Phật đã diễn bày, tiếp nhận toàn bộ, đây là “thọ”; “Trì” là sau khi tiếp nhận rồi, thì mãi mãi gìn giữ không để bị mất và không biến chất, quyết định tuân thủ, đây là bốn phận của chúng ta.

“Diễn nói”: “Nói” là không chỉ có thể mà còn phải diễn thuyết cho người; “Diễn” là gì vậy? Làm ra tấm gương để cho người ta xem, đó là biểu diễn, đời sống chính là biểu diễn, làm tấm gương cho người ta thấy, ta làm tấm gương như vậy, có tương ứng với trong kinh đã nói hay không?

Thí dụ kinh điển Phật dạy chúng ta: “*Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người*”, nếu như chúng ta hằng ngày nói những lời xấu về người khác, thế là sai rồi, vậy không tương ứng với lời kinh đã nói, thì bạn

không có “*Thọ trì*”, thì bạn không có “*Vì người diễn nói*”. Làm gương cho người ta xem, cái gương mẫu này nhất định phải tương ứng với lời trong kinh đã nói, hoàn toàn như nhau mới được.

Kiến thức của thế xuất thế gian, Phật pháp là giáo dục không phải tôn giáo, giáo dục là cầu học, chúng ta có tâm cung kính, tâm chân thành cầu học nơi các bậc lão sư. Người xưa thường nói “*Chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*”³⁸, đó là “*Sư đạo*”, chỉ có học trò đến cầu học, không có chuyện thầy giáo đi tìm bạn để dạy bạn, không có đạo lí này. Nếu thầy đi tìm trò thì cái đạo này không còn “*tôn*” rồi, tôn sư trọng đạo mà. *Sư đạo* có sự tôn nghiêm của “*Sư đạo*”, bạn nhất định phải hiểu được để cầu học vị nào là thiện tri thức, vị nào là thầy giáo tốt? *Sư đạo*, cái “*luân*” này đó là từ xưa đến nay, đúng là tổ tổ truyền nhau.

Ai là thầy giáo tốt của bạn?

Ngay trong tâm trí của chính bạn, người nào mà bạn ngưỡng mộ nhất, khâm phục nhất, thì người đó chính là thiện tri thức của bạn, chính là thầy giáo tốt của bạn. Người mà trong lòng bạn khâm phục, dù rằng họ là người phạm, họ là một người lạng lẽ âm thầm, nhưng bạn khâm phục họ nhất, kính ngưỡng họ nhất, thì bạn học với họ bạn có thể thành công. Còn

như Phật A Di Đà đến, Phật Thích Ca Mâu Ni đến, bạn không có lòng cung kính đối với các Ngài, bạn không ngưỡng mộ các Ngài, thì dù rằng hằng ngày bạn ở cùng với Phật, nhưng bạn chẳng học được thứ gì cả. Đạo lý này là ở chỗ nào vậy? Kỳ thực rất đơn giản, bạn không khâm phục các Ngài, bạn nghe những lời dạy của các Ngài mà không chịu làm theo. Các Ngài dạy bạn làm thế này, thì bạn làm thế khác, không vâng lời.

Chân thật kính ngưỡng thầy giáo thì bạn phải vâng lời. Bản thân thầy giáo không thành tựu cũng không quan trọng, thầy làm không được nhưng những điều thầy dạy bạn, bạn đều làm được, còn thầy thì mọi thứ không đúng pháp, thế nhưng phương pháp mà họ dạy cho bạn thì đúng như pháp, bạn thấy đều làm theo tất cả thì bạn thành Phật, bạn thành tổ, bạn vượt qua thầy rồi. Cho nên chúng ta cầu thiện tri thức.

Thiện tri thức ở đâu?

Thiện tri thức, chính là người mà trong tâm trí của ta thấy ngưỡng mộ nhất, khâm phục nhất. Họ nói với ta, ta tuân theo 100%, một chút cũng không dám trái phạm, con người này chính là thiện tri thức của ta. Còn dù rằng danh tiếng của họ lớn, thanh danh lừng lẫy, nhưng lời họ nói, bạn chỉ bằng mắt mà

không bằng lòng, vậy thì nhất định không thể có được thành tựu. Không những không thể có thành tựu, hơn nữa còn tạo tác tội nghiệp rất nặng, tội nghiệp gì vậy? Lừa thầy, diệt tổ. Lừa dối thầy, thì việc gì bạn phải đi bái họ làm thầy chứ? Bái họ làm thầy, lại phải lừa dối thầy. Lừa dối thầy, thầy là có sự truyền thừa của thầy, tổ tổ truyền nhau, bạn lừa dối thầy, thì bạn đã xem thường tổ sư, tổ sư nhiều đời, hướng lên trên mà nói là xem thường cả Phật, Bồ Tát, đây là sự thật. Nếu như bạn thật sự có thể tôn kính Phật, Bồ Tát thì kinh này là lời Phật nói, bạn làm sao dám trái phạm. Đã đọc kinh này rồi, thậm chí là giảng kinh này cho người ta nghe, giảng ba hoa khoác lác, giảng đến nỗi khiến người ta tán thán, mà lời nói việc làm của mình lại hoàn toàn trái với lời trong kinh đã nói là không tin Phật.

Tin Phật, việc này khó lắm, rất khó. Tôi học Phật 7 năm, sau đó phát tâm xuất gia. Sau khi vừa xuất gia liền bắt đầu giảng kinh dạy ở Phật Học Viện, 2 năm sau khi giảng kinh tôi mới thọ giới.

Sau khi thọ giới xong, tôi đến Đài Trung thăm Lý lão sư. Vừa mới gặp mặt chưa nói lời nào Ngài liền chỉ vào tôi nói.

- Ông phải tin Phật.

Tôi ngay người ra một lát. Thầy liền giải thích cho tôi nghe, nói rõ cho tôi.

- Tin Phật không đơn giản, không phải nói hiện nay bạn đã xuất gia, đã thọ giới rồi, hơn nữa đã đang làm công việc hoằng pháp, chưa chắc là thật sự tin Phật. Có người cả một đời xuất gia, 80-90 năm vẫn không tin Phật.

Cái tiêu chuẩn của ông tin Phật đó là gì? Lời Phật nói trong kinh, bạn thấy đều làm được hết mới gọi là tin Phật.

Bạn là người chưa làm được tức là bạn không tin. Đã tin thì đâu có lí nào mà không làm, không chịu làm chính là không chịu tin tưởng. Cho nên Ngài nói với tôi “tin Phật”, hai chữ này khó lắm, rất khó. Thế Tôn trong “Kinh Hoa Nghiêm” trong “Đại Trí Độ Luận” đều nói rõ “*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu*”³⁹. Tín tâm thành tựu thì không có việc nào mà chẳng thành tựu. Chúng ta tu hành chứng quả, tín tâm là cội nguồn, là cội gốc. Bạn không có tín tâm kiên cố, thì sao bạn có thể thành tựu được? Nếu bạn có niềm tin này, thì “*Đốn luân tận phận*” nhất định làm được.

“Nhàn tà, tồn thành” là gì?

“Tà” là tà tri tà kiến, “nhàn” là ngăn chặn, bạn

phải biết ngăn chặn, phòng ngừa “tà tri tà kiến”.

Phương pháp phòng ngừa cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói rất cao minh, ông hôm đó nói mấy lời với mọi người, tôi đã nghe được, tôi đồng ý. Việc đầu tiên ông nói với mọi người là không nên nghe điện thoại, ông nói điện thoại vừa cầm lên tay, liền nói 1 giờ, nửa giờ, toàn là thị phi. Cho nên ông bảo thành viên của Tịnh Tông Học Hội, không có việc gì thì không nên nghe điện thoại, cũng không nên gọi điện, có thể tránh rất nhiều những tư tưởng khái niệm không chính xác.

Cho nên tôi thường nói “Không xem báo chí, không xem ti vi, không nghe đài phát, thì tâm của bạn thanh tịnh”.

Ngày nay chúng ta trong xã hội này, cư sĩ tại gia có công việc, có sự nghiệp. Trong công việc sự nghiệp của bạn, những việc cần phải biết thì bạn hãy tiếp xúc, những việc không cần phải biết thì nhất mực tốt hơn hết không nên biết, giữ gìn tâm thanh tịnh của bạn, đây gọi là thiện tư duy, chân thật làm được “*Đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành*”.

Lòng dạ đối với người phải chân thành, không hề mảy may hư dối. Người ta dùng tâm giả dối đối xử với chúng ta, chúng ta phải lấy tâm chân thành đối xử

với họ. Vì sao vậy? Họ làm chuyện sáu cõi luân hồi, làm chuyện 3 đường ác, còn ta phải đến thế giới Tây Phương Cực Lạc gặp Phật A Di Đà. Người mà Phật A Di Đà hoan nghênh là người có tâm chân thành, người mà tâm thị phi thì Phật A Di Đà sẽ không tiếp nhận. Đại đức xưa ở trong chú giải kinh điển nói rất rõ ràng, rất tường tận: *“Lời nói việc làm không hợp nhau, thì niệm Phật niệm cho nhiều đi nữa, cũng không thể vãng sanh”*.

Nếu như bản thân chúng ta hạ quyết tâm, có hoằng nguyện này, ở trong một đời này nhất định phải vãng sanh, nhất định phải y giáo phụng hành.

Cho nên lần pháp duyên này của chúng ta thù thắng, chúng ta trong hội này, tôi nhất định giảng qua bộ kinh này một lần cho thật tỏ tường thấu triệt. Chúng ta không giới hạn thời gian 3 năm, 5 năm cũng không hề gì. Các bạn đến nghe, nghe một lần thì có thọ dụng của một lần, còn như một lần nghe hiểu rồi bạn có thể theo đó mà làm thì cả đời thọ dụng không hết, huống hồ bạn hội nào cũng đều đến nghe, vậy thì còn gì bằng nữa không? Nếu chúng ta làm được như vậy thì liệu “Thiện tư duy” này của chúng ta có đạt đến thật viên mãn không? Vẫn chưa! chẳng qua cũng chỉ được 7-8 phần mà thôi, làm thế nào mới được viên mãn?

Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật thì bạn viên mãn, quyết định được sinh về Tịnh Độ, ở trong tâm mỗi niệm là A Di Đà Phật. Cho nên tôi cũng đã từng khuyên một số bạn đồng tu, tôi cũng khuyên người ta cứ điện thoại, Lý Mộc Nguyên ông ấy nói là không nghe điện thoại, còn tôi nói có thể nghe điện thoại, nghe điện thoại phải nghe thế nào vậy? Chúng ta chỉ nói một câu A Di Đà Phật, nghe họ nói chuyện, họ cứ nói chuyện, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật... họ nói một giờ thì ta niệm A Di Đà Phật một giờ, không nói thêm lời nào, lời vớ vẩn của họ đến không ngừng thì chúng ta cứ A Di Đà Phật mà tiến tới.

Biện pháp này của tôi cũng không tệ, lại không phải tốn phí điện thoại của mình, bạn nói có đúng không? Họ điện thoại đến, thì chúng ta đem từng câu từng câu A Di Đà Phật đổ vào trong A Lại Da Thức của họ. Lời của họ chúng ta một câu cũng chẳng thèm nghe, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật... thậm chí nói nếu bạn không muốn nghe, thì có thể bịt lỗ tai lại, chỉ miệng chúng ta nói thôi, ta nói thì họ nghe được, còn họ nói ta chẳng nghe thấy. Cách này thì quá tuyệt vời, cách này rất hay.

Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, niệm niệm có Phật A Di Đà, đây mới gọi là “*Thiện tư duy*” làm đến được viên mãn. Cho nên chúng ta phải học Bồ Tát Thiện Tư Duy, áp dụng ngay trong đời sống của

chính mình, chính mình chính là Hiền Hộ Bồ Tát,
chính mình chính là Thiện Tư Duy Bồ Tát.

Cần phải nên biết rằng ở trong Phật pháp có nói rất nhiều đến danh hiệu của chư Phật, bạn thấy hiện nay có rất nhiều đạo tràng khi tết đến thì lay vạn Phật. Ở trong “Đại Tạng Kinh” có một bộ kinh gọi là “*Vạn Phật Danh Kinh*”. Phật Danh Kinh, đều là danh hiệu Phật. trong đó tổng cộng có hơn 12.000 danh hiệu Phật, những vị Phật đó là ai vậy? Nói quý vị biết, đều là chính mình, đều là “tánh đức” của chính mình. Tánh đức tại sao có nhiều danh hiệu đến như vậy? Tánh đức là không có chỗ cùng tận, đừng nói một vạn danh hiệu nói không hết, mà vạn ức danh hiệu cũng nói cũng không hết, vô lượng vô biên.

Cho nên “Tánh đức” bao gồm tất cả danh hiệu Phật là tánh đức của chính mình, bao gồm tất cả danh hiệu Bồ Tát là “Tu đức” của chính mình. Từ “Tu đức” hiển hiện ra “Tánh đức” của chính chúng ta, cho nên chúng ta niệm những danh hiệu Bồ Tát này, là niệm ai? Niệm chính mình! Chính mình biết gìn giữ chính mình, biết tự trọng, biết bảo vệ pháp của mình, vậy bạn chính là Hiền Hộ Bồ Tát. Tư tưởng, kiến giải bạn thuần chánh, thì bạn chính là Thiện Tư Duy Bồ Tát, không phải người khác.

Những danh hiệu Bồ Tát này đặt ở nơi ta, Bồ

Tát hiện thân để biểu pháp, là Ngài chỉ dạy chúng ta. Như tôi phía trước nói với mọi người, tôi đã nêu ra một ví dụ, như Tứ Thiên Vương, Bồ Tát Di Lạc của điện Thiên Vương, toàn là chính mình, hoàn toàn áp dụng vào chính bản thân chúng ta, đâu phải là cảnh giới bên ngoài, chúng ta mới có được thọ dụng đích thực.

Từ đó cho thấy, 16 vị Bồ Tát này cũng không ngoại lệ, cũng là tu đức viên mãn của chúng ta. 16 không phải là con số, 16 là tiêu biểu cho sự viên mãn. Hiền tông của chúng ta phần nhiều là lấy 7 tiêu biểu viên mãn, hoặc lấy 10 tiêu biểu viên mãn. Ở trong Mật Tông phần nhiều là dùng 16 hoặc dùng 21, dùng cái này để tiêu biểu viên mãn. Như trong “Kinh Di Đà” nói 10 vạn ức cõi Phật, đây là sự viên mãn của hiền tông nói, còn bản kinh này nói 210 ức cõi Phật, đó là 21 mở rộng đến 210 ức đều là ý nghĩa biểu pháp. Nếu chúng ta xem nó là con số, thì thế là sai rồi, thì bạn sẽ không thể hội được nghĩa kinh ở bên trong. Xem tiếp vị phía dưới “Huệ Biện Tài Bồ Tát”.

Thứ ba: “Huệ Biện Tài Bồ Tát”

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng nhất giữa người với người. Không Lão Phu Tử dạy học, điều thứ nhất là “Đức hạnh”, điều thứ 2 chính là “Ngôn ngữ”. Phật pháp dạy học cũng không ngoại lệ:

Hiền Hộ, Thiện Tư Duy là “Đức hạnh”, còn Huệ Biện Tài chính là “Ngôn ngữ”. Đây đúng là chỗ gặp nhau so với dạy học của Khổng Lão Phu Tử.

Ở trong biện tài phải có trí tuệ thì biện tài của bạn mới tích lũy công đức, mới không tạo nghiệp. Không có trí tuệ thì tốt nhất không nên có biện tài, nếu như có biện tài mà không có trí tuệ thật thì biện tài sẽ tạo ra nghiệp rất lớn. “*Năng ngôn nghịch đạo*”, nếu những gì nói ra đều không phải là chánh pháp, mê hoặc lòng người thì cái tội này là rất nặng.

Các vị đọc “Luận Ngữ” thì bạn sẽ thấy Khổng Lão Phu Tử cũng đã từng có một thời gian ngắn làm quan, làm quan Đại Tư Khâu ở nước Lỗ. Khi Ngài vừa nhậm chức liền xử trăm Thiểu Chánh Mão đương thời. Việc này nếu vào thời bây giờ là tuyệt đối không cho phép, thời hiện tại thì không được. Vì sao? Vì không thấy tội, Thiểu Chánh Mão phạm tội gì vậy? Bạn tìm không ra lỗi của ông ấy. Vậy vì sao Khổng Lão Phu Tử lại giết ông ấy? Chính là ông ta “*Năng ngôn nghịch đạo*”, nói lời thị phi, bày chuyện thị phi khắp nơi, làm mê hoặc lòng người. Ông ấy có biện tài, có lẽ Khổng Lão Phu Tử cũng biện không lại ông, hết cách rồi, thì giết thôi. Điều này trong sử có ghi chép Khổng Lão Phu Tử giết Thiểu Chánh Mão. Tội của Thiểu Chánh Mão là tà tri tà kiến, Thiểu Chánh Mão rất có biện tài cho nên những tri kiến ác

đó của ông sẽ ảnh hưởng xã hội, rất nhiều người nghe tin theo lời của ông. Chính điều này làm Khổng lão Phu Tử không còn cách nào khác mới dùng cách này. Cho nên cái biện tài này đối với mỗi người chúng ta mà nói đều rất quan trọng.

Trong “Kinh Lăng Nghiêm” Phật nói rất hay *“Thời kỳ mạt pháp, tà sư nói pháp nhiều như cát sông Hằng”*.

Tôi có nhớ vào một năm, khoảng chừng năm 1977 hay là 1978 gì đó, rất sớm. Tôi còn nhớ lần đầu tôi đến Hồng Kông giảng kinh, pháp sư Thường Hoài ở Hồng Kông nói với tôi:

- Hồng Kông có một bộ phận cơ đốc giáo gọi là “Đạo Phong Sơn”. Họ làm công việc gì vậy? Chuyên tiếp đãi người xuất gia. Vào lúc đó, người xuất gia sau khi đến Hồng Kông không có chỗ nương tựa, không có chỗ ở, thì họ tiếp đãi, tiếp đãi vô cùng chu đáo, cung cấp cho bạn thức ăn, cung cấp chỗ ở, hàng ngày đưa bạn đi chơi, trong đó lại có Phật đường, bạn thấy họ rất rộng mở. Ở trong Cơ đốc giáo có Phật đường, mỗi ngày bảo bạn lạy Phật, bảo bạn đi đọc kinh, tiếp đãi bạn tốt không thể chê được, ai cũng có cảm tình. Qua 2-3 tháng, ây da, Cơ đốc giáo tốt! Phật giáo không được, đạo tràng Phật giáo ở không được, pháp sư cũng chẳng thèm đếm xỉa tới, vì đạo tràng

Phật giáo đối đãi với tôi đâu có nhiệt tâm bằng Cơ đốc giáo. Sau đó thì kinh cũng không đọc, Phật cũng không lạy nữa, ừ, đến giáo đường của họ thôi. Rất nhiều pháp sư đã hoàn tục và vào đạo của họ.

Pháp sư Thường Hoài nói với tôi về sự việc này. Tôi nói:

- Việc đó hiếm có, chúng ta đi xem thử.

Tôi liền đến Đạo Phong Sơn để viếng thăm thấy trong đó có một số pháp sư đã mặc quần áo hoàn tục. Họ nói với tôi Cơ đốc giáo hết sức từ bi, hết sức bác ái, vô cùng ca ngợi. Chủ nhân của Đạo Phong Sơn ra tiếp kiến tôi, đại khái cũng muốn khuyên tôi. Sau khi viếng thăm xong, tôi nói:

- Tôi rất cảm ơn quý vị, việc làm của quý vị làm rất tốt.

Họ nghe xong thì cảm thấy không hứng thú, cũng hơi ngó ra. Sau đó tôi liền nói với họ, tôi nói:

- Tôi thật sự cảm ơn quý vị, không hề giả dối, các bạn đã khuyên những người xuất gia này hoàn tục, tin Cơ đốc giáo. Tôi rất cảm ơn quý vị, chân thành cảm ơn, đây là lòng chân thành của tôi không hề giả dối.

Họ cũng có vẻ không tin, họ nói:

- Vì sao vậy?

Tôi nói:

- Phật pháp truyền đến ngày nay đã 3000 năm rồi, ở trong cửa Phật cũng có tốt xấu lẫn lộn. Cơ đốc giáo của các bạn truyền đến ngày nay (là năm 1998) cũng sắp gần 2000 năm rồi, những phân tử trong tôn giáo các bạn, cũng chưa chắc đảm bảo là ai ai cũng đều tốt, cũng có một số kẻ phản trắc.

Điều này họ cũng đồng ý. Tôi nói:

- Số rác rưởi này của nhà Phật chúng tôi, tự mình không có cách gì thanh lí được, các bạn giúp tôi quét trừ thanh lí sạch sẽ tất cả, vậy sao tôi không cảm ơn bạn chứ? Đương nhiên cảm ơn bạn.

Tôi nói:

- Đạo Phong Sơn của bạn là trạm chứa rác của nhà Phật chúng tôi, chỉ mấy lời của bạn liên dao động lòng người chúng tôi rồi, thì người này không có tâm đạo, không có tâm đạo thì không thể học đạo, bạn dọn sạch họ đến đây, thì tuyệt quá.

Tôi viếng thăm Đạo Phong Sơn, dạy bảo họ.

Bạn thấy, tôi khen ngợi họ, tôi không huỷ báng họ, tôi nói họ làm tốt, tôi vô cùng cảm ơn bạn, bạn thấy chúng ta hoan hỷ biết bao, giải quyết vấn đề rất hoan hỷ, để họ phải suy nghĩ, việc làm lay chuyển của họ thu về những người đó đều là rác rưởi của nhà Phật, tinh hoa của nhà Phật thì chẳng hề lay chuyển được. Nếu họ có thể tỉnh ra sau này sẽ không làm trạm chứa rác nữa, không còn khuyên người xuất gia hoàn tục nữa.

Cho nên nếu tôi nói thẳng: “Bạn đã tạo rất nhiều tội nghiệp, bạn làm như thế như thế đó”. Vậy thì họ rất hứng khởi, họ cho là họ làm thành công rồi. Tôi vừa phân tích như vậy, tôi phân tích chân thật, không hề giả dối, việc các bạn làm hoàn toàn không có công đức, những phần tử bị thu hút về bên đó, toàn là thành phần tín tâm không kiên cố của nhà Phật, tâm đạo không kiên cố, mê hoặc điên đảo, thấy lợi quên nghĩa, số này là những phần tử không tốt, các bạn nhận về rồi.

Cho nên chúng ta cần có trí tuệ biện tài, bạn có trí tuệ thì bạn mới có thể thấy được rõ ràng, thấy được sáng suốt, lời nói của bạn mới có thể thật sự giáo dục người ta, khuyên người không nên tạo ác nghiệp, ác nghiệp tạo ra rồi, hậu quả không thể tưởng tượng nổi.

Có biện tài như vậy, thì cần phải cố gắng lợi dụng nó, dùng ở chỗ nào thì thù thắng nhất? Phải chuyên tu, chuyên hoằng đối với pháp môn này, thì không gì thù thắng bằng. Tất cả chư Phật Như Lai 10 phương không có vị nào mà không hoằng dương bộ kinh này, không có vị nào mà không giảng bộ kinh này, không có vị Phật nào mà không khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta có năng lực này thì tại sao không thay Phật làm sáng tỏ thêm? Bản thân chúng ta cũng thật sự được Phật quang gia trì. Đây mới là trí tuệ biện tài đích thực, chúng ta phải khéo vận dụng, phải cố gắng học tập.

Thứ tư: “Quán Vô Trụ Bồ Tát”

Đây là công phu đích thực đặc lực rồi. Những gì đã nói phía trước đều là điều kiện cơ bản, chính như chúng ta học Phật, cũng đã học nhiều năm rồi, cũng đã nghe rất nhiều kinh, nhưng muốn xem thử công phu của bạn như thế nào? Phiền não của bạn giảm chưa? Trí tuệ của bạn có tăng trưởng không? Tư tưởng, lời nói, việc làm của bạn, ác nghiệp của bạn có giảm hay chưa? Thiện nghiệp có tăng hay không? Những việc này thuộc về vấn đề của công phu.

Người học Phật chúng ta, thành thật mà nói, công phu không đặc lực, cũng chính là nói Phật pháp đã học rồi, hằng ngày cũng đang niệm Phật, nhưng

chưa chắc được vãng sanh. Chưa chắc chắn mà nói chắc chắn thì đó gọi là đại vọng ngữ, tội nghiệp đó là đọa địa ngục A Tỳ. Người chân thật đích thực phải nói lời thành thật “Chưa chắc chắn”, chưa chắc chắn chính là công phu không đắc lực.

Bạn thấy tiếp theo Phật ở chỗ này dạy chúng ta “Quán Vô Trụ”. Quý vị thấy danh hiệu này liền nghĩ đến Kinh Kim Cang Bát Nhã. Trong “Kinh Kim Cang” Phật nói “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*”⁴⁰

Quán Vô Trụ chính là “Ứng vô sở trụ”. Trước đây vào đời Đường, tổ thứ 6 thiền tông Đại sư Huệ Năng chính ở 2 câu này trong “Kinh Kim Cang” đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

“Quán” là gì?

“Quán” là quán sát thế gian. Không phải bảo bạn nghĩ, vừa nghĩ liền sai rồi. Nghĩ là gì vậy? Nghĩ là rơi vào trong ý thức, còn “Quán” không dùng ý thức. Thiền tông tham thiền, vì sao gọi là tham? Gọi là tham cứu, sao không nói là nghiên cứu? Nghiên cứu chưa thoát khỏi tâm ý thức, cũng chính là ngày nay chúng ta nói, chưa thoát khỏi tư duy, tưởng tượng, chúng ta thử nghĩ lại xem, đó là thuộc về nghiên cứu, đó là dùng tâm ý thức. “Tham” không dùng ý thức, “Quán” không dùng ý thức, không dùng tâm ý thức gọi là “quán”, dùng tâm ý thức thì không

phải là quán.

Thế nào gọi là “Không dùng tâm ý thức”?

Cái này không phải là dễ hiểu đâu. Trước tiên chúng ta phải hiểu, tướng trạng của tâm ý thức, là như thế nào? Tác dụng của tâm ý thức ra làm sao? Sau đó mới dần dần thể hội nó.

Cái tâm này là A Lại Da Thức, gieo chủng tử, ngày nay chúng ta gọi là để lại ấn tượng. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều để lại ấn tượng rất sâu, để lại ấn tượng là tác dụng của A Lại Da.

Chúng ta thấy sắc, nghe tiếng liền phân biệt. Phân biệt là tác dụng của thức thứ 6.

Do phân biệt mà chấp trước, khởi tham ái, sinh ra tình cảm, gây nên phiền não, thế là liền chấp trước kiên cố, chấp trước là Mạt Na Thức. Nếu chúng ta hiểu được điều này, thì tổng thể cũng có thể hiểu được một ít.

Những người tham thiền, họ nghiên cứu kinh giáo, người ta công phu như thế nào mà có thể được đắc lực? Họ không dùng tâm ý thức, cũng chính là nói, họ không phân biệt, không chấp trước. Nghiên cứu kinh giáo cũng không phân biệt, cũng không

chấp trước. Không những không phân biệt, không chấp trước, không để lại ấn tượng, vậy thì cao minh. Nghiên cứu kinh giáo là như thế, ngay trong cuộc sống thường ngày cũng là như thế, xử sự ứng xử, với người, với công việc, với sự vật, đều không phân biệt, đều không chấp trước, đều không để lại ấn tượng, cho đến việc mặc áo, ăn cơm.

Quý vị có lẽ nghe nói trà Triệu Châu trong thiên tông (ý nghĩa không phải hiệu), hoà thượng Triệu Châu, khi người ta đến thăm Ngài, “Uống trà đi”, Ngài chỉ có một câu này, đã độ hoá tất cả chúng sanh. Bạn không nên cho rằng “Uống trà đi”, được, bạn đi xếp ly trà thật, để uống trà. Câu “Uống trà đi” đó của Ngài chính là bảo bạn trong cuộc sống thường ngày, trong việc ăn uống sinh hoạt, không để lại ấn tượng, không phân biệt, không chấp trước, có thứ nào mà chẳng phải là thiên? Có thứ nào mà chẳng phải là công phu? Chỉ cần ở trong tất cả pháp, không phân biệt, không chấp trước, không để lại ấn tượng, chính là vô trụ. Mới có một chút phân biệt, chấp trước, thì tâm của bạn liền có trụ, có trụ là hỏng rồi, có trụ thì sinh phiền não, sẽ khởi chướng ngại, vô trụ mới tương ứng với pháp tánh.

Vì sao nhất định phải “Vô trụ” vậy?

Phật không phải yêu cầu người một cách vô lý,

vì vô trụ tương ưng với chân tướng sự thật, còn có trụ thì trái với chân tướng sự thật. Tương ưng với chân tướng sự thật chính là phía trước chúng ta đã nói Thiện Tư Duy, vô trụ là Thiện Tư Duy, có trụ là bất thiện.

Trong “Kinh Kim Cang” Phật nói rất hay “*Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc*”⁴¹.

Ba tâm bất khả đắc. Nói rõ cái tâm “năng” đắc không thể được, cái tâm năng đắc chẳng thể được, nếu bạn cho rằng có đắc, thì là giả, không phải thật. Còn cảnh giới bên ngoài là cái bạn “sở” đắc.

Trong kinh nói rất rõ “*Nhất thiết chư pháp, nhân duyên sở sanh*”⁴², hết thảy các pháp do nhân duyên sanh, thậm chí ngay cả Phật pháp cũng là duyên sanh, cho nên bạn không nên chấp trước Phật pháp. Phật nói “*Pháp còn phải buông, hướng hồ phi pháp*”.

Pháp đó là Phật pháp, Phật pháp tại sao phải xả vậy? Vì Phật pháp là pháp duyên sanh, mà phạm đã là pháp do nhân duyên sanh thì ngay thể đều là không, không thể có được, nên bạn thấy sở đắc cũng chẳng thể được. Hai bên năng sở đều chẳng thể được, vậy thì làm sao bạn có thể trụ? Trụ có nghĩa là đắc, cho nên tâm bạn vừa có trụ là sai rồi.

Phật dạy chúng ta ngày nay đối với vạn sự, vạn pháp phải tùy duyên. Tùy duyên là tự tại, sao cũng được, có cũng tốt, không có cũng tốt, đều được đại tự tại. Tuyệt đối không có một tí ý niệm được mất, không có một chút ý niệm lấy bỏ, đối tất cả pháp không lấy, không bỏ, không được, không mất, đây gọi là “Vô trụ”.

Từ đó cho thấy, “Vô trụ” chính là “Niết Bàn”, công phu Vô trụ đạt đến cực điểm chính là cảnh giới đại Niết Bàn. Trong Tam Học Giới - Định - Huệ mà nói, đây thuộc về “Định công”, thiền định rất sâu. Định phải có Huệ, nếu Định mà không có Huệ, thì Định này vô dụng, không khởi tác dụng, “Định” nhất định phải có “Huệ”.

Huệ là gì vậy?

Sinh tâm. Tuy sinh tâm nhưng vẫn vô trụ, vậy mới là cao minh, sinh tâm và vô trụ là một việc, không phải là 2 việc. Nếu như bạn nói sinh tâm làm trở ngại vô trụ, vô trụ trở ngại sinh tâm, đây là quan niệm của người thế gian chúng ta, cũng là hiện tượng thật của người thế gian.

Ví dụ nói: “Công việc quá bận rộn, quá nhiều việc, thù tiếp quá nhiều, làm trở ngại tâm thanh tịnh của tôi, tôi phải tu tâm thanh tịnh, nên phải xa rời tất cả những công việc đó, cái gì cũng không cần hỏi, tôi

mới có thể đạt được tâm thanh tịnh”.

Bạn bị đến như vậy mà bảo tâm phải thanh tịnh, vậy thì khó quá, việc này tôi làm không được. Nhất định phải làm được. Vì sao vậy? Biết rằng “tướng” là “giả”, “thể” là “không”. Tướng giả thì có bận rộn hơn đi nữa vẫn là giả, làm gì có chướng ngại? Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đó chính là cảnh giới “Hoa Nghiêm”, vào được cảnh giới không chướng ngại. Công phu như vậy, thọ dụng như vậy, đây là thọ dụng chân thật, hoàn toàn đặc lực ở Quán Vô Trụ.

Quan sát tất cả pháp thể xuất thế gian, không vô sở hữu. Phật nói trong kinh “*Mộng huyền bào ảnh, như sương như điện*”, Phật dạy chúng ta phải “*Thường quán sát như vậy*”.

Đây chính là tu “Quán vô trụ”. Nếu bạn có thể thường xuyên quan sát tất cả pháp thể xuất thế gian như vậy thì bạn chính là Quán Vô Trụ Bồ Tát. Công phu của bạn làm sao không đặc lực được. Công phu niệm Phật đặc lực thì dứt khoát được sinh Tịnh Độ, hơn nữa phẩm vị nhất định cũng rất cao, không ở trung hạ phẩm. Cho nên việc này rất quan trọng, nếu bạn có được loại công phu tu hành này.

Tổng cương lĩnh tu hành trên đề kinh đã nói bạn có thể đạt được, tổng cương lĩnh này, chính là

“*Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác*” nhưng vì sao ngày nay chúng ta Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác không đạt được, chính là còn lo được lo mất. Có tâm được mất, có tâm lấy bỏ, tâm nghiêm trọng hơn đó là còn có tâm Tham, Sân, Si, Mạn, tâm cống cao, đố kỵ, vậy thì hỏng rồi. Đây là chướng ngại lớn nhất cho việc tu học trong đời này của chúng ta.

Trước đây chúng ta cũng ở nơi này, đã từng dùng thời gian 4 tháng để giảng bộ “*Kinh Kim Cang*”, những băng ghi âm này hiện nay cũng đang lưu thông. Vì sao phải giảng bộ kinh này vậy? Thực tình nói chính là vì quan sát rất nhiều bạn đồng tu niệm Phật công phu không đắc lực, không thể buông xả. Cho nên giảng bộ “*Kinh Kim Cang*” giúp mọi người biết rõ mà buông xả, hy vọng công phu niệm Phật của chúng ta được thành tựu, nếu không thể được nhất tâm bất loạn thì chí ít phải được công phu thành khối. Chúng ta quyết định có thể vãng sanh đến được cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Việc này “*Kim Cang Bát Nhã*” có sự giúp ích rất lớn đối với chúng ta.

Ở trong “*Quán Vô Trụ Bồ Tát*” còn có một tầng ý nghĩa sâu hơn là “*Vô trụ*” nhất định phải “*Sinh tâm*”.

Sinh tâm gì vậy?

“Sinh tâm” hoá độ tất cả chúng sanh. Nếu như vô trụ không sinh tâm, tức là không sinh tâm hóa độ tất cả chúng sanh thì chính là Thế Tôn quở trách hàng Nhị Thừa trốn vào Niết Bàn chỉ có tự lợi, mà không thể lợi tha.

Tự lợi không lợi tha cũng đã là không tậ, cũng rất khó đạt được. Điều này không hề sai, thế nhưng các vị nhất định phải hiểu, không lợi tha thì “tánh đức” của bạn không được viên mãn. Hay nói cách khác, nhất định phải sinh tâm, nhất định phải đem “sinh tâm” và “vô trụ” hợp lại thành một, không được phân thành hai. Phân thành hai, bạn chỉ chứng đắc được một nửa, quyết định không viên mãn, cho nên nhất định phải sinh tâm.

Cái mẫu này, bạn thử xem, chúng ta lấy “Kinh Hoa Nghiêm” làm ví dụ để nói. Trong “Kinh Hoa Nghiêm” những vị Bồ Tát lấy địa vị thấp nhất là Viên Giác Sơ Trụ Bồ Tát, địa vị công phu tu chứng của các Ngài đã ở vào cảnh giới không phân biệt, không chấp trước tất cả pháp thế xuất thế gian. Họ không chấp trước, họ ra khỏi sáu cõi luân hồi, không phân biệt, họ ra khỏi mười pháp giới. Phân biệt, chấp trước đã thật sự dứt sạch rồi, thật sự là nhập vô trụ “Ứng vô sở trụ”, họ đã đến Nhất Chân Pháp Giới. Nhất Chân Pháp Giới chính là pháp giới vô trụ, chính là pháp giới “Ứng vô sở trụ”, họ sinh đến nơi đó là “Sơ trụ

Bồ Tát”. Nhưng nếu muốn chứng đến quả vị viên mãn thì hướng lên còn có 41 giai đoạn: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, đến Diệu Giác mới thành Phật, còn có nhiều vị thứ như vậy.

Nhiều vị thứ như vậy thì cách tu thế nào? Sinh tâm. Bạn không sinh tâm, thì bạn không thể đạt đến quả Phật cứu cánh viên mãn. Sinh tâm gì vậy? Sinh tâm hoá độ tất cả chúng sanh. Loại hoá độ đó như “Kinh Kim Cang” đã nói : *“Độ vô lượng vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh nào được độ”*.

Độ vô lượng vô biên chúng sanh là “Sinh tâm”, thật không có chúng sanh nào được độ là “Vô trụ”, là một không phải hai.

Một câu này áp dụng mà nói, chính là 53 tham học của “Kinh Hoa Nghiêm”, 53 tham của “Kinh Hoa Nghiêm” gọi là “Trải sự luyện tâm”.

Trải sự luyện tâm là gì vậy?

Luyện là trải qua, cảnh giới nào cũng đều phải trải qua, thấy đều phải trải qua, phải hoà quang đồng trần với tất cả chúng sanh, phải hoà chung với họ, không có phân chia. Luyện tâm, luyện cái gì vậy? Luyện Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, trải sự luyện

tâm. Nếu bạn không trải qua trên sự tướng thì tất cả thành tựu bạn nói không đáng tin.

Quý vị hãy đi xem thử “Trúc song tùy bút” của Liên Trì đại sư, đây là bút ký của tổ sư. Trong “Trúc Song Tùy Bút” có một điều, ở chỗ nào tôi cũng không nhớ rõ, đây là sách tôi đã xem 30 mấy năm trước, còn có một chút ấn tượng thôi. Trong đó có đưa ra một chuyện, khiến tôi ấn tượng rất sâu sắc. Câu chuyện đó là, có một lần, có một pháp sư, đến viếng thăm Đại sư Liên Trì, Đại Sư Liên Trì liền bịa ra một chuyện kể cho ông ta. Câu chuyện này chính là chuyện kể rằng có một người tu hành sống ở trong núi sâu, mấy mươi năm, công phu thành tựu rồi, sống mấy mươi năm trong núi sâu, giới luật tinh nghiêm, định công rất sâu.

(VCD 008)

Có một lần có một người trong thành phố, gặp được pháp sư, họ rất ngưỡng mộ vị pháp sư này, giới luật đạo hạnh của pháp sư này, họ rất khâm phục ông. Người này xây một giảng đường ở trong khu nội thành náo nhiệt mời pháp sư xuống núi để hoằng pháp. Sau khi pháp sư xuống núi không được bao lâu, đời sống phồn hoa nơi thành thị Ngài đều bị tiêm nhiễm tất cả, Tham, Sân, Si, Mạn đều hiện ra, đạo tâm cũng không còn, định công cũng mất sạch rồi, vô cùng đáng tiếc.

Vị Pháp sư này liền đến thỉnh giáo với Đại sư Liên Trì, đó là vị nào vậy? Đại sư Liên Trì nói “Chính là ông đấy”, chính là nói ông ấy.

Điều này nói rõ bạn tu hành ở trong núi sâu, chưa trải qua sự tôi luyện ở trong hồng trần này thì không tính đến. Từ xưa đến nay, bao nhiêu người tu hành ở trong núi có thành tựu, vừa xuống núi là tiêu liền, toàn bộ đều huỷ sạch, như chúng ta thường nói “*Không vượt qua được khảo nghiệm*”.

Cho nên Phật nói hoa sen, nhưng không phải là nói hoa sen nở ở trong nước, cái đó có gì hiếm lạ đâu,

hoa sen mà Phật Thích Ca Mâu Ni nói là hoa sen nở ở trong lửa, đây mới là hiếm lạ, mới trân quý. Lửa là tiêu biểu cho năm dục, sáu trần, ở trong năm dục sáu trần mà thanh tịnh vô nhiễm, vậy là thành công. Cho nên vô trụ sanh tâm, đây là Phật pháp cao cấp ở trong Phật pháp.

Người bình thường chúng ta có thể học vô trụ, không nên học sinh tâm. Vì sao? Vì chúng ta vẫn phải chia nó ra thành từng giai đoạn, sau khi thật sự được vô trụ thì trải sự luyện tâm tiếp, còn nếu chưa đến được cảnh giới vô trụ thì việc này làm không nổi, vừa làm là có vấn đề ngay.

Việc này ở đây thuận tiện khuyến khích đồng tu, ở trong Quán Vô Trụ Bồ Tát hàm chứa nghĩa sâu, chúng ta đảo ngược lại chữ này để đọc, thì ý nghĩa mới đọc ra được “Vô trụ sinh tâm, sinh tâm vô trụ”, ý nghĩa liền xuất hiện. Đây là chân thật có trí tuệ, đích thực có định lực, vượt qua được khảo nghiệm. Khi chưa vượt qua được khảo nghiệm, chúng ta phải tránh, không nên để cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu chúng ta, còn nếu như thật sự có định lực, thật sự có công phu, thì có thể không cần tránh né. Vì sao vậy? Chúng ta có thể chuyển cảnh giới, cảnh tùy tâm chuyển, chúng ta sẽ không bị nó chuyển, chúng ta có thể chuyển cảnh giới, vậy thì được. Tự mình không thể chuyển cảnh giới thì quyết định phải tránh.

Người mới học, Phật đã xây dựng cho chúng ta rất nhiều qui củ nhất định phải tuân thủ, tại sao vậy? Vô tri. Cũng như ở trường dạy học vậy, bạn thấy đấy, qui củ ở tiểu học là rất nhiều, thầy giáo đôn đốc rất nghiêm khắc, lên trung học thì hơi nới một chút, lên đại học thì càng mở rộng hơn, đến nghiên cứu thì không có ai quản lí bạn. Tại sao vậy? Bạn đã trưởng thành, có trí tuệ, bản thân bạn có thể tự chăm sóc chính mình, không cần người khác quản lí. Càng là Phật pháp cao cấp, thì càng rộng mở, Phật pháp cấp càng thấp, thì càng bảo thủ. Tiểu thừa thì giống tiểu học, qui củ quản lí rất nghiêm khắc, một tí sai lầm cũng không được phạm. Phật pháp đại thừa thì đã mở rộng rất nhiều, bạn có định, có huệ, không cần người ta quản lí bạn như thế nữa. Pháp thế gian như vậy, thì Phật pháp cũng như vậy. Ở trong Nhất chân pháp giới, dứt khoát không có ai quản lí bạn, quyết định không có ai can thiệp đến bạn, người ta mọi việc đều như pháp.

Như Khổng Phu Tử đã nói “*Thất thập nhi tòng tâm sở dục bất du cử*”⁴³. Đây là Khổng Phu Tử tự mình nói ra cảnh giới của Ngài, sau 70 tuổi thì tùy theo tâm ý của mình mọi cử chỉ đều hợp với phép tắc, hợp với lễ độ, vậy là cao minh.

Cho nên Pháp Thân Đại Sĩ chính là “Tòng tâm sở dục”, hoặc là chúng ta nói “Tuỳ tâm sở dục”,

nhưng họ đều không trái với pháp tánh, hoàn toàn tương ứng với tánh đức, đây mới gọi là pháp thân đại sĩ. Hai câu này chính là trong “Kinh Hoa Nghiêm” mà Đại sư Thanh Lương đã nói “Cảnh giới sự sự vô ngại” không chướng ngại. Kinh Vô Lượng Thọ này không hề khác với kinh “Hoa Nghiêm”, nghĩa kinh của “Hoa Nghiêm” đều ở trong kinh này. Lại xem tiếp vị phía sau “Thần Thông Hoa Bồ Tát”.

Thứ năm: **Thần Thông Hoa Bồ tát**

Chân thật chứng được vô trụ sinh tâm, thật sự chứng đắc vô trụ, quán vô trụ rồi, “Thần thông hoa” thực tế mà nói chính là sinh tâm, nhất định phải sinh tâm. Đã vô trụ thì phải phát tâm phổ độ chúng sanh. Phổ độ chúng sanh, có làm trở ngại cảnh giới thanh tịnh tịch diệt của chính mình không? Không trở ngại. Tuy là một ngày sáng đến tối, cùng chung sống với chúng sanh, sinh hoạt chung với nhau, nói chuyện đời chuyện đạo, biểu diễn mọi thứ, nhưng cuộc sống mà chính họ trải qua vẫn cứ thanh tịnh tịch diệt, không có mây may thay đổi, cũng chính là tự thọ dụng là thanh tịnh vậy. Họ thọ dụng là không ngừng đang chuyển động. Danh hiệu của hai vị Bồ Tát này hợp lại chính là hình tượng mà nhà Phật chúng ta thường hay dùng là Mark, “Pháp luân”, pháp luân thường chuyển. Thần thông hoa là luân, ở nơi đó chuyển động không ngừng. Vô trụ là tâm của luân, vĩnh viễn

bất động, tâm vòng tròn bất động, còn vòng tròn thì luôn động, bạn thấy ý nghĩa này rất viên mãn.

Chư Phật Bồ Tát như vậy, chúng ta ngày nay muốn học cũng chính là học như vậy. Làm thế nào khiến cho thân chúng ta, khẩu của chúng ta, ở trong thế gian này giúp ích tất cả chúng sanh, giúp sức tất cả chúng sanh, mà tâm chúng ta như như bất động.

Trong “Kinh Bát Nhã” nói “*Tam luân thế không*”: Không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sanh tướng. Còn đây là trong “Kinh Kim Cang” nói, “*Không dính tướng ta, không dính tướng người, không dính vào tất cả các tướng của sự nghiệp mà mình đã làm, đây gọi là không chúng sanh tướng*”. Đó chính là làm đến được vô trụ, sự việc không làm ít, mỗi ngày đều làm, vẫn làm không hề ngừng nghỉ, đó chính là sinh tâm, chính là Thần Thông Hoa biểu hiện ở chỗ này. Trong kinh văn ngay phía sau này có đoạn “*Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện*”. Hai câu kinh văn này có thể dùng để giải thích ý nghĩa những việc đã làm của Thần Thông Hoa Bồ Tát.

“Thần Thông” hai chữ này, ngày nay xã hội đại chúng rất nhiều người hiểu lầm, cho rằng những sự việc thật kỳ quái thì gọi là thần thông, giải thích vậy là sai rồi.

*Một là: “**Thông**”*

“Thông” là thông đạt, đây là trí tuệ, tất cả sự việc thế xuất thế gian, không có gì mà không hiểu rõ, không gì mà chẳng biết, đây gọi là thông.

*Hai là: “**Thần**”*

“Thần” là tỉ dụ, tỉ dụ năng lực này bạn vượt hẳn người bình thường, thần kỳ khôn lường, người khác không thông đạt còn bạn đều có thể thông đạt, cho nên gọi đó là thần thông, hai chữ thần thông này là phải giải thích như vậy.

*Ba là: “**Hoa**”*

“Hoa” là tu nhân, là tỉ dụ tu nhân. Bạn thấy thực vật trước nở hoa sau kết quả, hoa nở được tốt, nhân tốt, thì tương lai sẽ kết quả tốt.

Cho nên trong kinh Phật thường hay dùng hoa để đại biểu cho Lục Độ Vạn Hạnh của Bồ Tát. Bồ Tát phải tu Lục Độ Vạn Hạnh, ứng hoá, chứng Phật quả đại Niết Bàn. “Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện”, đó chính là vô điều kiện, không phân biệt, không chấp trước, phổ độ tất cả chúng sanh. Bồ Tát ở chỗ này tùy loại hoá thân như trong “Phẩm phổ môn” đã nói, nên dùng thân gì để độ được thì Ngài

liền hiện thân đó. Cần phải nói pháp gì cho chúng sanh, thì ngài liền nói pháp ấy. Có thể nói không có pháp nhất định, cũng không có thân phận nhất định có thể dựa vào, không có. Tùy loại hiện thân, tùy theo ý niệm của chúng sanh mà thuyết pháp, đây gọi là Thần Thông Hoa.

Chư Phật Bồ Tát vì tất cả chúng sanh mà diễn nói đủ thứ, nhưng mục tiêu phương hướng chỉ có một là giúp cho tất cả chúng sanh giác ngộ. Nhà Phật chúng ta thường nói “*Giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, là khổ được vui*”.

Đây là tổng phương hướng, tổng mục tiêu. Chúng ta chịu phát tâm, sau khi được tâm thanh tịnh, lại chịu giúp đỡ tất cả chúng sanh. Giúp đỡ tất cả chúng sanh, chủ yếu nhất là phải làm tấm gương tốt cho người ta xem, vì người diễn thuyết. Diễn là biểu diễn, biểu diễn không phải đi hát tuồng, biểu diễn chính là ngay trong đời sống thường ngày. Chúng ta trong đời sống thường ngày khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều dựa vào trong kinh mà làm, phải đem bộ kinh này, đạo lý trong đó, phương pháp trong đó, cảnh giới trong đó, biểu diễn ra trong đời sống thường ngày của chúng ta, diễn bày ra. Hay nói cách khác, đời sống của chúng ta chính là “Kinh Vô Lượng Thọ”, “Kinh Vô Lượng Thọ” chính là đời sống của chúng ta, chúng ta hợp lại với “Kinh Vô

Lượng Thọ” thành một. Đây gọi là diễn, diễn không một chút tạo tác, không một tí dấu vết, hay nói cách khác, bạn trải qua đời sống chính là đời sống của Phật Vô Lượng Thọ, trải qua đời sống của Phật Vô Lượng Thọ. Nếu bạn muốn hỏi “Bạn có thành Phật không?” đương nhiên thành Phật rồi. Vậy còn có gì để nói hay không? Từng câu từng chữ trong kinh, đều tương ứng với khởi tâm động niệm trong đời sống thường ngày của chính mình, bạn mới chân thật khế nhập vào biển nguyện Di Đà. Đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với Phật A Di Đà, bạn không vãng sanh thì ai vãng sanh đây? Tự nhiên có thể vỗ ngực, “Tôi chắc chắn vãng sanh, thượng thượng phẩm vãng sanh”.

Người người đều làm được, mọi người phải nỗ lực, phải thật sự chịu làm, không nên bỏ lỡ cơ duyên trước mắt quá tốt của đời này, nếu để lỡ thì thật là đáng tiếc. Phía sau là Ngài “Quang Anh Bồ Tát”.

Thứ sáu: **Quang Anh Bồ Tát**

Đây là quang minh ánh phát.

Đoạn phía sau bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán Phật A Di Đà là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”⁴⁴. Tôi trong lúc giảng giải cũng thường hay khích lệ đồng tu, chúng ta học Phật, biển

hiệu rất quan trọng.

Cái gì là biểu hiệu vậy? Cái tướng này chính là biểu hiệu. Chúng ta nói Phật pháp tốt, tốt thế nào? Mặt mày gì mà tối thui, thế thì người ta vừa thấy học Phật sẽ ra dáng vẻ như vậy thì làm sao người ta có thể tin được chứ? Học Phật rồi, biểu hiệu của chúng ta tốt, toàn thân phóng quang, tinh thần sung mãn, người ta vừa thấy, học Phật tốt thật, vậy mới được. Do đó, nếu không tiếp xúc chúng sanh thì hình tượng chẳng quang trọng, còn khi tiếp xúc với quần chúng rộng lớn, thì hình tượng là quan trọng hơn hết. Người ta vừa tiếp xúc hình tượng này của bạn, điều trước tiên là có thiện cảm với bạn, bạn thấy như người thế gian nói là hình tượng tốt.

Ở trong kinh Phật dạy chúng ta đối nhân xử thế tiếp vật phải “Hoà nhan ái ngữ”. Ấn tượng tốt thì làm việc gì cũng đều rất thuận lợi, người giúp đỡ rất nhiều, thông thường nói quý nhân của bạn rất nhiều. Quý nhân ở đâu đến vậy? Hình tượng tốt, bạn liền sẽ cảm thấy được rất nhiều quý nhân giúp đỡ bạn. Hình tượng không tốt, người ta vừa thấy, liền ngoảnh mặt đi lơ. Hình tượng này là xuất phát ra từ trong sự tu trì đích thực, không phải giả vờ. Bạn không cần phải nói “Tôi phải lên bục giảng kinh, nên cần phải trang điểm một chút”, đó là hình tượng giả, không phải thật.

Hiện nay tại Đài Loan, có một kênh truyền hình mời tôi đến giảng đề ghi hình, khi ghi hình họ nói:

- Pháp sư phải dùng chút phấn trang điểm một tí.

- Không làm, tôi không làm việc này.

Họ nói:

- Rất nhiều pháp sư lên bục giảng, đều phải trang điểm.

- Họ trang điểm mặc họ, tôi không trang điểm, nếu bạn bảo tôi trang điểm, thì tôi thà không lên giảng.

Ngày nay chúng ta biết rằng, trong màn ảnh tivi đều đeo mặt nạ cả, không phải đồ thật. Sau khi lấy đi mặt nạ đó của họ thì xấu lắm. Chúng ta phải phát ra từ trong nội tâm, rất tự nhiên, đây là đồ thật. Chính chúng ta được hưởng thụ chân thật, chúng ta cũng dứt khoát không lừa dối chúng sanh. Lừa dối chúng sanh là chúng ta có tội. Nếu chúng ta trang điểm lên màn ảnh, chúng ta có tội. Tại sao vậy? Lừa dối chúng sanh. Việc này không nên làm. Cho nên “Quang anh Bò Tát” ở chỗ này, biểu thị ý nghĩa rất sâu, hình tượng cá nhân của chúng ta phải tốt.

Hình tượng đoàn thể của chúng ta cũng phải tốt. Đoàn thể là tăng đoàn, tăng đoàn, bốn chúng đệ tử đều là tăng đoàn. Ngày nay mọi người vừa nghe nói tăng đoàn, đều nghĩ đến người xuất gia, không hề nghĩ đến người tại gia. “Tăng” trong tiếng Phạn là “Tăng già”, nghĩa gốc của Tăng già chúng ta nhất định phải hiểu, nghĩa gốc của nó là “Hoà hợp chúng”. “Chúng” là nghĩa gì vậy? Dùng cách nói hiện đại mà nói, “chúng” chính là đoàn thể, hội quần chúng (trong xã hội hội quần chúng rất nhiều), hội quần chúng này có thể tuân thủ lời giáo huấn của Phật, tu sáu giới điều, giới điều sáu phép hoà, thì đoàn thể này gọi là hoà hợp chúng, thì gọi là Tăng già, chính là Tăng đoàn.

Cho nên Tăng đoàn không nhất định là người xuất gia. Trong kinh Phật nói 4 người trở lên, người tại gia cũng được, 4 người tại gia, như các bạn ở nhà có gia đình, bạn có con cái hoặc là cha mẹ, nhà bạn có 4 người, 4 người có thể tu sáu phép hoà kính thì gia đình này của bạn chính là Tăng đoàn. Bạn buôn bán mở tiệm, ở tiệm ông chủ và nhân viên có 4 trở lên, tất cả đều tuân thủ lời giáo huấn của Phật, tu sáu phép hoà kính, thì tiệm này của bạn chính là Tăng đoàn. Ở trong đã là hoà hợp chúng, thì nhà của bạn chính là đạo tràng, cái tiệm này của bạn cũng là đạo tràng, chư Phật hộ niệm, Long thiên ủng hộ.

Cho nên hoà hợp chúng này hoàn toàn không chỉ dành riêng cho người xuất gia. Tuy không dành riêng cho người xuất gia, nhưng người xuất gia phải cùng tất cả đoàn thể khác, thậm chí tất cả hội quần chúng hoà hợp, phải làm mẫu mực, phải làm tấm gương tốt, để những hội quần chúng khác đều có thể bắt chước làm theo, học tập theo chúng ta, thế là bạn thành công. Ý nghĩa này chúng ta phải hiểu rõ, phải ghi nhớ.

Ở trong nhà Phật những hình tượng này chúng ta phải thật sự xem trọng, vì ngày nay hầu như cả thế giới, chúng ta đến bất kỳ một nơi nào gặp được đại chúng xã hội, khi nhắc đến đều nảy sinh sự hiểu lầm vô cùng nghiêm trọng đối với Phật giáo chúng ta. Việc này rất tai hại, vì sự hiểu lầm như vậy đã dẫn đến sự coi thường, họ xem chúng ta là tôn giáo. Hơn nữa ở trong tất cả tôn giáo, họ xem chúng ta rất thấp, chúng ta là đa thần giáo, thần gì cũng lạy, phiếm thần giáo, tôn giáo cấp thấp. Tôn giáo cấp cao chỉ có một thần, thần minh vô thượng chỉ có một, tôn giáo cấp thấp không biết cái gì cũng lạy, xem chúng ta là tôn giáo cấp thấp. Bạn thấy có oan uổng không, ai đã tạo nên hiện tượng xã hội này? Ta tạo nên, không nên trách người ta, ta chưa làm hết trách nhiệm của một người đệ tử Phật, ta chưa thể giải thích rõ ràng, diễn thuyết sáng tỏ với mọi người về chân tướng của Phật

pháp, cho nên dẫn đến sự hiểu lầm của mọi người như vậy, tội lỗi ở chính mình, không ở người khác.

Ta cần phải nên sám hối, phải rửa sạch tội lỗi của mình, ta phải nghiêm chỉnh nỗ lực tu hành, ta phải cố gắng đem chân tướng sự thật của Phật pháp nói rõ ràng, nói minh bạch với tất cả đại chúng. Hơn nữa chúng ta phải làm tấm gương tốt để cho người ta nhìn thấy, đây chính là biểu hiệu của chúng ta, đây chính là điều mà Quang Anh Bồ Tát muốn đại biểu.

Đạo tràng chúng ta là chuẩn mực của hội quần chúng toàn thế giới. Hội quần chúng nhỏ nhất là gia đình, hội quần chúng lớn nhất là quốc gia. Quốc gia cũng là hội quần chúng, nó có tổ chức. Chúng ta ở trong tất cả hội quần chúng tạo nên tác dụng mô phạm, trong hội quần chúng này không có danh vọng lợi dưỡng, không có nhân ngã thị phi, không có lợi hại được mất, hội quần chúng thanh tịnh. Thân tâm chúng ta thanh tịnh không nhiễm một trần, ý nghĩ việc làm đều là lợi ích xã hội quảng đại quần chúng, chẳng phải chúng ta hằng ngày chỉ nói suông, nói suông là không được, bạn phải thật sự làm được, phải nỗ lực thực hành, khiến 4 chữ “Chư Phật Như Lai”, một khối này đích thực là biểu hiệu chữ vàng, chiếu sáng khắp nơi thì chúng ta sẽ không hổ thẹn là đệ tử Phật. Có vậy thì “Đốn Luân, Tận Phận” chúng ta đích thực làm được rồi.

Hôm nay đạo tràng Tịnh Tông Học Hội của Cư sĩ Lâm làm được rất tốt, các đạo tràng khác chúng tôi cũng có thăm qua, hai đạo tràng này chúng ta tương đối quen thuộc, mỗi ngày đều có người niệm Phật, mỗi một ngày đều có người ở đó giảng kinh, nếu như 3 năm không gián đoạn, thì sẽ có tác dụng ảnh hưởng nhất định đối với xã hội. Mỗi ngày giảng 2 giờ, không đủ, thế nhưng hiện nay ở xã hội này 2 giờ là rất cần thiết. Đương nhiên ngày nay chúng ta đã hướng đến khoa học kỹ thuật cao, chúng ta ghi hình tại hiện trường rồi sau đã được phát sóng lên truyền hình vệ tinh ở rất nhiều vùng quốc gia khu vực trên toàn thế giới, đã được lưu thông trên mạng internet. Cho nên các vị không nên chỉ xem thấy giảng đường này của chúng ta ngồi đầy người, ừ! khoảng một hai ngàn người, vì trên thực tế số người tham gia pháp hội này với chúng ta không biết là gấp bao nhiêu lần, bao nhiêu người đang lên mạng, bao nhiêu người đang ngồi trước màn hình tivi đều nhìn thấy hiện trường của chúng ta.

Cũng như pháp hội này của Thế Tôn, Bồ Tát mười phương thế giới, số người mà mắt thường chúng ta không nhìn thấy so với số người mà mắt thường chúng ta nhìn thấy không biết là nhiều gấp bao nhiêu lần, đây là chỗ giống nhau.

Thế nào là đạo tràng chân thật đúng pháp?

Cho nên nếu chúng ta thật sự là đệ tử Phật thì chúng ta phải xây dựng đạo tràng đúng pháp. Thế nào là đạo tràng chân thật đúng pháp tôi cũng đã nói rất nhiều. Khi Thế tôn còn tại thế đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Bạn thấy nơi Phật giảng kinh, đạo tràng thành Vương Xá, đạo tràng Tịnh Xá Kỳ Viên, Phật ở nơi đó giảng kinh, giảng tương đối nhiều một chút. Tất cả những đạo tràng này chủ nhân đều là quốc vương, đại thần, trưởng giả giàu có, họ tạo nên. Tất cả những sự vụ trong đạo tràng cũng do họ quản lý, thỉnh Phật đến đây để giảng kinh thuyết pháp giáo hoá chúng sanh. Tăng đoàn không hỏi những việc tạp vụ này, ở trong Tăng đoàn chỉ làm việc đạo, dạy học, khi không giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, thì nội bộ nghiên cứu thảo luận, tiêu trừ tất cả nghi hoặc, để nâng cao cảnh giới của mình, bình thường mọi người cũng làm việc này.

Cho nên tôi vô cùng kính ngưỡng những cách làm năm xưa của Thế Tôn, đạo tràng cần phải để cư sĩ quản lý. Người xuất gia tiếp nhận sự lễ thỉnh của cư sĩ, tứ sự cúng dường để hoằng pháp lợi sinh, tuyệt đối không can thiệp vào những việc linh tinh.

Có một số người xuất gia không yên tâm, họ nghĩ “Đạo tràng này tôi không có chủ quyền, chẳng may một ngày nào đó họ không vui sẽ đuổi tôi đi thì làm sao?” Cái điểm này là do bản thân bạn không có

tín tâm, cũng chẳng trách bạn, tại sao vậy? Bạn không có đạo.

Xưa nay tổ sư thường nói “*Chỉ sợ không có đạo, không sợ không có chùa*”, nếu bạn thật sự có đạo thì đạo tràng nào cũng muốn cầu bạn, cầu không được, nơi này không cần bạn, thì nơi kia cũng chấp tay quỳ lạy để cầu bạn. Bạn sợ cái gì nào? Chỉ sợ là không có đạo thì đạo tràng này không cần bạn, thì đạo tràng kia cũng không cần bạn, thì bạn cùng đường. Nếu như bản thân bạn xây đạo tràng, thì quyền sở hữu đạo tràng này là của chính bạn. Thử hỏi bạn ra khỏi cái nhà nào? Bạn đã hỏi gia rồi. Bạn vừa ra khỏi cái nhà nhỏ của bạn, liền đeo gông nơi cái nhà lớn rồi. Sai rồi! Sai lắm lớn. Cho nên chúng ta không cần đạo tràng, không cần nơi chốn.

Nếu quả thật không có người thỉnh lễ, ây da! thì ngày tháng này thật thoải mái, trải qua thật an vui, nay càng vui hơn. Bạn thấy bây giờ lều trại dã ngoại thật lý tưởng, phía dưới đều có tấm lót, côn trùng cũng không vào được, dây kéo kéo rất kín, một cái lều trại nhỏ đến nơi cảnh núi sông hữu tình, tối đến ở đó ngủ, bạn thấy thoải mái cỡ nào. Ta cần đạo tràng để làm gì? Quả thật dưới gốc cây ngủ một đêm. Phật Thích Ca Mâu Ni vào thời đó, tối ngủ gốc cây, không có đồ đắp. Chúng ta ngày nay có đồ đắp, nửa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm. Bạn nói đời

sống kiêu này chính là đời sống của thần tiên. Tại sao chúng ta không trải sống đời sống này? Tại sao lại tạo ra những gông cùm khóa chặt nhiều như vậy? Khiến bạn vĩnh viễn không thoát khỏi sáu cõi luân hồi. Làm chuyện ngu dốt vậy, còn hô to đặc ý, há chẳng phải mê hoặc điên đảo sao.

Cho nên trong tâm phải buông bỏ nó cho thật sạch sẽ. Tôi vẫn cứ chủ trương, đạo tràng để người tại gia quản lí, thậm chí người xuất gia chúng ta danh cũng không dính, buông thật sạch sẽ, không còn một chút phiền phức nào cả, không tạo tội nghiệp.

Tịnh Tông Học Hội và Cư Sĩ Lâm chính là một tâm gương tốt, các vị ấy thật sự có tài, có đức. Nếu muốn phát tâm, bạn thấy những cư sĩ này tâm chân thành đến cùng dường, nếu chúng ta không cố gắng nỗ lực thì sẽ có lỗi với họ, chúng ta nghiêm túc nỗ lực, họ không muốn để bạn đi, mong muốn bạn ở lại đây, hy vọng bạn ở lại đây để thường giảng kinh, làm sao mà để bạn đi được chứ?

Cho nên chúng ta thật sự thể hội được, đạo là quan trọng, thật đúng là không sợ không có chùa, chỉ sợ không có đạo. Đạo quan trọng hơn chùa nhiều, chùa không quan trọng. Những lời này của cổ nhân là danh ngôn chí lí, chúng ta phải luôn khắc ghi trong lòng, cố gắng y giáo phụng hành. Chúng ta hy vọng

cư sĩ Hiền Hộ, chân thật có cư sĩ Hiền Hộ, đích thực có cư sĩ Thiện Tư Duy, họ sẽ xây đạo tràng, đến thỉnh lễ, cúng dường người xuất gia đến đây tu hành và hoằng đạo.

Công đức hoằng hộ được phát huy hết mức, bốn chúng là một nhà. Bạn thấy cái biển hiệu này, hào quang muôn trượng chiếu khắp đất trời, chúng ta đã dán vàng lên mặt cho Phật, đây là công đức chân thật vô lượng vô biên. Cho nên tôi khích lệ các bạn đồng tu tại gia xây đạo tràng, một người có khả năng, thì một người xây, một người không có khả năng thì tập hợp những người có cùng chí hướng lại với nhau mà xây. Mình căn cứ theo qui tắc pháp lệnh bình thường trong xã hội hiện tại, cố gắng tốt, làm công việc hoằng pháp lợi sanh.

Đầu óc của người hiện đại quả thật mà nói đều mê tít vào trong chuyện tiền bạc. Tiền đồng trước đây ở giữa có cái lỗ, đều mê vào trong cái lỗ đó, thật đáng thương, thật đáng thương. Bất kể làm việc gì, điều đầu tiên nghĩ đến là tiền. Tôi xây cái đạo tràng này, tiền ở đâu mà có? Đạo tràng xây xong rồi, phải chi phí, phải gìn giữ, tiền này kiếm ở đâu ra? Toàn là nghĩ đến tiền, nghĩ đến tiền thì thật đáng thương.

Hôm qua Tịnh Tông Học Hội Malaysia có 5 vị đại biểu đến thăm tôi, họ nói với tôi về một số tình

hình của hội ở bên đó, đặc biệt nói rõ một điều với tôi, trong chương trình hiện tại của họ, họ cắt bỏ hội phí của hội viên rồi. Họ nói nghe tôi giảng kinh trong những băng ghi âm, họ hiểu rõ sự việc này, nhất định phải không tạo mấy may áp lực nào lên tín đồ. Đạo tràng này chỉ tiếp nhận quyên góp của bạn, tuyệt đối không hạn chế bạn mỗi tháng phải đóng bao nhiêu tiền, một năm bao nhiêu tiền, không có, cắt bỏ hết, họ đem đến cho tôi xem, tôi nói, “Đúng!”.

Lý Mộc Nguyên cư sĩ nói rất hay: “*Chúng ta không có tiền, không có phước báo, nhưng A Di Đà Phật có đại phước báo, cái núi này là chỗ dựa chắc chắn, vậy còn có vấn đề gì nữa*”.

Bạn phải dựa thật chắc, dựa thế nào vậy? Y giáo phụng hành, chính là chân thật lấy Di Đà làm núi dựa. Trên kinh những gì Phật A Di Đà đã nói những gì ta thấy đều làm đến được, còn nguồn tiền mà ta cần phải có trong việc hoằng pháp lợi sinh thì Phật A Di Đà sẽ mang đến cho ta, đâu có cần ta phải bận tâm làm gì? Tự mình lo nghĩ để kinh doanh, để hoạch định, khổ chết mất, không hề lo lắng suy nghĩ. Đúng Như trong nhà Phật thường nói: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”⁴⁵.

Khi tôi mới đầu tiếp xúc Phật giáo, Đại sư Chương Gia truyền thụ cho tôi, tôi tín nhiệm đối với

thầy, còn tôi là một học sinh tốt, là một học sinh chuẩn mực. Những lời chỉ dạy của thầy, tôi phục tùng 100%, tôi cũng làm được 100%, tôi không phụ lòng thầy. Nếu ngày nay tôi có tà tri tà kiến, nếu làm một việc gì đó không tốt thì tôi liền nghĩ rằng tôi có lỗi với thầy. Rất nhiều đồng học đồng tu, các bạn đều nhìn thấy, nơi tôi ở đâu thì hình của thầy tôi cũng treo ở đó. Học sinh chúng ta ngày nay vào lớp, ở trong lớp học, hình của thầy cũng phải treo ở đó. Trong một đời rời xa thầy mấy mươi năm rồi, nhưng tinh thần của chúng tôi vẫn mãi bên nhau. Thầy dạy tôi phải giữ tâm báo ơn, hoằng pháp lợi sanh, tôi làm sao dám trái phạm, thường giữ tâm báo ân, thì bạn sẽ không dám có cái suy nghĩ xằng bậy, sẽ không dám trái phạm những việc mà lão sư đã dạy.

Chúng ta không trái lời lão sư, đương nhiên sẽ không trái với chư Phật Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát là tổ sư của lão sư, nếu như chúng ta chỉ làm ra vẻ phục tùng đối với lão sư, đó chẳng phải là khinh sư, diệt tổ hay sao? Diệt tổ chính là xem thường Phật Bồ Tát, đó là Lý lão sư đã nói từ trước, đó không phải là học Phật, mà là đùa giỡn Phật pháp, tội lỗi vô lượng vô biên. Thế gian thứ gì cũng có thể đùa giỡn, nhưng làm sao có thể đùa giỡn Phật pháp chứ? Nhất định đọa A Tỳ Địa Ngục.

Cho nên cư sĩ tại gia phát tâm, chỉ cần phát ra

là chân tâm, chân thật vì hoằng dương Phật pháp, vì hóa độ chúng sanh, vì xã hội an định, vì lợi ích quần sanh, Phật Bồ Tát đều bảo hộ, nhất định là “Hữu cầu tất ứng”, làm gì có chuyện cầu không được.

Đại sư Chương Gia dạy cho tôi phương pháp này, hơn nữa còn nói với tôi : *“Cả đời của bạn đều là Phật Bồ Tát an bài thay cho bạn, bạn không cần phải lo lắng gì”*.

Tôi nghe được câu nói này rồi rất hoan hỉ, mãi đến bây giờ vẫn còn hoan hỉ. Mấy mươi năm rồi, hơn 40 năm rồi, tôi thật có cái cảm ứng này, thật không cần lo lắng, thật không cần chờ đợi, có cầu ắt có ứng, có nguyện ắt thành. Lão sư nói với tôi, nếu bạn có nguyện có cầu mà vẫn chưa có cảm ứng hiện tiền, lúc này bạn chính mình phải nên biết, bạn có nghiệp chướng, phải mau tiêu trừ nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu trừ rồi thì thông thối, cảm ứng liền hiện tiền.

Làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng?

Sám hối? Chân thật biết được lỗi lầm của chính mình, sửa đổi lỗi lầm của chính mình, đó gọi là sám hối. Ý nghĩa của sám hối là sau không tạo nữa, thường biết được việc này là sai, sau đó không dám làm nữa, gọi là thật sám hối. Chân thật phát tâm sám

hồi, chư phật Bồ Tát tán thán, thánh nhân thế gian cũng là nói như vậy “*Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá, quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên*”⁴⁶ là đại thiện, sửa lỗi là đại thiện.

Cho nên cư sĩ tại gia xây dựng đạo tràng, tuyệt đối chính xác. Cũng giống như xây dựng trường học, Phật giáo là giáo dục, người tại gia xây dựng trường học, tổ chức hội đồng sự quản lý trường học, người xuất gia là giáo viên. Trường học của bạn xây dựng xong rồi, bạn phải lo mời giáo viên, chúng xuất gia là giáo viên. Mời thỉnh một hiệu trưởng, cũng giống như cửa hàng vậy, hiệu trưởng là tổng giám đốc để họ đến quản lý, để họ đến chỉ đạo, ông chủ là giám đốc, quyền là ông chủ, là giám đốc. Trong Tự Viện thì mời thỉnh một người đến làm trụ trì, mời một số người đến chấp sự, mời một số người đến tu hành, làm đạo, hoằng pháp lợi sanh. Đó cũng giống như hội đồng sự của bạn, mời thỉnh một số nhân viên đến kinh doanh làm sự nghiệp này. Sự nghiệp này là sự nghiệp tu hành hoằng đạo, có thể làm như thế thì đúng như pháp.

Vào thời trước, khi Phật giáo vừa truyền đến Trung Quốc, ban đầu là do quốc gia hộ trì, vậy đạo tràng là do ai xây dựng? Là quốc gia xây dựng, là tài sản của quốc gia, pháp sư trong đó cũng là do quốc

gia mời, cho nên pháp sư chỉ là hoằng pháp, chỉ là tu hành, làm công việc hoằng pháp lợi sanh.

Chúng ta giảng đến Bồ Tát Quang Anh, là nói đến hình tượng của Phật pháp, nếu hình tượng này của bạn không tốt, hình tượng nếu hư rồi, đối với việc hoằng truyền của Phật pháp sẽ sanh ra chướng ngại rất nghiêm trọng. Cho nên “Quang Anh” ở ngay chỗ này, dùng lời hiện tại mà nói là xây dựng hình tượng Phật pháp hào quang vạn tượng chiếu khắp đại thiên. Cá nhân là hình tượng học Phật, cư sĩ tại gia, gia đình là hình tượng của Phật pháp. Nếu như mọi người vừa xem nhà người học Phật mà rối bời lộn xộn, bạn liền chướng ngại, vậy thì người thông thường trong xã hội sẽ không dám học Phật, không thể học Phật, bạn xem học Phật thì sẽ giống như họ vậy, đó gọi là diệt pháp, đó không phải là hoằng pháp, mà là diệt pháp.

Học Phật nhất định phải có hình tượng rất tốt, vô cùng quan trọng. Nếu như bạn làm ăn, ông chủ là học Phật, cửa hàng của bạn chính là đạo tràng của Phật pháp, cửa hàng của bạn chính là hình tượng tốt nhất. Không luận là bạn từ nơi ngành nghề nào nếu bạn học Phật đều phải biểu hiện hình tượng tốt nhất trong xã hội. Bồ Tát Quang Anh biểu hiện ở ngay chỗ này.

Thứ bảy: **Bảo Tràng Bồ Tát**

“Bảo Tràng Bồ Tát” là biểu thị lưu thông Phật pháp. Ngày nay gọi là phát triển Phật pháp, giữ tốt Phật pháp là Bảo tràng. Hiện tại cái gì là Bảo? Truyền hình vệ tinh là Bảo, đường truyền internet là Bảo, chúng ta lợi dụng cái Bảo này đem Phật pháp lưu truyền đến khắp thế giới.

Cho nên ngày nay nếu như không có nhân duyên thì không thể xây đạo tràng lớn, không có rất nhiều người đến đây để nghe kinh.

Các vị phải nên biết ngày nay trên toàn thế giới mà được như đạo tràng Cư Sĩ Lâm Singapore này thì rất là hiếm có. Việc này không phải tôi đặc biệt tán thán với đại chúng mà vì cơ cấu xã hội hiện tại thay đổi, hiện tại đang đi vào thời đại công nghiệp, thời đại khoa học kỹ thuật cao, mỗi một người cuộc sống đều rất khẩn trương, đều rất là bận rộn, làm gì có thời gian để ngồi ở nơi đây, ngày ngày ngồi ở nơi đây, nghe kinh hết 2 giờ đồng hồ, không thể nào.

Tôi ở nước Mỹ, người Mỹ hoan nghênh nhất là bạn giảng kinh ba ngày, họ sẽ đến nghe, bạn giảng kinh 5 ngày thì chưa hẳn đến nghe mỗi ngày, bạn giảng kinh một tuần lễ thì họ sẽ không đến, quá dài rồi không có thời gian. Hơn nữa hoan nghênh nhất chính là một lần giảng 2 đến 3 giờ thì được, vậy thì họ rất là hoan hỉ. Cho nên cơ hội chúng sanh nghe

pháp càng ngày càng ít, phước của chúng sanh càng ngày càng ít. Chỉ có Singapore là đại phước báo, phước địa, có nhiều người như vậy mỗi ngày đều đến nghe kinh, vậy thì còn gì bằng.

Cho nên trong xã hội phương tây, chúng ta xây đạo tràng đều không cần lớn, nhà ở như phòng nhỏ thì được rồi, quan trọng nhất chính là phải có thiết bị kỹ thuật cao, có phòng thu âm mô hình nhỏ, dùng phòng thu âm này sau khi lưu xong, lợi dụng trường truyền, lợi dụng truyền hình vệ tinh, phát ra cho toàn thế giới, đây chính là ý nghĩa đại biểu của Bảo Tràng Bồ Tát. Các vị xem Bồ Tát Bảo Tràng có hiểu được cái ý này hay không?

Khoa học kỹ thuật cao là Bảo, Tràng là cao huyền. Chúng ta lợi dụng khoa học hiện tại đem Phật pháp lưu thông đến mười phương thế giới, đích thực làm được, bạn xem chúng ta làm thành CD, VCD. Tôi nghe nói một đĩa có thể bảo tồn được 200 năm, lưu truyền dài lâu, lợi dụng truyền hình phát thanh, đường truyền để phát đi, vậy thì biến pháp mười phương, Bảo Tràng ở chỗ này đã khởi được tác dụng.

Chúng ta tận tâm, tận lực đem Phật pháp dùng phương pháp kỹ thuật cao, giới thiệu với người trên toàn thế giới, bạn chính là Bảo Tràng Bồ Tát, bạn làm biệc này là Bảo tràng Bồ Tát, họ làm công việc lưu

thông Phật pháp, làm công tác truyền đạt Phật pháp.

Hôm nay thời gian lại đến rồi.

A Di Đà Phật!



(VCD 009)

Xin mời mở quyển kinh tờ thứ ba, hàng thứ năm của kinh văn, bắt đầu xem từ hai chữ sau cùng: “Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyệt Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ tát”.

Bắt đầu xem từ chỗ này, vị Bồ Tát Bảo Tràng phía trước, ý nghĩa mà Ngài biểu thị cho đến việc chúng ta phải làm thế nào để học tập và thực tiễn ngay trong đời sống của chúng ta. Lần trước đã giảng giải rất tỉ mỉ rồi, thế nhưng ý nghĩa vẫn chưa có thể hoàn toàn biểu đạt ra hết.

Phía trước nói Bảo Tràng cùng Quang Anh, Quang Anh là nói hình tướng, Bảo Tràng là nói chúng ta phải đem tuyên dương pháp môn này, cũng chính là trong kinh Thế Tôn thường hay khuyên dạy chúng ta: “Đọc tụng, thọ trì, vì người diễn nói”. Hai vị Bồ Tát này đích thực là đại biểu cái ý nghĩa này. Do đó bốn chúng đệ tử chúng ta, không luận là hiện tại chúng ta trải qua đời sống như thế nào, từ nơi một công việc nghề nghiệp nào, đều phải nên dẫn đầu làm gương cho đại chúng xã hội, làm mô phạm cho đại chúng xã hội, đó chính là nghĩa thú mà hai vị Bồ Tát này biểu thị.

Thứ tám: “Trí Thượng Bồ Tát”

Nếu dùng lời hiện tại mà nói thì Trí Thượng Bồ Tát, Ngài đại biểu trí tuệ cao độ, trí tuệ viên mãn, diệu trí vô thượng, cho nên lợi ích chân thật trong Phật pháp liền đã thực tiễn rồi.

Chúng ta trải qua đời sống phiền não, chúng ta hãy quan sát xã hội này, không luận giàu sang bản tiện, mỗi mỗi đều có phiền não. Người sang có phiền não của người sang, người giàu có phiền não của người giàu, người bản cùng có phiền não của người bản cùng, đều là trải qua ngày tháng trong phiền não, đều rất là khổ đau. Không phải là nói chỉ ngay đời này, vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp, đều là như vậy. Đúng như người thế gian thường nói “*Việc không vừa ý thường là đến tám chín*”, do đây có thể biết việc vừa ý chỉ chiếm còn chưa đến 1/10. Về sau vị lai vô cùng, ngày tháng khổ như vậy, phải qua đến lúc nào thì mới có thể ngóc đầu? Phải xem duyên phận.

Duyên phận gì vậy?

Duyên phận gặp được Phật pháp, chân thật có duyên. Có duyên rồi còn phải có hai điều kiện bạn mới có thể đến được viên mãn. Điều kiện gì? Đó chính là trên “Kinh Di Đà” đã nói: “*Không thể thiếu*

Thiện căn - Phước đức - Nhân duyên mà được sanh nước kia”.

Vậy nhân duyên có rồi, bạn gặp được rồi, gặp được Phật pháp, gặp được Đại Thừa, nhất là gặp được “Kinh Vô Lượng Thọ”, Tịnh Tông, đó là việc hy hữu không gì bằng, duyên đầy đủ rồi.

Sau khi “Duyên” đầy đủ ngay đời này bạn có thể thay đổi được đời sống của bạn hay không? Vậy còn phải xem “Thiện căn, phước đức” của bạn. Nếu như “Nhân duyên” đã có, bạn lại có “Thiện căn, phước đức” nữa, đời sống của bạn lập tức liền thay đổi. Trong Phật pháp gọi đó là “Lià khổ được vui”, không phải là giả, rất là hiện thực, hiện tại liền là khổ, hơn nữa là tất cả khổ được vui viên mãn, bạn nói xem tự tại đường nào.

Nếu các vị muốn hỏi, Thiện căn, Phước đức có phải là then chốt hay không?

Vậy cái gì gọi là “Thiện căn”?

Thiện căn là thật tín, thật thông suốt lý giải. Tín - Giải là thuộc về thiện căn.

Cái gì gọi là “Phước đức”?

Nguyện - Hạnh là thuộc về phước đức. Bạn có

cái nguyện này không? Bạn có chịu làm không? Nếu bạn có cái nguyện này, lại chịu làm theo, bạn là người đại phước báo. Bạn từ nay về sau không còn trải qua ngày tháng của phiền não nữa, mà trải qua đời sống trí tuệ cao độ, đó chính là trong Phật pháp thường gọi là “*Chuyển phiền não thành bồ đề*”, đó chính là “*Trí Thượng Bồ Tát*”. Chuyển phiền não thành bồ đề, chuyển đời sống phiền não của chúng ta, trở thành đời sống trí tuệ cao độ. Vậy thì đời sống của bạn cùng với chư Phật Bồ Tát, Pháp thân đại sĩ thật là không hề khác biệt.

Nói đến chỗ này, có lẽ có đồng tu liền nói: “*Vậy thì có phải có thể chuyển bản cùng của chúng tôi thành giàu sang hay không?*”

Không phải vậy, bản cùng vẫn là bản cùng, thế nhưng bản cùng mà họ không khổ, họ không phiền não. Biến thành thế nào vậy? Nghèo mà vui, bản cùng an vui, vậy thì tự tại.

Nếu như bạn không tin tưởng, bạn xem qua “*Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ*”, thư viện của chúng ta có. Lão hòa thượng Hư Vân đi viếng Ngũ Đài Sơn, phát ra là cái tâm chân thành, ba bước một lạy, lộ trình mấy ngàn dặm, lạy hết ba năm mới lạy đến nơi. Trên đường đi gặp rất nhiều gian khổ, khi Ngài gặp đại nạn, khi gặp trọng bệnh, khi không có

người giúp đỡ. Có một người xin ăn tên là Hóa Tử đến giúp đỡ Ngài, giúp đỡ Ngài rất nhiều lần, cho nên lão hòa thượng rất cảm kích đối với ông ấy, liền hỏi ông ấy tên gọi là gì? Người xin ăn đó nói ông tên Văn Kiệt. “Văn” của văn chương, “Kiết” của kiết tường. Hỏi ông ở nơi đâu? Ông ấy nói: “Ở dưới núi Ngũ Đài Sơn, Ngài đến Ngũ Đài Sơn thì có thể gặp được tôi”. Sau đó lão hòa thượng lạy đến Ngũ Đài Sơn, hỏi thăm mọi người ở Ngũ Đài Sơn, có một người xin ăn nào tên Văn Kiệt, các người có biết hay không? Mọi người đều nói đó là Bồ Tát Văn Thù. Bồ Tát Văn Thù xin ăn, làm người ăn mày, vui vẻ không gì bằng, an vui không gì bằng.

Các vị phải nên biết, Phật nhất định sẽ không giúp chúng ta tăng thêm Tham - Sân - Si. Nếu cho rằng chúng ta lạy Phật, liền có rất nhiều tiền, thì có thể làm quan to, vậy bạn hoàn toàn sai rồi. Phật Bồ Tát sẽ không giúp đỡ bạn những thứ này mà Phật Bồ Tát giúp đỡ bạn giác ngộ, giúp đỡ bạn hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, giác ngộ rồi, an vui! Người giác ngộ gặp gì cũng vui, đó là đời sống trí tuệ cao đẳng. Đời sống trí tuệ cao đẳng không phải ở giàu có.

Giàu sang bản tiện của thế gian, Phật không thể giúp đỡ.

Vì sao không thể giúp đỡ bạn? Đó là quan hệ nhân quả, đời trước bạn không có tu nhân bố thí, đời này không được hưởng thọ của giàu sang, nếu như Phật có thể giúp được cho bạn giàu có mà nói, chẳng phải là phá vỡ đi định luật của nhân quả, làm gì có loại đạo lý này. Những lý lẽ sâu sắc này, với sự tương phức tạp, chỉ có Phật tường tận, chỉ có Phật thấu đáo, cho nên Phật được gọi là “Thánh nhân”.

“Thánh” ý nghĩa là gì vậy?

Thâm minh nghĩa lý, đối với sự lý của vũ trụ nhân sanh, thông đạt thấu hiểu triệt để thì gọi là “Thánh”.

Nhân như thế nào, thì được quả báo như thế đó. Cho nên Phật dạy chúng ta, nếu như bạn muốn giàu sang, nếu như bạn muốn sống lâu, tuổi thọ dài lâu, Phật dạy bạn tu nhân, bạn chính mình tu nhân thì quả báo sẽ hiện tiền. Nếu như tu nhân rất nỗ lực, rất dũng mãnh, quả báo đó không đợi đến đời sau, sẽ có được ngay trong đời này. Cho nên chúng ta nhất định phải dũng mãnh tinh tấn, vậy mới chuyển biến được nhân quả của chính mình.

Phật là chỉ con đường đạo cho chúng ta, dạy bảo chúng ta, còn việc thì nhất định chúng ta tự mình phải đi làm. Sau khi chúng ta nghe Phật dạy rồi,

không chịu y dạy làm theo, thì không còn cách nào, chúng ta không thể chuyên được nghiệp lực.

Tuy là không thể chuyên được nghiệp lực, nhưng nếu như chân thật thông hiểu Phật pháp, bạn liền tự tại an lạc, bạn trải qua đời sống của Phật Bồ Tát, không còn trải qua đời sống của phàm phu nữa. Vì sao vậy? Bạn có trí tuệ, trí tuệ từ đâu mà có? Trí tuệ từ Quang Anh, Bảo Tràng mà có, chính là từ nghe pháp tu trì mà có được.

Thế nhưng vì sao có người có trí tuệ, cũng có phước báo, rất thông minh, vậy mà họ còn làm ra những việc hồ đồ? Cái lý này rất sâu, lý là gì vậy? Nghiệp lực sai khiến, rất đáng sợ. Trong thế xuất thế gian pháp nếu chúng ta tỉ mỉ quan sát thì thấy đều còn đủ, chúng ta thấy được, thậm chí chính mình gặp phải rồi. Cho nên tâm địa phải bình hòa, nhất định phải tuân thủ giáo huấn của Phật, không được trái phạm.

Ngay trong đế Vương nhiều đời Trung quốc, bạn xem vào thời nhà Đường, Đường Thái Tông, vị vua anh minh, nhưng việc đáng tiếc lớn nhất cả đời ông là khi ông làm hoàng đế rồi thì giết chết anh của ông, giết chết luôn em của ông, đó là vết nhơ của ông trong lịch sử. Đối với thành tích của ông không ai không bội phục, thế nhưng đối với điểm này, không có ai tán đồng, không có tình anh em. Chúng ta lại

xem một thí dụ triều nhà Thanh, hoàng đế Ung Chánh, con trai của vua Khang Hy, khi Ung Chánh làm hoàng đế, đều đem giết sạch hết anh em của ông, không chừa một ai. Bạn có thể nói ông không có trí tuệ, không có phước báo chăng? Ông không hiểu Phật pháp sao? Ông hiểu! Hoàng đế nhà Thanh đều là tín đồ Phật giáo thuần thành, đều có rất nhiều quốc sư hướng dẫn ông, nhưng nghiệp lực không thể nghĩ bàn.

Ngày nay trong thế pháp, trong Phật pháp, kém xa so với quá khứ, không xem trọng giáo dục đạo nghĩa. Cái phong tục phương Tây đã ngấm vào người Trung Quốc chúng ta, đem truyền thống cổ xưa Trung Quốc phá bỏ hết. Người Trung Quốc ngày trước từ nhỏ được tiếp nhận giáo dục “*Trung, Hiếu, Nhân, Ái, Tín, Nghĩa, Hòa Bình*”⁴⁷, được nhận loại giáo dục này. Xã hội ngày trước nói đạo nghĩa là nói đến nghĩa khí. Xã hội phương Tây ngày nay nói cái gì? Nói lợi hại. Nói lợi hại thì đáng sợ, vừa có lợi thì lập tức đổi tâm, thì đạo nghĩa không còn. Việc này hiện tại gần như nơi nào chúng ta cũng đều có thể xem thấy.

Rõ ràng nhất, bạn thấy ở Mỹ có rất nhiều công ty, trong công ty này có rất nhiều nhân tài chuyên nghiệp, công ty khác biết được liền qua lôi kéo, họ sẽ cho bạn rất nhiều đãi ngộ, tôi sẽ cho bạn thêm nhiều

đãi ngộ hơn nữa, từ chức nơi này thì đến nơi kia nhậm chức liền, thấy lợi liền quên nghĩa.

Việc này Trung Quốc ngày trước không có, bạn đãi ngộ họ có cao hơn, họ cũng không thể thay đổi. Người có cảm tình, người có đạo nghĩa, không thể nào làm như vậy. Thế nhưng giáo dục của phương Tây họ cho rằng đó là việc rất bình thường. Ngày nay chúng ta thấy được đã quá nhiều, cũng thấy được rất bình thường, rất dễ dàng biến chất, rất dễ dàng đổi tâm, bạn thử nghĩ xem như vậy thì xã hội này làm sao mà không loạn? Mọi người đều nhìn thấy lợi, “đạo” cùng “nghĩa” không còn.

Hiện tại nói đến chỗ này, chúng ta không thể không bội phục người Nhật Bản. Tôi chỗ này đối với người Nhật Bản thật là bội phục năm vóc sát đất, tuy là ngày trước họ ức hiếp người quá đáng, nhưng người Nhật Bản ở xã hội ngày nay còn có đạo nghĩa. Khi họ ở công ty tuy rất là suy thoái, công nhân không đành bỏ đi, không nhẫn tâm rời bỏ, vẫn phải hỗ trợ công ty, họ sẽ không bỏ chạy đi nơi khác. Cái gốc này là văn hóa Trung Quốc, họ còn có thể giữ gìn. Công nhân có việc không vừa lòng đối với ông chủ, đối với công ty, thì kháng nghị. Kháng nghị, không bãi công, trên đầu họ đeo một miếng vải trắng, ông chủ xem thấy liền biết được họ có ý kiến rồi, vội vàng triệu tập hội nghị để giải quyết, giải quyết ôn

hòa, họ không bãi công. Không như nước ngoài, ngoại quốc khi không vừa lòng, lập tức bãi công, vừa bãi công thì đôi bên đều bị tổn thất. Ngày nay chúng ta ở trong xã hội này, còn có thể xem thấy một chút nghĩa khí là ở Nhật Bản, các nơi khác không còn xem thấy, loại đạo nghĩa này mới chân thật biết được tri ân báo ân.

Thế nhưng giáo dục phương Tây ân nghĩa không có, họ không biết được cái gì là ân, cũng không biết được cái gì là nghĩa, vậy thì làm sao có thể nói đến báo ân? Vậy thì hoàn toàn không thể nói đến giáo dục của Phật pháp. Giáo dục Phật pháp tuy là tốt đến như vậy, nhưng nếu như thiện căn, phước đức của họ không đủ thì khi họ nghe rồi lúc đầu cũng có thể tin tưởng, thế nhưng khi nghe người khác nói vài câu thì họ lập tức liền không tin tưởng.

Hiện tại ở thế gian này, trên “Kinh Lăng Nghiêm” nói rất hay “*Tà sư nói pháp như hằng hà sa*”. Bạn không có trí tuệ cao độ, bạn sẽ bị mê hoặc của năm dục sáu trần ở bên ngoài, nếu bạn có thể không động tâm, tôi thường hay nói cho đồng tu trong nội bộ chúng ta nghe “Bạn là Bồ Tát tái sanh”, bạn không phải là người phạm. Người phạm thì làm gì có thể không bị động tâm chứ, làm gì mà không bị mê hoặc chứ? Cho nên việc bạn bị động tâm, bạn bị mê hoặc, chúng ta thấy được đó là hiện tượng bình

thường. Thế xuất thế gian pháp đều là như vậy. Bạn tiếp xúc được những cảnh giới này mà không động tâm, vậy thì bạn không phải là người bình thường, bạn không phải là người phạm, còn bạn đã là người phạm thì làm gì mà không bị động tâm. Vì sao? Vì bạn nhận được giáo dục hiện tại, xem thấy lối sống của xã hội hiện tại, trong tự nhiên bạn liền bị nó ảnh hưởng, trong tự nhiên bạn liền bị nó xếp đặt.

Cho nên chỉ có một phương pháp ở trên kinh này của chúng ta nói Hiền Hộ, bạn phải hiểu được chính mình nên làm thế nào bảo hộ chính mình, thành tựu đạo nghiệp ở ngay trong một đời này, nhất định phải trải qua đời sống trí tuệ cao độ, quyết định không thể dùng cảm tình mà làm việc.

Thứ chín: “**Tịch Căn Bồ Tát**”

Chỉ có trí tuệ cao độ, mới có thể vào được thiên định sâu, vị Bồ Tát này đại biểu “Tịch diệt cảnh trí đại định” mà trên quả địa Như Lai chúng được, “Thủ Lăng Nghiêm Đại Định”, mà trên Kinh Lăng Nghiêm nói là “Hoa Nghiêm Tam Muội”, mà trên Kinh Hoa Nghiêm đã nói là “Sur Tử Phần Tóc Tam Muội” là “đại định” của quả địa Như Lai.

“Căn” là nói sáu căn, “Tịch” là thanh tịnh tịch diệt. “Định tịch diệt” so với “Định của Vô Sanh Pháp Nhẫn” còn sâu hơn.

Chúng ta xem thấy trên “Kinh Nhân Vương”, “Vô Sanh định” đã rất sâu rồi, là Bồ Tát Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa chứng được: Bồ Tát Thất Địa chứng được là hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhân, Bát Địa là Trung Phẩm, Cửu Địa là Thượng phẩm.

Tịch Diệt định là Bồ Tát Pháp Vân Địa, cũng là nói Bồ Tát Thập Địa Chứng được Hạ phẩm, Bồ Tát Đẳng Giác là Trung phẩm, quả địa Như Lai là Thượng phẩm. Đương nhiên những Bồ Tát ở chỗ này đều là Đẳng Giác Bồ Tát tại gia, đâu phải là phàm phu, cho nên Tịch Diệt Định này của họ theo Chí Thiếu An trên “Kinh Nhân Vương” nói, cũng là Trung phẩm, thành Phật là Thượng phẩm. Cho nên Tịch Căn Bồ Tát - Ngài là trung phẩm, đã đạt đến đỉnh cao nhất của Bồ Tát.

Định từ do đâu mà ra? Định từ Huệ mà có, bạn không có Diệu Trí Vô Thượng, bạn làm sao có thể chứng được Tịch Diệt Cảnh Trí? Còn Định cùng Huệ là hỗ trợ lẫn nhau, chúng ta nhất định phải hiểu cái đạo lý này, Định có thể giúp đỡ Huệ, Huệ có thể giúp đỡ Định. Huệ là nhìn thấu, cái gì gọi là nhìn thấu? Hiểu rõ chân tướng sự thật, đó là nhìn thấu, Định là bạn ở trong hiện tượng thực tế, bạn có thể như như bất động, chính là trên “Kinh Kim Cang” đã nói: *“Bất thủ u tướng, như như bất động”*⁴⁸.

“Bất thủ ư tướng” là không chấp tướng, ngoài không chấp tướng, trong không động tâm, đó là thiên định. Công phu thiên định của bạn sâu, giúp cho bạn nhìn thấu. Nhìn thấu cũng chính là chân tướng sự thật càng ngày càng rõ ràng, càng ngày càng tường tận, càng ngày càng nhìn thấy được thấu triệt, càng thấy được thấu triệt, sức định của bạn sẽ càng ngày càng sâu.

Phàm phu thành Phật từ trên nguyên lý mà nói chính là Định cùng Huệ. Bình thường chúng ta nói Định Huệ thì mọi người khó hiểu, nghĩ đến cái Định Huệ này, đại khái không phải là phàm phu có thể học, làm cho họ thấy được sâu hơn, quá thần bí. Cho nên chúng ta đổi cách khác mà nói “Nhìn thấu, buông bỏ”, thì mọi người dễ hiểu. “Nhìn thấu” là Huệ, “buông bỏ” chính là “Định”. Nhìn thấu chính là hiểu rõ chân tướng sự thật; buông bỏ là buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là bao gồm tất cả căn gốc của nghiệp tập phiền não.

Bạn xem Thiên tông thường nói “*Tu từ căn bản*”, giáo hạ cũng không ngoại lệ, chúng ta phải tu từ căn bản. Căn bản là gì vậy? Căn bản chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Phải đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông bỏ, bạn liền thành Bồ Tát, liền thành Phật. Còn như vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỗi ngày đang thêm lớn, thì

thật đáng sợ, thêm lớn những thứ này, thì không thể không tạo nghiệp, tạo nghiệp thì không thể không thọ báo. Việc này chúng ta không thể không biết.

Ở trong Kinh Điển, Phật hết lời khuyên bảo chúng ta, chúng ta không thể xem nó như trò đùa, phải nghĩ lại, phải đi làm, phải chăm chỉ nỗ lực mà làm. Phật răn dạy người mới học giới luật rất tinh nghiêm, vì sao vậy? Vì chúng ta vẫn chưa hiểu chuyện, cũng giống như trẻ nhỏ vậy, trẻ nhỏ 3-4 tuổi không biết chuyện, đi vào nhà trẻ, cô giáo nhất định phải dạy cho chúng rất nhiều qui củ, phải ở bên cạnh chúng xem chừng, khiến cho chúng tập thành thói quen, không phạm lỗi lầm, bồi dưỡng căn cơ của chúng. Phật pháp cũng không ngoại lệ, người sơ học, nhất định phải vâng giữ răn dạy của Phật, đến sau này bạn có định có trí huệ rồi, vậy thì tự nhiên bạn liền có thể tự làm chủ, Phật không cần phải chăm lo cho bạn đến như vậy.

Cho nên trong danh hiệu của những Bồ Tát này, hàm chứa nghĩa lý vô lượng vô biên, không có cùng tận, 16 vị Bồ Tát đều là tấm gương tốt cho thế gian chúng ta. Chúng ta học Phật đến đâu để học vậy? Phải học ở họ, hướng đến họ học tập, còn như ý nghĩa danh hiệu của họ xem không hiểu thì phải làm sao? Xem danh hiệu của họ mà không hiểu, thì ngay trên kinh văn đều cũng đã nói, phía sau kinh văn đã

nói chính là nói những cái ý này.

Cho nên danh hiệu là tổng cương lĩnh của toàn kinh, về sau kinh đọc quen thuộc rồi vừa nhìn thấy danh hiệu Bồ Tát này, chính mình liền nắm lấy được cương lĩnh, liền biết được ngay trong cuộc sống thường ngày trải qua ngày tháng như thế nào? Làm việc ra sao? Đối nhân xử thế tiếp vật sao cho đúng, tránh được tất cả lỗi lầm, thành tựu vô lượng vô biên công đức thù thắng. Đó là chân thật trang nghiêm tự thân, trang nghiêm hoàn cảnh đời sống của chính mình, như Tỳ Lô Giá Na Như Lai trong “Kinh Hoa Nghiêm”, như thế giới Tây Phương Cực Lạc trên “Kinh Di Đà” đã nói, đó đều là quả báo của chính mình.

Hiểu được làm thế nào để tu nhân, thì có quả báo như thế đó, “*Nhân duyên quả báo, không sót mảy trần*”. Cho nên khởi tâm động niệm lời nói việc làm của chúng ta, chúng ta phải có trách nhiệm đối với xã hội, khi chúng ta khởi lên một ý niệm, toàn thể xã hội đều sẽ học theo ta. Như thế thì xã hội này có được an định, đó là ảnh hưởng chánh diện, còn ảnh hưởng phụ nữa thì sao? Chúng ta không thể không biết giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, danh ngôn chí lý, giáo huấn của Phật pháp cùng giáo huấn của thế gian không giống nhau.

Thí dụ: Pháp thế gian nói “*Thù giết cha không đời trời chung*”, đó là pháp thế gian, việc này nhất định phải báo thù, bạn không báo thù người trong xã hội sẽ nói bạn bất hiếu.

Còn giáo dục của thánh nhân thế gian, bạn báo thù không sai, việc ở thế gian pháp là việc đương nhiên, nhưng nếu như con người này làm quan, họ đang tại chức, thì bạn không thể báo thù. Vì sao không thể báo thù vậy? Bởi vì hiện tại họ đang là công chức, đang vì đại chúng xã hội phục vụ, nếu bạn báo thù, xã hội sẽ không có người phục vụ, cho nên thù này của bạn không thể báo, đợi lúc nào thì báo vậy? Đợi ngày nào mà họ bãi chức, vào lúc đó thì bạn mới báo thù được, vì lúc đó họ đã không còn vì xã hội đại chúng phục vụ nữa, chúng ta mới đến nói việc riêng. Có thể thấy được mỗi niệm vì xã hội, mỗi niệm vì lợi ích của đại chúng, đó là thánh nhân thế gian dạy mọi người.

Phật pháp dạy thế nào vậy? Phật pháp dạy nhất định không được báo thù. Vì sao vậy? Báo thù, ngay đời này bạn báo thù họ, đời sau họ lại báo thù lại bạn, đời đời kiếp kiếp báo tới báo lui không hề ngừng dứt. Hơn nữa oán cừu này càng kết càng sâu, cho nên Phật dạy chúng ta không được báo thù. Phật cũng biểu diễn cho chúng ta xem, các vị đã đọc được trên “*Kinh Kim Cang*”, Ca Lợi Vương cắt xẻo thân thể một vị

Nhẫn Nhục tiên nhân (trên Kinh Kim Cang chỉ là nêu sơ qua thôi, câu chuyện này ghi chép tỉ mỉ ở trong “Kinh Đại Niết Bàn”, tỉ mỉ ghi chép lại một số nhân quả trong đó), đó chính là Thích Ca Mâu Ni Phật khi còn làm Bồ Tát, chưa thành Phật, Ngài tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Ca Lợi Vương, Ca Lợi là tiếng Phạn, dịch thành ý nghĩa Trung Quốc là “Bạo quân”. Hôn quân vô đạo, không nói lý, gặp được một người tu hành trên núi, ông đem Ngài xử tử lăng trì, lăng trì là dùng dao nhỏ, cắt từng miếng từng miếng thịt trên thân xuống, xử tử như vậy, Nhẫn Nhục tiên nhân có ý niệm báo thù hay không? Không có! Một chút oán hận cũng không có. Đó là Phật dạy cho chúng ta, không có một chút oán hận, không hề có cái tâm báo thù. Bạn vừa có cái tâm báo thù, chúng ta là phạm phu, chúng ta quyết định đọa lạc, bạn không hề nghe lời của Phật, bạn không rõ giáo lý. Không hề báo thù, oan gia nên giải không nên kết, họ báo thù đối với ta, ta hiểu rõ, tất cả đều nghĩ là đang trả nợ. Cái kết của ta từ đây coi như trả xong, đời sau gặp lại, hân hoan vui mừng, kết đã giải rồi mà, không kết oán thù với tất cả mọi người, tất cả đều nghĩ là đang trả nợ, bạn xem cái tâm này của ta thanh tịnh biết bao, rất tự tại, mãi mãi giữ gìn “*Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác*”.

Đó là tu nguyên tắc của Tịch Căn, thành tựu Pháp Môn Bất Nhị của Tịch Căn, người khác hủy báng ta, nghe rồi hoan hỉ, người khác nhục mạ ta,

hoan hỉ tiếp nhận, người khác hãm hại ta, cũng hoan hỉ tiếp nhận. Đại sư Ấn Quang nói “*Hại bạn đến nhà tan người chết, hại bạn đến ngũ mã phân thân*”, cũng đều không oán trời trách người, quyết không oán hận người đã hại ta. Không oán hận, phải xem việc này như thế nào đây? Chính trong mạng chúng ta phải gánh chịu việc này, thì tâm liền định, đem tâm như vậy niệm Phật, thì đều được vãng sanh, bị hãm hại mà chết, vẫn là phải vãng sanh, vì sao vậy? Phật, Bồ Tát tôn kính bạn, Thiên địa, quý thần tôn kính bạn, đó là lời Phật nói, chúng ta phải học Phật.

Thánh nhân xuất thế gian, cùng thánh nhân thế gian, không giống nhau, thánh nhân thế gian không rời khỏi tình chấp, thánh nhân xuất thế gian không còn tình chấp nữa, hoàn toàn đem tình chuyển biến thành trí tuệ vô thượng, cho nên đời sống của họ là trí tuệ cao độ, định lực cao độ, Tịch Căn hiển thị định lực cao độ.

Thực tế mà nói Phật pháp đại thừa nói đến chỗ này, đã tương đối viên mãn, phía sau không cần nói nữa, đã đến được cảnh giới Như Lai quả địa. Nếu như chúng ta nói phước, huệ, thì “Trí Thượng” là đại biểu “Trí tuệ”, “Tịch Căn” là đại biểu “Phước”. Các vị phải nên biết, Định mới là phước chân thật, tâm thanh tịnh là đại phước báo. Phía sau còn có mấy vị Bồ Tát nữa? Thực tế mà nói là cần phải có.

Thứ 10, 11, 12: “**Tín Huệ Bồ tát, Nguyên Huệ Bồ tát, Hương Tượng Bồ tát**”

Một vị Bồ Tát thông thường, muốn đạt đến được cảnh giới như vậy không phải là việc dễ dàng, cho dù đạt đến được cảnh giới này rồi cũng rất khó đạt được viên mãn. Chúng ta xem thấy rõ ràng trong Kinh Hoa Nghiêm, Trí Thượng cùng Tịch Căn họ đều đã chứng được Pháp Thân Đại Sĩ, Viên Giáo Sơ Trụ đã chứng được, phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, trí tuệ phước đức ở trong cái nhìn của chúng ta, từ trong mười pháp giới mà xem, họ đều đạt đến được viên mãn. Nhưng viên mãn mà không phải là cứu cánh viên mãn, không phải cứu cánh viên mãn.

Ở Thế Giới Hoa Tạng, ở trong Pháp Giới Nhất Chân, còn có Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, còn có 41 ngôi thứ. 41 ngôi thứ này, phải từ từ tu đến viên mãn, tu đến cứu cánh viên mãn, phải mất bao nhiêu thời gian? Trên kinh Phật nói “*Ba A Tăng Kỳ kiếp*”, rất dài, không đơn giản. Pháp Thân Đại Sĩ tu hành còn phải trải qua ba A Tăng kỳ kiếp. Phật ở ngay chỗ này hiện rõ đại từ đại bi, dạy những Pháp Thân Đại Sĩ này lập tức thành Phật, hà tất phải lãng phí nhiều thời gian đến như vậy?

Làm thế nào để lập tức thành Phật?

Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho nên ở trên hội Hoa Nghiêm, sau cùng Mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền cũng cầu sanh Cực Lạc. Cho nên cầu sanh Cực Lạc chính là mấy vị Bồ Tát phía sau biểu thị ra, Pháp Thân Đại Sĩ sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là vãng sanh thượng thượng phẩm cõi Thật Báo. Thượng phẩm cõi Thật Báo, đến nơi đó thì liền thành tựu. Chân thật là đem ba A Tăng Kỳ kiếp rút ngắn lại thành một niệm. Bạn nói xem việc này thù thắng dường nào, thật là không thể nghĩ bàn.

Cho nên phía sau là “Bồ Tát Tín Huệ” “Bồ Tát Nguyện Huệ” “Bồ Tát Hương Tượng”, ba vị Bồ Tát này đại biểu ba điều kiện tu hành của Tịnh Tông “Tín-Nguyện-Hạnh”.

Một là “Tín”.

“Tín” là bạn phải thật tin tưởng, tin tưởng cái gì? Tin tưởng A Di Đà Phật, tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta. Cách tin phải thế nào vậy? Làm thế nào cụ thể thực tiễn? Chính bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” này, đây chính là Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” này

chính là A Di Đà Phật nói qua Y Chánh Trang Nghiêm của thế giới Cực Lạc. Ngay trong đó có Tánh có Tướng, có Lý, có Sự, có Nhân, có Quả. Chúng ta thấy đều tin tưởng, mỗi câu mỗi chữ đều tin sâu không nghi, vậy mới gọi là Tín. Nếu không tin được như vậy thì người niệm Phật tuy nhiều, người tu hành tuy nhiều nhưng người vãng sanh thì không nhiều. Do nguyên nhân gì vậy? Vì họ chưa thật tin. Cái tin đó của họ, nói lời thành thật không phải lời khách sáo, đó là mê tín. Mê tín có thể vãng sanh hay không? Mê tín nếu như thật mê thì có thể vãng sanh, giả mê thì không thể vãng sanh.

Thật mê là thế nào? Thật mê họ không có hai niệm, bạn bảo họ niệm A Di Đà Phật, trong lòng họ chỉ có A Di Đà Phật, niệm Phật 2 giờ đến 6 giờ, một ngày từ sớm đến tối chỉ A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, một vọng niệm khác cũng không có, vậy thì được, vậy thì họ có thể vãng sanh, họ vãng sanh phẩm vị còn tương đối cao.

Không phải thật mê tín là thế nào? Gọi là không thật tin? Tuy là tin tưởng, nhưng một ngày từ sớm đến tối nghĩ tưởng xằng bậy, còn có rất nhiều phân biệt, chấp trước, còn có thị phi nhân ngã, còn có Tham - Sân - Si - Mạn xen tạp ở ngay trong đó, sự mê tín đó không thể vãng sanh.

Cho nên các vị phải biết 100% người vãng sanh nhất định đều là người phải tin tưởng từng câu từng chữ trong bộ kinh này. Chúng ta phải đem từng câu từng chữ trong bộ kinh này thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày của chúng ta.

Cho nên lần này tôi ở nơi đây diễn giảng, không giới hạn thời gian, bộ kinh này giảng hai năm, giảng ba năm không hề gì, các vị cùng nhau đến nghe, không nhất định phải nghe hết, bạn nghe một lần có thọ dụng một lần. Nếu một lần hiểu rồi, một lần ghi nhớ rồi, một lần có thể phụng hành, cả đời bạn thọ dụng không cùng tận, hướng hò bạn mỗi lần giảng đều đến nghe, mỗi kỳ giảng đều đến nghe, lợi ích vô biên, đó cũng đều là do thời tiết nhân duyên mà được.

Đồng tu phương này chúng ta, duyên đặc biệt thù thắng. Tôi cũng không hề nghĩ đến rằng tôi lại chạy đến nơi Singapore này, cùng mọi người tỉ mỉ giảng qua một lần, không hề nghĩ đến, duyên quá thù thắng. Chính tôi cũng không nghĩ rằng mình có thể giảng được tỉ mỉ đến như vậy. Đây là do Tam Bảo gia trì, việc này không phải sức người. Các vị ở nơi đây nghe được hoan hỷ, cũng là được Tam Bảo gia trì, không có Tam Bảo gia trì, bạn cũng nghe không hiểu, bạn chân thật nghe hiểu, nghe thấu suốt, Phật Bồ Tát gia trì.

Có thể thấy được chúng ta cùng thế giới Tây Phương, cùng A Di Đà Phật có cái duyên này rất sâu, chỉ cần đem thiện căn phước đức vô lượng kiếp của chính mình đào tìm ra được, thì ngay đời này chúng ta liền có thể vĩnh thoát luân hồi, liền có thể thành Phật làm Tổ, tham gia câu lạc bộ A Di Đà Phật, chúng ta đến làm hội viên. Bạn nói xem tự tại dường nào, hạnh phúc biết bao. Cho nên Tín không phải là một sự đơn giản.

Năm xưa tôi học Phật được 7 năm mới xuất gia, khi tôi vừa xuất gia thì liền đến Phật học viện giảng kinh. Sau hai năm mới thọ giới, khi thọ giới rồi đến Đài Trung để lạy thầy là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Tôi đến bái kiến ông, khi ông vừa thấy mặt tôi, liền chỉ vào tôi nói:

- Ông phải tin Phật.

Tôi cũng ngẩn người ra, vì sao ông chỉ nói có bốn chữ như vậy, “Ông phải tin Phật”. Sau đó tôi ngồi xuống, thầy liền giải thích với tôi, Ngài nói:

- Có rất nhiều người xuất gia từ tuổi trẻ xuất gia đến 7-8 mươi tuổi rồi cũng chưa tin Phật, họ cũng biết giảng kinh, kinh cũng giảng được hoa trời rơi rụng. Vì sao mà nói họ không tin Phật? Những gì Phật nói trên kinh một chữ họ cũng không làm được, đó không phải là tin Phật.

Không tin Phật vì không có Tín, vậy thì Nguyên - Hạnh cũng không có, làm sao có thể vắng sanh? Cho nên Ngài nói “*Việc này vô cùng quan trọng*”, lão sư đặc biệt nhắc nhở cảnh sách, nhất định phải tin tưởng. Tín thì thật có thể lý giải, có thể thông suốt, có thể y giáo phụng hành, vậy mới gọi là Tín.

Hay nói cách khác “Tín-Nguyên-Hạnh” là một mà ba, ba mà một. Bạn nói Tín, bạn không có Nguyên, không có Hạnh, vậy cái Tín đó là giả, không phải là thật; Bạn nói bạn có Nguyên, Nguyên mà không có Tín, không có Hạnh, thì cái Nguyên của bạn là giả; “Hạnh” mỗi ngày niệm A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Nhưng không có Tín, không có Nguyên, bạn niệm A Di Đà Phật cũng là giả. Trong Tín nhất định phải có Nguyên-Hạnh, trong Nguyên nhất định có Tín-Hạnh, trong Hạnh nhất định phải có Tín-Nguyên, “Một mà ba, ba mà một”, cái đánh ba chân, thiếu một cái thì ngã đổ, việc này chúng ta nhất định phải nên hiểu, nhất định phải nỗ lực mà làm.

Đối với từng câu từng chữ trên kinh này thâm tín không hoài nghi, quyết định không dám trái phạm. Ở trên kinh Phật dạy chúng ta làm, cố gắng nỗ lực mà làm, Phật nói những gì không nên làm, quyết định không nên làm. Có vậy chúng ta mới được gọi là “Chân Tín, chân Nguyên, chân Hạnh”, đó mới là học trò tốt của A Di Đà Phật, liền có thể được A Di Đà

Phật hộ niệm.

Được A Di Đà Phật hộ niệm bạn, bạn phải nên biết, A Di Đà Phật là tất cả chư Phật đều rất tôn kính, cùng đồng ngưỡng mộ “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”. Hay nói cách khác, bạn là học trò thật, đệ tử thật của A Di Đà Phật, bạn tự nhiên liền được tất cả chư Phật hộ niệm. Vậy còn phải lo lắng gì chứ? Còn gì mà không chịu buông bỏ? Tiền tài của chúng ta, của cải của chúng ta, nhà đất của chúng ta, bị người khác xâm chiếm rồi, bị người khác đoạt đi rồi, bạn có lo lắng hay không? Người chân thật “Tín-Nguyện-Hạnh” thì không lo lắng, Phật đang bảo chúng ta buông bỏ mà, đó là chính ngay lúc để buông bỏ. Khi chưa có người đến đoạt lấy, ta còn thật là không thể buông bỏ, khi người vừa đoạt lấy, thì quá tốt, một lòng niệm Phật không hề có việc gì hết, đó chẳng phải là tăng thượng duyên tốt hay sao? Họ đến giúp ta một tay, làm cho ta nâng cao lên thêm một bước. Nâng cao lên, chẳng phải ta muốn đi lên mà vẫn không thể đi, họ đưa một tay đẩy chúng ta lên trên, không những không hận người đoạt lấy những của cải này của ta, trái lại còn cảm kích cảm, cảm ân, không có họ, ta rất khó xả, họ làm như vậy ta không xả không được, khi ta vừa xả ra thì gần thêm một bước với Phật Di Đà. Bạn nói xem, tự tại dường nào, làm gì có chuyện không hoan hỉ chứ. Bạn nghĩ lại xem : “*Mọi thứ không thể đem, chỉ có nghiệp theo*

mình”, khi đến lúc lâm chung thì có thứ gì có thể mang đi được đâu? Không mang đi được thứ gì, nhất là khi đến lúc lâm chung phải xả, hiện tại xả không phải càng tốt hơn hay sao? Xả được sạch trơn.

Thế nên ở trong Kinh Điển, Phật nói với chúng ta, đồ vật của chúng ta bị kẻ khác cướp đi, cướp đi chính là của họ. Vậy ta có thể tìm nó lại được hay không? Không thể được, nếu bạn đi tìm về, thì bạn đã phạm giới trộm, họ cướp lấy của bạn, là họ ăn trộm, họ đã phạm giới trộm, nếu bạn đi tìm nó trở lại, thì bạn lại phạm giới trộm, bạn trộm của họ. Cho nên sau khi xả hết rồi thì không nên nghĩ nữa, nếu như họ tặng lại cho bạn thì đó là bố thí, vì họ đoạt lấy rồi chính là tài vật của họ, họ trộm thì họ có nhân quả của họ, nếu như chúng ta lấy nó đem về lại, giựt trở lại, chúng ta cũng phạm giới trộm, chúng ta cũng phải đọa lạc.

Trong đó Lý cùng Sự tương đối vi tế, không thể không biết, họ cướp lấy đồ của tôi đi, vì sao tôi không thể giựt nó lại chứ? Người thế gian đều cho đó là hợp lý, thế nhưng Phật nói không hợp lý, vẫn là Phật nói có đạo lý, bạn tỉ mỉ mà suy xét xem, Phật nói có đạo lý, nhất định phải tuân thủ giáo huấn của Phật Đà.

Chúng ta sống ở thế gian này, thực tế mà nói rất là ngắn ngủi. Lần này tôi từ Úc Châu trở lại, buổi tối

hôm đó, ở chỗ Nha Long bị cúp điện, cúp hết 2-3 tiếng đồng hồ, nơi cửa tam quan của chúng ta có ba cây Tiên Nhân Chưởng, nở ra hai mươi mấy đóa hoa. Việc này trước đây chúng tôi chưa từng thấy qua, Tiên Nhân Chưởng nở hoa là rất hiếm thấy, hoa nở ra là màu trắng, giống như hoa sen vậy. Tôi bảo pháp sư Ngô Hạnh chụp hình, thầy đã chụp hai mươi mấy tấm, chụp hình sau khi rửa ra, hoa cũng không có, không hề thấy hoa. Tôi bảo mọi người xem, “*Các vị xem rồi có chỗ ngộ nào không?*” Sau khi mọi người xem xong, dường như đều không có giác ngộ, vậy thì bạn không hề thấy được gì. Tôi nhìn thấy hoa này, có sự cảnh giác cao độ, tôi có chỗ ngộ, ngộ cái gì? Vạn pháp vô thường, sát na sanh diệt. Bạn xem thấy tấm phim chụp này về sau vĩnh viễn sẽ không còn thấy nữa, lần này chính là như vậy, chính ngay lúc ấn máy chụp hình ngay sát na đó, ta mới biết được sinh mạng ngắn ngủi đến như vậy. Vì sao phải tạo nghiệp, sinh mạng chúng sanh chúng ta chính là một sát na đó.

Sát na, sát na, chúng ta gọi là tướng tiếp nối, như trên “*Kinh Kim Cang*” nói: “*Như sương cũng như chớp*”. “*Như chớp*” là nói chân tướng, “*Như sương*” là nói tướng tiếp nối. Cho nên có thứ nào mà không đang nói pháp chứ? Tiên Nhân Chưởng nở hoa, nói pháp cho chúng ta, nói cho chúng ta nghe “*Vạn pháp vô thường, như sương cũng như chớp*”, chẳng phải là đang nói “*Kinh Kim Cang*” cho chúng

ta hay sao? Chúng ta xem thấy ở nơi nơi đều là “Kinh Kim Cang, Kim Cang Bát Nhã”. Các vị ở nơi đó xem, tâm luôn là nghĩ vớ nghĩ vẩn, đó chính là học Phật cùng không học Phật khác nhau chỗ này. Bạn có thể thâm nhập như vậy, bạn mới biết được sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, cảnh giới nào không là “Đại Phương Quảng” chứ? Cảnh giới nào không phải là “Phật Hoa Nghiêm”? Cảnh giới nào không phải là “Vô Lượng Thọ”? Cảnh giới nào không phải là “Thanh Tịnh-Bình đẳng-Giác”? Đều ngay trước mắt, chỉ do bạn không nhận ra. Nếu bạn nhận ra, bạn mới hiểu được những gì trên “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói.

Chư Phật Như Lai giảng kinh nói pháp, “trần thuyết, sát thuyết”, từ trước đến giờ chưa từng gián đoạn. Tận hư không khắp pháp giới, bất cứ lúc nào nơi nào cũng đều đang nói pháp, tất cả pháp ở đâu vậy? Tất cả pháp chính ngay trong sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần (tiếc là chúng ta không nhìn thấy được), nhắc nhở cho bạn, giống như tia chớp vậy, sáng lên một tí, chớp lên một cái rồi thì không còn nữa, lại tối đen, lại mê muội. Bạn làm sao gìn giữ một niệm sáng suốt đó của bạn, đó gọi là công phu. Giữ gìn một niệm trí tuệ, giữ gìn một niệm cảnh giác, đó chính là trí tuệ cao độ.

Hai là “Nguyện”.

“Nguyện” là quyết định phải sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Điều này vô cùng là quan trọng, vì sao vậy? Không sanh Tây Phương Tịnh Độ, cho dù ra khỏi mười pháp giới chứng được Pháp Thân Đại Sĩ, còn phải trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp, bạn mới có thể viên thành Phật đạo, huống hồ chúng ta không cần nói cũng biết chỉ riêng việc thoát khỏi sáu cõi cũng đã không dễ dàng, thoát khỏi mười pháp giới càng không dễ dàng. Nói thêm một điều hơi khó nghe các vị nhất định phải nên biết, ngay việc thoát khỏi ba đường ác cũng đã không dễ dàng. Vì sao? Ngày nay chúng ta xem thấy rất đông chúng sanh tạo ra nghiệp, tạo ra nghiệp gì? Tạo tội nghiệp ba đường ác.

Ba đường ác là tội nghiệp gì?

Ở trên kinh Đại Tiểu thừa Phật đều nói như vậy, thường nói, gần như mỗi bộ kinh đều nói, Phật mỗi ngày đều nói, nhắc nhở chúng ta “*Năm giới, mười thiện*”. “Thân” bạn còn tạo sát sanh, trộm cắp, tà dâm, uống rượu; “Khẩu” còn vọng ngữ (vọng ngữ là ức hiếp chúng sanh, không thành thật, không phải lời thành thật), nói hai lời (hai lời là khiêu khích phải quấy), “Ý Ngữ” là lời nói bóng bẩy lừa gạt chúng sanh, “Ác Khẩu” là lời nói thô lỗ, mắng người; “Ý” có Tham-Sân-Si. Bạn tạo ra mười ác nghiệp này, quả

báo sẽ ở nơi ba đường khổ. Hiện tại tuy là còn chưa đọa vào trong ba đường, nhưng trong ba đường đã ghi chú rồi, đánh dấu rồi, không cần đợi lâu, thì phải đi thọ báo thôi.

Ai không đọa ba đường?

Ai không tạo mười ác nghiệp, không tạo mười ác nghiệp, trái lại còn tu mười thiện nghiệp: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không hai lời, không ác khẩu, không thù dật, không tham, không sân không si, mười thiện nghiệp, thì thượng phẩm mười thiện sanh lên trời, trung phẩm mười thiện nghiệp phước báo ở đời sau, đời sau vẫn là được thân người, hưởng phước báo nhân gian. Ngày nay chúng ta thấy hiện tại người hưởng phước thế gian này, đều là do quá khứ có công tu năm giới mười thiện, tu hành có công, hiện tại phú quý này của họ là phước báo của họ.

(VCD 010)

Nhân duyên quả báo, chân thật bất hư, không lọt mảy trần. Ở trong tất cả kinh Phật nói như vậy, nếu chúng ta không thể chăm chỉ làm đúng vậy, đó là bạn tự cam đoạ lạc, vậy thì “Tín-Nguyện-Hạnh” của bạn thấy đều không có, thì sao được chứ?

Ba là “**Hạnh**”.

“Hạnh” chính là thành thật niệm Phật. Khi không có việc gì, trong lòng chúng ta chỉ một câu Phật hiệu, nhất định không gián đoạn, cái điểm này rất quan trọng.

Người niệm Phật không nên sợ chết, nếu sợ chết thì “Tín-Nguyện-Hạnh” của bạn toàn là giả. Người niệm Phật chúng ta mục đích là gì vậy? Mục đích chính là đến thế giới Cực Lạc, chính là thân cận A Di Đà Phật, càng đi sớm càng tốt. Vậy thì tại vì sao bạn sợ? Vừa muốn đi lại vừa lo sợ, thì thành ra thứ gì chứ? Không được lo sợ, càng đi sớm càng tốt. Cái thế gian không đáng để lưu luyến, đời ác năm trước, ở thế gian này một ngày là chịu thêm một ngày tội, vì sao không đi sớm một ngày đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để hưởng phước? Thân cận Phật A Di Đà.

Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, trên kinh nói được rất hay “*Thanh hư chi thân, vô cực chi thể*”⁴⁹ Không phải giống như cái thân ô uế như thế này, một ngày không tắm gội, trong lỗ lông tóc đều tiết ra mùi hôi thối, có cái gì đáng được yêu quý đâu? Đã biết được cái thân này bất tịnh, không sạch sẽ, còn nếu sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bên đó đều có thân tướng giống y như Phật, đều là thân Tử Ma sắc vàng thật, tại sao không chịu đổi cái thân này, còn lưu luyện cái túi da thối này chứ? Còn lưu luyện cái túi da thối này tức là ba cái chữ “Tín-Nguyện-Hạnh” của bạn này thấy đều không có, đều là giả. Cho nên người chân thật niệm Phật thường hay nghĩ cái chết, không muốn sống nhiều hơn ở thế gian này nữa, thường hay nghĩ chết.

Hãy xem Niệm Phật Đường của Đại sư Ấn Quang đáng để cho chúng ta học tập. Trong gian phòng Ngài tu hành này không có bất cứ thứ gì, chỉ có miếng che thay đồ giặt quần áo, không có thứ gì. Còn trong Phật đường nhỏ của Ngài chỉ có một tôn tượng Phật, một quyển “Kinh Di Đà”, chính là chỉ một quyển kinh sách. Phía sau tượng Phật viết một chữ “chết”, một chữ chết thật to viết ở phía sau. Đại sư, Ngài dạy cho chúng ta làm thế nào tu “Tín-Nguyện-Hạnh”, làm thế nào ngay trong một đời này nhất định vãng sanh? Quyết định phải học phương pháp của Ngài, chúng ta không sợ chết, chúng ta mỗi

ngày nghĩ chết.

Người thế gian cho rằng chết là rất đáng sợ, còn chúng ta chết rồi thì là vãng sanh. Cái chết của chúng ta nếu dùng lời hiện tại mà nói gọi là di dân, chúng ta thoát khỏi thế giới Ta Bà, di dân đến thế giới Cực Lạc, hân hoan vui thích mà đi, chúng ta xả bỏ cái thân ô uế này để được cái thân kim cang bất hoại, xả bỏ hoàn cảnh đời sống xấu ác này của chúng ta để đến Tây Phương, để trải qua hoàn cảnh thanh tịnh. Vậy mới là phát nguyện, vậy mới gọi là thật tu hành.

Mỗi buổi tối lên giường nằm ngủ liền nghĩ Phật đến tiếp dẫn ta, mắt nhìn vào vách tường xem thử Phật có đến hay không. Ngày ngày đều nghĩ Phật đến, mỗi giờ đều nghĩ Phật đến, buổi trưa ngủ trưa nghĩ nơi cũng nghĩ Phật đến, xem thử xem Phật có đến hay chưa, hy vọng, trông mong vào Ngài, mong muốn Ngài đến sớm hơn một ngày, ta ngày ngày đều trông ngóng, tóm lại lúc nào cũng sẽ trông ngóng ra Phật.

Hiện tại Phật chưa đến, chúng ta còn có chút việc chưa xong. Việc gì vậy? Phải đem kinh này giảng cho xong để giúp đỡ chúng sanh nhiều hơn một chút, để chúng ta đi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc còn dẫn thêm được vài người đi. Ngày nay chúng ta chính là đang làm cái việc này, dẫn thêm một số người đi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, công việc

này có ý nghĩa, các công việc khác không có ý nghĩa.

Chữ “Tín” chỗ này phía sau nó có chữ “Huệ”, chữ “Nguyện” phía sau cũng có chữ “Huệ”.

Tín mà không có trí tuệ không phải “Chánh tín”, cho nên trong Tín có cả “Chánh tín, tà tín”. “Tà tín”: Tư tưởng kiến giải của họ có sai biệt.

Nguyện cũng phải có Huệ, Nguyện mà không có Huệ không phải thật Nguyện. Phải “Tin sâu, Nguyện chắc”.

Ngày nay chúng ta gọi cái “huệ” này, “huệ” thực tiễn, thì thực tiễn ngay ở trong bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” này, chúng ta đọc, tụng, lý, giải, y giáo phụng hành thì Huệ của bạn liền đầy đủ.

*Bốn là “**Hương Tượng**”.*

Là đại biểu cho Hạnh.

Hương Tượng trong chú giải của người xưa khí lực của nó rất lớn. Thời xưa khi khoa học chưa phát triển, vận chuyển đều nhờ vào động vật. Trong động vật, “đại tượng” có thể kéo nặng sức mạnh rất lớn. Sức mạnh của tượng mạnh hơn rất nhiều so với trâu ngựa. Trâu ngựa kéo không nổi thì tượng có thể kéo. Cho nên tượng đại biểu cho sức mạnh, dùng nó để tỷ dụ. Nguyện-Hạnh của chúng ta vô biên, Nguyện-

Hạnh có lực, Nguyện - Hạnh đại lực, biểu thị cái ý này.

Đó là ba điều kiện tu hành của Tịnh Độ, ba điều kiện cần thiết, thiếu đi một thì không được, ba điều kiện nếu trong một có vấn đề cũng không được, nhất định phải đầy đủ viên mãn, đầy đủ “Tín-Nguyện-Hạnh” thì bạn nhất định vãng sanh. Cho nên phía sau “Bồ Tát Bảo Anh”.

Thứ 13: “**Bảo Anh Bồ Tát**”

“Anh” là tinh hoa, Bảo Anh chính là tinh hoa ở trong Bảo. Đại biểu cái gì? Đại biểu Di Đà nguyện hải. Tất cả chư Phật Bồ Tát phát ra đại nguyện đều là lấy nguyện của Phật A Di Đà làm tinh hoa nhất, làm tinh anh nhất. Cho nên Bảo Anh Bồ Tát biểu thị ý nghĩa này, cũng chính là nói bạn đầy đủ “*Tin Sâu, Nguyện Chắc, thành thật niệm Phật*”, bạn nhất định vào biển nguyện Di Đà. Bảo Anh chỗ này là đại biểu vào biển nguyện Di Đà, bạn thành tựu đại viên mãn.

Bồ Tát ở ngay đây chẳng phải là đã thọ ký cho mọi người chúng ta hay sao? Thọ ký vãng sanh làm Phật. Loại thọ ký này không luận là Hiển giáo, Mật giáo, bao gồm tất cả thọ ký đều không có được thù thắng này, kinh văn phía sau cũng nói rõ ràng với chúng ta.

“Bồ Tát Trung Trụ, Bồ Tát Chế Hành, Bồ Tát Giải Thoát”. Ba vị Bồ Tát này biểu thị cho điều gì? Lại quay đầu lại, bạn mong cầu vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, tham dự đại pháp hội của Phật A Di Đà. “Di Đà nguyện hải” là pháp hội của Phật A Di Đà, câu lạc bộ của Phật A Di Đà, chúng ta cũng cần hiểu rõ những đạo lý này, nắm vững cương lĩnh tu hành thế nào? Việc này không sai.

Thế nhưng hiện tại chúng ta người thì vẫn chưa đi, thân thể vẫn còn ở thế gian này. Vậy thì ở thế gian này chúng ta phải sinh hoạt ra sao? Phải làm việc thế nào? Phải đối nhân xử thế tiếp vật thế nào để tương ưng với lý luận cảnh giới trong kinh mà không hề trái phạm. Điều này vô cùng là quan trọng, hay nói cách khác hiện tại chúng ta chưa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc nhưng chúng ta cũng cần phải trải qua đời sống giống như các thượng thiện nhân của thế giới Tây Phương Cực Lạc, vậy mới tương ưng.

Thứ 14: “**Trung Trụ Bồ Tát**”

Cho nên Phật ở nơi đây dùng Bồ Tát Trung Trụ để biểu thị tâm của chúng ta phải ở nơi trung đạo. Trung đạo thì không có tâm thiên lệch, tất cả đều phải phải nắm được “trung”.

Chúng ta đơn giản mà nói cái “trung” này không thiên vào “không” cũng không thiên vào nơi

“có”, không thiên vào “chánh” cũng không thiên vào “tà”. Những “Chân giả, tà chánh, thiện ác, phải quấy” đều là nói hai bên, Phật dạy chúng ta phải đi vào trung đạo. Đi trung đạo, đó chính là biểu hiện đời sống trí tuệ cao đẳng, chánh pháp chúng ta phải tiếp cận, tà pháp chúng ta cũng không thể bài trừ, chúng ta cũng hy vọng tà có thể quay về đường chánh, đó chính là công đức của bạn, trí tuệ của bạn, còn nếu bạn không thể làm cho tà hướng về chánh thì bạn cũng đã phát tâm rồi, nhưng do tâm có thừa mà sức không đủ, vậy công đức của bạn cũng đã hoàn thành.

Như trên Kinh Lăng Nghiêm Phật đã nói “Phát ý viên thành” thì viên mãn công đức. Bạn thật đã phát tâm, muốn làm cho những người bước vào đường tà hướng trở lại đường chánh, thế nhưng bạn không làm được, không phải bạn không có tâm, vậy thì được rồi. Cho nên tất cả phải biết được dùng “Trung đạo”. Chúng ta lại đem tu hành cùng đời sống kết thành một mảng, chính là “Tịnh Niệm liên tục” mà Bồ Tát Đại Thế Chí nói cho chúng ta nghe, đây chính là ý nghĩa mà “Trung Trụ” biểu thị.

“Tịnh niệm” là gì?

Niệm là niệm Phật, niệm Phật không nhất định phải niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng là niệm Phật, cũng có khi miệng niệm không ra tiếng (thông thường chúng ta gọi là Kim Cang Trì) không một, còn có một

loại hoàn toàn niệm thâm, miệng cũng không động, nhưng trong lòng đích thực rõ ràng “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật” không có gián đoạn. Chỉ cần trong lòng có Phật, quyết định không dễ dàng gì xen tạp.

Chúng ta một câu Phật hiệu tiếp một câu Phật hiệu, không những tất cả pháp thế gian không xen tạp, thân tâm thế giới tất cả buông bỏ, niệm Phật như vậy liền cảm ứng, như vậy thật công phu, tất cả pháp xuất thế gian cũng không xen tạp.

Đối với pháp sư học giảng kinh, khi bạn đang niệm Phật, không nên nghĩ đến việc bạn học giảng kinh, kinh văn cũng không nên nghĩ tưởng, cách giảng thế nào cũng không nên nghĩ tưởng, không nghĩ tưởng bất cứ thứ gì, chỉ là một câu Phật hiệu niệm đến cùng, thì Phật hiệu bạn niệm mới tốt được. Phật hiệu niệm xong rồi, có cảm ứng, bạn liền được Phật lực gia trì, bạn liền khai mở trí tuệ.

Vạn lần không nên một mặt niệm Phật, một mặt nghĩ đến kinh này cách giảng phải thế nào? Phải nghiên cứu ra sao? Vậy thì hỏng rồi, Phật niệm không được tốt, kinh cũng không nghiên cứu được xong, hai bên đều bị hỏng hết, đó gọi là không khéo dụng tâm. Người khéo dụng tâm dùng một tâm, khi chúng ta niệm Phật một lòng niệm Phật, khi nghiên cứu thì một lòng nghiên cứu, ta mở quyển kinh ra xem qua chú giải, vào lúc đang ngồi nghiên cứu này thì tuyệt

đôi không niệm Phật, tâm phải chuyên nhất làm một công việc. Ở trên kinh Phật nói “*Đề tâm vào một chỗ không việc gì chẳng xong*”. Chúng ta phải hiểu được cái ý của Phật, y theo cách dạy này của Phật quyết định có thành tựu, phải đề tâm vào một chỗ.

Tôi mạnh hơn so với các vị một chút, các vị cũng cảm nhận được có một vài nơi không như tôi, tôi mạnh ở đâu vậy? Chính là tôi biết được đề tâm vào một chỗ, không luận làm việc gì nhất định là một lòng mà làm, quyết định không phải là hai tâm, đang làm việc này lại nghĩ đến việc kia, tôi thì không làm như vậy, cho nên bạn thấy tôi làm được rất nhanh, tôi làm được rất tự tại. Việc này ở trên kinh Phật có rất nhiều lý luận, văn tự nhiều đến như vậy, tôi làm ra cho các vị xem, các vị phải biết nhìn. Tôi từ trước là do lão sư Lý làm cho tôi xem, Chương Gia đại sư làm cho tôi xem, tôi nhìn dáng vẻ của họ, tôi học tập với họ.

Tôi gần với đại sư Chương Gia ba năm, thân cận với lão sư Lý mười năm, mỗi ngày tôi nhìn thấy họ, lão sư cũng thường hay chăm sóc tôi, có chỗ nào sai lầm, họ giúp tôi sửa đổi. Chúng ta chính mình tâm chánh, ngôn chánh, hạnh chánh thì cho dù người bên ngoài có nói thế nào cũng không quan hệ gì, mọi người thấy sai rồi, ngộ nhận rồi. Thế gian có một người nào có thể vừa lòng tất cả mọi người? Không thể nào, luôn là không thể tránh khỏi, Phật cũng

không làm được. Thế gian này có bao nhiêu người mắng Thích Ca Mâu Ni Phật? Có bao nhiêu người mắng Phật A Di Đà? Chúng ta nghe đã quá nhiều, Phật cũng còn có người mắng thì ta có bị người khác mắng thì có làm sao chứ? Phật tiếp nhận người ta mắng, chúng ta cũng phải tiếp nhận người ta mắng. Phải tiếp nhận, không nên có một câu biện bạch. Chúng ta đối với người chân thành cung kính tán thán. Người ta hủy báng chúng ta, chúng ta tán thán họ, họ nhục mạ chúng ta, hãm hại chúng ta, chúng ta cảm ân họ, chúng ta cảm tạ họ. Đó là thật tiêu nghiệp chướng của chính mình, tăng phước huệ của chính mình. Người nào không là ân nhân? Trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường, thường giữ cái tâm này là Bồ Tát Trung Trụ.

Cho nên phải học Tịnh Niệm Liên Tục, trong cái

niệm này là tịnh, tịnh chính là quyết định không có xen tạp, “tương tục” là công phu không gián đoạn. Từ nơi công phu mà nói, có thể đạt đến được “Tức Niệm Ly Niệm”, công phu của bạn liền có kết quả, công phu của bạn liền được thuần thục.

“Tức Niệm Ly Niệm”

Chính là người thông thường hay nói “*Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm*”. Không niệm

cùng niệm là một không phải là hai. Cái này gọi là gì? Vào pháp môn không hai, phiền não không hai là cảnh giới của pháp thân đại sĩ. Bạn có thể vào được pháp môn không hai, thì thoát khỏi mười pháp giới, không cần nói sáu cõi, siêu việt luôn mười pháp giới, biết được tất cả pháp thế xuất thế gian đều là pháp bất nhị, biết được trên kinh Phật nói với chúng ta là lời thật. Chỗ này tôi chỉ nói ra một ít vì phía sau còn giảng rất tỉ mỉ, tận hư không khắp pháp giới là chính mình.

Phàm phu chúng ta không biết nên luôn cho rằng chính mình cùng người khác là đối lập. Không phải vậy, tận hư không khắp pháp giới là chính mình, đó là chân tướng mà bạn có thể thấy được, bạn có thể khẳng định. Việc này ở trên kinh Phật nói bạn chứng được Pháp thân thanh tịnh, chứng được pháp thân thanh tịnh thì liền thành Phật. Mức độ thấp nhất là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát thì thành Phật, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, họ thành Phật thật, không phải Phật giả. Trong pháp giáo Đại sư Thiên Thai nói “Phần Chứng Túc Phật”⁵⁰, tuy là chưa viên mãn. Phần Chứng Túc Phật, họ chứng là thật không phải là giả, thế là chúng ta hỏi “Chúng được cái gì?” Họ thừa nhận, khẳng định tận hư không khắp pháp giới đều là chính mình, cho nên tâm đại từ bi sanh khởi ra, đại từ bi là đối với tất cả chúng sanh không có điều kiện.

“Vô duyên đại từ”

Chữ “duyên” đó gọi là điều kiện, nhưng “vô” là không hề có điều kiện. “Từ” là gì vậy? Quan tâm, thương yêu, tôn trọng, toàn tâm toàn lực chăm sóc, không có điều kiện nào đối đãi với tất cả chúng sanh.

“Đồng Thể Đại Bi”

“Bi” là nhìn thấy tất cả chúng sanh có khổ nạn, giúp cho họ thoát ly khổ nạn, giúp họ thoát khỏi khó khăn cũng không có điều kiện. Vì Đồng thể bao gồm tất cả chúng sanh cùng đồng một thể với chính mình, một tâm, một pháp giới, cho nên pháp giới gọi là Nhất chân. Bồ Tát Trung Trụ biểu thị ở đây ý nghĩa rất sâu, đó là lý, đó gọi là nhìn thấu.

Thứ 15: “Chế Hạnh Bồ Tát”

Đây là nói “Hạnh” là nói sự.

Một là chữ “Hạnh”.

Hành vi sinh hoạt của chúng ta, hành vi sinh hoạt làm sao không có sai lầm, bạn chính mình phải biết tiết chế.

Hai là chữ: “Chế”?

Chế chính là sửa lỗi tự làm mới. Biết được

chính mình sai rồi, sai thì lập tức sửa đổi, đó là chân thật tu hành.

Thánh hiền Trung Quốc chúng ta xưa dạy người nói rất hay “*Người không phải thánh hiền, thì sao không có lỗi*”. Bạn không phải thánh nhân, không phải hiền nhân, thì bạn làm sao không có lỗi làm, mỗi người đều có lỗi làm, “*Lỗi mà có thể sửa thì việc gì tốt hơn*”. Có thể sửa lỗi chính là Bồ Tát, không chịu sửa lỗi thì là phàm phu. Cho nên biết lỗi chính là giác ngộ, sửa lỗi là công phu. Do đó ở chỗ này “Trung Trụ” biểu thị học vấn, “Chế Hành” biểu thị công phu.

Chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày phải tuân thủ nguyên tắc này mà trải qua ngày tháng, không trái với nguyên tắc này mà làm việc, không luận là từ nơi công việc nghề nghiệp nào, tuân thủ cái nguyên tắc này, nắm chắc cái nguyên tắc này chúng ta chính là trải qua đời sống của Bồ Tát.

Thứ 16: Sau cùng “**Giải Thoát Bồ Tát**”

“Giải Thoát” là bạn ngay hiện tại được tự tại, được Giải Thoát.

*Ba là chữ “**Giải**”.*

Giải trừ được phiền não, giải trừ được lo lắng,

giải trừ được vương bận.

Bốn là chữ “Thoát”.

Thoát khỏi tất cả khổ não, Ưu-Bi-Khổ não bạn đều không còn, đều thoát khỏi ngay hiện tại.

Cho nên giáo học của Phật pháp các vị rất rõ ràng có thể thể hội được, có thể quan sát được, nó đích thực là có thể giúp đỡ chúng ta hiện tiền đạt được một đời hạnh phúc, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công, xã hội an lành, mọi người tôn kính lẫn nhau, nhường nhịn lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, cùng tồn tại phát triển, xã hội thái bình, quốc gia giàu mạnh, thế giới hòa bình, nó thực tiễn vào ngay chỗ này.

Ngày nay cái mục tiêu này là của chúng ta, các lãnh đạo chính trị gia, khoa học gia, công thương nghiệp, thậm chí đến các lãnh đạo giới học thuật, giới tôn giáo trên toàn thế giới này đều hy vọng đạt đến mà không có cách gì đạt đến. Ai mà không muốn chứ? Làm thế nào để biết được đạo lý phương pháp này? Tất cả đều ở trên kinh Đại Thừa.

Vào năm 70, nhà triết học lịch sử nước Anh đã chỉ điểm cho tất cả mọi người trên thế giới một con đường đi, ông nói:

“Muốn cứu vãn thế kỷ 21 đạt đến hòa bình cùng tồn tại, chỉ có học thuyết của nhà Nho cùng Phật pháp Đại Thừa”.

Điều này lại phát ra từ miệng của một người nước ngoài, con người này thật cừ khôi, có học vấn, có kiến thức, ông nhìn thấy được, thế kỷ 21 là một xã hội rất phức tạp.

Vào ngày trước, văn hóa không đồng, mỗi một quốc gia khu vực đều là đóng cửa, đôi bên đều không hề qua lại với nhau, mỗi người trải qua ngày tháng thái bình của mỗi người, mỗi người có phạm vi nhỏ của mỗi người, khung trời nhỏ.

Thế kỷ 21 tùy theo tiến bộ của khoa học kỹ thuật, thông tin phát triển, tiếp xúc nhiều lần. Bạn thấy vi tính ngày nay, trong nhà các vị mỗi một người đều có vi tính, ở nước Mỹ học sinh tiểu học đều dùng vi tính lên lớp, trong vi tính tin tức của toàn thế giới đều ở ngay trước mắt bạn, mặt tiếp xúc của bạn quá lớn, giao thông thuận tiện, lúc nào cũng có thể đi du lịch khắp nơi trên thế giới, chính thức tiếp xúc mặt đối mặt. Thế nên khi vừa tiếp xúc đương nhiên có xung đột, quan niệm bất đồng, phương thức đời sống khác nhau, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau nên đột nhiên khi vừa tiếp xúc luôn là không thích ứng.

Làm thế nào có thể giải quyết vấn đề này? Học

thuyết nhà Nho cùng Phật pháp Đại Thừa có thể giải quyết khi gặp phải những vấn đề này, thật là có thể ra tay giải quyết.

Cho nên nước Anh vào năm trước đã đem Phật học đưa vào giáo trình trường học, đó là quốc gia chính thức ra lệnh làm. Nước Anh là một quốc gia Ki Tô giáo, họ làm trước, dẫn đầu: Tiểu học, trung học, đại học trong giáo trình đều có kinh Phật.

Ngày nay chúng ta mới làm, cũng là rơi lại phía sau của người khác rồi.

Hiện tại Úc Châu mở hội thảo, cũng là dẫn đầu thế giới, họ tập hợp các nhân vật lãnh đạo các giới tôn giáo, giới học thuật, học giả chuyên gia đến thảo luận nghiên cứu môn học vấn thích ứng thế kỷ 21. Tôi đã tham dự qua buổi hội thảo ở Úc Châu, thăm viếng qua trường đại học của họ, các trường đại học của họ cũng rất chú trọng đến vấn đề này bởi vì chính sách hiện tại của Úc Châu là mở rộng di dân từ các nơi khác nhau trên thế giới di dân đến đó. Bối cảnh văn hóa tư tưởng tín ngưỡng đều không giống nhau, nhưng những người di dân này cùng với người Úc Châu chung sống với nhau trong một xã hội. Làm thế nào có thể gạt bỏ được những ngăn cách trong đó, gạt bỏ hiểu lầm, đạt đến hợp tác lẫn nhau cùng tồn tại phát triển, họ có một mục tiêu như vậy. Trong trường học của họ, Viện trưởng của Học Viện đến hỏi tôi, tôi

cũng nói với họ “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”, họ nghe rồi đều rất hoan hỷ, rất hy vọng tôi đến mở lớp. Nhưng tôi ở nơi đây bị Lý Mộc Nguyên giữ lại, ông ấy ở nơi đây xây dựng đạo tràng to lớn thế này, tốn nhiều tiền đến như vậy, tu sửa lâu 4 cùng lâu 5 phải tốn hơn 160 vạn, nên tôi không thể chạy đi mất, tôi chú trọng đạo nghĩa, tôi không tính lợi hại, tôi nói đạo nghĩa, tôi không có lỗi với ông ấy, cho nên dù hoàn cảnh bên ngoài có tốt hơn, tôi cũng không cách gì, tôi phải đi theo cùng ông ấy. Nếu có thể “Lưỡng toàn kỳ mỹ” đương nhiên là quá tốt, nhưng không thể lưỡng toàn kỳ mỹ nên việc Đại học Úc Châu mời tôi vẫn phải xả bỏ, vẫn là phải đến nơi đây. Chúng ta đã có mười năm quan hệ rồi, luôn có một phần ân đức, nghĩa tình trong đó, quyết định không thể thấy trăng quên đèn, chúng ta không được làm những việc như vậy. Nếu làm việc như vậy, chúng ta để lại cho mọi người trong xã hội một tấm gương không được tốt, đó là tạo thành động loạn bất an của xã hội. Chúng ta giữ lấy đạo nghĩa, nên cho dù lợi ích có tốt hơn chúng ta cũng không động tâm. Đó là kiến lập một gương tốt chính diện cho xã hội. Nếu mọi người đều không ham thích danh vọng lợi dưỡng, đều không ham thích vinh hoa phú quý, chúng ta nói đạo, nói nghĩa thì xã hội này sẽ an định hòa bình, khu vực này mọi người đều sẽ trải qua được rất hạnh phúc. Cái điểm này quan trọng hơn bất cứ thứ gì ở trong kinh giáo, Phật chính là dạy chúng ta

những thứ này, chúng ta làm sao có thể trái phạm?

“Giải thoát” chính là đạt được quả báo của hiện tại, còn hướng đến xa mà nói thì quả báo của vị lai chính là vĩnh viễn thoát khỏi sáu cõi luân hồi. Không những thoát khỏi sáu cõi luân hồi mà còn siêu việt mười pháp giới, chứng được Pháp Giới Nhất Chân.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc là Pháp Giới Nhất Chân, không những là pháp giới Nhất Chân mà còn là Nhất Chân bên trong của Nhất Chân, thù thắng không gì bằng, cho nên mười phương chư đồng Phật tán thán. Chúng ta ở ngay trong một đời này có thể gặp được thì phải hạ quyết tâm nhất định phải bắt lấy. Nếu như muốn bắt lấy thì nhất định phải y giáo phụng hành. Vậy thì dạy không thể không thấu triệt, mỗi ngày đọc bộ kinh này thấu triệt được lý giải, phải đem tập khí phiền não từ vô lượng kiếp đến nay của chính mình vứt bỏ hết, y giáo phụng hành.

Năm trước tôi giảng bộ kinh này, khi giảng đến ba bậc chín phẩm, tôi có một cách nói không giống như cách nói của người xưa. Cách nói của tôi mọi người dễ hiểu. Tôi nói: Ví dụ chúng ta lấy phần trăm đề mà nói, nếu như đem bộ kinh này làm đến được 100%, mỗi câu mỗi chữ ta đều làm đến được, một chút cất bỏ cũng không có, bạn nhất định được thượng thượng phẩm vãng sanh. Vì sao vậy? Tâm “Nguyện-Giải-Hạnh” của bạn hoàn toàn tương ứng

với A Di Đà Phật. Tâm Nguyên-Giải-Hạnh của Phật A Di Đà đều là ghi chép ở trên bộ kinh này, vậy đương nhiên vãng sanh thượng phẩm. Nếu như trong bộ kinh này, ta không thể hoàn toàn làm đến được 100%, ta làm đến được 90%, còn có một phần chưa làm được, vậy bạn vãng sanh thượng phẩm trung sanh; 90% mà ta vẫn không làm được, ta có thể làm đến được 80%, thì giáng xuống một bậc, thượng phẩm hạ sanh; Nếu như 80% vẫn không làm được, ta còn có thể làm được 70%, thì trung phẩm thượng sanh: Cứ như vậy mà hướng xuống dưới, hướng xuống đến hạ phẩm hạ sanh, phải làm đến bao nhiêu? Phải làm đến hai phần, cũng chính là nói những gì trên kinh đã nói, nếu bạn làm đến được 20%; Còn nếu không làm đến được 20% thì đó chỉ là kết duyên với Phật A Di Đà, đời này không thể đi được. Việc này chính là người xưa nói, bạn mỗi ngày niệm Phật tới “*Đau mồm rát họng chỉ uống công*”, đời này không thể đi được, đợi đến đời sau. Vậy đời nào có thể vãng sanh? Xem thử bạn ngay trong một đời nào đó, bạn có thể làm đến được 20% thì bạn có thể vãng sanh hạ phẩm. Cách nói này của tôi dễ hiểu hơn so với cách nói trong Quán Kinh.

Các vị thử nghĩ xem cũng có đạo lý, không phải không có đạo lý, tôi dùng biện pháp này để phân tích chín phẩm vãng sanh. Vì sao chúng ta không chịu nỗ lực phải làm đến được 100%, liệu có thật đã làm đến

được 100%? Khó khăn! Khó ở đâu vậy? Không có khó khăn! Khó khăn chân thật là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bạn không chịu buông bỏ, vì bạn không biết được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều là giả, toàn là không, tại vì sao không buông bỏ? Còn như bạn chân thật buông bỏ, thì thượng thượng phẩm vãng sanh. Việc này ngay trong một đời này chúng ta phải tranh thủ, tất cả những thứ khác đều là giả. Bạn làm quốc vương ở thế gian này, làm thiên vương, đều là giả, đều không phải là thật, vinh hoa phú quý cuối cùng cũng không thể giữ được, không thể giữ được. Tuổi thọ Thiên vương có dài một chút, nhưng vẫn là phải chết, chết rồi thì vẫn phải chịu luân hồi, đó chính là không có trí tuệ. Phía sau “Nhi Vi Thượng Thủ”.

Câu cuối là: “Nhi Vi Thượng Thủ”

Chỗ này nêu ra 16 vị Bồ Tát, 16 vị Bồ Tát ở ngay chỗ này tôi giới thiệu tương đối tỉ mỉ. Mỗi một vị Bồ Tát bạn đã hiểu rõ rồi thì bạn có thể học tập với họ. Dem 16 vị Bồ Tát, ưu điểm của họ, sở trường của họ, chúng ta thấy đều học được, chúng ta chính là Bồ Tát viên mãn. Đức hạnh của mỗi vị Bồ Tát ta thấy đều có, thấy đều đầy đủ. Không phải ta học một vị hai vị, thấy đều học hết 16 vị, 16 vị Bồ Tát đều là lão sư của chúng ta, chúng ta rất cố gắng, rất nỗ lực học tập với họ. 16 vị Bồ Tát này biểu thị ra chính là kinh văn của toàn kinh, cho nên danh hiệu của Bồ Tát ở

ngay đây là tổng cương lĩnh của toàn kinh.

Do đây có thể biết lão cư sĩ Hạ Liên Cư từ ngay chỗ này đem nó phân thành một phẩm, bạn xem thấy rất có đạo lý. Biểu pháp của Tỳ Kheo Bồ Tát phía trước là biểu pháp thông thường của Đại Thừa, biểu pháp chung, là đại biểu toàn thể Phật pháp, biểu pháp nghiêng nặng về pháp môn Tịnh Độ. Biểu thị của 16 vị Bồ Tát tại gia này là bốn kinh, rất thiết yếu, nội dung của bốn kinh, chính là 16 cương lĩnh.

CHÁNH KINH: “Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức”

*[Dịch nghĩa: **Đều cùng tuân tu đức của Đại Sĩ Phổ Hiền**]*

Từ nơi biểu thị của kinh văn thấy được chúng Tỳ Kheo, chúng Bồ Tát, chúng Bồ Tát tại gia, tất cả mọi người đều cùng đồng tuân thủ, học tập “Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức”. “Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức” là gì vậy?

Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức nói rộng chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”. Trong Kinh “Hoa Nghiêm” Bồ Tát Phổ Hiền xếp thứ nhất. Phổ Hiền là trưởng tử, Văn Thù là thứ nam. Ở trên Kinh Hoa Nghiêm xếp hàng vị thứ thì Bồ Tát Phổ Hiền xếp thứ nhất, Bồ Tát Văn Thù xếp thứ hai, cho nên Ngài đại biểu là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm

Kinh”.

Do đây có thể biết kinh này của chúng ta không phải là “Hoa Nghiêm” thì là gì? Chân thật là “Hoa Nghiêm”, Hoa Nghiêm đã nói đều ở trên bộ kinh này, bộ kinh này là rút gọn của Hoa Nghiêm, là tinh hoa của Hoa Nghiêm.

Học kỳ này chúng ta đã mở lớp Hoa Nghiêm. Có mấy vị đồng tu cùng đến nghiên cứu với chúng ta, tôi không dám xưng là lão sư, là đồng học, chúng ta cùng

mấy vị đồng học, cùng nhau đến nghiên cứu Hoa Nghiêm, đến thâm nhập Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là nói tỉ mỉ của Kinh Vô Lượng Thọ, Hoa Nghiêm là nói rộng của Kinh Vô Lượng Thọ. Bạn có thể khế nhập sâu rộng, sau đó bạn giảng “Kinh Di Đà” vậy thì giảng tuyệt. Vì sao vậy? Nội dung sâu sắc lời lẽ dễ hiểu, vị sâu lời cạn, bạn nói mới có sức mạnh, có công lực.

Cho nên chúng ta giới thiệu câu “Hàm cộng tuân tu Phổ hiền đại sĩ chi đức” này là toàn thể Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, giảng mấy năm cũng giảng không hết, chính là một câu này, câu này là lấy ra từ Kinh Hoa Nghiêm, giảng 5 năm cũng giảng không xong, cho nên cần phải nắm lấy cương lĩnh. Bồ Tát Phổ Hiền trong Hạnh Phổ Hiền, cương

lĩnh quan trọng nhất là “Mười đại nguyện vương” sau cùng. Đây là toàn thể mười đại cương tu hành của Hoa Nghiêm, chúng ta gọi là Mười đại nguyện vương mà Bồ Tát Phổ Hiền đã tu. Vô lượng vô biên đức hạnh, quy nạp lại đều không thể vượt qua được mười tổng cương lĩnh này.

Trong mười tổng cương lĩnh này mọi người đều tụng rất quen thuộc, tôi tin tưởng mọi vị đồng tu đều có thể đọc thuộc lòng. Tuy là bạn có thể đọc, nhưng ý nghĩa thì lại không hiểu. Bạn nói bạn hiểu, hiểu được một cách lơ mờ, thực tế mà nói, bạn không tường tận, không thông suốt.

Nguyện thứ nhất: “Lễ kính chư Phật”.

Bởi vì thời gian chúng ta có hạn chế, cũng không thể nói tỉ mỉ, chỉ có thể giới thiệu đại khái.

Bạn xem thử, giáo học của nhà Phật lễ kính là trước tiên, giáo học của nhà Nho cũng lễ kính là trước tiên, dạy bạn cái gì? Dạy bạn lễ kính.

Lễ kính là gì? Lễ kính là “Tánh đức”, chính là lưu xuất tự nhiên từ trong Tánh đức của bạn, không phải từ bên ngoài. Hạnh Phổ Hiền là mỗi một hành môn đều tương ứng với Tự tánh, đều là lưu xuất tự nhiên từ trong Tự Tánh, cho nên Ngài có thể viên thành Phật đạo.

Ở trên kinh Phật thường nói “*Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể viên thành Phật đạo*”, đạo lý chính ngay chỗ này.

Nhà Nho, chúng ta xem “*Lễ Ký*” của nhà Nho. Bạn mở “*Lễ Ký*” ra, câu thứ nhất “*Diễn lễ viết: Vô bất kính*”.

“*Vô bất kính*” cùng ý nghĩa “*Lễ kính chư Phật*”, ngay chỗ này là hoàn toàn giống nhau. Những Thánh hiền của nhà Nho này, cùng với chư Phật, Bồ Tát của Phật pháp, chưa hề thấy mặt nhau, chưa hề qua lại với nhau, hiện tại gọi là chưa từng hội đàm với nhau, lý luận quan niệm phương pháp giáo học của các ngài, gần như hoàn toàn giống nhau. Đúng như chúng ta thường nói “*Anh hùng sở kiến, đại lược tương đồng*”⁵¹. Cái thấy của “*Anh hùng*” đều là dạy người “*Lễ kính*” trước tiên.

Lễ kính của nhà Nho, thực tế mà nói bao gồm cả Thân, Khẩu, Ý, ba nghiệp. “*Thân*” thì kính, “*Miệng*” thì tán thán, “*Ý*” thì giữ sự chân thành.

Phật pháp giảng càng thấu triệt hơn, “*Lễ*” biểu hiện ở bên ngoài, cung cung kính kính, “*Kính*” giữ ở trong lòng, tâm có chân thành, có ý kính. Chư Phật là đối tượng chúng ta lễ kính.

Chư Phật là ai?

Trên kinh Phật nói: “*Quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật, đó đều là chư Phật*”.

Quá khứ Phật, chúng ta xem thấy ở trên Kinh Diên, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói cho chúng ta nghe về quá khứ Phật; Hiện tại Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng giới thiệu cho chúng ta nghe không ít, mọi người đều rất quen thuộc, thế giới Tây Phương Cực Lạc A Di Đà Phật, thế giới Phương Đông Lưu Ly Dục Sư Như Lai, là Phật hiện tại; Vị lai Phật là ai? Tất cả chúng sanh đều là Phật vị lai. Chỗ này phạm vi lễ kính sẽ rộng, chúng ta cung kính đối với Phật A Di Đà như thế nào thì đối với tất cả chúng sanh cũng đồng một tâm cung kính như vậy.

Nếu như bạn nói “Tôi đối với Phật A Di Đà, đối với tất cả chúng sanh, lòng cung kính này có sự khác biệt” thì như vậy bạn không phải tu hạnh Phổ Hiền. Bạn đối với tất cả chúng sanh cái tâm cung kính đó là hoàn toàn bình đẳng với Phật A Di Đà, như vậy mới gọi là tu hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền cùng Bồ Tát thông thường tu lễ kính không như nhau, chính ngay ở chỗ này. Ngài là tâm bình đẳng, hay nói cách khác (chính là trên đề kinh đã nói) bạn dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tu “Lễ Kính Chư Phật”, đó gọi là hạnh Phổ Hiền. Nếu tâm không thanh tịnh, tâm không bình đẳng, thì cái bạn tu không phải là hạnh Phổ Hiền.

Chư Phật vị lai bao gồm tất cả chúng sanh, đối với ta có ân, đối với ta có oán, giúp đỡ ta, nhục mạ ta, hãm hại ta, đều là Phật, không thể có khác biệt.

Có rất nhiều đồng tu nói “Ây da! Việc này rất là khó làm”. Rất khó làm được cũng phải làm cho được, bạn không làm được, thì bạn không phải tu hạnh Phổ Hiền, nhất định phải nỗ lực mà làm cho được. Nhất định bạn phải biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đã có Phật tánh thì họ chính là Phật, chúng ta lễ kính đối với họ, không phải xem ở con người họ, không phải xem vào việc mà họ đang làm, mà là tôn trọng Phật tánh của họ.

Phật tánh của họ cùng với tất cả chư Phật Như Lai không hề khác biệt, chúng ta tôn trọng Phật tánh của họ. Như vậy đó là nói đối với chúng sanh hữu tình. Ngoài chúng sanh hữu tình ra, Phật nói cho chúng ta nghe chúng sanh vô tình (chúng sanh vô tình là vạn vật trong thế gian) có pháp tánh. Pháp tánh cùng Phật tánh là một tánh, vì khác biệt hữu tình cùng vô tình, Phật nói cái tánh này gọi là Phật tánh cùng Pháp tánh, kỳ thật là một tánh. Cho nên trên Kinh Hoa Nghiêm, Phật mới nói “*Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí*”⁵², hay nói cách khác, chúng sanh vô tình cũng là Phật, chúng sanh vô tình cũng phải cung kính, cùng một lòng cung kính giống như đối với A Di Đà Phật, nếu như có sự khác biệt, bạn không phải tu hạnh Phổ Hiền.

Chúng ta nêu ra một thí dụ dễ hiểu, cái bàn để ở ngay trước mặt bạn, trên bàn có những thứ dơ bẩn, bạn lập tức lau nó sạch sẽ, cho dù cái bàn này có phải của ta hay không, ta có dùng nó hay không, ta tu hạnh Phổ Hiền, cái bàn để không được ngay thẳng, lập tức sửa lại, ghế ngồi cũng phải lau thật sạch sẽ, xếp được ngay thẳng chỉnh tề, chúng ta ngồi ghế không ngay thẳng là không tôn kính, đó gọi là tu “Lễ Kính Chư Phật”.

Những người nào tu? Nói cho các vị nghe, trên “Hội Hoa Nghiêm” 41 vị pháp thân đại sĩ, mỗi người đều tu, không có một người ngoại lệ. Thế giới Tây Phương Cực Lạc, chư thượng thiện nhân, phàm hề vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, từ thượng thượng phẩm đến hạ hạ phẩm mỗi một người đều tu. Hiện tại chúng ta chưa đi, chưa đi thì bây giờ tu, tập thành thói quen, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì rất thuận tiện. Hiện tại chưa tập thành thói quen này, tập khí còn rất nặng, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc bị người ta khai trừ, vậy thì thật là hổ thẹn.

Thành thật mà nói, thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ không khai trừ bạn mà bạn đi không được thôi. A Di Đà Phật cùng những bậc thượng thiện nhân, trên kinh đã nói các Ngài là “*Thiên nhân đồng thị, thiên nhĩ triệt thính*”⁵³. Chúng ta không thấy được các Ngài, nhưng các Ngài thấy được chúng ta, công phu tu hành của chúng ta ở nơi đây, chúng ta không hề biết, các Ngài thấy được rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo,

ngài đang lựa chọn người nào có thể đến, người nào thì không thể đến, bạn được Ngài tuyển trúng thì đến lúc Ngài đến tiếp dẫn bạn. Vì sao được ngài tuyển trúng? Ta phù hợp với điều kiện của Ngài, các Ngài đã làm, hiện tại chúng ta phải nỗ lực làm, làm không triệt để không hề gì, ta luôn là đang làm, các Ngài xem thấy liền hoan hỉ, nhất định tuyển trúng bạn, khi lâm chung, Phật cùng chư Phật Bồ Tát đến tiếp dẫn bạn, mở đại hội hoan nghênh, vô cùng quan trọng.

Hiện tại thời gian đã hết rồi, nhưng ý nghĩa này vẫn chưa giảng xong, lần tiếp theo vẫn là bắt đầu từ “Lễ Kính Chư Phật”. A DI ĐÀ PHẬT!

(HẾT TẬP 1)

Chú giải:

¹ **Chuyển ngữ tiếng Việt phần giảng giải:** Vọng Tây cư sĩ

² **Chuyển ngữ tiếng Việt phần chánh kinh:** Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính dịch sang Việt ngữ - *Trích: Chú Giải Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh - Bồ tát giới đệ tử Vạn Thành Hạ Liên Cư hội tập và kính chia thành chương mục.*

³ **“Phàm hễ có tướng, đều là hư vọng”:** “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” (Kinh Kim Cang).

⁴ **“Phiền não chướng”:** Tức là các nghiệp chướng về Kiến Hoặc Tư hoặc. Chướng này vì chấp cái ta mà thiệt có, nên mới sanh các phiền não, rối loạn tâm tâm, chướng ngại đạo Niết bàn tịch tịnh. Chướng này trong Câu Xá Luận thì gọi là “Tánh nhiễm ô vô tri”. (*Phật học Phổ thông - HT. Thích Thiện Hoa – Thành hội Phật giáo TP HCM ấn hành -1992*);

Phiền não chướng: Là những phiền não gây chướng ngại cho sự giác ngộ và giải thoát (*Từ điển Phật học Việt Nam-Thích Minh Châu, Minh Chi-NXB Khoa học xã hội 1991*)

⁵ **“Sở tri chướng”:** Cũng gọi là trí chướng. Căn bản của chướng này là chấp các pháp thật có, làm che lấp cái tánh vô điên đảo đối với các cảnh mình hay biết, làm chướng ngại đạo Bồ đề. Chướng này trong Câu Xá Luận gọi là “Bất nhiễm ô vô tri” (không nhiễm ô

nhưng vẫn thuộc về si mê không biết, vì làm cho mình không chứng rõ được chơn lý). (*Phật học Phổ thông - HT. Thích Thiện Hoa – Thành hội Phật giáo TP HCM ấn hành -1992*)

⁶ **“Bồ Tát Tam Hiền”**: Thập Trụ (từ phẩm 11-20), Thập Hạnh (từ phẩm 21-30), Thập Hồi hướng (từ phẩm 31-40)

⁷ **“Học nhi thời tập chi, bất duyệt diệt hồ”**: Học mà thường ôn tập cũng chẳng vui ư.

⁸ **“Thời kỳ Mạt pháp”**: Chính là chỉ cái thời đại này của chúng ta. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật có Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp, thời đại lớn này một vạn hai ngàn năm. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, thời kỳ Chánh pháp kéo dài 1000 năm, thời kỳ Tượng pháp 1000 năm, Mạt pháp 10.000 năm.

⁹ **“Phật dĩ độ sanh vi hoài”**: Phật mang chí nguyện độ sanh,

¹⁰ **Cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi**: “Chúng sanh thành Phật cơ thực”,

¹¹ **“Vị nhất thiết thế gian, thuyết thử nan tín chi pháp”**: Vì hết thầy thế gian nói pháp khó tin này, (*Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký -Phần 1 - Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa*)

¹² **“Nhân trùn biển quả, quả tận nguồn nhân”**: Cái nhân sinh ra biển quả, một cái quả là từ nguồn nhân xa xôi.

¹³ **“Tất cả các pháp thế xuất thế gian do tâm biến hiện, do thức**

hiện ra”: “Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”, “Tâm hiện, thức biến”.

¹⁴ “**Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, quyết định thấy Phật**”: Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai tất định kiến Phật.

¹⁵ “**Sự lý vô ngại, sự sự vô ngại**”:

1- **Sự pháp giới**: Sự là nói về các hình tướng sai biệt các pháp trong vũ trụ, trong vũ trụ, các pháp đều có giới hạn rõ ràng như nước lạnh, nước đá, nước sôi, hơi nước, đều có tướng trạng khác nhau. Đó là đứng về sự mà quan sát vũ trụ vạn hữu hay nói theo danh từ đạo Phật là "Sự pháp giới".

2- **Lý pháp giới**: Lý là nói về các phần bên trong, vô hình của sự vật. Đây tức là lý tánh bình đẳng, chỗ nương tựa cho tất cả sự tướng; lý dung thông cho khắp tất cả, nước lạnh, nước đá, hơi nước, tuy tướng trạng khác nhau, nhưng thể tánh vẫn là một (nghĩa là gồm H₂+O). Vũ trụ vạn hữu không chỉ có phần sự tướng mà còn phần lý tánh nữa. Đó tức là "Lý pháp giới".

3- **Lý Sự vô ngại pháp giới**: Như trên chúng ta đã thấy, mỗi pháp đều có Sự và Lý do nơi Sự mà rõ, Sự nương vào Lý mà thành. Lý và Sự dung thông, như nước tức là sóng, sóng tức là nước. Lý, Sự trong pháp giới cũng dung thông, vô ngại. Đó là lý nghĩa của "Lý, Sự vô ngại pháp giới".

4- **Sự Sự vô ngại pháp giới**: Trong pháp giới, có hằng hà sa

số sự vật, hình tướng tuy khác nhau, giới hạn tuy bất đồng nhưng lý tánh dung thông bình đẳng, không có phân chia ngăn cách. Nhờ lý, mà sự sự được dung thông vô ngại. Như các vật dụng bằng điện, nòng quạt điện, đèn điện, máy lạnh, ủi điện, lò xo .v.v...tuy mỗi vật đều có hình dáng, công dụng sai, nhưng đều thông nhau qua luồng điện chi phối lẫn nhau, ảnh hưởng qua lại. Một thí dụ khác: nhiều hồ chứa nước, hình dáng, rộng hẹp khác nhau, nhưng ăn thông với nhau bằng những ống nước, do đó sự đầy vơi, nhấp sặc của một hồ này đều liên quan mật thiết đến tất cả các hồ khác.

Trên đây là những thí dụ vô cùng thô hiển, cốt để gọi lên một ý niệm về "Sự Sự vô ngại Pháp giới" thôi, chứ không đúng hẳn. Trong hai thí dụ trên, chúng ta thấy những vật dụng điện khí hay những hồ nước để hình dung cho Sự Sự trong pháp giới; và lấy những luồng điện hay luồng nước để hình dung cho Lý của pháp giới; thí dụ như thế, người ta sẽ tưởng rằng Sự và Lý là hai loại khác nhau, có thể phân tách ra được. Nhưng thật ra Lý và Sự không thể phân tách ra được: trong Sự có Lý, trong Lý có Sự. Sự, Lý chẳng qua là hai phương diện của một vấn đề vô cùng tế nhị, mà lý trí của chúng ta đã phân tách ra để tạm nghiên cứu đó thôi. *(Phật học Phổ thông - HT. Thích Thiện Hoa – Thành Hội Phật giáo TP HCM ấn hành -1991)*

¹⁶ Lục Tướng, thập Lý Huyền diệu của các Pháp:

Trong pháp giới, sở dĩ “Sự sự” được “Vô ngại”, dung thông là đều do các pháp có đủ "Sáu tướng" và "Mười lý huyền diệu" sau đây:

1- Sáu Tướng Viên Dung:

Dựa theo bộ kinh Hoa Nghiêm, Ngài Bồ Tát Thế Thân đã làm ra bộ "Thập địa luận" để giải thích nghĩa lý của sáu tướng (Lục tướng). Sáu tướng này được gọi là Viên dung, vì nó có những đức tính viên mãn, dung thông vô ngại. Sáu tướng của sự vật trong vũ trụ ấy là:

1) *Tổng tướng*: Tổng tướng là cái tướng bao trùm tất cả, tổng cộng tất cả các tướng sai biệt. Như khi ta nói đến cái nhà, là gồm tất cả cột kèo, tường mái, đá, gạch ...vậy cái nhà tức là tổng tướng.

2) *Biệt tướng*: Biệt tướng là nói các tướng riêng biệt; nhiều biệt tướng cộng lại thành tổng tướng. Như các biệt tướng trong cái nhà là: cột, kèo, mái, tường, gạch...Đã có Tổng tức là phải có Biệt; nếu không có biệt thì cũng không thể lấy cái gì mà gọi là tổng.

3) *Đồng tướng*: Đồng tướng là cái tướng chung cùng, dung hòa với nhau, không ngăn ngại nhau, không trái chống nhau. Như kèo, cột, tường, mái, tuy khác nhau, nhưng không ngăn ngại nhau mà vẫn đồng hướng chung về một cái nhà.

4) *Dị tướng*: Dị tướng là các tướng riêng biệt, cái này, cái kia, hình tướng không giống nhau, mặc dù vẫn cùng nhau dung hòa để gánh vác một nhiệm vụ chung; như cột, kèo, tường, mái trong một cái nhà, không cái nào giống cái nào, dị tướng không phải là biệt tướng, cũng như đồng tướng không phải là tổng tướng: Như một trăm đồng bạc là tổng tướng. Tổng tướng này là tổng cộng của các tờ bạc: một tờ 50 đồng, hai tờ 20 đồng, một tờ 10 đồng ($50+20+10=100$). Những tờ giấy bạc 50, 20, 10 là biệt tướng. Những tờ giấy bạc này to, nhỏ, hình ảnh, màu sắc khác nhau, là dị tướng. Mặc dù hình tướng khác nhau, nhưng cũng là những tờ bạc cả, tánh chất "bạc" là đồng tướng.

5) *Thành tướng*: Thành tướng là tướng thành tựu. Sự chung cùng để thành ra một cái gì, đó là thành tướng. Như cái nhà là sự thành tựu của các cái cột, kèo, tường, mái ... vậy cái nhà, đứng về phương diện công dụng để ở, là thành tướng của các cột, kèo, tường, mái... nếu lấy thí dụ 100 đồng, thì số tiền này là thành tướng của những tờ 50 đồng, 20 đồng và 10 đồng. Nhờ sự kết hợp của những số tiền này mà có được số bạc 100 để mau được một vật gì đó, như thế là thành tướng.

6) *Hoại tướng*: Hoại tướng là cái tướng độc lập của các pháp. Như cột, kèo, tường, mái trong khi hợp tác với nhau, để thành cái nhà, thì vẫn giữ cái địa vị riêng của nó là cột, kèo, tường, mái chứ không phải vì thành cái nhà mà chúng nó không còn

là cột, kèo, tường, mái nứa. Cũng như trong khi hợp thành số bạc 100 đồng, các tờ giấy bạc 50, 20, 10 đồng vẫn là những tờ giấy bạc 50, 20, 10 đồng vẫn giữ cái giá trị riêng của mỗi thứ. Sáu tướng này phân ra làm ba đối, gọi là "Tam đối lục tướng".

- Tổng, Biệt cùng đối nhau thuộc về Thể.
- Đồng, Dị cùng đối nhau thuộc về Tướng.
- Thành, Hoại cùng đối nhau thuộc về Dụng.

Nếu chúng ta lấy con sư tử bằng vàng làm ví dụ thì toàn thể thanh hình của nó là tổng tướng; mỗi bộ phận riêng lẽ như tai, mắt, mũi lưỡi là biệt tướng; chất vàng của nó là đồng tướng; mỗi bộ phận có hình dáng riêng khác là dị tướng; mỗi bộ phận cộng tác hòa hiệp với nhau để hình thành một con sư tử là Thành tướng; nhưng mỗi bộ phận đều có phạm vi riêng biệt, tự lập của nó là Hoại Tướng.

Khi chúng ta nói đến Tổng, Đồng, Thành là nói về phương diện toàn thể, Viên dung bình đẳng của bản thể vũ trụ; Khi chúng ta nói đến Biệt, Dị, Hoại là nói về phương diện hiện tượng giới, trong ấy mỗi mỗi sự vật đều phơi bày riêng rẽ lẽ khác nhau. Theo kinh Hoa Nghiêm thì Tổng, Đồng, Thành, Tướng thuộc về môn Viên dung; còn Biệt, Dị, Hoại, Tướng thuộc về môn hàng bố (nghĩa là hiện lộ, phơi bày la liệt). Một bên là bình đẳng, một bên là sai biệt. Nhưng bình đẳng và sai

biệt là tương tức, tương nhập, viên dung không. Tương tức nghĩa là cái này tức cái kia, như nước tức là sóng; Tương nhập nghĩa là ăn nhập với nhau, dung thông nhau, như mặt gương này và mặt gương kia phản chiếu vào nhau không cùng mà không cản trở gì nhau. Vì tương tức, tương nhập, nên lìa tổng tướng thì không biệt tướng, lìa đồng tướng thì không dị tướng, lìa thành tướng thì không hoại tướng. Tóm lại, viên dung không lìa hàng bố, hàng bố không lìa viên dung, viên dung tức hàng bố hàng bố tức là viên dung. Hết thấy các pháp đều đủ 6 tướng ấy, không một pháp nào là không viên dung tự tại, tức, nhập không ngại. Vì thế cho nên gọi là 6 tướng viên dung. Đây là ý nghĩa huyền diệu của Hoa Nghiêm nhất thừa viên giáo.

2- Mười Lý Huyền Diệu Của các Pháp hay Mười Huyền Môn:

Ngoài sáu tướng nói trên, các pháp còn có mười lý huyền diệu, hay mười đức tính huyền diệu, mà bộ kinh Hoa Nghiêm số sao và bộ Tham Huyền Ký của Ngài Hiền Thủ có giải thích như sau:

1) Môn "Đồng thời đầy đủ các pháp tương ứng" (Đồng thời cụ túc tương ưng). Nghĩa là trong mỗi một pháp nào đồng thời cũng có đủ, hàm chứa tất cả các pháp khác trong vũ trụ. Như một giọt nước có đủ khí vị của muôn ngàn, sông, biển.

2) Môn "Rộng và hẹp tự tại không ngại" (Quảng hiệp tự tại

vô ngại): Nghĩa là một vật gọi là lớn, chưa hẳn là lớn, vật gọi là nhỏ chưa hẳn là nhỏ. Nhờ cái lý dung thông, một vật nhỏ như đầu mải lông, có thể chứa được thái hư mà còn rộng một vật như thái hư, có thể nằm gọn trong đầu mải lông, mà không chật. Đây muốn nói rằng, trong pháp giới, sự sự đã vô ngại, dung thông, thì quan niệm về sự rộng hẹp, lớn nhỏ đều là những danh từ suông, không có biên giới nhất định giữa một vật này với một vật khác: Một vật nhỏ như vi trần có liên quan đến vũ trụ; một vật lớn như vũ trụ có liên quan đến một vi thành. Cho nên kinh Hoa Nghiêm có chép: "trong một mảy trần, hết thấy cõi nước rộng rãi an tụ". Để giải thích ý nghĩa này, kinh thường dạy: "Sự Lý mà được dung thông, tự tại không ngăn ngại".

3) Môn "*Một và nhiều dung nhau không đồng*" (Nhất, đa tương dung bất đồng): Nghĩa là về số lượng, một và nhiều vật có thể dung nạp lẫn nhau, mà vẫn không phá hoại cái tướng riêng biệt (an lập) của mỗi vật. Như muôn ngàn ngọn đèn thấp sáng trong một gian nhà, ngọn này ngọn kia lẫn hiệp với nhau, nhưng ngọn nào vẫn có ánh sáng riêng của nó.

4) Môn "*Các pháp tương tức tự tại*" (Chư pháp tương tức tự tại): Nghĩa là các pháp cùng dung, cùng tức, không ngăn ngại nhau. Như một pháp khi bỏ mình đồng với các pháp khác, thì toàn thể đều nơi pháp kia; nếu một pháp nhiếp thấu các pháp

đồng về mình, thì hết thấy các pháp kia lại về một nơi pháp thân nhiếp ấy. Cũng ví như chất vàng với sắc vàng, hai pháp ấy không rời nhau.

5) Môn "*Ẩn mật tỏ rõ đều thành*" (Bí mật ẩn hiện câu thành): Nghĩa là một pháp có nhiều phương diện, khi phương diện này hiển thì phương diện kia ẩn; khi phương diện kia ẩn, thì phương diện này hiển; trong ẩn có hiển; hiển ẩn đắp đổi nhau mà thành tựu. Sự ẩn hiển cũng không nhất định cái nào sau cái nào trước, cũng không ngăn ngại, chống đối nhau. Như một pho tượng bằng vàng, khi chú ý đến vàng thì không thấy cái đẹp của pho tượng, khi chú ý đến pho tượng thì không thấy vàng. Tóm lại, khi cái đẹp hiển thì vàng ẩn, khi vàng hiển thì cái đẹp ẩn.

6) Môn "*Vi tế dung nhau, an lập*" (Vi tế tương dung an lập): Vi tế nghĩa là nhỏ nhiệm mà rõ ràng. Một vật nhỏ nhiệm này mà bao trùm một vật nhỏ nhiệm khác, mà không cản trở nhau, không phá hoại cá tướng của nhau. Như một hạt nước bao gồm nhiều hạt nước, mỗi hạt nước gồm nhiều hóa chất, mỗi hóa chất gồm nhiều nguyên tử, mỗi nguyên tử gồm nhiều điện tử, giữa những điện tử có cái nhân: Mỗi thứ đều dung nhau và an lập trong nhau.

7) Môn "*Cảnh giới tướng võng nhơn đà la*" (Nhơn đà la võng cảnh giới): Nhơn đà la tức là phiên âm chữ Indra là cõi

trời Đê Thích. Theo Bà la môn, thì trên cõi trời Nhơn đà la, có cái màn lưới bằng bửu châu chói hiện đến muôn trượng, hạt này hay khác phản chiếu nhau, chói sáng nhau, lớp lớp không cùng tận. Môn này cũng như vậy: trong mỗi pháp có nhiều pháp khác, trong nhiều pháp khác lại có nhiều pháp nữa. Cứ thế nhân mãi lên cho đến vô cùng tận. Kinh Hoa Nghiêm có chép; "Hết thấy thế giới đều như màn lưới Nhơn đà la".

8) Môn "*Nhơn sự rõ pháp, sanh trí hiểu biết*" (Pháp sự hiểu pháp sanh giải): Nghĩa là nhờ sự mà hiểu được lý; nhưng khi lý đã rõ, thì lý lại lan rộng làm cho chúng ta hiểu rộng sâu xa qua nhiều sự khác. Đây muốn nói trí hiểu biết lan rộng dung thông qua sự vật, như vết dầu lan trên mặt nước, chỉ một tia lửa bùng cháy rất xa.

9) Môn "*Mười đời cách pháp dị thành*" (Thập thế cách pháp dị thành): Đây muốn nói thời gian mặc dù cách biệt nhau từ quá khứ đến hiện tại qua tương lai, nhưng chính nhờ thế mà các pháp được thành tựu một cách dễ dàng. Tại sao chia thời gian thành mười đời mà không chia làm ba đời? Đáng lẽ chỉ nói quá khứ, hiện tại và tương lai là đủ. Nhưng muốn chia một cách rất ráo, tinh vi, trong kinh chia mười đời như sau; trong quá khứ cũng gồm có quá khứ, hiện tại và tương lai; trong hiện tại cũng gồm như thế và trong tương lai cũng vậy: ba đời mỗi đời chia nhỏ thành chín. Nhưng nếu chia nhỏ như thế mà không

có ý niệm tổng quát so sánh liên hệ với nhau thì cũng không có được ý niệm về thời gian. Vì thế cho nên về chín niệm ấy, còn cộng thêm một niệm tổng (tổng quát) nữa, thành ra mười.

10) Môn "*Chủ và bạn nương nhau làm đầy đủ công đức sáng suốt hoàn toàn*" (Chủ, bạn, viên minh cụ đức): Như chúng ta đã thấy ở các phần trên: các pháp nương nhau mà thành. Nếu ta lấy một pháp làm chủ, thì các pháp khác là bạn. Chủ và bạn nương nhau làm đầy đủ công đức, lớp lớp không cùng tận, như mặt trăng sáng trên không, chung quanh đoanh vây những vì sao nhấp nháy, rồi trên mặt đất bao nhiêu sông ngòi, ao hồ lại phản chiếu ánh sáng trăng sao ở trên không, làm cho cảnh vật ở khắp nơi rạng rỡ.

Tóm lại, mười lý huyền diệu này cộng với sáu tướng nói trên của các pháp là nguyên nhân giải thích vì sao "sự sự được vô ngại" trong pháp giới, và cách nghĩa một cách đầy đủ giáo lý "trùng trùng duyên khởi" mà Hoa Nghiêm tôn chủ trương. (*Phật học Phổ thông - HT. Thích Thiện Hoa – Thành hội Phật giáo TP HCM ấn hành -1992*)

17 "**Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương**": Ánh sáng tôn quý nhất, vua của các vị Phật (*Bửu quang tự, đệ tử Như Hòa*)

18 "**Thân thanh khiết, thể không hoại**": "Thanh hư chi thân, vô cực chi thể"

19 "**Đối nghiệp vãng sanh**": Mang nghiệp vãng sanh (*Trích trong*

Tuyệt Hư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyền Tập của lão cư sĩ Lý Bình Nam- chuyển ngữ Bửu Quang Tự, đệ tử như Hòa)

²⁰ **“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”**: Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng

²¹ **“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”**: Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, như hư ảo

²² **“Thị tâm thị Phật”**: Tâm này là Phật.

²³ **“Thị tâm tác Phật”**: Tâm này làm Phật.

²⁴ **“Bản lai diện mục”**: “Mặt mũi trước khi cha mẹ sinh ra”

²⁵ **“Thức đắc nhất, vạn sự tất”**: Biết được một thì vạn sự đều xong (*Khai thi-HT. Tuyên Hóa-tuvienquangduc.com.au*)

²⁶ **“Thiên xứ sở cầu thiên xứ ứng”**: Ngàn nơi cầu thì ứng hiện ngàn nơi.

²⁷ **“Tùy loại hóa thân, tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”**: Phật không có thân tướng nhất định, nơi nào có duyên thì hiện thân đến nơi đó, nơi nào không còn duyên nữa, thân cũng sẽ không còn.

Tùy theo từng loại trong cửu giới mà hiện thân; Tùy theo tâm chúng sanh muốn gì, các Ngài thị hiện ra để độ. Tâm chúng sanh là cảm, còn Phật là ứng, cảm ứng tương thông không thể nghĩ bàn. *Ttrích Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ giảng giải - phần 2)*

²⁸ **“Từ bi đa họa hại, phương tiện xuất hạ lưu”**: Từ bi lắm họa

hại, phương tiện thành hạ lưu (*Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa*)

²⁹ **“Thời kỳ Mạt pháp”**: “Là nói thời đại này của chúng ta” (đây là lời trong bài giảng của Pháp sư mà chúng tôi chuyển xuống đây để chuyển từ văn nói sang văn viết).

³⁰ **“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”**: Tâm trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi có số lượng nhiều như cát.

³¹ **“Từ bi là gốc, phương tiện là cửa”**: Từ bi vi bản, phương tiện vi môn.

³² **“Học vi nhân sư, thân vi thế phạm”**: Học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu (mô phạm) cho đời ;

³³ **Giáo thọ**: Giáo viên.

³⁴ **Tác Quân, Tác Thân, Tác Sư**: Làm người lãnh đạo, Làm cha mẹ, Làm thầy.

³⁵ **Thiên, Địa, Quân, Thân, Sư**: Trời, đất, vua, cha mẹ, thầy dạy.

³⁶ **“Đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành”**: Giữ trọn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà vạy, giữ lòng thành kính. (*Trích: Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Niệm Phật Khán Trì*)

³⁷ **Ngũ luân**: Tức 5 loại: “*Phụ tử hữu thân, Phu phụ hữu biệt, Quân thần hữu nghĩa, Trưởng ấu hữu tự, Bềnh hữu hữu tín*”: Cha con có quan hệ thân thiết, vợ chồng có trách nhiệm khác nhau, vua tôi có nghĩa, lớn nhỏ có tôn ty thứ tự, bạn bè giữ chữ tín – (*Bửu*

Quang Tụ Đệ tử Như Hòa).

³⁸ **Chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo:** Chỉ nghe có chuyện học trò tới chỗ thầy xin học, chưa nghe có chuyện thầy phải đến chỗ học trò để dạy (*Bỉu Quang Tụ - Đệ tử Như Hòa*)

³⁹ **Tín vi đạo nguyên công đức mẫu:** Lòng tin là bước đầu vào đạo, là mẹ của của tất cả công đức. (*Niệm Phật Thập yếu- HT. Thích Thiên Tâm*).

⁴⁰ **“Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm:** Nên vô sở trụ mà sanh tâm ấy. *Ung vô sở trụ:* Chính là khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, tâm không bị lục trần lôi kéo – ly tướng vô trụ (lia tướng, không trụ). Như thế thì pháp thể thanh tịnh, khế nhập bản thể;

Nhi sanh kỳ tâm: Chính là y thể khởi dụng. Thể thanh tịnh, tác dụng dựa vào thể mà khởi đương nhiên cũng là thanh tịnh. Cho nên, Nhi sanh kỳ tâm, cái sanh ra chính là tâm thanh tịnh của tự tánh, cũng chính là bản tâm, tâm vốn dĩ tự thanh tịnh. (*Pháp bảo đàn kinh – Lục Tổ Huệ Năng*)

⁴¹ **“Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”:** Tam tâm bất khả đắc: ‘Tâm quá khứ không thể nắm bắt được, tâm hiện nay không thể nắm bắt được, tâm tương lai không nắm bắt được’ (*Phật Quang từ điển*)

⁴² **“Nhất thiết chư pháp, nhân duyên sở sanh”:** Hết thảy các pháp do nhân duyên sanh.

⁴³ **“Thất thập nhị tông tâm sở dục bất du cử”:** Bảy mươi tuổi

muốn điều gì là tùy tâm mình mà không vượt ra khuôn phép, quy củ.

44 “**Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương**”: Chú thích 17

45 “**Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng**”: Trong nhà Phật, có cầu tất ứng (*Bửu Quang tự-đệ tử Như Hòa*)

46 “**Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá, quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên**”: Con người không phải thánh hiền, thì làm gì không lỗi, có lỗi mà có thể sửa, thì lo gì không tốt chứ.

47 “**Trung, Hiếu, Nhân, Ái, Tín, Nghĩa, Hòa Bình**”: Bát đức.

48 “**Bất thủ u tướng, như như bất động**”: Ngoài không dính tướng, trong không động tâm.

49 “**Thanh hư chi thân, vô cực chi thể**”: Thân thanh khiết thể không hoại.

50 **Phân chứng tức Phật**: Theo Thiên-thai tôn, thì vô minh như là tấm màn dày đặc, gồm có 41 lớp; mỗi khi nhờ công phu tu hành, phá được một lớp, tức là chứng được một phần. Đó là ý nghĩa của phân chứng tức Phật. Đến nay tức là đã lên đến các bậc Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác.

51 “**Anh hùng sở kiến, đại lược tương đồng**”: Anh hùng có cách nhìn giống nhau.

52 “**Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí**”: Hữu tình (động vật) và vô tình (thực vật, khoáng vật, hiện tượng) đều từ trong từ tánh hiện

ra, có chung một bản thể sáng suốt thanh tịnh, nên nói là đồng thành Phật đạo hay đồng viên chủng trí cũng thế. Viên là viên mãn, đồng viên chủng trí tức là đồng thời thành Phật (*PS. Tịnh Không – Thuyết giảng kinh Địa Tạng*)

“Tinh” là nhất thiết hữu tình chúng sanh nghĩa là tất cả động vật; “Vô tình” là cây cỏ, khoáng chất. Như vậy chư Phật có nghĩa là bao gồm tất cả mọi loài Hữu tình và Vô tình. “đồng” là bình đẳng, “viên” là viên mãn, “chủng trí” là Nhất Thiết Chủng Trí, đó là sự chứng đắc nơi quả địa Như Lai. (*Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát- Chủ giảng: PS. Tịnh Không*)

⁵³ **“Thiên Nhân đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri”**: Thiên Nhân nhìn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt cùng tột, Tha Tâm biết khắp cả - (*Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa*).

HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Cùng phát tâm bồ đề
Hết một báo thân này
Đồng sanh về Cực Lạc quốc.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT!

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ - Email: Vongtaycusi@gmail.com

Phát tâm cúng dường: Da giới “Thuyết giảng Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh” - thành tâm cúng dường.

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC ẮN TỔNG SÁCH

(Tải file mềm tại www.niemphatvangsinh.com)

PHẬT DẠY ÁN TỔNG KINH ĐƯỢC MƯỜI CÔNG ĐỨC

1. Đã lỡ phạm tội, nếu tội nhẹ thì liền được tiêu tan, nếu tội nặng thì được chuyển thành nhẹ.
2. Thường được thiện thần ủng hộ, tránh khỏi tất cả ôn dịch, đao binh, giặc cướp, tù tội, lửa cháy, nước trôi v.v...
3. Nhờ chánh pháp mà những kẻ oán thù với mình trong kiếp trước được giải thoát nên tránh được sự khổ sở về tội báo thù.
4. Ác Quỷ Dạ xoa không thể xâm phạm, cọp đói, rắn độc không hại được.
5. Tâm được yên ổn, ngày không có sự nguy hiểm, đêm không có ác mộng, nhan sắc sáng sủa tươi tắn, khí lực dồi dào, việc làm tốt, lợi.
6. Hết lòng phụng sự chánh pháp, tuy không mong cầu nhưng cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận phước thọ miên trường.
7. Lời nói và việc làm, trời, người đều hoan hỷ; đến nơi nào cũng được nhiều người kính mến.
8. Nếu ngu si thì chuyển thành trí huệ, bệnh tật chuyển thành lành mạnh, nguy hiểm chuyển thành yên ổn, nếu là đàn bà sau khi chết sẽ chuyển thành đàn ông.
9. Xa lìa các đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), được sanh vào các cõi thiện (người, trời) tướng mạo đoan chánh, thông minh, xuất chúng phước lộc hơn người.
10. Dù năng lực để gây căn lành cho chúng sanh, lấy tâm chúng sanh làm ruộng phước và sẽ thu hoạch được nhiều quả tốt. Sanh vào chỗ nào cũng được thấy Phật, nghe pháp; ba thứ trí huệ (Văn, Tư, Tu) mở rộng, chứng được sáu thần thông (thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc và lậu tận thông) .

